

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN THU TRANG

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN THU TRANG

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9380102

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Văn Quang

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

Tác giả luận án

Nguyễn Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới **PGS.TS. Nguyễn Văn Quang**, người thầy hướng dẫn khoa học đã luôn tận tâm định hướng, chỉ dẫn và đồng hành cùng tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án. Những ý kiến nhận xét sâu sắc, nghiêm túc và đầy trách nhiệm của Thầy không chỉ giúp tôi từng bước hoàn thiện công trình nghiên cứu mà còn góp phần quan trọng vào quá trình trưởng thành của tôi trong tư duy và phương pháp nghiên cứu khoa học.

Tôi xin trân trọng cảm ơn **GS. Xuan-Thao Nguyen**, người đã hướng dẫn và hỗ trợ tôi trong thời gian tham gia chương trình trao đổi tại Đại học Washington. Những kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu và những gợi mở học thuật của Giáo sư đã giúp tôi mở rộng cách tiếp cận, có thêm những góc nhìn mới và nguồn cảm hứng quý báu trong quá trình thực hiện luận án.

Tôi xin gửi lời tri ân chân thành tới **TS. Trần Thị Hiền**, người cô đã dìu dắt tôi từ những bước đầu tiên trên con đường nghiên cứu, từ khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ cho đến các công trình nghiên cứu sau này. Sự quan tâm, động viên cùng những ý kiến đóng góp quý báu của Cô về chuyên môn và học thuật luôn là nguồn hỗ trợ quan trọng đối với tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn **Trường Đại học Luật Hà Nội**, cơ sở đào tạo, các đơn vị chức năng cùng các thầy, cô giáo thuộc **Bộ môn Luật Hành chính và Khoa Pháp luật Hành chính – Nhà nước** đã tạo điều kiện thuận lợi, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các đồng nghiệp, bạn bè đã luôn quan tâm, động viên, chia sẻ công việc và dành cho tôi những ý kiến đóng góp quý báu trong quá trình thực hiện công trình này.

Sau cùng, tôi xin dành tình cảm biết ơn sâu sắc nhất tới gia đình và những người thân yêu, những người đã luôn yêu thương, thấu hiểu, động viên và là điểm tựa vững chắc để tôi kiên trì vượt qua những khó khăn trong suốt hành trình học tập và nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADR	Alternative Dispute Resolution (Cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế ngoài Tòa án)
CCJE	Consultative Council of European Judges (Hội đồng Thẩm phán châu Âu)
CJEU	Court of Justice of the European Union (Tòa án Công lý châu Âu)
CQNN	Cơ quan nhà nước
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GĐT	Giám đốc thẩm
ICCPR	International Covenant on Civil and Political Rights (Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị)
NKK	Người khởi kiện
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
THADS	Thi hành án dân sự
THAHC	Thi hành án hành chính
TP	Thành phố
TTHC	Tổ tụng hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VAHC	Vụ án hành chính
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân
VPHC	Vi phạm hành chính
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

<i>Bảng 2.1: Số vụ án hành chính được thụ lý và giải quyết bởi Tòa án nhân dân qua các năm 2022, 2023, 2024, 2025</i>	<i>110</i>
<i>Bảng 2.2: Thống kê chi tiết số vụ án hành chính ở các cấp xét xử trong các năm 2022, 2023, 2024 và 2025</i>	<i>111</i>
<i>Bảng 2.3: Các dạng yêu cầu khởi kiện điển hình mà Tòa án đã thụ lý giải quyết .</i>	<i>113</i>
<i>Bảng 2.4: Thống kê về sự tham gia tố tụng của người bị kiện là UBND/Chủ tịch UBND năm 2024 và 2025</i>	<i>115</i>
<i>Bảng 2.5: Thống kê tỷ lệ hủy/sửa và nguyên nhân do lỗi chủ quan trong phán quyết của tòa năm 2022, 2023, 2024 và 2025</i>	<i>118</i>
<i>Bảng 2.6: Tổng hợp các nhóm nội dung chính cần rút kinh nghiệm trong xét xử vụ án hành chính.</i>	<i>119</i>
<i>Bảng 2.7: Kết quả thi hành án hành chính các năm 2023, 2024 và 2025</i>	<i>121</i>
<i>Bảng 2.8: Các sai sót chính của cơ quan hành chính nhà nước được phát hiện qua xét xử vụ án hành chính</i>	<i>127</i>
<i>Biểu đồ 2.1: Tình hình đối thoại và quyết định thi hành án hành chính qua các năm 2022, 2023, 2024 và 2025</i>	<i>117</i>
<i>Biểu đồ 2.2: Minh họa tỉ lệ các nội dung cần rút kinh nghiệm.....</i>	<i>120</i>

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

1. Sự cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....1

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.....5

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....6

4. Cơ sở lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu của luận án 7

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án 10

6. Kết cấu của luận án 11

PHẦN TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 12

1. Tình hình nghiên cứu về kiểm soát quyền lực nhà nước và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước 12

2. Tình hình nghiên cứu về xét xử hành chính và tổ tụng hành chính 24

3. Tình hình nghiên cứu về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính 27

4. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho Luận án...36

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.....40

TIỂU KẾT PHẦN TỔNG QUAN.....42

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH 43

1.1. Khái niệm hoạt động hành chính nhà nước và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.....43

1.1.1. Khái niệm hoạt động hành chính nhà nước 43

1.1.2. Khái niệm và các phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước ...	56
1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	66
1.2.1. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	66
1.2.2. Đặc điểm của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	69
1.2.3. Vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	79
1.3. Bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	82
1.3.1. Sự cần thiết bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	82
1.3.2. Các nhóm điều kiện bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	83
1.3.3. Các tiêu chí đánh giá kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	85
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	96
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM	97
2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	97
2.1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của pháp luật về xét xử vụ án hành chính ở Việt Nam	97
2.1.2. Quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	103
2.2. Thực tiễn tổ chức và kết quả xét xử các vụ án hành chính	110
2.2.1. Tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính	110

2.2.2. Thực tiễn tiến hành, tham gia thủ tục tố tụng hành chính	114
2.2.3. Thực trạng chất lượng xét xử các vụ án hành chính.....	118
2.2.4. Thực tiễn thi hành án hành chính	121
2.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính	124
2.3.1. Những kết quả đạt được	124
2.3.2. Những tồn tại, hạn chế.....	132
2.3.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.....	144
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	149
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	150
3.1. Quan điểm và phương hướng nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	150
3.1.1. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.....	150
3.1.2. Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước hướng tới kiến tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển	152
3.1.3. Hiện đại hóa cách thức kiểm soát, nâng cao năng lực xét xử để giải quyết hiệu quả các tranh chấp phát sinh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia	153
3.2. Các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam	154
3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính.....	155

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước	163
3.2.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính theo hướng bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất.....	168
3.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành chính	175
3.2.5. Nhóm giải pháp bảo đảm thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa của quyết định, bản án hành chính	180
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	187
KẾT LUẬN	188

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Kiểm soát quyền lực nhà nước là một trong những vấn đề trung tâm của tư tưởng chính trị - pháp lý nhân loại. Từ tư tưởng mạnh mẽ về phân chia chức năng nhà nước trong tác phẩm Chính trị luận của Aristote, qua học thuyết tam quyền phân lập của Montesquieu với nguyên lý dùng quyền lực để kiểm soát quyền lực, cho đến học thuyết về Nhà nước pháp quyền của Dicey với trụ cột thượng tôn pháp luật và vai trò chung thẩm của Tòa án, lịch sử tư tưởng pháp lý đã xác lập một nguyên lý phổ quát: quyền lực không được kiểm soát tất yếu dẫn đến sự lạm dụng và tha hóa. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ góc độ đặc thù của nhà nước kiểu mới, cũng đặt ra yêu cầu thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ để ngăn ngừa biểu hiện quan liêu và bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.

Kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước nói riêng là một trong những yêu cầu mang tính nền tảng trong việc xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền. Trong cấu trúc bộ máy nhà nước, cơ quan hành chính nắm giữ khối lượng quyền lực lớn, trực tiếp can thiệp vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Do tính chất rộng lớn, linh hoạt và đặc trưng mệnh lệnh - phục tùng của quan hệ do pháp luật hành chính điều chỉnh, nguy cơ lạm quyền, sai sót hoặc ban hành các quyết định xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân luôn hiện hữu. Để ngăn chặn và khắc phục nguy cơ này, việc thiết lập một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả là đòi hỏi tất yếu khách quan. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là sau các Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII về "tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam"¹, vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước trở thành một yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết.

¹ Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Hoạt động hành chính nhà nước, với vị trí là trung tâm quyền lực thực chất trong bộ máy nhà nước, đóng vai trò then chốt trong việc triển khai chính sách, quản lý và điều hành mọi mặt của đời sống xã hội. Không chỉ đơn thuần là thực thi pháp luật, hoạt động hành chính còn có khả năng định hình chính sách và pháp luật thông qua thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ mở rộng và lạm dụng quyền lực. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, nơi nhà nước chủ động, linh hoạt sử dụng pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nguy cơ lạm dụng quyền lực và lợi ích nhóm càng gia tăng. Các số liệu thống kê cho thấy tình trạng tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong hoạt động hành chính vẫn diễn biến kéo dài, chưa được ngăn chặn triệt để, làm giảm niềm tin của người dân vào công quyền.

Trong hệ thống các cơ chế kiểm soát quyền lực trong quản lý hành chính nhà nước, kiểm soát thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính của Tòa án được thừa nhận là hoạt động kiểm soát từ bên ngoài mang tính pháp lý chặt chẽ và hiệu quả. Khác với các cơ chế kiểm soát mang tính chính trị hay kiểm soát xã hội, vốn thường chỉ dừng lại ở các yêu cầu, kiến nghị thì phán quyết của Tòa án trong một vụ án hành chính có tính bắt buộc thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Đây là chốt chặn pháp lý sau cùng, là nơi cá nhân, tổ chức có thể tìm kiếm công lý khi các quyền và lợi ích chính đáng của họ bị xâm phạm bởi các quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính. Do đó, hiệu quả của cơ chế này không chỉ là thước đo mức độ bảo vệ quyền con người, quyền công dân, mà còn là một chỉ dấu quan trọng về mức độ hiện thực hóa các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua, Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế xét xử hành chính, nổi bật là sự ra đời của Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 và sau đó là Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024 và 2025). Các văn bản pháp luật này đã tạo ra một hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện, mở rộng quyền khởi kiện của công dân, xác định rõ hơn đối tượng khởi kiện và quy trình tố tụng, từng bước thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của Tòa án trong việc

kiểm soát quyền lực trong hoạt động hành chính nhà nước. Thực tiễn xét xử cho thấy, Tòa án các cấp đã thụ lý và giải quyết một số lượng ngày càng tăng các vụ án hành chính, hủy bỏ nhiều quyết định hành chính trái pháp luật, qua đó bảo vệ quyền lợi cho cá nhân, tổ chức đồng thời góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc mang tính hệ thống, bộc lộ nhiều tồn tại và hạn chế làm suy giảm hiệu quả thực chất của cơ chế này. Một trong những rào cản lớn nhất là tính độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử vẫn chưa được bảo đảm một cách trọn vẹn trên thực tế. Tâm lý e ngại, né tránh va chạm² khi xét xử các vụ án mà bên bị kiện là các cơ quan công quyền, vẫn là một thực trạng cần được nghiêm túc chấn chỉnh. Tình trạng người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, thiếu hợp tác trong việc cung cấp chứng cứ vẫn còn phổ biến, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Nghiêm trọng hơn, tình trạng hiệu lực thực tế của bản án hành chính chưa được bảo đảm đầy đủ đã trở thành một hạn chế lớn, phản ánh những bất cập trong khâu thi hành án hành chính. Tỷ lệ các bản án, quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật không được thi hành hoặc thi hành chậm, thi hành không triệt để còn rất cao³. Nhiều cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền sau khi thua kiện không thi hành theo phán quyết của Tòa án một cách tinh vi, như ban hành một văn bản mới có nội dung tương tự văn bản đã bị hủy, hoặc trì hoãn, kéo dài việc thi hành với nhiều lý do khác nhau. Tình trạng này không chỉ làm cho phán quyết của Tòa án mất đi ý nghĩa thực tiễn, mà còn xói mòn nghiêm trọng niềm tin của người dân vào công lý, làm suy giảm hiệu lực quản lý nhà nước và tính thượng tôn của pháp luật.

Những hạn chế, bất cập nêu trên xuất phát từ nhiều nhóm nguyên nhân đan xen, phức tạp, bao gồm cả nguyên nhân về thể chế, mô hình tổ chức quyền lực;

² Nguyễn Quỳnh Liên. (2020). Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 55-60.

³ Xem Báo cáo 24/BC-BTP ngày 12/01/2024 Tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ Tư pháp ban hành.

nguyên nhân về văn hóa pháp lý và nhận thức công vụ còn mang nặng tư duy hành chính cai trị; nguyên nhân về sự thiếu hiệu quả của cơ chế thực thi pháp luật; và cả những thách thức về năng lực, bản lĩnh của chính đội ngũ thực thi công vụ tư pháp. Bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia cũng đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi phải hiện đại hóa hoạt động kiểm soát, nâng cao năng lực của Tòa án để giải quyết các tranh chấp hành chính phát sinh trong môi trường số.

Trong khi đó, các công trình nghiên cứu đã có thường tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ như phân tích quy định pháp luật, bình luận một vài vụ án điển hình, hoặc đề xuất các giải pháp mang tính cục bộ. Điều này tạo ra một khoảng trống nghiên cứu, đó là việc còn thiếu một công trình nghiên cứu chuyên sâu, mang tính tổng thể, hệ thống, dựa trên cả bằng chứng lý luận và thực chứng, từ đó đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm bảo đảm hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

Cụ thể hơn, có thể nhận diện ba khoảng trống lý luận lớn mà các công trình đi trước chưa giải quyết thấu đáo. Thứ nhất, còn thiếu một khung lý thuyết tích hợp về kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước phù hợp với đặc thù mô hình tổ chức quyền lực nhà nước thống nhất, có phân công, phối hợp và kiểm soát trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay vì vay mượn rời rạc từ các mô hình phân quyền kinh điển. Thứ hai, chưa xây dựng được một hệ tiêu chí mang tính thực chứng để đo lường mức độ kiểm soát thực chất, khiến việc đánh giá hiệu quả kiểm soát phần lớn vẫn dừng lại ở mô tả định tính. Thứ ba, chưa có công trình nào đánh giá toàn diện tác động của mô hình Tòa án nhân dân khu vực (chính thức vận hành từ ngày 01/7/2025) đối với tính độc lập xét xử và hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước. Lấp đầy ba khoảng trống này chính là nhiệm vụ khoa học mà luận án hướng tới giải quyết.

Từ những phân tích về lý luận và thực tiễn nêu trên, có thể nhận thấy vấn đề "kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính" không thể được nghiên cứu thuần túy ở cấp độ quy phạm pháp luật. Do bản chất của

đối tượng nghiên cứu là một hoạt động pháp lý thực tiễn, nghiên cứu này cần giải quyết được hai vấn đề có quan hệ biện chứng: (i) nhận diện bản chất, đặc điểm, phạm vi, giới hạn và cấu trúc pháp lý của hoạt động kiểm soát; và (ii) đánh giá mức độ mà hoạt động đó thực sự thực hiện được chức năng kiểm soát trong thực tế, trên cơ sở các điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá được xác lập một cách có căn cứ khoa học. Hai vấn đề này không phải hai đối tượng nghiên cứu khác nhau, mà là hai phương diện của cùng một đối tượng: kiểm soát chỉ có giá trị khi được bảo đảm để vận hành thực chất, và ngược lại, bảo đảm kiểm soát chỉ có ý nghĩa khi được xây dựng trên nền tảng lý luận về bản chất của hoạt động kiểm soát. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh nhận thấy việc nghiên cứu luận án "**Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính**" là cần thiết trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cần được triển khai theo hướng tích hợp cả hai phương diện: vừa làm rõ lý luận của hoạt động kiểm soát, vừa xây dựng và vận dụng khung điều kiện - tiêu chí để đánh giá mức độ hiện thực hóa chức năng kiểm soát trong thực tiễn Việt Nam hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở xây dựng khung lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính, luận án phân tích thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn vận hành của phương thức kiểm soát này ở Việt Nam giai đoạn 2022–2025, chỉ ra các điểm nghẽn và đề xuất định hướng hoàn thiện trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và vận hành mô hình Tòa án nhân dân khu vực ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục đích trên, luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

Một là, hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, bao gồm: làm rõ khái niệm, bản chất, đặc điểm và phạm vi của cơ chế kiểm soát này; xác định các nhóm điều kiện bảo đảm và xây dựng hệ tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện việc kiểm soát.

Hai là, phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng quy định pháp luật về tổ tụng hành chính và thực tiễn xét xử các vụ án hành chính tại Việt Nam, những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đó.

Ba là, nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc gợi mở từ một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử hành chính, rút ra những giá trị tham chiếu cho Việt Nam.

Bốn là, đề xuất hệ thống giải pháp nhằm bảo đảm việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính thành công ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động xét xử các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân với vai trò kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước. Luận án không đi sâu vào các phương thức kiểm soát khác như thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan dân cử hay của xã hội.

- *Về không gian*: Luận án tập trung phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử tại Việt Nam; có đối chiếu, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới (với các nguyên tắc như sự tôn trọng của cơ quan tư pháp, nguyên tắc tương xứng) để xây dựng giải pháp.

- *Về thời gian*: Các số liệu thống kê, báo cáo tổng kết và các bản án thực tiễn được luận án khảo sát, phân tích chuyên sâu chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025 (có tham khảo các dữ liệu trước đó để phục vụ việc đối chiếu, so sánh).

Giai đoạn 2022–2025 được chọn vì là mốc bước ngoặt thể chế: Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW (năm 2022) về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền; Quốc hội thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 và chính thức vận hành mô hình Tòa án nhân dân khu vực ba cấp từ ngày 01/7/2025. Do đó, nghiên cứu số liệu trong giai đoạn này giúp đánh giá chính xác nhất tác động của các cải cách thể chế mới nhất đối với hiệu quả kiểm soát hành chính.

4. Cơ sở lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được xây dựng trên nền tảng lý luận bao gồm: (i) các học thuyết kinh điển của phương Tây về phân chia và kiểm soát quyền lực (các học thuyết của Locke, Montesquieu, Rousseau...); (ii) lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là về kiểm soát quyền lực nhà nước; (iii) tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân và về kiểm soát quyền lực; (iv) các học thuyết pháp lý hiện đại về xét xử hành chính và vai trò của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền; và (v) lý thuyết về quản trị công hiện đại, trách nhiệm giải trình và minh bạch trong hoạt động công quyền.

4.2. Cách tiếp cận của luận án

Về cách tiếp cận, luận án sử dụng cách tiếp cận đa ngành (luật học, khoa học hành chính công và chính trị học) để đánh giá xét xử vụ án hành chính không chỉ như một trình tự thủ tục tố tụng thuần túy, mà còn là một phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước trên thực tế.

4.3. Phương pháp nghiên cứu của luận án

4.3.1. Phương pháp luận

- *Phương pháp luận triết học*: Luận án dựa trên nền tảng triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi kiểm soát quyền lực nhà nước không phải là một hiện tượng tĩnh mà là một quan hệ xã hội - pháp lý vận động trong bối cảnh lịch sử cụ thể, chịu sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, cấu trúc quyền lực và trình độ phát triển của thể chế. Phương pháp luận này chi phối toàn bộ các nhận định, đánh giá trong luận án, bảo đảm tính nhất quán.

- *Phương pháp luận chuyên ngành*: Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ góc độ khoa học luật hành chính, xác định kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước là quan hệ pháp lý giữa quyền tư pháp và quyền hành pháp trong khuôn khổ Nhà nước pháp quyền. Theo đó, mọi đánh giá về hiệu quả hay hạn chế của việc kiểm soát đều được thực hiện dựa trên các chuẩn mực của khoa học pháp lý, không thuần túy là nhận xét chính trị hay xã hội học. Đây là tảng phương pháp luận định hướng cụ thể cho việc xây dựng hệ tiêu chí đánh giá ở Chương 1 và việc phân tích thực trạng ở Chương 2.

4.3.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án vận dụng một cách linh hoạt và phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- *Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*: Phương pháp này được vận dụng xuyên suốt toàn bộ luận án, đặc biệt ở Chương 1, khi luận án đặt vấn đề kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử trong bối cảnh lịch sử phát triển của tư tưởng về kiểm soát quyền lực, từ học thuyết phân quyền cổ điển đến mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, để lý giải tính tất yếu khách quan và bản chất đặc thù của cơ chế này. Ở Chương 2, phương pháp duy vật lịch sử được sử dụng để đặt quá trình hình thành và phát triển của pháp luật tổ tụng hành chính Việt Nam từ năm 1996 đến nay trong mối liên hệ với từng bối cảnh kinh tế - xã hội, chính trị và cải cách thể chế tương ứng, tránh nhận xét tĩnh, tách rời lịch sử.

- *Phương pháp nghiên cứu học thuyết pháp lý*: Phương pháp này được sử dụng tập trung ở Chương 1, nhằm giải quyết hai vấn đề cốt lõi: (i) làm rõ và xác lập khái niệm, bản chất, vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính thông qua việc phân tích, đối chiếu và diễn giải các học thuyết pháp lý nền tảng (học thuyết rule of law của Dicey, học thuyết judicial review, học thuyết về sự tôn trọng của tư pháp sau vụ *Loper Bright*, nguyên tắc tương xứng); và (ii) xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hoạt động kiểm soát trên nền tảng lý luận đã được hệ thống hóa. Phương pháp này cũng được vận dụng ở Chương 3 khi đưa ra định hướng có giá trị tham chiếu cho Việt Nam.

- *Phương pháp phân tích quy định pháp luật*: Phương pháp này là phương pháp chủ đạo ở Chương 2, phục vụ trực tiếp cho hai nhiệm vụ: (i) phân tích, đánh giá cơ sở pháp lý hiện hành về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử, bao gồm nền tảng hiến định (Hiến pháp năm 2013, sửa đổi bổ sung năm 2025), Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi năm 2019, 2024 và 2025), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP và các văn bản liên quan (Mục 2.1.2); và (ii) nhận diện những điểm bất cập, thiếu đồng bộ giữa các quy định pháp luật, làm cơ sở để kiến nghị hoàn thiện trong Chương 3. Phương pháp này cũng được sử dụng ở Chương 3 khi luận án đề xuất cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hệ thống pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa*: Phương pháp này được sử dụng toàn bộ các chương nhưng có vai trò đặc biệt quan trọng ở Phần Tổng quan tình hình nghiên cứu và Chương 1. Tại Phần Tổng quan, phương pháp này phục vụ việc thu thập, đọc, phân loại và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước theo nhóm chủ đề, từ đó xác định điểm đồng thuận, điểm tranh luận và khoảng trống nghiên cứu. Tại Chương 1, phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa được vận dụng để tích hợp các học thuyết đa dạng từ nhiều truyền thống pháp lý khác nhau thành một khung lý luận nhất quán. Tại Chương 2 và Chương 3, phương pháp tổng hợp được dùng để khái quát hóa các bằng chứng thực tiễn phân tán thành luận điểm đánh giá có tính hệ thống.

- *Phương pháp so sánh pháp luật*: Phương pháp này được sử dụng có trọng tâm ở Chương 3, với mục tiêu phân tích các giải pháp kiểm soát tư pháp đối với hành chính nhà nước tại một số quốc gia có nền tài phán hành chính phát triển, từ đó rút ra những định hướng có giá trị tham khảo khi xây dựng các giải pháp cho Việt Nam. Phương pháp này cũng được vận dụng ở Chương 1 khi đối chiếu mô hình kiểm soát quyền lực theo nguyên tắc thống nhất quyền lực của Việt Nam với các mô hình phân quyền kinh điển, nhằm xác định điểm tương đồng và khác biệt để xây dựng khung lý luận phù hợp với điều kiện thể chế đặc thù.

- *Phương pháp nghiên cứu tình huống và phân tích án lệ*: Đây là một trong những phương pháp có tính đặc thù cao của luận án, được sử dụng tập trung ở Chương 2 (Mục 2.2 và Mục 2.3). Phương pháp này giải quyết hai vấn đề: (i) thông qua việc khảo sát và phân tích có hệ thống các bản án sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm được lựa chọn theo tiêu chí đại diện (bao gồm các lĩnh vực đất đai, thuế, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại), luận án làm rõ những dạng sai lầm điển hình trong hoạt động hành chính bị Tòa án hủy bỏ, qua đó đánh giá chiều sâu và phạm vi thực chất của kiểm soát tư pháp (Bảng 2.8); và (ii) thông qua việc phân tích các thông báo rút kinh nghiệm của ngành Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân (từ năm 2016 đến 2025 ở Phụ lục 1), luận án nhận diện các điểm nghẽn trong thực tiễn tố tụng, từ đó đề xuất giải pháp có căn cứ thực chứng. Phương pháp này

cũng được vận dụng ở Chương 3 khi lấy các phán quyết cụ thể làm minh chứng cho việc đề xuất cơ chế cá thể hóa trách nhiệm thi hành án và xây dựng văn hóa tuân thủ phán quyết tư pháp.

- *Phương pháp nghiên cứu định lượng*: Phương pháp này được sử dụng tập trung ở Chương 2 (Mục 2.2 và Mục 2.3), nhằm lượng hóa và đánh giá hiệu quả thực chất của cơ chế kiểm soát thông qua số liệu. Cụ thể, luận án khai thác và tổng hợp số liệu thống kê thứ cấp được công bố chính thức bởi Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Cục Quản lý Thi hành án dân sự về: tình hình thụ lý và giải quyết vụ án hành chính qua các năm 2022, 2023, 2024, 2025 (Bảng 2.1, 2.2, 2.3); mức độ tham gia tố tụng của người bị kiện là UBND/Chủ tịch UBND (Bảng 2.4); tỷ lệ hủy/sửa bản án do lỗi chủ quan của Tòa án (Bảng 2.5); và kết quả thi hành án hành chính các năm 2023, 2024 và 2025 (Bảng 2.7). Các số liệu này được sử dụng để đối chiếu với hệ tiêu chí lý luận đã xây dựng ở Chương 1, qua đó đưa ra đánh giá định lượng có căn cứ về mức độ đáp ứng từng tiêu chí hiệu quả trong thực tiễn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học của luận án

- Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước nói riêng trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xây dựng một khung lý thuyết mang tính liên ngành để đánh giá toàn diện hiệu quả của việc kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính, vượt ra khỏi cách tiếp cận pháp lý đơn thuần.

- Làm rõ bản chất, đặc trưng và vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, khẳng định vị trí đặc biệt quan trọng của cơ chế này trong hệ thống kiểm soát quyền lực.

- Cung cấp những luận cứ khoa học, dữ liệu thực chứng và bằng chứng về thực trạng, những tồn tại và nguyên nhân của sự kém hiệu quả của cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính tại Việt Nam.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

- Luận án cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về tổ tụng hành chính, góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp và cải cách hành chính ở Việt Nam.
- Luận án nêu được thực trạng xét xử các vụ án hành chính thông qua việc phân tích dữ liệu cập nhật từ năm 2022 đến 2025, đặc biệt chỉ ra sự yếu kém trong công tác thi hành án hành chính.
- Đề xuất hệ thống giải pháp cụ thể, khả thi nhằm bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ người dân và củng cố Nhà nước pháp quyền.
- Các kiến nghị của luận án có thể được các cơ quan có thẩm quyền tham khảo trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung pháp luật và chính sách liên quan đến xét xử hành chính.
- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên, luật sư và các cán bộ làm công tác pháp luật.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Tổng quan, Kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm:

Chương 1: Lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính;

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam;

Chương 3: Quan điểm, phương hướng và giải pháp bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

PHẦN TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tình hình nghiên cứu về kiểm soát quyền lực nhà nước và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là một biểu hiện đặc thù của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung. Vì vậy, trước khi đi vào nhóm công trình trực tiếp nghiên cứu về cơ chế này, luận án khảo cứu hai tầng nghiên cứu có vai trò nền tảng: một là các công trình xây dựng lý luận chung về kiểm soát quyền lực nhà nước từ cả truyền thống học thuật phương Tây, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; hai là các công trình phân tích kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt là kiểm soát quyền hành pháp và hoạt động hành chính nhà nước, trong bối cảnh chính trị - pháp lý của Việt Nam. Hai tầng nghiên cứu này không chỉ cung cấp cơ sở lý thuyết cho việc xác lập khái niệm, bản chất và vị trí của xét xử hành chính trong hệ thống các phương thức kiểm soát quyền lực, mà còn hé lộ những xung đột về mặt lý luận mà luận án cần tiếp tục giải quyết.

1.1. Tình hình nghiên cứu nền tảng lý luận chung về kiểm soát quyền lực nhà nước

Tư tưởng về sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng, tha hóa là một trong những trụ cột lâu đời của khoa học chính trị - pháp lý. Khảo cứu hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy nền tảng lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước được xây dựng trên ba nguồn tư tưởng lớn, mỗi nguồn đại diện cho một cách đặt vấn đề tương đối khác nhau nhưng có điểm giao thoa về nhận thức: học thuyết kinh điển của phương Tây, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Xem xét sự vận động của từng dòng tư tưởng không chỉ làm lộ ra cấu trúc lý luận chung của vấn đề mà còn giúp xác định những giá trị mà khoa học pháp lý Việt Nam đang kế thừa, phát triển và vận dụng.

Dòng tư tưởng phương Tây cổ điển manh nha từ thời cổ đại với Aristote trong tác phẩm *The Politics*, khi ông phân chia chức năng của nhà nước lý tưởng thành ba

bộ phận là cơ quan nghị luận, cơ quan chấp pháp và cơ quan tư pháp⁴. Mặc dù mới chỉ là sự phân công chức năng sơ khai, tư tưởng của Aristote đã đặt nền móng cho một nguyên lý then chốt: chuyên môn hóa các hoạt động nhà nước là điều kiện đầu tiên để ngăn ngừa sự tập trung quyền lực tuyệt đối vào một chủ thể. Phải đến thời kỳ Khai sáng ở châu Âu, học thuyết này mới được phát triển thành một hệ thống hoàn chỉnh. John Locke đã phát triển lý luận về một chính quyền bị giới hạn⁵. Ông cho rằng quyền lực nhà nước không phải là tự thân, mà bắt nguồn từ sự ủy thác của nhân dân thông qua một khế ước xã hội; nếu chính quyền vi phạm sự ủy thác đó, nhân dân có quyền thu hồi lại quyền lực của mình. Ông cũng đề xuất phân chia quyền lực nhà nước thành ba bộ phận: lập pháp, hành pháp và liên bang. Lý luận của Locke đã đặt ra giới hạn về bản chất cho quyền lực nhà nước, coi quyền lực có nguồn gốc, có mục đích và có giới hạn.

Tiếp nối và phát triển tư tưởng của Locke, Montesquieu đã đưa học thuyết tam quyền phân lập lên đến đỉnh cao⁶. Montesquieu cho rằng, để bảo vệ tự do chính trị, quyền lực nhà nước phải được phân chia thành ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba nhánh quyền lực này phải được trao cho các chủ thể khác nhau, hoạt động độc lập tương đối. Điểm cốt lõi và mang tính đột phá trong tư tưởng của ông là nguyên tắc "dùng quyền lực để kiểm soát quyền lực"⁷. Theo đó, ba nhánh quyền lực này không chỉ độc lập mà còn phải có cơ chế "kiềm chế và đối trọng" lẫn nhau, tạo thành một hệ thống giám sát, ngăn chặn sự độc đoán, chuyên quyền.

Jean-Jacques Rousseau lại tiếp cận vấn đề từ góc độ chủ quyền nhân dân⁸. Ông khẳng định chủ quyền tối thượng luôn thuộc về nhân dân, là sự thể hiện của ý chí chung, không thể bị phân chia hay chuyển nhượng. Những tư tưởng này đã được các nhà lập quốc Hoa Kỳ như Alexander Hamilton, James Madison và John Jay cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo khi xây dựng Hiến pháp Hoa Kỳ⁹.

⁴ Aristote. The Politics. [Chính trị luận], dịch bởi C. D. C. Reeve, Hackett Publishing, 2017.

⁵ Locke, J., 1689, Two Treatises of Government - The Founders' Constitution, NXB. Đại học Chicago, Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <http://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/v1ch10s3.html>.

⁶ Montesquieu, C. Bàn về tinh thần pháp luật (Hoàng Thanh Đạm dịch). NXB Lý luận Chính trị.

⁷ Montesquieu, C. Bàn về tinh thần pháp luật (Hoàng Thanh Đạm dịch). NXB Lý luận Chính trị.

⁸ Rousseau, J. J. Bàn về Khế ước xã hội (Hoàng Thanh Đạm dịch thuật, chú giải). NXB Lý luận Chính trị.

⁹ Hamilton, A., Madison, J., & Jay, J. (1959). Luận cương thể chế Liên bang.

Trên cơ sở tư tưởng phân quyền cổ điển, một lớp học thuật tiếp theo tập trung lý giải cơ chế kiểm soát quyền lực thông qua pháp quyền và vai trò của Tòa án. A. V. Dicey, trong *Introduction to the Study of the Law of the Constitution*, xác lập ba nguyên tắc nền tảng của pháp quyền: tối thượng của pháp luật, bình đẳng trước pháp luật và hiến pháp như sản phẩm của thông luật, qua đó đặt Tòa án và hoạt động xét xử vào vị trí trung tâm của kiểm soát quyền lực công¹⁰. Blackstone trong *Commentaries on the Laws of England* khẳng định nguyên lý hành chính nhà nước phải vận hành trong khuôn khổ pháp luật, không được vượt quá giới hạn đã được pháp luật quy định¹¹. Sang thế kỷ XX - XXI, các công trình của Wade và Forsyth¹², Harlow và Rawlings¹³, Peter Cane đã hệ thống hóa lý luận luật hành chính hiện đại, xác lập Tòa án như thiết chế kiểm soát tính hợp pháp của hành động hành chính^{14 15}. Hart¹⁶ và Dyzenhaus¹⁷ tiếp tục phát triển các khung lý luận về pháp quyền trong thời kỳ khẩn cấp, chỉ ra rằng ngay cả trong những hoàn cảnh đặc biệt, hoạt động hành chính vẫn phải chịu sự kiểm soát của pháp luật và tư pháp. Các công trình của Cappelletti¹⁸ và Kötz¹⁹ mở rộng tầm nhìn so sánh, đặt kiểm soát tư pháp trong tương quan với các hệ thống tổ tụng lớn. Lý luận về trách nhiệm giải trình, một khái niệm bổ sung cho phân quyền, được phát triển qua các công trình của Bovens²⁰, Grant và

¹⁰ Dicey, A. V. (1885). *Introduction to the Study of the Law of the Constitution* [Dẫn luận nghiên cứu Luật Hiến pháp]. Macmillan, London.

¹¹ Blackstone, W. (1769). *Commentaries on the Laws of England* [Bình luận về luật pháp nước Anh]. Clarendon Press, Oxford.

¹² Wade, H. W. R., & Forsyth, C. F. (2014; 2022). *Administrative Law* [Luật Hành chính]. Oxford University Press, Oxford. (Ghi chú: Ấn bản thứ 11 năm 2014 và ấn bản thứ 12 năm 2022)

¹³ Harlow, C., & Rawlings, R. (2021). *Law and Administration* [Pháp luật và Hành chính]. Cambridge University Press, Cambridge.

¹⁴ Cane, P. (2011). *Administrative Law* [Luật Hành chính]. Oxford University Press, Oxford.

¹⁵ Cane, P., McDonald, L., & Rundle, O. (2018). *Principles of Administrative Law* [Các nguyên tắc của Luật Hành chính]. Oxford University Press, Melbourne/Oxford.

¹⁶ Hart, H. L. A. (1961). *The Concept of Law* [Khái niệm Pháp luật]. Clarendon Press, Oxford.

¹⁷ Dyzenhaus, D. (2006). *The Constitution of Law: Legality in a Time of Emergency* [Cấu tạo của Pháp luật: Tính hợp pháp trong thời kỳ khẩn cấp]. Cambridge University Press, Cambridge.

¹⁸ Cappelletti, M. (1989). *The Judicial Process in Comparative Perspective* [Quá trình tư pháp dưới góc độ so sánh]. Clarendon Press, Oxford.

¹⁹ Kötz, H. (2009). *Civil Justice Systems in Europe and the United States* [Hệ thống tư pháp dân sự ở châu Âu và Hoa Kỳ]. Duke Law Center for International and Comparative Law Occasional Papers, Tập 1.

²⁰ Bovens, M. (2007). *Public Accountability* [Trách nhiệm giải trình công]. Trong cuốn *The Oxford Handbook of Public Management*, Oxford University Press, Oxford.

Keohane²¹ và Schedler²². Các tác giả này cho rằng kiểm soát quyền lực nhà nước không chỉ là vấn đề phân chia thể chế mà còn là vấn đề bảo đảm nghĩa vụ giải trình của chủ thể nắm quyền trước các chủ thể có thẩm quyền yêu cầu giải trình, trong đó Tòa án là một thiết chế giải trình có tính cưỡng chế cao nhất.

Dòng tư tưởng Mác - Lênin tiếp cận vấn đề kiểm soát quyền lực từ một góc độ khác: bản chất giai cấp của nhà nước. Các học giả kinh điển khẳng định rằng nhà nước trong xã hội có giai cấp về bản chất là một bộ máy bạo lực, một công cụ thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác. Friedrich Engels chỉ ra rằng nhà nước không phải là một quyền lực áp đặt từ bên ngoài, mà là một sản phẩm phát sinh từ chính xã hội ở một giai đoạn phát triển nhất định, là minh chứng cho thấy xã hội đó đã lún sâu vào mâu thuẫn không thể tự giải quyết.²³ Kế thừa luận điểm đó, V. I. Lênin nhấn mạnh rằng ngay cả nhà nước kiểu mới, công cụ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, vẫn cần một cơ chế kiểm soát chặt chẽ để chống lại bệnh quan liêu, sự xa rời quần chúng và lạm dụng quyền lực. Ông đặc biệt coi trọng "sự kiểm tra, kiểm soát từ dưới lên" của quần chúng nhân dân, cho rằng chỉ có thể chiến thắng bệnh quan liêu "một cách hoàn toàn, đến cùng, khi nào toàn thể dân cư tham gia quản lý".²⁴ Các công trình khoa học pháp lý và chính trị học Việt Nam đã tiếp thu và phát triển luận điểm này theo hướng xác lập cơ sở lý luận cho sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ chính nguy cơ tha hóa nội tại của quyền lực công, đồng thời nhấn mạnh vai trò chủ thể kiểm soát của nhân dân.

Trong bối cảnh Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là về kiểm soát quyền lực, là một di sản lý luận quan trọng. Luận án tiến sĩ của Trịnh Quốc Việt về Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước và

²¹ Grant, R. W., & Keohane, R. O. (2005). Accountability and Abuses of Power in World Politics [Trách nhiệm giải trình và lạm dụng quyền lực trong chính trị thế giới]. Tạp chí American Political Science Review, Số 99(1), trang 29-43.

²² Schedler, A. (1999). Conceptualizing Accountability [Khái niệm hóa trách nhiệm giải trình]. Trong cuốn The Self-Restraining State: Power and Accountability in New Democracies, Lynne Rienner Publishers, Boulder & London.

²³ Engels, F. (1984). Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước. Nxb. Sự thật, Hà Nội.

²⁴ V.I. Lênin. Toàn tập, Tập 38. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 195.

vận dụng trong tình hình hiện nay đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ những luận điểm cốt lõi: sự kết hợp giữa kiểm soát quyền lực từ bên trong (giữa các cơ quan nhà nước) và kiểm soát từ bên ngoài (của nhân dân, của Đảng); yêu cầu cán bộ, công chức phải là "công bộc của dân"; và nhấn mạnh tính minh bạch, công khai của hoạt động nhà nước như một điều kiện tiên quyết để kiểm soát²⁵. Đây là một nguồn tư tưởng bản địa, vừa tiếp thu tinh hoa của nhân loại, vừa vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, cung cấp cơ sở triết lý cho việc thiết kế các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu về các phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước trên bình diện quốc tế và so sánh đã được tập thể tác giả Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương và Lê Thị Nga hệ thống hóa trong công trình Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam²⁶. Công trình này khái quát các mô hình kiểm soát quyền lực theo cả chiều ngang (giữa các nhánh quyền lực) và chiều dọc (giữa các cấp chính quyền), đồng thời đưa ra nhận định mang tính so sánh về tính phù hợp của các mô hình với từng điều kiện thể chế cụ thể. Cùng hướng nghiên cứu này, GS.TS. Nguyễn Đăng Dung trong chuyên khảo Kiểm soát quyền lực nhà nước đã tổng hợp một cách có hệ thống các học thuyết và cơ chế kiểm soát quyền lực, làm rõ sự phát triển của tư tưởng và thực tiễn pháp luật về kiểm soát quyền lực trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền.²⁷

Có thể thấy, kiểm soát quyền lực nhà nước là một trong những chủ đề được nghiên cứu nhiều nhất trong khoa học pháp lý và chính trị học nhân loại. Tổng thuật các công trình nghiên cứu về chủ đề này cho thấy giới học thuật đã đạt được sự đồng thuận rộng rãi ở một số luận điểm cốt lõi, đồng thời vẫn tồn tại những điểm chưa thống nhất có liên quan trực tiếp đến đề tài luận án.

²⁵ Trịnh Quốc Việt (2022). Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước và vận dụng trong tình hình hiện nay. Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

²⁶ Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương & Lê Thị Nga (Đồng chủ biên). (2020). Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

²⁷ Nguyễn Đăng Dung. (2022). Kiểm soát quyền lực nhà nước. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Về điểm đồng thuận, gần như toàn bộ các công trình nghiên cứu theo cả truyền thống pháp luật lục địa lẫn thông luật đều thống nhất rằng: (i) quyền lực nhà nước tự có xu hướng bành trướng và tha hóa nếu không bị giới hạn; (ii) phân công chức năng giữa các nhánh quyền lực là điều kiện cần thiết để bảo đảm tự do; và (iii) kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính là một thuộc tính tất yếu của nhà nước pháp quyền.

Về điểm còn tranh luận: Giới hạn hợp lý của sự can thiệp tư pháp vào hoạt động hành chính là ở đâu? Trên bình diện quốc tế, sự kiện Tòa án Tối cao Hoa Kỳ lật đổ học thuyết *Chevron* trong vụ *Loper Bright Enterprises v. Raimondo* (2024), sau gần bốn thập niên học thuyết này chi phối quan hệ giữa tòa án và cơ quan hành chính, đánh dấu một bước chuyển căn bản trong cuộc tranh luận học thuật về giới hạn của sự kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước. Cuộc tranh luận về mức độ tôn trọng mà Tòa án cần dành cho cơ quan hành chính khi giải thích pháp luật được Guobin Zhu tiếp cận ở tầm so sánh trong *Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives*, chỉ ra rằng đây không phải là một lựa chọn nhị nguyên giữa can thiệp triệt để hay tôn trọng tuyệt đối, mà là một dải phổ chính sách pháp lý đòi hỏi sự cân nhắc tinh tế²⁸. Các công trình của Mashaw về *Judicial Review of Administrative Action: Reflections on Balancing Political, Managerial and Legal Accountability*²⁹ và của Pavone và Stiansen về *The Shadow Effect of Courts* tiếp tục phát triển luận điểm rằng kiểm soát tư pháp không chỉ sinh ra tác động trực tiếp qua từng bản án mà còn tạo hiệu ứng kỷ luật gián tiếp, buộc cơ quan hành chính phải tự chỉnh sửa hành vi để tránh rủi ro bị xét xử³⁰. Hiện chưa có công trình nghiên cứu nào tại Việt Nam phân tích

²⁸ Zhu, G. (Chủ biên). (2019). *Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives* [Sự tôn trọng cơ quan hành chính trong kiểm soát tư pháp: Các góc nhìn so sánh]. Nhà xuất bản Springer, Cham (Thụy Sĩ).

²⁹ Mashaw, J. L. (2005). *Judicial Review of Administrative Action: Reflections on Balancing Political, Managerial and Legal Accountability* [Kiểm soát tư pháp đối với hành động hành chính: Phản tư về việc cân bằng trách nhiệm giải trình chính trị, quản lý và pháp lý]. Tạp chí *Revista Direito GV*, Tập 1, Số 1, trang 153-170.

³⁰ Pavone, T., & Stiansen, Ø. (2022). *The Shadow Effect of Courts: Judicial Review and the Politics of Preemptive Reform* [Hiệu ứng bóng mờ của các Tòa án: Kiểm soát tư pháp và chính trị của cải cách đón đầu]. Tạp chí *American Political Science Review*, Tập 116, Số 1, trang 322-336. Nhà xuất bản Cambridge University Press.

đầy đủ hệ quả của nó đối với xu hướng hoàn thiện cơ chế kiểm soát tư pháp trong nước, vì vậy, qua quá trình tổng quan, luận án đề ra câu hỏi: Tòa án Việt Nam cần được trao quyền đến mức nào và làm thế nào để dung hòa yêu cầu tôn trọng chuyên môn của cơ quan hành chính với yêu cầu kiểm soát thực chất của tư pháp?

1.2. Tình hình nghiên cứu về kiểm soát quyền lực nhà nước trong bối cảnh thực tiễn tại Việt Nam hiện nay

Chuyển từ tầng lý luận chung sang tầng nghiên cứu gắn với thực tiễn Việt Nam, giới khoa học pháp lý đã có nhiều công trình đi sâu lý giải cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong điều kiện thể chế đặc thù của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nơi quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo Điều 2 Hiến pháp năm 2013. Các công trình trong nhóm này không chỉ diễn giải các nguyên lý phổ quát mà còn tập trung chỉ ra những vấn đề riêng biệt của thực tiễn, đặc biệt là trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền và thực hiện các nghị quyết gần đây của Đảng về kiểm soát quyền lực. Các nghiên cứu này có thể được khái quát qua các hướng tiếp cận chính sau:

- *Hướng thứ nhất, khẳng định và làm rõ các nguyên tắc nền tảng phù hợp với thể chế Việt Nam:* Sách chuyên khảo do GS.TS. Phạm Hồng Thái và PGS.TS. Bùi Tiến Đạt đồng chủ biên đã khẳng định, kiểm soát quyền lực nhà nước phải dựa trên cơ sở những nguyên lý căn bản của lý thuyết phân quyền và là nhu cầu của xã hội³¹. Bên cạnh đó, bài viết của TS. Đoàn Trường Thụ đã phân tích rằng, kiểm soát quyền lực ở Việt Nam không phải là sự đối trọng triệt tiêu theo mô hình tam quyền phân lập kinh điển, mà là một cơ chế hoạt động bên trong sự thống nhất của quyền lực, nhằm đảm bảo quyền lực được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và phục vụ nhân dân.³² Hướng nghiên cứu này đã xây dựng nên một khung lý luận nền tảng đặc thù

³¹ Phạm Hồng Thái, Bùi Tiến Đạt và tập thể tác giả, (2024), Tổ chức và thực hiện quyền hành pháp. Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật.

³² Đoàn Trường Thụ. (2024). Một số vấn đề cơ bản về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng nhà nước pháp quyền. Tạp chí Cộng sản. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/993102/mot-so-van-%C4%91e-co-ban-ve-phan-cong%2C-phoi-hop-va-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-trong-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen.aspx>

của Việt Nam trong việc tiếp thu các học thuyết kinh điển, khẳng định kiểm soát quyền lực là một thuộc tính tự thân, một yêu cầu bắt buộc của Nhà nước pháp quyền XHCN.

- *Hướng thứ hai, nhận diện những điểm mới và sự phát triển trong nhận thức và thực tiễn*: Ghi nhận sự vận động của thực tiễn, đặc biệt là từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI, nhiều nghiên cứu đã tập trung hệ thống hóa những bước tiến mới trong vấn đề kiểm soát quyền lực. Bài viết của GS.TS. Trần Ngọc Đường đã khẳng định vai trò của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phân tích thực trạng và nêu các giải pháp cho việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền XHCN.³³ Bài viết của PGS.TS. Vũ Hoàng Công đã chỉ ra những điểm mới trên cả ba phương diện: nhận thức, thể chế và hành động thực tiễn.³⁴ Về nhận thức, đã có sự chuyển biến từ "vừa đá bóng, vừa thổi còi" sang yêu cầu "nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế". Về thể chế, Hiến pháp 2013 và hàng loạt các quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực đã tạo ra một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ. Về hành động, sự quyết liệt trong công tác phòng chống tham nhũng đã minh chứng cho cam kết chính trị mạnh mẽ. Hướng nghiên cứu này cho thấy, kiểm soát quyền lực không còn là một khái niệm lý thuyết mà đã trở thành một mệnh lệnh chính trị và một yêu cầu cấp bách trong thực tiễn quản trị quốc gia. Khi Việt Nam đẩy mạnh xây dựng Nhà nước "kiến tạo phát triển", một dòng nghiên cứu mới đã xuất hiện để phân tích những thách thức đặc thù đi kèm. Bài viết của tác giả Vũ Lê Minh chỉ ra rằng, trong bối cảnh nhà nước chủ động, linh hoạt sử dụng pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nguy cơ lạm dụng quyền lực vì "lợi ích nhóm" và tham nhũng chính sách cũng gia tăng. Sự linh hoạt có thể bị biến tướng thành sự tùy tiện. Do đó, cơ chế kiểm soát quyền lực cần phải được thiết kế tinh vi

³³ Trần Ngọc Đường. (2023). Kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII. Tạp chí cộng sản. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/kiem-soat-quyen-luc-trong-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-theo-tinh-than-nghi-quyet-hoi-nghi-trung-uong-6-khoa-xiii

³⁴ Vũ Hoàng Công. (2023). Những điểm mới trong vấn đề kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Lý luận chính trị, số 544 (6/2023), tr. 10-17.

hơn, không chỉ để chống tham nhũng, tiêu cực mà còn để "bảo đảm cho sự phát triển bền vững và đúng định hướng của đất nước".³⁵ Hướng nghiên cứu này mang tính thời sự cao, gắn liền lý luận kiểm soát quyền lực với những vấn đề nóng của thực tiễn kinh tế - xã hội.

- *Hướng thứ ba, xác định vai trò của Tòa án như một công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước.* Đây là hướng nghiên cứu có liên quan trực tiếp nhất đến luận án. Nhận thức rõ vai trò của tư pháp trong cơ chế kiểm soát quyền lực, nhiều công trình đã tập trung phân tích hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân dưới lăng kính này. Bài viết của TS. Vũ Anh Tuấn và TS. Hoàng Thị Thu Thủy viết trong bài "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân" trên Tạp chí Tòa án nhân dân đã khẳng định "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân là yêu cầu khách quan, cấp thiết của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay"³⁶. Công trình này đã tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, từ việc phân tích khái niệm, đặc điểm cho đến thực trạng và đề xuất giải pháp. Hướng nghiên cứu này đã đặt Tòa án, đặc biệt là thông qua hoạt động xét xử (bao gồm cả xét xử hành chính), vào đúng vị trí trung tâm của cơ chế kiểm soát quyền hành pháp, coi đây là một "lộ trình phức tạp" nhưng tất yếu phải thực hiện để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền.

Nhìn chung, giới khoa học pháp lý Việt Nam đã đạt được sự đồng thuận cao về mặt nhận thức lý luận đối với nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước đặc thù của Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu này cũng chỉ ra một khoảng cách đáng kể giữa lý luận và thực tiễn, giữa quy định của Hiến pháp và sự vận hành của cơ chế trên thực tế.

Bên cạnh các nghiên cứu chung về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, giới học thuật Việt Nam đã dành sự quan tâm lớn đến việc phân tích từng cách thức

³⁵ Vũ Lê Minh. (2025). Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước hiệu quả trong bối cảnh pháp luật "kiến tạo phát triển": Thách thức và giải pháp. Tạp chí Điện tử Pháp lý. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://phaply.net.vn/xay-dung-co-che-giam-sat-va-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-hieu-qua-trong-boi-can-phap-luat-kien-tao-phat-trien-thach-thuc-va-giai-phap-a260502.html>

³⁶ Vũ Anh Tuấn và Hoàng Thị Thu Thủy. (2024). Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19/2024.

kiểm soát hoạt động hành chính cụ thể đang vận hành trong thực tiễn. Mỗi cách thức đều thể hiện vai trò quan trọng trong mạng lưới kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

- Về kiểm soát từ bên trong hệ thống hành chính (Thanh tra, kiểm tra):

Đây là phương thức kiểm soát truyền thống và được nghiên cứu từ rất sớm. Các công trình tập trung vào vai trò của hoạt động thanh tra, kiểm tra công vụ do các cơ quan có thẩm quyền trong chính bộ máy nhà nước thực hiện. Bài viết của TS. Trần Văn Long đã khẳng định thanh tra là một trong những phương thức quan trọng trong kiểm soát quyền lực trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, có ưu thế trong việc đi sâu vào các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ³⁷. Luận án của TS. Nguyễn Quỳnh Liên khi nghiên cứu về kiểm soát ban hành quyết định hành chính cũng nhấn mạnh vai trò của thanh tra, kiểm tra như những biện pháp kiểm soát hữu hiệu trong quá trình thi hành quyết định³⁸. Hướng nghiên cứu này đã làm rõ chức năng, thẩm quyền và quy trình của hoạt động thanh tra, coi đây là công cụ tự kiểm tra, tự hoàn thiện không thể thiếu của nền hành chính.

- Về kiểm soát thông qua các cơ quan dân cử (Giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân):

Cơ chế giám sát của các cơ quan đại biểu nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính cùng cấp là một chủ đề lớn, thu hút nhiều công trình nghiên cứu. Các tác giả như TS. Trần Thái Dương, TS. Trần Thị Thanh Mai đã phân tích sâu về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, xem đây là phương thức kiểm soát mang tính quyền lực chính trị cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân.³⁹ Các nghiên cứu này tập trung vào các hình thức giám sát như xem xét báo cáo, chất vấn, lấy phiếu tín nhiệm, thành lập các đoàn giám sát chuyên đề. Hướng nghiên cứu này khẳng định vai trò then chốt của các cơ quan dân cử trong việc đảm bảo tính chịu trách nhiệm của bộ máy hành chính trước nhân dân.

³⁷ Trần Văn Long. (2020). Vai trò của cơ quan thanh tra đối với kiểm soát việc thực hiện quyền lực trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 20/2020 (420), tr. 23-28.

³⁸ Nguyễn Quỳnh Liên (2020). Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay. Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

³⁹ Trần Thái Dương và Trần Thị Thanh Mai. (2024). Khái niệm, đặc điểm, vai trò chức năng giám sát của cơ quan dân cử ở Việt Nam. Tạp chí Pháp luật và Phát triển. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://phapluatphattrien.vn/khai-niem-dac-diem-vai-tro-chuc-nang-giam-sat-cua-co-quan-dan-cu-o-viet-nam-d1929.html>.

- Về kiểm soát thông qua sự tham gia của xã hội và người dân (Khiếu nại, tố cáo, giám sát của Mặt trận Tổ quốc):

Hướng nghiên cứu này tập trung vào các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong việc kiểm soát hoạt động của nhà nước. Các công trình của PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh đã phân tích việc thực hiện pháp luật khiếu nại, tố cáo như một kênh quan trọng nhằm chống lại sự tha hóa, lạm quyền, tham nhũng trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo - một hoạt động phức tạp, nhạy cảm và trực tiếp liên quan đến áp dụng quyền lực hành chính⁴⁰.

Một cơ chế kiểm soát quan trọng khác đến từ xã hội, trong đó nổi bật là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí, truyền thông và của chính người dân. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc đối với các dự thảo chính sách, pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước đã được nhiều công trình phân tích. Các phương tiện truyền thông đại chúng, như được chỉ ra trong nghiên cứu của Lê Thị Anh Đào, đóng vai trò là "tai mắt" của xã hội, có khả năng công khai các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, tạo áp lực dư luận, buộc các cơ quan hành chính phải giải trình và xử lý sai phạm⁴¹.

- Về kiểm soát thông qua hoạt động xét xử của Tòa án:

Trong số các cơ chế kiểm soát từ bên ngoài, kiểm soát của Tòa án thông qua hoạt động xét xử hành chính giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và được coi là công cụ pháp lý hữu hiệu nhất. PGS.TS. Nguyễn Văn Quang và tác giả Lê Thị Thu Thảo đều thống nhất rằng, trong nhà nước pháp quyền, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là yêu cầu khách quan^{42 43}. Không giống như các hình thức kiểm soát khác thường chỉ mang tính kiến nghị, phán quyết

⁴⁰ Nguyễn Hoàng Anh. (2023). Kiểm soát quyền lực trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở Việt Nam: Nội dung, phương thức và một số vấn đề đặt ra. Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202309/kiem-soat-quyen-luc-trong-giai-quyet-khieu-nai-to-cao-hanh-chinh-o-viet-nam-noi-dung-phuong-thuc-va-mot-so-van-de-dat-ra-313004/>.

⁴¹ Lê Thị Anh Đào (2018). Vai trò của báo chí trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam - một số vấn đề cơ bản". Tạp chí Khoa học chính trị, (5), tr. 28 - 32.

⁴² Nguyễn Văn Quang (2014). Quyền tự định liệu và kiểm soát tư pháp việc sử dụng quyền tự định liệu trong hoạt động hành chính nhà nước. Tạp chí Luật học, số 2/2014, tr. 20-31.

⁴³ Lê Thị Thu Thảo (2018). Khái niệm và sự cần thiết kiểm soát của tư pháp đối với quyền hành pháp. Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam. Số 06/2018.

của Tòa án có tính bắt buộc thi hành bằng quyền lực nhà nước. Đây là cơ chế bảo vệ quyền công dân một cách trực tiếp và hiệu quả nhất, đồng thời là biểu hiện rõ nét của nguyên tắc pháp quyền, buộc nền hành chính phải vận hành trong khuôn khổ của pháp luật. Vai trò này sẽ được phân tích sâu hơn trong các mục tiếp theo của luận án.

- Về đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp hành chính:

Các học giả quốc tế đã có những nghiên cứu toàn diện về các phương thức giải quyết tranh chấp hành chính thay thế ngoài tòa án (Alternative Dispute Resolution - ADR). Tiêu biểu có thể kể đến công trình của tập thể tác giả Kathleen Claussen và Judith Starr công bố trên Journal of Dispute Resolution. Nghiên cứu này phân tích cách các cơ quan liên bang Mỹ sử dụng các phương thức ADR bao gồm hòa giải (mediation), hòa thuận (conciliation), điều phối (facilitation), xác định sự thật (factfinding), phiên tòa rút gọn (minitrials), trọng tài (arbitration) và thanh tra nghị viện (ombudsman)⁴⁴. Nghiên cứu độc lập của tác giả Cassandra Holford phân tích tính phù hợp của ADR trong bối cảnh xem xét lại căn cứ tại Tòa Kháng cáo Hành chính của Úc. Nghiên cứu xác định bốn chủ đề chính: tiếp cận công lý, kết quả hòa giải, due process (thủ tục công bằng) và niềm tin công chúng. Nghiên cứu lập luận rằng ADR phù hợp khi cung cấp được một diễn đàn thay thế hiệu quả cho quá trình xét xử để đạt được quyết định "đúng đắn hoặc ưu tiên"⁴⁵.

Như vậy, các công trình trong nhóm này đã thành công trong việc phân tích, làm rõ vai trò, chức năng và thực trạng của từng phương thức kiểm soát cụ thể. Đa số các nghiên cứu thường đứng ở góc độ của từng cơ chế riêng lẻ, do đó chưa làm nổi bật được vị trí đặc thù, vai trò không thể thay thế và bản chất tư pháp khác biệt của phương thức kiểm soát do Tòa án thực hiện so với các phương thức kiểm soát mang tính hành chính (thanh tra) hay chính trị (giám sát của cơ quan dân cử).

⁴⁴ Kristen Blankley, Kathleen Claussen và Judith Starr. (2024). Alternative Dispute Resolution in Agency Administrative Programs (Cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước). J. Disp. Resol. (Vol.2024 Issue 2). Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://scholarship.law.missouri.edu/jdr/vol2024/iss2/5>

⁴⁵ Holford, Cassandra. (2020). Evaluating the 'Merits' of Alternative Dispute Resolution (ADR) at the Administrative Appeals Tribunal (AAT) (Đánh giá tính phù hợp của cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế tại Tòa phúc thẩm hành chính). Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3965288>.

2. Tình hình nghiên cứu về xét xử hành chính và tố tụng hành chính

2.1. Tình hình nghiên cứu về bản chất, vai trò của xét xử hành chính

Điểm đồng thuận nổi bật nhất trong các công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước là xét xử hành chính mang trong mình một vai trò kép không thể tách rời: vừa là cơ chế bảo vệ quyền của cá nhân, tổ chức trước các hành vi công quyền, vừa là công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước theo nghĩa khách quan, buộc nền hành chính phải vận hành trong khuôn khổ pháp luật. Từ điển Black's Law xác định judicial review là quyền của Tòa án xem xét lại các quyết định của cơ quan nhà nước vì vi hiến⁴⁶. Học giả Charles Grove Haines làm rõ rằng ý tưởng ban đầu của kiểm soát tư pháp chủ yếu được hình thành để bảo vệ tính toàn vẹn và duy trì sự độc lập của các tòa án, đồng thời bảo vệ một số quyền cá nhân nhất định.⁴⁷ Peter Cane định nghĩa đây là quá trình Tòa án độc lập xem xét tính hợp pháp của các quyết định và hành động của cơ quan hành chính nhà nước, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khỏi sự lạm quyền hoặc sai sót.⁴⁸ Batalli và Pepaj khẳng định kiểm soát tư pháp là cơ chế then chốt để củng cố nguyên tắc pháp quyền, buộc các cơ quan công quyền phải hành động trong khuôn khổ pháp luật.⁴⁹

Tại Việt Nam, luận án của TS. Nguyễn Phương Dung đã chỉ ra rằng trong lĩnh vực đất đai, các quyết định và hành vi hành chính tác động trực tiếp đến quyền tài sản và an sinh của người dân, khiến các tranh chấp trong lĩnh vực này luôn chiếm tỷ lệ cao và có tính chất phức tạp⁵⁰. Tác giả Nguyễn Mạnh Hùng khẳng định việc đưa tranh chấp hành chính ra giải quyết tại một cơ quan xét xử độc lập là sự bảo đảm cao nhất cho quyền con người, quyền công dân⁵¹.

⁴⁶ Bryan A. Garner (Editor). (2024). Black's Law Dictionary [Từ điển Luật học]. Tái bản lần thứ 12. NXB Thomson West.

⁴⁷ Charles Grove Haines. (1924). Judicial Review of Legislation in the United States and the Doctrines of Vested Rights and of Implied Limitations on Legislatures [Kiểm soát tư pháp đối với hoạt động ban hành VBQPPL ở Hoa Kỳ và học thuyết về ủy quyền và hạn chế quyền trong hoạt động BHVBQPPL], 2 Tex. L. Rev. tr. 257 - 270.

⁴⁸ Peter Cane. (2011). Administrative Law (5th ed.) [Luật hành chính (tái bản lần thứ 5)]. Oxford University Press, tr.78-82.

⁴⁹ Batalli, M., Pepaj, I. (2022). Citizens right to seek judicial review of administrative acts and its impact on governance reforms [Quyền của công dân trong việc yêu cầu xem xét tư pháp đối với các quyết định hành chính và sự tác động đối với các cải cách quản trị]. Corporate Governance and Organizational Behavior Review, 6(2), 85-94.

⁵⁰ Nguyễn Phương Dung (2024). Giải quyết tranh chấp hành chính trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục tố tụng hành chính ở Việt Nam hiện nay. Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

⁵¹ Nguyễn Mạnh Hùng (2015). Phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính và thẩm quyền xét xử hành chính ở Việt Nam: sách chuyên khảo. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

Về cuộc tranh luận giữa "tính hợp pháp" và "tính hợp lý". Nghiên cứu so sánh của PGS.TS. Nguyễn Văn Quang về mô hình giải quyết tranh chấp hành chính tại một số quốc gia cung cấp những góc nhìn có giá trị: tại Trung Quốc⁵², Tòa án trong một số trường hợp ngoại lệ được xem xét cả tính "hợp lý"; tại Hoa Kỳ, thẩm phán có thể đề xuất các thủ tục không chính thức hoặc khuyến khích các bên thương lượng⁵³. Công trình của Guobin Zhu làm rõ các lý do và các hình thức của sự tôn trọng tư pháp⁵⁴. Đặc biệt, sự kiện vụ Loper Bright v. Raimondo (2024) tại Hoa Kỳ đã trả lại cho tòa án quyền diễn giải pháp luật độc lập và đầy đủ, một tín hiệu quan trọng về xu hướng toàn cầu đang nghiêng về phía mở rộng quyền kiểm soát tư pháp. Vấn đề mở rộng hay giữ nguyên phạm vi kiểm soát của Tòa án vẫn là một vấn đề lý luận lớn cần được tiếp tục nghiên cứu và thảo luận.

Các công trình đã đặt ra và bước đầu phân tích cuộc tranh luận học thuật quan trọng này. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đánh giá việc tham khảo kinh nghiệm và học thuyết tiêu biểu về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước đối với Việt Nam, cũng như chưa đề xuất được một cơ chế xác định giới hạn kiểm soát phù hợp với đặc thù thể chế của Việt Nam trong bối cảnh nhà nước kiến tạo phát triển.

2.2. Tình hình nghiên cứu về pháp luật tổ tụng hành chính Việt Nam qua các giai đoạn phát triển

Nhóm công trình nghiên cứu về pháp luật tổ tụng hành chính Việt Nam chiếm số lượng lớn nhất, có tính thực tiễn cao, tập trung phân tích và bình luận các quy định của Luật Tổ tụng hành chính qua các thời kỳ và đánh giá thực tiễn áp dụng.

Về đối tượng khởi kiện và người bị kiện, các công trình của các tác giả TS. Lê Việt Sơn⁵⁵, GS.TS. Phạm Hồng Thái⁵⁶ đã đi sâu phân tích khái niệm "quyết định hành chính", "hành vi hành chính", chỉ ra sự chưa rõ ràng trong định nghĩa pháp

⁵² Nguyễn Văn Quang (2018). Giải quyết tranh chấp hành chính theo quy định của pháp luật Trung Quốc. Tạp chí Luật học, số 05.

⁵³ Nguyễn Văn Quang (2010). Giải quyết tranh chấp hành chính bằng cơ quan hành chính theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ. Tạp chí Luật học, số 12.

⁵⁴ Zhu, Guobin. (2019). "Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives", in Deference to the Administration in Judicial Review, Springer, Singapore.

⁵⁵ Lê Việt Sơn. (2013). "Xác định hành vi hành chính – đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (05).

⁵⁶ Phạm Hồng Thái. (2015). "Hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, một số vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật", Tạp chí Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội, (2).

luật dẫn đến thực tiễn áp dụng không thống nhất giữa các Tòa án. Vấn đề địa vị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc người bị kiện không tham gia tố tụng đã được nhiều tác giả phân tích với những kiến nghị tháo gỡ cụ thể⁵⁷.

Về thẩm quyền của Tòa án, nghiên cứu của tác giả Biện Văn Hoàng⁵⁸ và TS. Nguyễn Thị Thủy⁵⁹ đã mổ xẻ các bất cập trong phân định thẩm quyền theo cấp, theo lãnh thổ, đặc biệt là sự chưa hợp lý trong phân định thẩm quyền giữa các cấp tòa án. Về thủ tục tố tụng, TS. Nguyễn Thị Thủy đã phân tích nội hàm và tầm quan trọng của chế định đối thoại⁶⁰; TS. Lê Việt Sơn và Vũ Thị Minh Thúy chỉ ra những thách thức trong thực tiễn áp dụng;⁶¹ TS. Nguyễn Sơn Lâm trong luận án tiến sĩ đã phân tích kỹ lưỡng vấn đề chứng cứ, chứng minh⁶².

Giai đoạn 2024-2025 đánh dấu những thay đổi thể chế lớn nhất trong lịch sử tổ chức tư pháp và tố tụng hành chính Việt Nam. Luật Tổ chức TAND số 34/2024/QH15 và Luật sửa đổi số 81/2025/QH15 tái cơ cấu toàn bộ hệ thống Tòa án nhân dân sang mô hình ba cấp (Tòa án nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân cấp cao - Tòa án nhân dân khu vực), có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Mô hình tổ chức mới này, với việc Tòa án khu vực không còn trùng với đơn vị hành chính cấp huyện (cũng đã bị dừng hoạt động từ 01/07/2025), có ý nghĩa trực tiếp đối với vấn đề độc lập tư pháp thực chất, một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát mà tài liệu học thuật đã chỉ ra là điểm yếu cơ bản. Luật Tổ tụng hành chính 2015 (sửa đổi 2025) đã bổ sung Điều 31a quy định Tòa án khu vực có thẩm quyền giải quyết toàn bộ sơ thẩm các vụ án hành chính, một thay đổi quan trọng về thẩm quyền xét xử. Công văn số 207/TANDTC-PC ngày 30/10/2024 của TAND Tối cao giải đáp nhiều vướng mắc cụ thể về xác định người bị kiện và phạm vi xét xử, phản ánh sự vận

⁵⁷ Nguyễn Bình Hiếu (2021). Mâu thuẫn khi xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam.

⁵⁸ Biện Văn Hoàng (2022). Một số vấn đề về thẩm quyền xét xử vụ án hành chính theo loại việc của Tòa án nhân dân. Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 2/2022.

⁵⁹ Nguyễn Thị Thủy (2024). Bàn về cơ quan tài phán hành chính theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành. Tạp chí Nghề luật, số 6/2024.

⁶⁰ Nguyễn Thị Thủy (2024). Nguyên tắc đối thoại trong tố tụng hành chính ở Việt Nam. Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 339 (4/2024).

⁶¹ Lê Việt Sơn, Vũ Thị Minh Thúy. (2016). Thủ tục đối thoại theo Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Tạp chí Kiểm sát, số 8/2016.

⁶² Nguyễn Sơn Lâm. (2025). Chứng cứ trong Tố tụng hành chính ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ. Trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

động liên tục của pháp luật thực định. Các công trình nghiên cứu vẫn chưa có nhiều sau khi mô hình mới được vận hành. Có thể kể đến công trình của tác giả Thu Hương đã tổng kết những điểm mới của mô hình Tòa án khu vực.⁶³

Hệ thống pháp luật về tổ tụng hành chính đã được rà soát, bình luận và đánh giá tương đối toàn diện cho giai đoạn đến 2023. Tuy nhiên, hàng loạt thay đổi pháp lý và tổ chức diễn ra trong 2024-2025 chưa được nghiên cứu học thuật bắt kịp, tạo ra khoảng trống giữa thực tiễn thể chế và tri thức khoa học.

3. Tình hình nghiên cứu về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính

3.1. Nhóm các nghiên cứu về bản chất, vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử hành chính đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau, từ việc làm rõ khái niệm, bản chất cho đến vai trò và vị thế của nó trong hệ thống kiểm soát quyền lực nhà nước. Các công trình nghiên cứu quốc tế đã xây dựng nền tảng lý thuyết vững chắc về hoạt động kiểm soát này, trong khi các nghiên cứu trong nước tập trung vào việc thích ứng hóa các lý thuyết đó với bối cảnh đặc thù của Việt Nam.

Về mặt khái niệm và bản chất, công trình tiên phong của Doreen Lustig và J.H.H. Weiler đã đặt vấn đề kiểm soát tư pháp trong một bối cảnh lịch sử và toàn cầu, chỉ ra rằng sự phát triển của cơ chế này trải qua "ba làn sóng" lớn: làn sóng thứ nhất là các cuộc cách mạng hiến pháp trong nước, làn sóng thứ hai chịu ảnh hưởng của luật quốc tế, và làn sóng thứ ba là sự lan tỏa của các mô hình tư pháp vùng miền. Cách tiếp cận này cho thấy việc Việt Nam xây dựng và hoàn thiện cơ chế xét xử hành chính không phải là một hiện tượng riêng lẻ, mà là một phần của xu hướng kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia đang chuyển đổi theo hướng dân chủ và pháp quyền⁶⁴.

⁶³ Thu Hương. (2025). Thẩm quyền giải quyết của 03 cấp Tòa án trong tổ tụng hành chính theo quy định mới. Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử. Truy cập ngày 3/02/2026 tại địa chỉ: <https://lsvn.vn/tham-quyen-giai-quyet-cua-03-cap-toa-an-trong-to-tung-hanh-chinh-theo-quy-dinh-moi-a163526.html>

⁶⁴ Doreen Lustig and J. H. H. Weiler. (2018). Judicial review in the contemporary world - Retrospective and prospective [Xem xét tư pháp trong thế giới đương đại – Nhìn lại quá khứ và triển vọng tương lai]. I- CON 16, 315-372.

Từ góc độ định nghĩa pháp lý, theo từ điển Black's Law, "judicial review" (kiểm soát tư pháp) được hiểu là quyền của các Tòa án để xem xét lại các quyết định của các cơ quan nhà nước hoặc quyết định của Tòa án cấp dưới vì vi hiến⁶⁵. Tác giả Charles Grove Haines nhận định rằng "*ý tưởng ban đầu về kiểm soát tư pháp (judicial review) dường như chủ yếu được hình thành để bảo vệ tính toàn vẹn và duy trì sự độc lập của các tòa án so với các nhánh khác, và để bảo vệ và che chở một số quyền cá nhân và tư nhân nhất định, chẳng hạn như quyền xét xử bởi bồi thẩm đoàn, vốn được coi là tự nhiên và không thể tước đoạt*"⁶⁶. Như vậy, các quan điểm trên đã phản ánh ba yếu tố cốt lõi: chủ thể thực hiện là một cơ quan tư pháp độc lập, đối tượng bị xem xét là các quyết định, hành vi công vụ của hoạt động hành chính nhà nước, và mục tiêu là bảo đảm tính đúng đắn của các hành vi đó thông qua một phán quyết có tính ràng buộc.

Tác giả Peter Cane, trong công trình nổi tiếng về Luật Hành chính, đã đưa ra một định nghĩa chi tiết hơn, nhấn mạnh rằng xét xử các vụ án hành chính là quá trình mà thông qua đó các tòa án độc lập xem xét tính hợp pháp của các quyết định và hành động của cơ quan hành chính nhà nước, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khỏi sự lạm quyền hoặc sai sót trong quá trình thực thi quyền lực công. Định nghĩa này làm nổi bật vai trò của tòa án độc lập và mục đích bảo vệ quyền lợi của công dân trong quá trình xét xử các vụ án hành chính.⁶⁷

Nghiên cứu của các tác giả Batalli, Pepaj và các cộng sự đã phân tích sâu hơn về vai trò của kiểm soát tư pháp trong việc tăng cường hiệu quả quản trị. Các tác giả khẳng định rằng việc kiểm soát tư pháp đối với các quyết định hành chính không chỉ giúp bảo vệ quyền của công dân mà còn là một cơ chế then chốt để củng cố nguyên tắc pháp quyền, buộc các cơ quan công quyền phải hành động trong khuôn

⁶⁵ Bryan A. Garner (editor). (2024). Black's Law Dictionary [Từ điển Nghĩa đen Luật học], Tái bản lần thứ 12. Nhà xuất bản Thomson West

⁶⁶ Charles Grove Haines. (1924). Judicial Review of Legislation in the United States and the Doctrines of Vested Rights and of Implied Limitations on Legislatures [Kiểm soát tư pháp đối với hoạt động ban hành VBQPPL ở Hoa Kỳ và học thuyết về ủy quyền và hạn chế quyền trong hoạt động BHVBQPPL], 2 Tex. L. Rev. tr. 257 - 270.

⁶⁷ Peter Cane. (2011). Administrative Law (5th ed.) [Luật hành chính (tái bản lần thứ 5)]. Oxford University Press, tr.78-82.

khô pháp luật và trong thời gian hợp lý để tôn trọng quyền của công dân.⁶⁸ Quan điểm này đã mở rộng vai trò của xét xử hành chính từ một công cụ bảo vệ quyền sang một yếu tố cấu thành của quản trị công hiện đại, trong đó tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả là những giá trị cốt lõi.

Tại Việt Nam, các học giả đã có những nỗ lực đáng kể trong việc nghiên cứu và làm rõ bản chất của kiểm soát này trong bối cảnh đặc thù của mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Công trình của Trần Ngọc Đường, Nguyễn Mạnh Hùng và Huỳnh Thị Hồng Nhiên về "Phân công và kiểm soát quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam" đã cung cấp sự diễn giải chính thống và sâu sắc về nguyên tắc "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát" được ghi nhận tại Điều 2 Hiến pháp 2013. Các tác giả phân biệt rõ mô hình của Việt Nam với học thuyết "tam quyền phân lập" kinh điển, từ đó làm cơ sở để phân tích những thách thức và đặc điểm riêng của cơ chế kiểm soát tư pháp tại Việt Nam, đặc biệt là vấn đề làm thế nào để kiểm soát hiệu quả trong một cấu trúc quyền lực thống nhất thay vì phân tán.⁶⁹

Nghiên cứu của Lê Thị Mơ và Trần Quốc Văn về "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp" đã phân tích các quy định pháp luật thực định (Luật Khiếu nại, Luật Tổ tụng hành chính), chỉ ra những mâu thuẫn, "độ vênh" và đề xuất hướng sửa đổi.⁷⁰ Đây là cơ sở quan trọng để luận án khẳng định rằng những hạn chế trong thực tiễn không chỉ do thi hành mà còn xuất phát từ chính những "khoảng trống" trong hệ thống pháp luật, cần có sự can thiệp từ nhà lập pháp.

Về vai trò của tòa án trong hệ thống kiểm soát quyền lực, công trình của Vũ Anh Tuấn và Hoàng Thị Thu Thủy về "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt

⁶⁸ Batalli, M., Pepaj, I. (2022). Citizens right to seek judicial review of administrative acts and its impact on governance reforms [Quyền của công dân trong việc yêu cầu xem xét tư pháp đối với các quyết định hành chính và sự tác động đối với các cải cách quản trị]. *Corporate Governance and Organizational Behavior Review*, 6(2), 85-94.

⁶⁹ Trần Ngọc Đường, Nguyễn Mạnh Hùng và Huỳnh Thị Hồng Nhiên. (2025). Phân công và kiểm soát quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam* 06(190).

⁷⁰ Lê Thị Mơ và Trần Quốc Văn. (2025). Kiểm soát quyền lực nhà nước trong việc thực hiện quyền hành pháp - Những vấn đề cơ bản và một số đề xuất hoàn thiện. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-trong-viec-thuc-hien-quyen-hanh-phap-nhung-van-de-co-ban-va-mot-so-de-xuat-hoan-thien13372.html>

động xét xử của Tòa án nhân dân" đã tập trung vào kiểm soát quyền lực *bên trong* ngành Tòa án⁷¹. Nghiên cứu này cho phép phân định rõ phạm vi: bên cạnh việc kiểm soát nội bộ, vấn đề kiểm soát *của Tòa án đối với* cơ quan hành chính là một mảng nghiên cứu riêng biệt và quan trọng, từ đó làm nổi bật hướng đi đặc thù của luận án này.

Nghiên cứu của Võ Khánh Vinh và Nguyễn Văn Khoát về "Những nội dung cơ bản của cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn mới" đã phân tích sâu sắc Nghị quyết 27-NQ/TW, đặc biệt nhấn mạnh vai trò trung tâm của Tòa án và hoạt động xét xử trong cải cách tư pháp. Công trình này kết nối các giải pháp cải cách với đường lối của Đảng, khẳng định rằng việc hoàn thiện cơ chế xét xử hành chính hoàn toàn phù hợp và nhằm cụ thể hóa đường lối cải cách tư pháp của Đảng, tăng tính thuyết phục và khả thi.⁷²

Từ góc độ thách thức lý luận, bài phỏng vấn của Nguyễn Văn Đáng về "Kiểm soát quyền lực trong cấu trúc quyền lực thống nhất" đã đặt ra một cách trực diện câu hỏi cốt lõi: làm thế nào để kiểm soát hiệu quả trong một cấu trúc "quyền lực thống nhất" thay vì "phân tán". Đây chính là câu hỏi trung tâm mà nghiên cứu về xét xử hành chính tại Việt Nam cần giải quyết, và điều đó cho thấy vấn đề nghiên cứu không chỉ là vấn đề pháp lý đơn thuần mà còn là một bài toán về thể chế chính trị.⁷³

Tóm lại, các nghiên cứu về bản chất và vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc làm rõ khái niệm, xác lập vị thế và chỉ ra tính phổ quát của hoạt động kiểm soát này. Tuy nhiên, các công trình vẫn chưa đi sâu phân tích cơ chế vận hành cụ thể của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính trong điều kiện Việt Nam, đặc biệt là mối quan hệ thực tế giữa tòa án và cơ quan hành chính trong quá trình xét xử, cũng như những yếu tố phi pháp lý (văn hóa, chính trị, xã hội) ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát trên thực tế.

⁷¹ Vũ Anh Tuấn và Hoàng Thị Thu Thủy. (2025). Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-trong-hoat-dong-xet-xu-cua-toa-an-nhan-dan12862.html>

⁷² Võ Khánh Vinh và Nguyễn Văn Khoát. (2024). Những nội dung cơ bản của cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn mới (Kỳ 1). Khoa học Kiểm sát 04, tr. 3-8.

⁷³ Nguyễn Văn Đáng. (2022). Kiểm soát quyền lực trong cấu trúc quyền lực thống nhất. Tuần Việt Nam. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://vietnamnet.vn/kiem-soat-quyen-luc-trong-cau-truc-quyen-luc-thong-nhat-2066049.html>

3.2. Nhóm các nghiên cứu về bảo đảm hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Các công trình nghiên cứu trong nhóm này hướng đến việc phát huy hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Các công trình trong nhóm này phân tích các điều kiện bảo đảm hiệu quả của kiểm soát, từ tính độc lập của tòa án, tính hiệu quả của thủ tục tố tụng, chất lượng bản án, năng lực thẩm phán, đến cơ chế thi hành án và vai trò của án lệ.

- *Hướng nghiên cứu về những rào cản đối với tính độc lập của Tòa án*: Độc lập của tòa án là điều kiện tiên quyết để kiểm soát phát huy tác dụng. Nghiên cứu của Carlo Guarnieri đã phân tích các khía cạnh và thách thức đối với tính độc lập của tư pháp ở châu Âu. Nghiên cứu này cho thấy việc bảo đảm tính độc lập của tòa án là một bài toán phức tạp, đòi hỏi các giải pháp đồng bộ cả về thể chế (cơ chế bổ nhiệm, quản lý, tài chính) và văn hóa pháp lý (nhận thức, đạo đức nghề nghiệp). Quan điểm này đặc biệt có ý nghĩa khi đối chiếu với thực trạng tại Việt Nam, nơi tính độc lập "trên giấy" đã được ghi nhận nhưng tính độc lập "trên thực tế" vẫn còn nhiều hạn chế do các yếu tố phi pháp lý.⁷⁴

Công trình nghiên cứu của David Kosař, Katarína Šipulová và Ondřej Kadlec đã cung cấp một khung lý thuyết rất mới về Hội đồng Tư pháp như một "nhánh quyền lực thứ tư", độc lập với cả hành pháp, lập pháp và chính ngành tư pháp. Lý thuyết này có thể được dùng làm nền tảng cho các đề xuất cải cách mô hình tổ chức Tòa án ở Việt Nam, nhằm tăng cường tính độc lập thực chất, đặc biệt trong việc tuyển chọn và bổ nhiệm thẩm phán.⁷⁵

Elliot Bulmer đã tổng hợp các mô hình bổ nhiệm thẩm phán trên thế giới (bởi hành pháp, bởi ngành tư pháp, bởi hội đồng tư pháp, mô hình hỗn hợp). Các mô hình này có thể được sử dụng để so sánh và đề xuất một cơ chế bổ nhiệm cạnh tranh, minh bạch, đảm bảo tính độc lập và năng lực cho thẩm phán hành chính Việt Nam, vượt qua những hạn chế của cơ chế hiện hành vốn chưa đủ cạnh tranh và thiếu minh bạch.⁷⁶

⁷⁴ Carlo Guarnieri. (2013). Judicial Independence in Europe: Threat or Resource for Democracy? [Tính độc lập của tư pháp ở châu Âu: Mối đe dọa hay nguồn lực cho dân chủ?]. Representation, số 49:3. Tr. 347-359.

⁷⁵ David Kosař, Katarína Šipulová and Ondřej Kadlec. (2024). The Case for Judicial Councils as Fourth-Branch Institutions [Lập luận cho Hội đồng Tư pháp với tư cách là nhánh quyền lực thứ tư]. European Constitutional Law Review, 20, tr. 82-119.

⁷⁶ Elliot Bulmer. (2014). Judicial Appointments [Bổ nhiệm Tư pháp]. International IDEA Constitution-

Nghiên cứu của Sayed Madadi, Svetozara Petkova và Zoran Skopljak cung cấp cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về cải cách "bản đồ tư pháp" (hợp nhất, chia tách, tái cấu trúc tòa án). Đây là nguồn tài liệu để luận giải cho đề xuất thành lập các Tòa hành chính khu vực chuyên trách tại Việt Nam, nhằm cân bằng giữa hiệu quả (chuyên môn hóa) và khả năng tiếp cận công lý (gần dân), đồng thời tăng cường tính độc lập thực chất bằng cách tách Tòa án khỏi sự ảnh hưởng của chính quyền địa phương cùng cấp.⁷⁷

- Về các nguyên tắc và tiêu chí kiểm soát, công trình của Jud Mathews đã phân tích sâu sắc nguyên tắc tương xứng (*proportionality*) như một công cụ kiểm soát nội dung quyết định hành chính. Tác giả trình bày mô hình 4 bước (tính hợp pháp, tính phù hợp, tính cần thiết, tính cân bằng) và các biến thể trong việc áp dụng nguyên tắc này trên thế giới, từ đó làm cơ sở lý luận cho các kiến nghị hoàn thiện tại Việt Nam. Đây là một công cụ quan trọng giúp tòa án không chỉ xem xét tính hợp pháp hình thức mà còn đánh giá tính hợp lý thực chất của quyết định hành chính.⁷⁸

Nghiên cứu so sánh của tác giả Dieter Grimm đã cho thấy sự linh hoạt và bối cảnh cụ thể của nguyên tắc tương xứng ở hai quốc gia khác nhau. Điều này giúp khẳng định rằng Việt Nam có thể tiếp thu các nguyên tắc này một cách sáng tạo, thay vì máy móc, để phù hợp với bối cảnh của mình, đặc biệt trong điều kiện cơ quan hành chính đang được trao nhiều quyền tự do quyết định hơn trong mô hình "nhà nước kiến tạo phát triển".⁷⁹

Tác giả Paul Craig đã chỉ ra rằng khái niệm tương tự như "tương xứng" (*proportionability*) đã tồn tại từ lâu trong thông luật Anh. Điều này cho thấy kiểm soát sự lạm quyền của hành chính là một nhu cầu phổ quát của nhà nước pháp quyền, không phân biệt truyền thống pháp luật, củng cố thêm tính tất yếu của việc áp dụng nguyên tắc này ở Việt Nam.⁸⁰

Building Primer 4. International IDEA.

⁷⁷ Sayed Madadi, Svetozara Petkova and Zoran Skopljak. (2025). Reforming Justice: Balancing Efficiency and Accessibility through Judicial Map Reform [Cải cách Tư pháp: Cân bằng Hiệu quả và Khả năng tiếp cận thông qua Bản đồ Cải cách Tư pháp]. World Bank.

⁷⁸ Jud Mathews. (2017). Proportionality Review in Administrative Law [Xem xét tính tương xứng trong Luật Hành chính]. Trong Comparative Administrative Law (second edition) [Luật hành chính so sánh (tái bản lần thứ 2)]. Nhà xuất bản Edward Elgar.

⁷⁹ Dieter Grimm. (2007). Proportionality in Canadian and German Constitutional Jurisprudence [Nguyên tắc tương xứng trong Luật lệ Hiến pháp của Canada và Đức]. University of Toronto Law Journal 57.

⁸⁰ Paul Craig. (2017). Proportionality and Judicial Review: A UK Historical Perspective [Nguyên tắc tương

Công trình của Guobin Zhu (chủ biên) cung cấp một cái nhìn toàn diện và so sánh về học thuyết về sự tôn trọng/tôn trọng tư pháp (*judicial deference*). Nghiên cứu này làm rõ các lý do (phân công quyền lực, chuyên môn kỹ thuật, tính chính trị) và các hình thức của sự tôn trọng, từ đó xác định giới hạn hợp lý cho quyền kiểm soát của Tòa án Việt Nam đối với các quyết định hành chính, đặc biệt là những quyết định mang tính chính sách hoặc chuyên môn kỹ thuật cao.⁸¹

- Về vấn đề thủ tục tố tụng và quyền tiếp cận công lý, các nghiên cứu trong nước đã chỉ ra nhiều vướng mắc, bất cập trong Luật Tố tụng hành chính 2015. Tác giả Minh Hải đến từ VKSND Cấp cao tại Hà Nội, trong bài viết về vướng mắc trong quy định của Luật Tố tụng hành chính đã chỉ ra rằng quy định pháp luật còn bất cập, buộc Tòa án phải thực hiện các thủ tục tố tụng không cần thiết, làm kéo dài thời gian, gây mệt mỏi cho người dân và làm giảm niềm tin vào công lý. Tác giả cũng cho thấy sự thiếu thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật giữa các Tòa án, dẫn đến việc ra các quyết định tố tụng khác nhau cho cùng một vấn đề, làm ảnh hưởng đến chất lượng chung.⁸²

Tác giả Lê Thị Mơ đã phân tích sự "mập mờ" trong quy định về quyền khởi kiện là một rào cản pháp lý, khiến Tòa án lúng túng và có thể dẫn đến việc trả lại đơn khởi kiện không đúng, làm người dân mất đi cơ hội tiếp cận công lý. Tác giả cũng chỉ ra rằng Luật TTHC chưa giải thích cụ thể về thủ tục khởi kiện của người không biết chữ, không nhìn được, không thể tự mình làm đơn khởi kiện, đây là một ví dụ điển hình về "khoảng trống" pháp luật, tạo ra rào cản cho các nhóm yếu thế trong xã hội khi muốn tiếp cận công lý.⁸³

- Về chất lượng bản án và năng lực thẩm phán, tác giả Nguyễn Thị Hà đã chỉ ra nguyên nhân của việc chất lượng bản án không đồng đều là do thiếu một khung

xứng trong Kiểm soát tư pháp: Quan điểm lịch sử của Vương quốc Anh]. Trong General Principles of Law: European and Comparative Perspectives [Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật: Châu Âu và góc độ so sánh]. Hart Publishing.

⁸¹ Guobin Zhu (ed.). (2019). Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives [Sự tôn trọng đối với cơ quan hành chính trong Kiểm soát tư pháp: Các quan điểm so sánh]. Springer.

⁸² Minh Hải. (2020). Bàn về vướng mắc trong quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-mot-so-quy-dinh-luat-to-tung-hanh-chinh-nam-2015>

⁸³ Lê Thị Mơ. (2022). "Quy định của Luật Tố tụng hành chính về khởi kiện vụ án hành chính – Hạn chế và kiến nghị", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-cua-luat-to-tung-hanh-chinh-ve-khoi-kien-vu-an-hanh-chinh-%E2%80%93-han-che-va-kien-nghi7411.html>

tiêu chí thống nhất để đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính. Đây là một hạn chế về mặt thể chế, cho thấy dù Tòa án có quyền hạn nhưng lại thiếu công cụ (án lệ, hướng dẫn) để thực thi quyền đó một cách nhất quán, làm suy yếu vị thế giải thích pháp luật.⁸⁴

Các nghiên cứu thực chứng cũng đã chỉ ra những khó khăn, vướng mắc cụ thể trong thực tiễn xét xử. Thái Vũ, trong bài viết về "Khó khăn, vướng mắc trong giải quyết, xét xử các vụ án hành chính tại Tòa án hai cấp TP. Hồ Chí Minh", đã nêu ra thực trạng người bị kiện rất ít khi trực tiếp tham gia tố tụng, không trả lời ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án thường không thể tiến hành đối thoại được. Đây là dẫn chứng điển hình cho sự mâu thuẫn giữa nhận thức cấp cao và hành vi cấp thừa hành, thể hiện sự coi nhẹ vai trò của Tòa án và làm cho phiên đối thoại mang tính hình thức, kéo dài vụ án, đồng thời là khởi nguồn cho việc không thi hành án sau này.

- *Về vấn đề thi hành án*: đây là khâu then chốt quyết định hiệu quả cuối cùng của kiểm soát. Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Việt Sơn đã chỉ ra rằng cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào sự tự giác của cơ quan hành chính và sự đôn đốc của cơ quan hành chính cấp trên đối với cấp dưới, nhưng khi sự "chây ỳ", không thi hành án từ chính cơ quan hành chính cấp tỉnh, cơ chế này gần như bị vô hiệu hóa. Tác giả đã phân tích các lý do từ thiếu cơ chế cưỡng chế hiệu quả, thiếu chế tài răn đe nghiêm khắc, cho đến vấn đề về nhận thức và văn hóa pháp lý.⁸⁵

Các nghiên cứu về tác động và hiệu quả thực chất của xét xử hành chính cũng đã được nhiều tác giả tiến hành. Tác giả Manoj Mate đã cho thấy vai trò của tòa án tối cao trong việc định hình các chính sách kinh tế - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy xét xử hành chính không chỉ là công cụ giải quyết tranh chấp mà còn có thể trở thành một nhân tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển,⁸⁶ điều này có ý nghĩa tham khảo quan trọng cho Việt Nam trong việc đạt được mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045.

⁸⁴ Nguyễn Thị Hà. (2018). Quyền hạn của Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử.

⁸⁵ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn. Luận án tiến sĩ Luật học. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

⁸⁶ Manoj Mate. (2016). Globalization, Rights, and Judicial Review in the Supreme Court of India [Toàn cầu hóa, Quyền và Xem xét Tư pháp tại Tòa án Tối cao Ấn Độ]. Washington International Law Journal 25, 643.

Tác giả Robert Thomas đã phân tích các "thất bại mang tính hệ thống" của nền hành chính (ví dụ: truyền thông kém, quyết định thiếu năng lực, thiếu nguồn lực, văn hóa hệ thống)⁸⁷. Khung phân tích này có thể được áp dụng để hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn các nguyên nhân dẫn đến các sai sót của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam được phát hiện qua xét xử, từ đó đề xuất các giải pháp có tính hệ thống hơn, không chỉ dừng lại ở việc sửa đổi luật mà còn cải cách văn hóa tổ chức và nâng cao năng lực.

Các nghiên cứu được hỗ trợ bởi Ngân hàng Thế giới đã cung cấp những bằng chứng thực tiễn, cập nhật về: (1) Mối liên hệ giữa hiệu quả tư pháp và tăng trưởng kinh tế; (2) Các tiêu chuẩn quốc tế về thời gian giải quyết vụ việc hợp lý; (3) Vai trò của dữ liệu lớn và AI trong việc chuyển đổi hệ thống tư pháp.⁸⁸ Đây là những luận cứ thuyết phục để đề xuất hiện đại hóa hoạt động xét xử hành chính, không chỉ về mặt thủ tục mà còn về mặt công nghệ và quản trị dữ liệu, phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Vũ Lê Minh về "Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước hiệu quả trong bối cảnh pháp luật kiến tạo phát triển: Thách thức và giải pháp" đã gắn việc kiểm soát quyền lực với bối cảnh mới của "pháp luật kiến tạo phát triển". Tác giả chỉ ra những nguy cơ mới như "lợi ích nhóm", lạm dụng sự linh hoạt, và cho rằng các nghiên cứu trước đây chưa giải quyết triệt để các thách thức mới này, từ đó tạo ra "khoảng trống" để nghiên cứu sâu hơn về vai trò của xét xử hành chính trong bối cảnh mới này.⁸⁹

⁸⁷ Robert Thomas. (2021). Analysing systemic administrative justice failures: explanatory factors and prospects for future research [Phân tích các thất bại mang tính hệ thống trong công lý hành chính: các yếu tố giải thích và triển vọng nghiên cứu trong tương lai]. *Journal of Social Welfare and Family Law*, 43:3, 339-363.

⁸⁸ World Bank Group. (2025). Increasing Access to Justice in Fragile Settings [Tăng cường tiếp cận công lý trong hoàn cảnh thách thức]. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099101123141530374/pdf/P17955108fb2a104e0a55e04b0257738ea3.pdf>

⁸⁹ Vũ Lê Minh. (2025). Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước hiệu quả trong bối cảnh pháp luật "kiến tạo phát triển": Thách thức và giải pháp. *Tạp chí Điện tử Pháp lý*. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://phaply.net.vn/xay-dung-co-che-giam-sat-va-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-hieu-qua-trong-boi-can-phap-luat-kien-tao-phat-trien-thach-thuc-va-giai-phap-a260502.html>

Tóm lại, nhóm nghiên cứu về bảo đảm hiệu quả kiểm soát đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc chỉ ra các yếu tố cấu thành hiệu quả của xét xử hành chính và phân tích các vướng mắc cụ thể trong thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn còn mang tính phân tán, tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ (như thủ tục, thi hành án, năng lực thẩm phán) mà chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể, hệ thống về mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố này và đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ. Đặc biệt, các nghiên cứu vẫn chưa đi sâu phân tích bằng phương pháp thực chứng về hiệu quả thực tế của cơ chế kiểm soát này dựa trên số liệu cụ thể về tỷ lệ thắng kiện, tỷ lệ thi hành án, và tác động dài hạn đến chất lượng quản trị hành chính.

4. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho Luận án

4.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Kết quả khảo cứu hệ thống các công trình trong nước và ngoài nước ở ba tiểu mục trên cho thấy kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là một chủ đề đã và đang thu hút sự quan tâm đáng kể của giới nghiên cứu. Qua đó có thể nhận thấy đây là một chủ đề không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn mang tính thời sự cấp thiết, đã thu hút sự quan tâm lớn của giới học thuật và các nhà hoạt động thực tiễn. Những thành tựu và hạn chế của các nghiên cứu này có thể được tổng kết trên ba phương diện.

Một là, về phương diện lý luận, các công trình đã xác lập được một khung nhận thức chung về bản chất và vai trò của xét xử hành chính trong nhà nước pháp quyền. Giới học thuật trong nước và nước ngoài đã đồng thuận rộng rãi ở một số luận điểm cốt lõi: xét xử hành chính mang vai trò kép, vừa là cơ chế bảo vệ quyền của cá nhân, tổ chức, vừa là công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước; sự độc lập của Tòa án là điều kiện tiên quyết cho kiểm soát có hiệu quả; và việc phân biệt giữa kiểm soát tính hợp pháp và kiểm soát tính hợp lý của quyết định hành chính là một cặp phạm trù trung tâm của lý luận. Tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin và các học thuyết kinh điển phương Tây đã cung cấp những nền tảng tư tưởng khác

nhau nhưng cùng đi đến kết luận về sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước. Tuy vậy, các công trình chủ yếu dừng ở khung lý luận chung, chưa đi sâu phân biệt hoạt động hành chính nhà nước - đối tượng cụ thể của xét xử hành chính - với quyền hành pháp nói chung; đồng thời chưa xây dựng được một hệ thống điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá được cấu trúc hóa, có khả năng vận hành như công cụ phân tích thống nhất từ lý luận đến thực trạng và giải pháp.

Hai là, về phương diện pháp luật thực định, hệ thống quy định của pháp luật về xét xử hành chính đã được giới nghiên cứu rà soát, bình luận tương đối toàn diện qua các chế định lớn như đối tượng khởi kiện, người bị kiện, thẩm quyền của Tòa án, thủ tục đối thoại, chứng cứ và chứng minh, thi hành án hành chính. Các công trình đã chỉ ra nhiều bất cập, mâu thuẫn và kiến nghị sửa đổi cụ thể. Tuy nhiên, các nghiên cứu có xu hướng tập trung vào từng chế định riêng lẻ, ít đặt các quy định pháp luật trong mối tương quan với một khung chuẩn mực nhất quán để đánh giá xem chúng đã đáp ứng ở mức độ nào các yêu cầu của cơ chế kiểm soát tư pháp. Bên cạnh đó, các thay đổi thể chế lớn của giai đoạn 2024 - 2025, đặc biệt là Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 và mô hình Tòa án nhân dân khu vực đi vào vận hành từ ngày 01/7/2025, chưa được phân tích đầy đủ về ý nghĩa đối với việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

Ba là, về phương diện thực tiễn, các nghiên cứu đã phản ánh được một số vấn đề nổi cộm như tính độc lập còn hạn chế của Tòa án trong các vụ án hành chính, tình trạng người bị kiện vắng mặt hoặc không hợp tác trong quá trình tố tụng, chất lượng bản án chưa đồng đều, và đặc biệt là khoảng cách lớn giữa tỷ lệ giải quyết án và tỷ lệ thi hành án hành chính trên thực tế. Tuy vậy, phần lớn các phân tích thực tiễn mới dừng ở quy mô nhỏ, dựa trên kinh nghiệm cá nhân hoặc một vài vụ việc điển hình. Chưa có nhiều công trình đặt thực tiễn xét xử và thi hành án hành chính vào một khung tiêu chí đánh giá tổng thể và sử dụng nhất quán dữ liệu báo cáo chính thức của các cơ quan có thẩm quyền (Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân) qua nhiều năm liên tiếp để làm rõ xu hướng vận động của cơ chế.

Trên cơ sở đó, có thể nhận diện ba khoảng trống chính mà các công trình đã công bố chưa giải quyết thỏa đáng. Thứ nhất, lý luận về xét xử hành chính với tư cách là hoạt động kiểm soát quyền lực còn chưa được hệ thống hóa thành một cấu trúc phân tích mạch lạc, đi từ điều kiện bảo đảm đến tiêu chí đánh giá, có thể dùng làm khung chiếu xuyên suốt từ chương lý luận sang chương thực trạng và chương giải pháp. Thứ hai, đánh giá thực trạng cơ chế kiểm soát tại Việt Nam còn thiếu tính hệ thống: các nhận định về tính độc lập, chất lượng bản án, sự tham gia tố tụng của người bị kiện, hiệu quả thi hành án thường được khảo sát rời rạc, chưa đặt trong cùng một khung tiêu chí, chưa được kiểm chứng một cách nhất quán bằng dữ liệu báo cáo chính thức và thực tiễn xét xử được công bố. Thứ ba, các đề xuất giải pháp, dù phong phú, còn thiếu sự gắn kết trực tiếp với các tồn tại đã được chứng minh và với các thay đổi thể chế mới diễn ra, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW, Nghị quyết 66-NQ/TW và mô hình tổ chức Tòa án ba cấp.

4.2. Những vấn đề khoa học cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ trong Luận án

Xuất phát từ ba khoảng trống nêu trên và trong phạm vi giới hạn của một luận án tiến sĩ luật học, tác giả xác định bốn vấn đề khoa học chính mà luận án tập trung làm rõ, tương ứng với cấu trúc ba chương nội dung.

Thứ nhất, luận án tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, trong đó trọng tâm là: (i) xác lập khái niệm "hoạt động hành chính nhà nước" trong phân biệt với "quyền hành pháp" nói chung, để xác định đúng đối tượng của hoạt động kiểm soát; (ii) phân tích các đặc điểm của kiểm soát thông qua xét xử vụ án hành chính theo bốn thành tố cấu thành là chủ thể, đối tượng - phạm vi - giới hạn, thủ tục và kết quả; (iii) xây dựng một hệ thống các nhóm điều kiện bảo đảm cơ chế kiểm soát (điều kiện nhận thức pháp lý; điều kiện thể chế và tổ chức thực hiện quyền tư pháp; điều kiện pháp luật tố tụng và năng lực của Tòa án; điều kiện bảo đảm hiệu lực thi hành phán quyết) cùng với bảy tiêu chí đánh giá tương ứng. Hệ thống này được luận án thiết kế để sử dụng nhất quán ở cả chương đánh giá thực trạng và chương đề xuất giải pháp, nhằm khắc phục tình trạng phân tích rời rạc đã được ghi nhận trong các công trình đi trước.

Thứ hai, luận án đánh giá thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trên hai phương diện. Một là, phân tích cơ sở pháp lý hiện hành, trong đó chú ý cập nhật và đánh giá tác động của những thay đổi thể chế lớn giai đoạn 2024 - 2025, đặc biệt là Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, Luật sửa đổi năm 2025 và mô hình Tòa án nhân dân khu vực. Hai là, phân tích thực trạng vận hành dựa trên dữ liệu báo cáo chính thức của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao qua các năm, kết hợp với các bản án, quyết định đã công bố và các thông báo rút kinh nghiệm được tác giả tập hợp trong phụ lục của luận án. Việc đánh giá được thực hiện theo đúng bảy tiêu chí đã xây dựng ở Chương 1, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại - hạn chế theo từng tiêu chí và xác định các nhóm nguyên nhân của tồn tại, hạn chế đó. Luận án không đặt tham vọng tiến hành một nghiên cứu xã hội học hay khảo sát định lượng sơ cấp quy mô lớn, mà giới hạn ở việc hệ thống hóa và phân tích có căn cứ các nguồn dữ liệu thứ cấp chính thức và hồ sơ vụ việc trong phạm vi tiếp cận được.

Thứ ba, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, được cấu trúc theo các nhóm tương ứng với bốn nhóm điều kiện bảo đảm đã xây dựng ở Chương 1. Các giải pháp tập trung vào: (i) hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính; (ii) hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp, đặc biệt là chuẩn mực kiểm soát việc thực hiện quyền tùy nghi hành chính; (iii) hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính theo hướng bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất; (iv) nâng cao năng lực, chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành chính; (v) bảo đảm thi hành án hành chính và phát huy hiệu ứng lan tỏa của bản án, quyết định. Các giải pháp được xây dựng trên nguyên tắc gắn trực tiếp với từng tồn tại, hạn chế đã được nhận diện ở Chương 2, đồng thời phù hợp với định hướng của Nghị quyết 27-NQ/TW, Nghị quyết 66-NQ/TW và bối cảnh vận hành mô hình Tòa án nhân dân khu vực.

Thứ tư, xuyên suốt ba chương nội dung, luận án chú ý đặt vấn đề kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước trong bối cảnh mới của đất nước, bao gồm yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, định hướng kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, chuyển đổi số quốc gia và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc gắn các phân tích và đề xuất với bối cảnh này là một trong những điểm mà luận án cố gắng tạo thêm giá trị so với những công trình đi trước chủ yếu phân tích cơ chế trong điều kiện thể chế trước năm 2024.

Các vấn đề nêu trên được triển khai trong khuôn khổ và giới hạn của một luận án tiến sĩ luật học. Luận án không đặt mục tiêu bao quát toàn bộ lĩnh vực kiểm soát quyền lực nhà nước, cũng không tham vọng thay thế các khảo sát thực chứng quy mô xã hội học chuyên sâu, mà tập trung vào phần việc có thể thực hiện được trên cơ sở phương pháp luận của khoa học pháp lý: hệ thống hóa lý luận, phân tích pháp luật thực định kết hợp với dữ liệu thứ cấp chính thức và hồ sơ vụ việc được công bố, từ đó đề xuất các giải pháp có căn cứ khoa học và khả thi trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Những nội dung vượt quá giới hạn này được xác định là hướng nghiên cứu tiếp tục sau luận án.

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu chính của luận án là: *Việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính ở Việt Nam hiện nay được cấu trúc và vận hành như thế nào và cần được hoàn thiện ra sao để đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa?*

Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể:

[1]. Về phương diện lý luận: *Bản chất pháp lý, phạm vi và giới hạn của việc kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử được xác định như thế nào trong mô hình thống nhất quyền lực có phân công, phối hợp và kiểm soát của Việt Nam, so với các mô hình phân quyền kinh điển trên thế giới?*

[2]. Về phương diện pháp luật thực định: *Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành (đặc biệt là Luật Tổ tụng hành chính và các luật chuyên ngành liên quan) đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ và khả thi cho việc kiểm soát thông qua xét xử hành chính vận hành một cách có hiệu quả hay chưa; những bất cập cơ bản là gì?*

[3]. Về phương diện thực tiễn: *Dựa trên số liệu báo cáo chính thức của TANDTC, Bộ Tư pháp giai đoạn 2022–2025 và tập hợp bản án đã công bố, kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính đang có kết quả như thế nào ở các khâu thụ lý, xét xử, phán quyết và thi hành án, và những điểm nghẽn hệ thống nằm ở đâu?*

[4]. Về phương diện giải pháp: *Cần có những giải pháp đồng bộ nào về thể chế, pháp luật tố tụng, năng lực xét xử và cơ chế thi hành án hành chính để hoàn thiện cơ chế kiểm soát này, trên cơ sở các định hướng của Nghị quyết của Đảng và bối cảnh vận hành mô hình Tòa án nhân dân khu vực?*

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Mặc dù cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam đã được thiết lập tương đối đầy đủ về phương diện pháp lý, nhưng hiệu quả kiểm soát trên thực tế còn thấp. Nguyên nhân cốt lõi là sự thiếu đồng bộ giữa các điều kiện bảo đảm, đặc biệt là điều kiện về tính độc lập thực chất của Tòa án và hiệu lực thi hành bản án hành chính. Do đó, để tạo bước đột phá, cần một hệ thống giải pháp thể chế đồng bộ nhằm tăng cường vị thế độc lập của Tòa án nhân dân khu vực và thiết lập cơ chế cưỡng chế thi hành án hành chính đủ mạnh, khả thi.

TIỂU KẾT PHẦN TỔNG QUAN

Về thành tựu, nền tảng lý luận về bản chất, vai trò và sự cần thiết của cơ chế kiểm soát này đã được xác lập vững chắc, đạt sự đồng thuận rộng rãi trong giới học thuật cả trong và ngoài nước. Hệ thống pháp luật tổ tụng hành chính đã được phân tích và bình luận tương đối toàn diện. Thực tiễn xét xử đã phần nào được phản ánh qua các nghiên cứu thực chứng quy mô nhỏ và tài liệu trao đổi nghiệp vụ.

Về khoảng trống, ba khoảng trống nghiên cứu đáng kể đã được nhận diện: việc còn thiếu một khung đánh giá hiệu quả kiểm soát tích hợp và phù hợp với bối cảnh Việt Nam; sự thiếu hụt nghiên cứu thực chứng dựa trên dữ liệu hệ thống quy mô đủ lớn và đủ dài; và sự chưa được đánh giá học thuật đầy đủ đối với các thay đổi thiết chế tư pháp trong giai đoạn 2024-2025.

Về định hướng của luận án, xuất phát từ những khoảng trống đó, luận án này kế thừa toàn bộ nền tảng tri thức đã được kiến tạo, đồng thời mở rộng phạm vi và chiều sâu phân tích bằng cách xây dựng khung lý thuyết tích hợp, thực hiện nghiên cứu thực chứng với dữ liệu định tính và định lượng có hệ thống, và đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ phù hợp với xu thế kiểm soát hiện đại trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG 1.

LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

1.1. Khái niệm hoạt động hành chính nhà nước và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước

1.1.1. Khái niệm hoạt động hành chính nhà nước

1.1.1.1. Định nghĩa hoạt động hành chính nhà nước

Xét từ góc độ lý thuyết nhà nước truyền thống, hoạt động hành chính nhà nước gắn chặt với nhánh hành pháp và có chức năng tổ chức thi hành pháp luật, quản lý và điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ rất sớm, các học giả phương Tây như John Locke và Montesquieu đã đặt nền móng cho tư duy phân chia quyền lực nhà nước, coi việc phân định tương đối rành mạch giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp là điều kiện quan trọng để ngăn ngừa sự tập trung quyền lực và bảo vệ tự do cá nhân. John Locke cho rằng không nên để cùng một người hoặc cùng một nhóm người nắm cả quyền lập pháp và quyền hành pháp, bởi điều đó sẽ tạo ra nguy cơ lạm dụng quyền lực⁹⁰. Montesquieu cũng khẳng định rằng khi quyền lập pháp và hành pháp được kết hợp trong cùng một chủ thể thì tự do không còn được bảo đảm⁹¹.

Trên nền tảng đó, quyền hành pháp dần được nhận thức là một trong ba quyền hiến định cơ bản của nhà nước theo lý thuyết phân quyền, với nội dung cốt lõi là thi hành pháp luật và bảo đảm pháp luật được thực hiện trong thực tế⁹². Cách tiếp cận này không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn phản ánh một yêu cầu thực tiễn của quản trị nhà nước: pháp luật chỉ thực sự có giá trị khi được tổ chức thực hiện bằng những hoạt động điều hành cụ thể, thường xuyên và có hiệu quả. Trong "Two

⁹⁰ Locke, J., 1689, Two Treatises of Government [Hai khảo luận về Chính quyền] - The Founders' Constitution, Tập 1, Chương 10, NXB. Đại học Chicago, Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <http://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/v1ch10s3.html>.

⁹¹ T. Evans. (1989). The Complete Works of M. de Montesquieu [Các công trình nghiên cứu của Montesquieu] (Vol. 4). (Tác phẩm gốc được công bố năm 1777). Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://oll.libertyfund.org/titles/montesquieu-complete-works-4-vols-1777>.

⁹² Phạm Hồng Thái, Bùi Tiến Đạt và tập thể tác giả, (2024), Tổ chức và thực hiện quyền hành pháp. Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật.

Treatises of Government", Locke nhấn mạnh rằng khi con người bước vào xã hội văn minh thì quyền thực thi luật tự nhiên được trao cho chính phủ, đặc biệt là cho nhánh hành pháp, nhằm bảo đảm việc thi hành pháp luật một cách công bằng và hiệu quả⁹³. Cùng với Locke và Montesquieu, William Blackstone và John Louis De Lolme tiếp tục nhấn mạnh rằng quyền hành pháp phải được tổ chức đủ mạnh để thi hành luật, nhưng đồng thời cũng phải được đặt trong các cơ chế kiểm chế cần thiết để tránh xu hướng chuyên quyền⁹⁴.

Nếu quyền hành pháp nhấn mạnh phương diện quyền lực hiến định của nhà nước trong việc tổ chức thi hành pháp luật, thì quyền hành chính hay nói cách khác là "chức năng hành chính nhà nước" lại nhấn mạnh phương diện điều hành cụ thể của quyền lực đó trong đời sống quản lý hằng ngày. Theo cách hiểu này, quyền hành chính là quyền lực điều hành cụ thể của nhà nước, thực thi các biện pháp cụ thể nhằm đưa chính sách, pháp luật vào đời sống xã hội; đó là quyền lực trong hành động để hiện thực hóa quyền hành pháp, thông qua việc ban hành các quyết định hành chính cá biệt và tiến hành các hoạt động quản lý nhà nước thường xuyên⁹⁵.

Từ đây có thể thấy, quyền hành pháp và quyền hành chính không hoàn toàn đồng nhất, nhưng lại có quan hệ hết sức gần gũi. Quyền hành pháp thiên về phương diện chính trị - hiến định, gắn với việc hoạch định và bảo đảm thực hiện đường hướng quản lý chung của nhà nước; trong khi đó, quyền hành chính hay chức năng hành chính nhà nước thiên về phương diện tổ chức và điều hành cụ thể, trực tiếp

⁹³ Locke, J. (1689). Two Treatises of Government. The Founders' Constitution, NXB. Đại học Chicago, Truy cập ngày 25/10/2025 tại https://www.lacademy.edu/uploaded/academics/2012_Summer_reading_docs/Locke.pdf.

⁹⁴ T. Evans. (1989). The Complete Works of M. de Montesquieu (Vol. 4). (Tác phẩm gốc được công bố năm 1977. Truy cập ngày 25/10/2025 từ <https://oll.libertyfund.org/titles/montesquieu-complete-works-4-vols-1777>.); [5. Blackstone, W. (1769). Commentaries on the Laws of England [Bình luận về lập pháp nước Anh]: A Facsimile of the First Edition of 1765--1769. University of Chicago Press. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: https://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/a3_1s1.html.]; [6. De Lolme, J.L. (1784). The Constitution of England; Or, an Account of the English Government [Hiến pháp nước Anh; Hoặc một trách nhiệm của Chính phủ Anh]. In D. Lieberman (Ed.), Liberty Fund. (Tuyển tập được xuất bản năm 2007). Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ <https://oll.libertyfund.org/titles/lieberman-the-constitution-of-england-or-an-account-of-the-english-government>.

⁹⁵ Phạm Hồng Thái (2018). Sự liên tục của hành pháp và quyền lực hành chính. Kỷ yếu hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3. Tiểu ban Pháp luật Việt Nam. Truy cập ngày 03/03/2026 tại địa chỉ: <https://dulieu.itrithuc.vn/dataset/su-lien-tuc-cua-hanh-phap-va-quyen-luc-hanh-chinh-2799.html>

đưa chính sách và pháp luật vào cuộc sống⁹⁶. Dù vậy, ranh giới giữa hai phương diện này trong thực tiễn hiện đại ngày càng không còn thật sự sắc nét. Ngay cả ở những quốc gia từng phân biệt khá rõ giữa quyền hành pháp và quyền hành chính như Hoa Kỳ, xu hướng vận động của bộ máy nhà nước hiện đại cũng cho thấy hai quyền này ngày càng gần nhau, thậm chí có sự hòa trộn đáng kể trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước⁹⁷. Vì vậy, xét trên bình diện khoa học luật hành chính, hoạt động hành chính nhà nước có thể được hiểu là hoạt động thực hiện quyền lực hành chính nhà nước, hay chức năng hành chính nhà nước, do các cơ quan hành chính nhà nước tiến hành; đồng thời, xét trên bình diện hiến pháp, đó cũng chính là phương thức biểu hiện cụ thể, thường xuyên và sinh động của quyền hành pháp.

Cách tiếp cận trên lý giải vì sao trong bất kỳ mô hình nhà nước nào, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước cũng thường là bộ phận đồ sộ nhất, bởi hoạt động thi hành chính sách và pháp luật luôn là hoạt động sử dụng nhiều nhân lực, tài lực và nguồn lực tổ chức nhất của bộ máy công quyền. Nói cách khác, nếu lập pháp tạo ra khuôn khổ pháp lý và tư pháp bảo đảm công lý trong áp dụng pháp luật, thì hành chính nhà nước là lĩnh vực trực tiếp vận hành bộ máy, tổ chức thực hiện pháp luật và duy trì sự vận động thường nhật của đời sống xã hội.

Ở góc độ sâu sắc hơn, nội hàm của khái niệm hoạt động hành chính nhà nước có thể được phân tích dựa trên tính đa diện của nó. Ở nghĩa khái quát, có thể nhận thấy hoạt động hành chính nhà nước bao hàm ba nhóm hoạt động cơ bản là lập quy, thực thi và hoạt động mang tính tài phán. Hoạt động lập quy thể hiện ở việc các cơ quan hành chính nhà nước ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa luật, tổ chức thi hành luật trong từng lĩnh vực quản lý. Hoạt động thực thi thể hiện ở việc tổ chức bộ máy, điều hành công việc công, áp dụng các biện pháp quản lý, cung ứng dịch vụ công và bảo đảm trật tự quản lý nhà nước. Hoạt động mang tính tài phán thể hiện ở việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc áp dụng các chế tài hành chính theo thẩm quyền. Việc thừa nhận ba nhóm hoạt động

⁹⁶ Đại học Quốc gia Moskva mang tên Lomonosov (Đinh Ngọc Vượng dịch). (2011). Giáo trình Luật Hành chính Liên bang Nga. NXB. Justicen. Moskva.

⁹⁷ Nathan D. Grundstein, (1950) "Presidential power, administration, and administrative law", 18 (3) Geo. Wash. L. Rev., 285.

này cho thấy hoạt động hành chính nhà nước không phải chỉ là thi hành mệnh lệnh pháp luật một cách máy móc, mà là một quá trình tổ chức, điều hành và phản ứng quản lý liên tục, trong đó quyền lực nhà nước được triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Ví dụ điển hình cho cấu trúc này là lĩnh vực an toàn hàng không dân dụng. Trong lĩnh vực đó, nhà nước không chỉ đặt ra các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn an toàn và các điều kiện khai thác, mà còn tổ chức cấp phép cho hãng hàng không, tàu bay và hoạt động khai thác; đồng thời tiến hành kiểm tra, điều tra và xử phạt khi có vi phạm. Như vậy, trong cùng một lĩnh vực quản lý, cơ quan hành chính nhà nước có thể đồng thời thực hiện hoạt động lập quy, hoạt động thi hành và hoạt động xử phạt mang tính tài phán, tất cả đều nhằm bảo đảm cho pháp luật về hàng không dân dụng được thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả.

Từ những phân tích trên có thể thấy, bản chất của hoạt động hành chính nhà nước nằm ở chỗ đây là hoạt động tổ chức thi hành quyền lực nhà nước trên phương diện điều hành, được thực hiện thường xuyên, liên tục bởi các chủ thể có thẩm quyền nhằm đưa pháp luật, chính sách vào đời sống xã hội. Hoạt động này vừa là sự cụ thể hóa quyền hành pháp, vừa là sự vận hành trực tiếp của quyền hành chính hay chức năng hành chính nhà nước. Chính vì vậy, hoạt động này vừa chịu sự ràng buộc chặt chẽ của pháp luật, vừa có khả năng tác động ngược trở lại đối với quá trình hoạch định và hoàn thiện chính sách, pháp luật. Đây cũng là lý do khiến hoạt động hành chính nhà nước luôn tiềm ẩn nguy cơ mở rộng hoặc lạm dụng quyền lực nếu không được kiểm soát bằng những cơ chế pháp lý hữu hiệu.

Trên cơ sở đó, có thể đưa ra khái niệm như sau: *hoạt động hành chính nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực hành chính nhà nước, hay chức năng hành chính nhà nước, do các chủ thể có thẩm quyền trong bộ máy hành chính thực hiện, với tư cách là hình thức biểu hiện cụ thể của quyền hành pháp, nhằm tổ chức thi hành pháp luật, quản lý và điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua các hoạt động như lập quy, tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính và cung ứng dịch vụ công.*

Từ định nghĩa này, có thể khẳng định rằng hoạt động hành chính nhà nước là chức năng cơ bản của các cơ quan hành chính nhà nước. Đó là hoạt động vừa mang tính quyền lực nhà nước, vừa mang tính tổ chức - điều hành; vừa gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, vừa hướng tới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ lợi ích công. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay, hoạt động hành chính nhà nước càng đòi hỏi phải được thực hiện theo hướng hiệu quả hơn, minh bạch hơn và trách nhiệm giải trình cao hơn, để vừa đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, vừa hạn chế nguy cơ lạm quyền vốn luôn hiện hữu trong lĩnh vực trực tiếp nắm giữ và vận hành quyền lực công.

1.1.1.2. Đặc điểm chung của hoạt động hành chính nhà nước

Trong nhà nước hiện đại, hoạt động hành chính nhà nước là phương diện vận động thường xuyên, trực tiếp và sống động nhất của quyền lực nhà nước trong đời sống xã hội. Vì vậy, ở bất kỳ quốc gia nào, dù mô hình tổ chức quyền lực nhà nước có khác nhau, hoạt động hành chính nhà nước vẫn luôn bộc lộ một số đặc điểm chung mang tính phổ quát.

Thứ nhất, hoạt động hành chính nhà nước có tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao.

Hoạt động hành chính nhà nước được thực hiện bởi hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, vốn là hệ thống lớn nhất, có số lượng cơ quan nhiều nhất và sử dụng nhiều nguồn lực nhất trong bộ máy nhà nước. Điều này xuất phát từ chính vị trí của hoạt động HCNN: đây là lĩnh vực trực tiếp tổ chức thi hành pháp luật, triển khai chính sách công và giải quyết các công việc quản lý diễn ra hằng ngày, liên tục trên mọi ngành, mọi cấp và mọi địa bàn. Khác với hoạt động lập pháp hay tư pháp, hoạt động hành chính nhà nước gắn chặt với nhu cầu điều hành cụ thể của đời sống xã hội, nên đòi hỏi một bộ máy rộng khắp, được tổ chức chặt chẽ và vận hành chuyên nghiệp.

Tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao còn thể hiện ở chỗ hoạt động quản lý ngày càng đi vào chiều sâu theo từng lĩnh vực cụ thể. Xã hội càng phát triển, các quan hệ xã hội càng phức tạp, thì nhà nước càng không thể quản lý bằng những biện

pháp giản đơn, đồng nhất, mà phải dựa trên tri thức chuyên môn, kỹ thuật quản lý và sự phân công chuyên sâu. Bởi vậy, trong hệ thống hành chính luôn hình thành các cơ quan, bộ phận chuyên môn từ trung ương đến địa phương, từ các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đến các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền địa phương. Sự phát triển của các cơ quan chuyên môn sâu không phải hiện tượng ngẫu nhiên, mà là hệ quả tất yếu của yêu cầu quản lý xã hội hiện đại.

Ở phương diện bản chất, tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa không chỉ là một đặc điểm mà còn là một điều kiện để bảo đảm hiệu quả quản lý. Hoạt động hành chính nhà nước tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức và đến trật tự vận hành của xã hội; vì vậy, nếu chủ thể thực hiện thiếu năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và tính chuyên nghiệp thì hoạt động quản lý rất dễ rơi vào tình trạng tùy tiện, thiếu nhất quán hoặc kém hiệu quả. Tuy nhiên, chính ưu thế về tổ chức, nghiệp vụ và thông tin cũng làm cho cơ quan hành chính có vị thế vượt trội trong quan hệ với đối tượng quản lý. Đây là một trong những lý do khiến hoạt động hành chính nhà nước vừa cần thiết đối với quản lý xã hội, vừa luôn cần được kiểm soát.

Thứ hai, hoạt động hành chính nhà nước có tính pháp quyền.

Tính pháp quyền là đặc điểm nền tảng của hoạt động hành chính nhà nước trong nhà nước hiện đại. Với tư cách là hoạt động gắn với chức năng chấp hành và thi hành pháp luật, hoạt động hành chính nhà nước phải được thực hiện trên cơ sở pháp luật, trước hết là luật do cơ quan lập pháp ban hành. Theo nguyên lý phân quyền, cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực thi pháp luật và vì thế phải là chủ thể chấp hành trung thành, nghiêm túc tuân thủ pháp luật⁹⁸. Điều này phản ánh mối quan hệ nguyên tắc giữa cơ quan lập pháp với cơ quan hành chính: lập pháp đặt ra khuôn khổ pháp lý, còn hành chính tổ chức thi hành trong khuôn khổ đó.

Tính pháp quyền còn thể hiện ở chỗ pháp luật là căn cứ để thiết lập bộ máy hành chính, xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, từng chức danh và cho phép các hoạt động hành chính tương ứng được tiến hành. Không có pháp luật thì

⁹⁸ Cohn, M. (2016). Tension and legality: Towards a theory of the executive branch [Căng thẳng và pháp luật: Hướng tới một học thuyết về nhánh hành pháp]. Canadian Journal of Law & Jurisprudence, 29(2), tr.336.

không có cơ sở pháp lý để hình thành cơ quan hành chính, càng không có cơ sở để cơ quan đó áp đặt quyền lực lên các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Do đó, khác với các dạng quản trị xã hội khác, hoạt động hành chính nhà nước chỉ có thể được thực hiện hợp pháp khi có căn cứ pháp lý rõ ràng về tổ chức và thẩm quyền.

Tuy nhiên, tính pháp quyền của hoạt động hành chính nhà nước không nên được hiểu theo nghĩa cơ quan hành chính chỉ thụ động làm theo luật. Trên thực tế, hoạt động hành chính nhà nước luôn đồng thời mang hai mặt: một mặt là chấp hành pháp luật, mặt khác là chủ động điều hành xã hội bằng quyền lực công. Chính ở điểm này nảy sinh một căng thẳng nội tại: cơ quan hành chính bị ràng buộc bởi pháp luật, nhưng cũng chính là chủ thể được trao quyền ban hành văn bản dưới luật, áp dụng pháp luật và tổ chức các biện pháp quản lý cụ thể. Khi quy định pháp luật còn khái quát hoặc chưa đầy đủ, chủ thể hành chính có thể tận dụng khoảng trống hoặc sự mơ hồ của pháp luật để mở rộng phạm vi quyền lực thực tế của mình. Vì vậy, tính pháp quyền không chỉ là thuộc tính tất yếu mà còn là giới hạn cần được duy trì bằng các cơ chế kiểm soát hữu hiệu.

Thứ ba, hoạt động hành chính nhà nước có tính phổ biến và tính bao trùm.

Hoạt động hành chính nhà nước có phạm vi tác động rất rộng, bao phủ hầu như toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, đầu tư, xây dựng, tài nguyên, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa đến những vấn đề gắn với sinh hoạt thường nhật của người dân. Đây là đặc điểm phản ánh rõ vị trí trung tâm của hành chính nhà nước trong tổ chức và vận hành xã hội. Bất kỳ lĩnh vực nào liên quan đến lợi ích công cộng, trật tự công hoặc nhu cầu quản lý chung đều ít nhiều trở thành đối tượng của hoạt động hành chính nhà nước.

Tính bao trùm này được thiết lập trên cơ sở nhu cầu quản lý của nhà nước nhằm bảo vệ lợi ích công cộng và ngăn chặn những xâm hại có thể phát sinh từ việc theo đuổi lợi ích riêng. Bởi nhà nước có trách nhiệm duy trì trật tự chung, bảo vệ an ninh, an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững, nên hoạt động hành chính nhà nước tất yếu hiện diện ở những lĩnh vực mà ở đó lợi ích công cần được bảo vệ. Theo nghĩa đó, tính phổ biến và bao trùm không phải là sự mở rộng tùy tiện của quyền lực hành chính, mà trước hết là hệ quả của yêu cầu quản lý xã hội.

Tuy nhiên, quy mô quản lý của hoạt động hành chính nhà nước luôn có xu hướng tỷ lệ thuận với trình độ phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển, đô thị hóa và công nghiệp hóa càng cao, thì nhu cầu quản lý bằng hoạt động hành chính nhà nước càng rộng lớn và phức tạp hơn. Những vấn đề như quy hoạch, môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, quản lý rủi ro công nghệ hay an ninh dữ liệu đều cho thấy xã hội hiện đại càng phát triển thì hành chính nhà nước càng có xu hướng bao trùm hơn. Kinh nghiệm lịch sử cũng chỉ ra rằng hoạt động hành chính nhà nước luôn có khuynh hướng mở rộng quyền lực⁹⁹.

Sự mở rộng này có thể diễn ra thông qua nhiều con đường. Trong một số trường hợp, cơ quan hành chính mở rộng ảnh hưởng thông qua hoạt động lập quy, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như an ninh, quốc phòng¹⁰⁰; ở trường hợp khác, thông qua việc tham gia các thỏa thuận với nước ngoài làm cho vai trò của cơ quan lập pháp bị thu hẹp tương đối¹⁰¹. Đặc biệt, trong các tình huống khẩn cấp, tính bao trùm của hoạt động hành chính nhà nước càng bộc lộ rõ. Nghiên cứu của Rossiter và Sieghart cho thấy trong khủng hoảng, chiến tranh hoặc bất ổn nghiêm trọng, hoạt động hành chính nhà nước có xu hướng tập trung quyền lực cao độ để ứng phó¹⁰². Kinh nghiệm trong đại dịch Covid-19 cũng cho thấy cơ quan hành chính ở hầu hết các quốc gia giữ vai trò then chốt trong kiểm soát dịch bệnh, hỗ trợ kinh tế và điều phối cứu trợ¹⁰³.

Như vậy, tính phổ biến và bao trùm là thuộc tính tất yếu của hoạt động hành chính nhà nước. Nhưng cũng chính vì tác động tới hầu như mọi mặt của đời sống xã hội, hoạt động này có khả năng ảnh hưởng sâu sắc đến quyền con người, quyền

⁹⁹ William P. Marshall. (2008). Eleven Reasons Why Presidential Power Inevitably Expands and Why It Matters [Bảy lý do cho việc mở rộng quyền lực của Tổng thống], Boston University Law Review, Vol. 88, tr. 505–507.

¹⁰⁰ Lobel, J. (1989). Emergency power and the decline of liberalism [Quyền lực trong tình trạng khẩn cấp và sự chối bỏ chủ nghĩa tự do]. Yale Law Journal, 98, 1385–1433, tr.1400.

¹⁰¹ Moore, J. B. (1905). Treaties and executive agreements [Các hiệp định và nhánh hành pháp]. Political Science Quarterly, 20(3), 385–420.

¹⁰² Rossiter, C. (1948). Constitutional dictatorship: Crisis government in the modern democracies [Chế độ độc tài hợp hiến: Chính quyền khủng hoảng trong các nền dân chủ hiện đại]. Westport: Greenwood Press.]; [14. Sieghart, M. (1950). Government by decree [Các Nghị định của Chính phủ]. London: Stevens.

¹⁰³ Ở Việt Nam, Nghị quyết 268/NQ-UBTVQH15 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2021 về cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19.

công dân và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định rằng hoạt động hành chính nhà nước phải là đối tượng kiểm soát thường xuyên và chặt chẽ.

Thứ tư, hoạt động hành chính nhà nước có tính tùy nghi cao và quyền hạn quyết định lớn, do đó luôn tiềm ẩn nguy cơ lạm quyền.

Hoạt động hành chính nhà nước diễn ra trong bối cảnh thực tiễn đa dạng, biến động và đòi hỏi phản ứng kịp thời, nên chủ thể hành chính luôn được trao một mức độ chủ động và linh hoạt lớn trong việc đưa ra quyết định quản lý. Tính tùy nghi này là khó tránh khỏi, bởi pháp luật không thể dự liệu đầy đủ mọi tình huống phát sinh trong thực tiễn. Trong nhiều trường hợp, hiệu quả quản lý chỉ có thể đạt được khi cơ quan hành chính được quyền đánh giá, cân nhắc và lựa chọn giải pháp phù hợp trong khuôn khổ pháp luật.

Tuy nhiên, tính tùy nghi cao cũng là nguồn gốc trực tiếp của nguy cơ lạm quyền. Dyzenhaus gọi những khoảng trống pháp lý mà tại đó hành vi của cơ quan hành chính tuy chưa hẳn trái luật rõ ràng nhưng có thể làm suy giảm thực chất của nguyên tắc hợp pháp là những "lỗ hổng xám"¹⁰⁴. Bên cạnh đó, việc cơ quan lập pháp ủy quyền rộng cho cơ quan hành chính mà thiếu tiêu chí giới hạn chặt chẽ cũng làm gia tăng phạm vi tùy nghi¹⁰⁵. Galligan cũng chỉ ra rằng phần lớn các quyết định hành chính trong thực tiễn là các quyết định mang tính tùy nghi¹⁰⁶.

Điều đáng lưu ý hơn là trong một lĩnh vực quản lý cụ thể, cơ quan hành chính thường đồng thời nắm nhiều loại quyền hạn: tham gia xây dựng quy định pháp quy, cấp phép hoặc từ chối cấp phép, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm và tổ chức thực thi quyết định quản lý... Sự tích hợp nhiều quyền năng trong cùng một chủ thể làm cho hoạt động hành chính nhà nước có quyền hạn quyết định rất lớn, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức. Nếu không được kiểm soát,

¹⁰⁴ Dyzenhaus, D. (2006). The constitution of law: Legality in a time of emergency [Hiến pháp: tính pháp lý và khẩn cấp]. Cambridge University Press.

¹⁰⁵ Epstein, D., & O'Halloran, S. (1999). Delegating powers: A transaction cost politics approach to policy making under separate powers [Ủy quyền: Cách tiếp cận theo chính trị học chi phí giao dịch đối với hoạch định chính sách trong cơ chế phân quyền]. Cambridge University Press.

¹⁰⁶ Galligan, D. J. (1986). Discretionary powers [Quyền tự định liệu]. Oxford: Clarendon Press.

đây là môi trường dễ phát sinh sự tùy tiện, thiên lệch hoặc lạm quyền. Thực tiễn cũng cho thấy cơ quan hành chính có thể hành xử không hoàn toàn phù hợp với ý định ban đầu của nhà làm luật để theo đuổi mục tiêu riêng của mình¹⁰⁷ hoặc lựa chọn các hình thức điều hành ít chính thức hơn để né tránh những ràng buộc chặt chẽ của thủ tục pháp lý thông thường¹⁰⁸.

Nguy cơ lạm quyền này càng gia tăng trong các hoàn cảnh bất thường. Yoo cho rằng trong các tình huống khẩn cấp, nguyên thủ hành pháp có thể đặt sang một bên những ràng buộc pháp luật để bảo vệ an ninh quốc gia¹⁰⁹. Quan điểm này có phần thống nhất với luận đề của Carl Schmitt về quyền quyết định tình trạng ngoại lệ¹¹⁰. Lobel, Scheppele, Posner và Vermeule cũng chỉ ra nguy cơ các quyền lực đặc biệt của hành pháp bị kéo dài vượt khỏi thời điểm khẩn cấp¹¹¹. Vì vậy, nhiều học giả cảnh báo về nguy cơ chủ thể hành chính, đặc biệt là người đứng đầu hành pháp, trở thành một dạng "hoàng đế" trong nền chính trị hiện đại¹¹².

Tóm lại, hoạt động hành chính nhà nước ở bất kỳ quốc gia nào cũng bộc lộ bốn đặc điểm chung cơ bản: tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao; tính pháp quyền; tính phổ biến và bao trùm; cùng với tính tùy nghi cao và quyền hạn quyết định lớn. Bốn đặc điểm này cho thấy hoạt động hành chính nhà nước là loại hoạt động quyền lực công có phạm vi tác động sâu rộng, can thiệp trực tiếp vào đời sống

¹⁰⁷ McCubbins, M. D., Noll, R. G., & Weingast, B. R. (1987). Administrative procedures as instruments of political control. *Journal of Law, Economics, & Organization*, 3(2), 243-277.

¹⁰⁸ Hamilton, J. T., & Schroeder, C. H. (1994). Strategic regulators and the choice of rulemaking procedures: The selection of formal vs. informal rules in regulating hazardous waste. *Law and Contemporary Problems* [Các cơ quan quản lý mang tư duy chiến lược và việc lựa chọn thủ tục ban hành quy định: Sự lựa chọn giữa quy tắc chính thức và phi chính thức trong quản lý chất thải nguy hại], 57(2), 111-160.

¹⁰⁹ Yoo, J. (2005). *The powers of war and peace: The Constitution and foreign affairs after 9/11* [Quyền lực của Chiến tranh và hòa bình: Hiến pháp và ngoại giao sau ngày 11/9]. University of Chicago Press và Yoo, J. (2009). *Crisis and command*. New York: Kaplan.

¹¹⁰ Schmitt, C. (1985). *Political theology: Four chapters on the concept of sovereignty* [Học thuyết chính trị: Bốn chương về khái niệm chủ quyền] (G. Schwab, Trans.). Cambridge: MIT Press, tr.5.

¹¹¹ Lobel, J. (1989). Emergency power and the decline of liberalism [Quyền lực trong tình trạng khẩn cấp và sự chối bỏ chủ nghĩa tự do]. *Yale Law Journal*, 98, 1385-1433, tr.1400.]; [19. Scheppele, K. L. (2004). *Law in a time of emergency: States of exception and the temptations of 9/11* [Pháp luật trong thời kỳ khẩn cấp: Tình trạng ngoại lệ và cám dỗ của sự kiện ngày 11/9]. University of Pennsylvania *Journal of Constitutional Law*, 6(5), 1001-1083.]; [20. Posner, E. A., & Vermeule, A. (2011). *The executive unbound: After the Madisonian republic* [Thiếu sự gắn kết của nhánh hành pháp: Sau cộng hòa Madisonian]. Oxford University Press.

¹¹² Arthur M Schlesinger Jr. (1974). *The Imperial Presidency* [Tổng thống hoàng gia]. NXB. Houghton Mifflin. Boston.

xã hội, giữ vai trò không thể thay thế trong quản lý nhà nước, nhưng đồng thời luôn tiềm ẩn nguy cơ mở rộng quyền lực và lạm quyền. Do đó, việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật quản lý, mà còn là đòi hỏi tất yếu của nhà nước pháp quyền nhằm bảo vệ quyền con người, quyền công dân và sự vận hành lành mạnh của trật tự hiến định.

1.1.1.3. Hoạt động hành chính nhà nước trong bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Bên cạnh những đặc trưng phổ quát của hoạt động hành chính trên thế giới, hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam được định hình và vận hành trong một khuôn khổ thể chế chính trị và kinh tế - xã hội đặc thù. Ba yếu tố đặc thù nổi bật nhất của hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nguyên tắc tập trung dân chủ và vai trò kiến tạo phát triển của nhà nước.

Một là, hoạt động hành chính nhà nước được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là đặc điểm chính trị - pháp lý bao trùm và chi phối quan trọng nhất, được hiến định tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi 2025). Sự lãnh đạo của Đảng đối với nền hành chính được thể hiện trên nhiều phương diện: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách làm định hướng cho mọi hoạt động quản lý nhà nước; Đảng lãnh đạo công tác cán bộ thông qua việc lựa chọn, giới thiệu, bố trí các cán bộ chủ chốt trong bộ máy hành chính; các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan hành chính có vai trò lãnh đạo và tiên phong trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị¹¹³. Mối quan hệ này tạo ra một cấu trúc quyền lực đặc thù, trong đó các quyết định hành chính chủ đạo thường là sự thể chế hóa ý chí của Đảng. Ở các cấp chính quyền, những vị trí lãnh đạo cấp cao nhất của tổ chức Đảng cũng đồng thời nắm vị trí đứng đầu cơ quan hành chính, ví dụ Thủ tướng Chính phủ đồng thời là một trong những ủy viên Bộ Chính trị cao cấp nhất, Bộ trưởng đồng thời là Bí thư đảng ủy bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp là phó bí thư tổ chức Đảng cùng cấp. Những bố trí, sắp xếp này mang lại lợi thế về sự

¹¹³ Trường Đại học Luật Hà Nội. (2024). Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam. NXB. Công an nhân dân. tr.87-89.

thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành, giúp huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu lớn của đất nước. Tuy nhiên, đặc trưng này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho nguyên tắc pháp quyền và cơ chế kiểm soát. Một trong những thách thức là làm thế nào để phân định rạch ròi giữa vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng và vai trò quản lý nhà nước theo pháp luật của cơ quan hành chính, tránh tình trạng tổ chức đảng can thiệp quá sâu vào hoạt động chuyên môn hoặc bao biện, làm thay cho chính quyền¹¹⁴. Đối với hoạt động kiểm soát của Tòa án, đặc điểm này cũng đặt ra một bối cảnh nhạy cảm, đòi hỏi Tòa án khi xem xét tính hợp pháp của một quyết định hành chính phải có khả năng phân biệt đâu là nội dung thuộc về thẩm quyền quản lý nhà nước thuần túy có thể bị phán xét, và đâu là những vấn đề mang tính chủ trương, chính sách đã được quyết định bởi cấp ủy đảng.

Hai là, tổ chức và hoạt động của nền hành chính tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam. Nội dung của nguyên tắc này bao gồm hai vế: tập trung và dân chủ. Yếu tố *tập trung* thể hiện ở sự lãnh đạo thống nhất của trung ương, sự phục tùng của cấp dưới đối với cấp trên, sự phụ thuộc của cơ quan hành chính nhà nước đối với cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp, và chế độ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Yếu tố *dân chủ* thể hiện ở việc các lãnh đạo được hình thành thông qua bầu cử hoặc bổ nhiệm có sự tham gia của tập thể, và các quyết định quan trọng được thảo luận, quyết nghị theo đa số. Nguyên tắc này giúp bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong nền hành chính, tạo ra sức mạnh chỉ đạo, điều hành thông suốt từ trên xuống dưới. Tuy nhiên, việc áp dụng thiếu cân bằng nguyên tắc này trên thực tế có thể dẫn đến hai khuynh hướng tiêu cực: hoặc là tập trung quan liêu, độc đoán, làm triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới; hoặc là dân chủ hình thức, vô chính phủ, cục bộ địa phương, làm suy yếu hiệu lực quản lý chung của nhà nước¹¹⁵. Trong hoạt động

¹¹⁴ Trịnh Quốc Việt. (2022). Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước và vận dụng trong tình hình hiện nay. Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 112.

¹¹⁵ Bùi Huy Tùng. (2018). Kiểm soát đối với quyền lực hành pháp ở Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 78.

hành chính nhà nước, nguy cơ của sự tập trung quan liêu thường biểu hiện rõ nét hơn, khi các mệnh lệnh hành chính được ban hành và áp đặt một cách cứng nhắc, chủ quan, duy ý chí, thiếu sự tham vấn và lắng nghe ý kiến của đối tượng chịu tác động. Điều này càng khẳng định vai trò của một cơ chế kiểm soát độc lập như Tòa án, nơi các quyết định hành chính có thể được xem xét lại một cách khách quan, dựa trên chứng cứ và quy định của pháp luật, tạo ra một sự đối trọng cần thiết với xu hướng tập trung quyền lực của nền hành chính.

Ba là, nền hành chính Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang vai trò kiến tạo phát triển trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vượt ra khỏi vai trò truyền thống là một nền hành chính cai trị hay quản lý thuần túy, nhà nước Việt Nam xác định mục tiêu xây dựng một Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân¹¹⁶. Trong mô hình này, nhà nước không chỉ duy trì trật tự mà còn chủ động sử dụng các công cụ chính sách và pháp luật để định hướng, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế. Vai trò kiến tạo đòi hỏi nền hành chính phải năng động, linh hoạt và sáng tạo hơn, thường xuyên phải đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực mới, phức tạp, trong đó khung pháp lý có thể chưa hoàn thiện. Điều này tất yếu làm gia tăng phạm vi của quyền tùy nghi hành chính. Chẳng hạn, các quyết định về chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án lớn, hay các chính sách ưu đãi cho các ngành công nghệ cao đều hàm chứa một mức độ tùy nghi đáng kể. Sự gia tăng quyền tùy nghi này, dù cần thiết cho sự phát triển, cũng đồng thời làm gia tăng nguy cơ tham nhũng, lợi ích nhóm và các quyết định sai lầm gây thiệt hại cho lợi ích công. Do đó, song hành với việc trao cho nền hành chính sự linh hoạt cần thiết, nhà nước pháp quyền phải thiết lập một cơ chế kiểm soát đủ mạnh, có khả năng xem xét tính hợp pháp và các giới hạn của việc thực thi quyền tùy nghi, bảo đảm rằng sự phát triển không bị đánh đổi bằng sự công bằng và thượng tôn pháp luật.

¹¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 177.

Tóm lại, từ những phân tích lý luận trên đây về khái niệm, đặc điểm chung và riêng của hoạt động hành chính nhà nước, có thể khẳng định rằng hoạt động hành chính nhà nước, dù ở bất kỳ mô hình thể chế nào, cũng mang trong mình một cấu trúc quyền lực phức hợp: vừa phụ thuộc vào pháp luật, vừa có năng lực định hình và vượt ra ngoài pháp luật; vừa là công cụ không thể thiếu để tổ chức và quản lý đời sống xã hội, vừa tiềm ẩn nguy cơ thường trực của sự lạm quyền và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Chính từ sự nhận thức về bản chất phức hợp này mà nhu cầu kiểm soát đối với hoạt động hành chính nhà nước là tất yếu trong xu thế dân chủ và phù hợp với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

1.1.2. Khái niệm và các phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước

1.1.2.1. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong nhà nước pháp quyền

Tư tưởng về sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực nhà nước không phải gần đây mới xuất hiện mà là một trăn trở đã có lịch sử lâu đời trong tư tưởng chính trị - pháp lý của nhân loại. Người đã hệ thống hóa và đặt nền móng vững chắc nhất cho học thuyết này chính là nhà khai sáng người Pháp Charles de Secondat, Baron de Montesquieu. Trong tác phẩm bất hủ *Bàn về tinh thần pháp luật (De l'esprit des lois)*, Montesquieu đã đưa ra một nhận định mang tính phổ quát: "*Bất cứ người nào có quyền lực cũng có xu hướng lạm dụng nó; họ sẽ làm tới khi nào gặp phải giới hạn mới thôi... Để không thể lạm dụng quyền lực, cần phải bố trí để quyền lực này ngăn chặn quyền lực khác*"¹¹⁷. Luận điểm này chứa đựng hai chân lý: một là, quyền lực tự có xu hướng bành trướng và tha hóa; hai là, giải pháp để ngăn chặn sự tha hóa đó không nằm ở đạo đức của người cầm quyền, mà ở việc thiết kế một cấu trúc thể chế mà trong đó các nhánh quyền lực có thể kiểm chế và đối trọng lẫn nhau. Học thuyết phân chia quyền lực thành ba nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp của Montesquieu với cơ chế quyền lực ngăn chặn quyền lực đã trở thành nền tảng tư tưởng cho việc xây dựng hiến pháp của hầu hết các nhà nước pháp quyền sau này.

¹¹⁷ Montesquieu, C. (1748). *De l'esprit des lois* (Bàn về tinh thần pháp luật). Bản dịch của Hoàng Thanh Đàm (2018), Nxb. Lý luận chính trị.

Khái niệm nhà nước pháp quyền đã trở thành một tiêu chuẩn phổ quát trong việc đánh giá chất lượng quản trị nhà nước hiện đại. Theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc, nhà nước pháp quyền là *"một nguyên tắc quản trị trong đó tất cả các cá nhân, tổ chức và thực thể, công và tư, kể cả nhà nước, đều chịu trách nhiệm trước pháp luật được ban hành công khai, được thực thi bình đẳng và xét xử độc lập"*¹¹⁸. Trong bối cảnh này, việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trở thành một yếu tố không thể thiếu của nhà nước pháp quyền, giúp đảm bảo rằng các cơ quan hành chính hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, tôn trọng nguyên tắc phân quyền và chịu sự giám sát của các nhánh quyền lực khác cũng như của công chúng.

Học thuyết kinh điển của nhà luật học người Anh A.V. Dicey đã đưa ra ba trụ cột có giá trị phổ quát, định hình nên nội hàm của Nhà nước pháp quyền. Trụ cột thứ nhất là sự thượng tôn của pháp luật, có nghĩa là không một ai có thể bị trừng phạt hay phải chịu tổn hại về thân thể hoặc tài sản nếu không có sự vi phạm pháp luật rõ ràng được xác lập theo một trình tự thông thường trước các Tòa án có thẩm quyền của quốc gia. Nguyên tắc này nhằm chống lại sự cai trị tùy tiện và đặc quyền đặc lợi. Trụ cột thứ hai là sự bình đẳng trước pháp luật, khẳng định mọi công dân, từ thường dân cho đến quan chức chính phủ, đều bình đẳng và chịu sự tài phán của cùng một hệ thống pháp luật và bởi Tòa án. Trụ cột thứ ba, và có ý nghĩa quan trọng đối với đề tài này, là việc Hiến pháp không phải là nguồn gốc mà là hệ quả của các quyền cá nhân, các quyền này được xác định và bảo vệ bởi các phán quyết của Tòa án. Theo tư tưởng của Dicey, Tòa án không chỉ là một cơ quan áp dụng pháp luật, mà chính là thiết chế bảo vệ pháp quyền, là thành trì cuối cùng chống lại sự xâm phạm của quyền lực nhà nước vào các quyền tự do của công dân.¹¹⁹ Như vậy, có thể thấy, nhu cầu về một cơ chế kiểm soát mang tính tài phán độc lập không phải là một lựa chọn, mà là một thuộc tính nội tại, một bộ phận cấu thành không thể thiếu của chính khái niệm Nhà nước pháp quyền.

¹¹⁸ Liên Hợp Quốc. (2004). The rule of law and transitional justice in conflict and post-conflict societies: Report of the Secretary-General (Pháp quyền và công lý chuyển tiếp trong các xã hội xung đột và hậu xung đột; Báo cáo của Tổng thư ký). Tài liệu LHQ S/2004/616.

¹¹⁹ Dicey, A. V. (1915). Introduction to the Study of the Law of the Constitution (Giới thiệu về Nghiên cứu Luật Hiến pháp). Macmillan and Co., Limited, tr. 183-191.

Như đã phân tích, sự tích hợp của cả 3 loại quyền năng: lập quy, thực thi và tài phán là sự bảo đảm quan trọng cho việc thực thi pháp luật song lại có thể đem lại nguy cơ cao lạm quyền trong hoạt động hành chính nhà nước, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc thiết lập cơ chế kiểm soát đối với hoạt động hành chính. Ví dụ điển hình là vụ *Loper Bright v. Raimondo* tại Hoa Kỳ, cơ quan Thủy sản Quốc gia (NMFS, thuộc Bộ Thương mại Hoa Kỳ) đã ban hành quy tắc buộc tàu cá phải chở theo quan sát viên để giám sát khai thác nhằm bảo tồn nguồn lợi; một phần chi phí cho việc trên do chính các tàu cá phải chịu. Cơ quan này chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, phân bổ người đi cùng các tàu cá và giám sát tuân thủ, vì vậy, quy định này đã giảm bớt gánh nặng tài chính cho họ. Khi chủ tàu không chấp hành hoặc cản trở, có thể bị xử phạt hành chính, thậm chí thu hồi giấy phép khai thác. Không đồng ý với điều đó, các tàu cá đã tập hợp nhau lại và tiến hành khởi kiện vì cho rằng NMFS đã lợi dụng quyền lập quy để ban hành ra quy định vô lý, xâm hại đến quyền, lợi ích của các chủ tàu. Ở Việt Nam, tình trạng các cơ quan hành chính nhà nước không quản lý được thì cấm cũng chỉ ra nguy cơ tùy tiện từ việc tích hợp ba chức năng trong hoạt động hành chính nhà nước.¹²⁰ Các ví dụ trên thể hiện tầm quan trọng của việc kiểm soát quyền lực, đặc biệt là đối với hoạt động hành chính nhà nước – lĩnh vực có phạm vi rộng lớn và tác động trực tiếp đến đời sống xã hội.

Khi đặt những lý thuyết kinh điển này trong bối cảnh đặc thù của Việt Nam, có thể nhận thấy sự tiếp thu có chọn lọc và sự phát triển sáng tạo để phù hợp với nền tảng thể chế chính trị riêng biệt. Thay vì sao chép mô hình tam quyền phân lập một cách máy móc, Việt Nam xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dựa trên một nguyên tắc hiến định nền tảng được ghi nhận tại Điều 2 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi 2025): "*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*". Nguyên tắc này thể hiện một sự biện chứng sâu sắc. Một mặt, khẳng định tính thống nhất của quyền lực nhà nước bắt nguồn từ quyền

¹²⁰ Báo điện tử Chính phủ. (2024). Thủ tướng: Dứt khoát bỏ tư duy 'không biết mà vẫn quản, không quản được thì cấm'. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-dut-khoat-bo-tu-duy-khong-biet-ma-van-quan-khong-quan-duoc-thi-cam-102241229193414474.htm>

làm chủ của Nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mặt khác, nguyên tắc này chỉ rõ rằng sự thống nhất đó không đồng nghĩa với sự tập trung quan liêu, không có sự phân định và giám sát. Ngược lại, để sự thống nhất đó được bảo đảm và không bị lạm dụng, ba vế còn lại là phân công, phối hợp và kiểm soát phải được thực thi một cách hiệu quả.¹²¹

Trong cấu trúc này, vế "kiểm soát" không chỉ là một khái niệm bổ trợ mà đã trở thành một yếu tố cấu thành bắt buộc, một mệnh lệnh hiến định. Nếu trong mô hình phân quyền, sự kiểm soát được tạo ra chủ yếu từ sự đối trọng và kìm chế lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực độc lập tương đối, thì trong mô hình thống nhất quyền lực của Việt Nam, sự kiểm soát lại là một cơ chế được thiết kế một cách chủ động ngay trong lòng hệ thống để bảo đảm quyền lực, dù được phân công cho bất kỳ cơ quan nào, cũng phải vận hành đúng mục tiêu, đúng giới hạn¹²². Việc nhấn mạnh yếu tố "kiểm soát" bên cạnh "phân công, phối hợp" cho thấy các nhà lập hiến Việt Nam đã nhận thức về quy luật phổ quát mà Montesquieu đã chỉ ra: ở đâu có quyền lực, ở đó có nguy cơ lạm quyền, bất kể quyền lực đó được tổ chức theo mô hình nào. Do đó, việc kiểm soát của cơ quan tư pháp (Tòa án) đối với cơ quan hành chính không phải là sự phủ nhận nguyên tắc thống nhất quyền lực, mà chính là một công cụ để làm cho sự thống nhất đó trở nên thực chất, bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về Nhân dân.

Từ sự phân tích kết hợp giữa lý thuyết kinh điển và mô hình đặc thù của Việt Nam, có thể hệ thống hóa và luận giải về tính tất yếu khách quan của việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước dựa trên ba nhóm luận cứ chính.

¹²¹ Trần Ngọc Đường. (2023). Kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII. Tạp chí Cộng sản online. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/kiem-soat-quyen-luc-trong-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-theo-tinh-than-nghi-quyet-hoi-nghi-trung-uong-6-khoa-xiii

¹²² Trần Ngọc Đường. (2023). Kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII. Tạp chí Cộng sản online. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/kiem-soat-quyen-luc-trong-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-theo-tinh-than-nghi-quyet-hoi-nghi-trung-uong-6-khoa-xiii

Thứ nhất, xét từ góc độ chính trị - pháp lý, kiểm soát là phương thức để hiện thực hóa nguyên tắc Nhà nước pháp quyền XHCN và bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực thi một cách đúng đắn. Trong một mô hình mà quyền lực có xu hướng tập trung tương đối cao để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất và chỉ đạo thông suốt, nguy cơ của sự tập trung quan liêu, xa rời thực tiễn và lợi ích của nhân dân là một rủi ro hiện hữu. Cơ chế kiểm soát, đặc biệt là kiểm soát từ bên ngoài của Tòa án, tạo ra một sự phản hồi ngược cần thiết, một kênh chính thức để xem xét lại tính hợp pháp của các quyết định công quyền, qua đó góp phần làm cho bộ máy hành chính trở nên thận trọng hơn, có trách nhiệm giải trình cao hơn và tuân thủ pháp luật nghiêm minh hơn. Đây là sự thể chế hóa về "kiểm soát" trong nguyên tắc hiến định tại Điều 2 Hiến pháp 2013 (sửa đổi 2025).

Thứ hai, xét từ góc độ quyền con người, kiểm soát là cơ chế hữu hiệu nhất để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước sự can thiệp của quyền lực công. Như đã phân tích ở trên, hoạt động hành chính nhà nước có phạm vi tác động sâu rộng và hình thành nên quan hệ quyền lực - phục tùng, do đó luôn tiềm ẩn khả năng xâm phạm đến các quyền cơ bản của con người (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền sử dụng đất...). Một nhà nước pháp quyền không thể chỉ dừng lại ở việc ghi nhận các quyền đó trong Hiến pháp và luật, mà phải thiết lập được những cơ chế hữu hiệu để người dân có thể bảo vệ quyền của mình khi bị xâm phạm bởi chính các cơ quan công quyền. Tổ tụng hành chính tạo nên cơ chế nơi người dân có thể khởi kiện quyết định, hành vi của cơ quan nhà nước và yêu cầu một Tòa án độc lập phán xét, chính là cơ chế bảo vệ quyền con người một cách thực chất và văn minh, thể hiện bản chất "của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân" của Nhà nước Việt Nam.

Thứ ba, xét từ góc độ kinh tế - xã hội, kiểm soát là một điều kiện cần thiết để xây dựng nền hành chính kiến tạo phát triển và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh nhà nước đóng vai trò kiến tạo, trao cho các cơ quan hành chính quyền tùy nghi lớn để linh hoạt ứng phó với các yêu cầu của kinh tế thị trường, nguy cơ của sự tùy tiện, tham nhũng và lợi ích nhóm cũng gia tăng tương ứng. Một cơ chế kiểm soát tư pháp

hiệu quả sẽ góp phần tạo ra một môi trường hành chính minh bạch, có tính dự báo cao và công bằng. Phương thức này phát đi một thông điệp rằng các quyết định hành chính phải dựa trên pháp luật chứ không phải ý chí chủ quan, từ đó củng cố lòng tin của nhà đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và tạo điều kiện cho nền kinh tế vận hành hiệu quả.

Tóm lại, dù tiếp cận từ các học thuyết kinh điển của thế giới về phân quyền và nhà nước pháp quyền, hay từ mô hình đặc thù của Việt Nam về thống nhất quyền lực, nhu cầu kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước đều được khẳng định là một đòi hỏi khách quan, một thuộc tính nội tại của một nền quản trị hiện đại. Đây không chỉ là một vấn đề chính trị - pháp lý - xã hội mà còn liên quan đến bản chất của quyền lực, mối quan hệ giữa nhà nước - người dân và con đường phát triển của quốc gia. Nếu hoạt động hành chính nhà nước không được giới hạn và kiểm soát, hệ quả có thể dẫn tới lệch lạc trong mục tiêu phục vụ lợi ích công, xâm phạm đến các quyền và tự do của con người. Do đó, một cách tất yếu, song hành với quyền lực hành chính phải có những phương thức kiểm soát tương xứng. Việc thiết lập các phương thức kiểm soát hữu hiệu không phải là hành động cản trở hay làm suy yếu nền hành chính, mà ngược lại, là một yêu cầu tự thân của quản trị nhà nước hiện đại và là cơ sở để nâng cao hiệu quả của hoạt động này.¹²³

1.1.2.2. Các phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước

Từ nền tảng lý luận chung về kiểm soát và trách nhiệm giải trình, mỗi hệ thống chính trị - pháp luật lại xây dựng cho mình một hệ thống các phương thức, thiết chế kiểm soát cụ thể. Các phương thức này, dù đa dạng về hình thức, cùng nhau tạo thành một mạng lưới kiểm soát đa tầng đối với quyền lực hành pháp. Để đánh giá một cách khoa học bản chất và vai trò của từng phương thức, cần phân tích những phương thức này dựa trên một khung tiêu chí nhất quán. Dưới góc độ lý luận, ba tiêu chí được sử dụng để so sánh và đánh giá các phương thức kiểm soát là: (1) tính

¹²³ Batalli, M., & Pepaj, I. (2022). Citizens' right to seek judicial review of administrative acts and its impact on governance reforms (Quyền công dân trong việc yêu cầu kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước và tác động của nó đến cải cách quản lý nhà nước). *Corporate Governance and Organizational Behavior Review*, 6(2), 85–94. <https://doi.org/10.22495/cgobrv6i2p8>

độc lập và khách quan của chủ thể kiểm soát; (2) thủ tục hợp lý (*due process*) và mức độ bảo đảm quyền của cá nhân, tổ chức trong quy trình kiểm soát (*fair trial*); và (3) giá trị pháp lý và hiệu lực của kết quả kiểm soát. Dựa trên khung phân tích này, có thể thấy rõ vị thế đặc thù của kiểm soát tư pháp trong mối tương quan với các phương thức kiểm soát khác.

Nhóm phương thức kiểm soát đầu tiên và phổ biến nhất là kiểm soát từ bên trong, hay còn gọi là cơ chế tự kiểm soát của nền hành chính. Đây được xem là tuyến phòng thủ đầu tiên và thường xuyên nhất để bảo đảm trật tự, kỷ luật và tính hợp pháp trong hoạt động của bộ máy. Các hình thức chủ yếu bao gồm: (1) kiểm soát theo thứ bậc hành chính, tức là sự kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới, của thủ trưởng đối với nhân viên; (2) hoạt động thanh tra, kiểm tra công vụ do các cơ quan thanh tra chuyên trách thực hiện; và (3) cơ chế giải quyết khiếu nại hành chính, cho phép cá nhân, tổ chức yêu cầu chính cơ quan đã ra quyết định hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét lại quyết định, hành vi bị cho là trái pháp luật¹²⁴. Xét trên các tiêu chí đã định, cơ chế này bộc lộ những ưu điểm và hạn chế rõ rệt. Về ưu điểm, phương thức này có tính kịp thời, chủ động, và các chủ thể kiểm soát thường am hiểu lĩnh vực chuyên môn sâu. Tuy nhiên, điểm yếu cố hữu của phương thức này nằm ở tiêu chí đầu tiên: tính độc lập và khách quan. Do chủ thể kiểm soát và chủ thể bị kiểm soát cùng thuộc một hệ thống, có mối liên hệ về lợi ích và văn hóa tổ chức, nên khó có thể tránh khỏi xu hướng bao che, nể nang hoặc chỉ xử lý các sai phạm ở mức độ hạn chế¹²⁵. Quy trình kiểm soát cũng thường mang nặng tính nội bộ, thiếu công khai, và quyền của đối tượng bị kiểm soát không được bảo đảm một cách đầy đủ như trong một quy trình tố tụng. Kết quả kiểm soát, dù có hiệu lực trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị, nhưng thiếu đi tính chung thẩm và có thể bị xem xét lại. Do đó, kiểm soát nội bộ là cần thiết nhưng không bao giờ là đủ để bảo đảm một nền hành chính thực sự minh bạch và có trách nhiệm giải trình.

¹²⁴ Nguyễn Quỳnh Liên. (2020). Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 55-60.

¹²⁵ Nguyễn Quỳnh Liên. (2020). Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 55-60.

Chính vì những giới hạn của cơ chế tự kiểm soát, sự tồn tại của các phương thức kiểm soát từ bên ngoài là một đòi hỏi tất yếu của nhà nước pháp quyền. Các phương thức này được thực hiện bởi các chủ thể nằm ngoài hệ thống hành pháp, do đó bảo đảm tính độc lập và khách quan cao hơn. Hệ thống kiểm soát từ bên ngoài ở Việt Nam bao gồm nhiều thiết chế đa dạng.

Trong nhà nước pháp quyền, phương thức kiểm soát bên ngoài đầu tiên và quan trọng nhất về mặt chính quyền là sự giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước, ở Việt Nam là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội, với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Chính phủ¹²⁶. Về chủ thể, Quốc hội là một thiết chế độc lập với Chính phủ. Về quy trình, hoạt động giám sát được thực hiện ở tầm vĩ mô, thông qua các công cụ như xem xét báo cáo, chất vấn, lấy phiếu tín nhiệm. Về kết quả, các nghị quyết giám sát của Quốc hội có giá trị chính trị rất cao, có thể dẫn đến việc thay đổi một chính sách lớn hoặc truy cứu trách nhiệm chính trị của các thành viên Chính phủ. Tuy nhiên, sự giám sát này không được thiết kế trực tiếp hủy bỏ một quyết định hành chính cá biệt bị cho là trái luật.

Một thiết chế kiểm soát bên ngoài khác là Kiểm toán Nhà nước. Đây là cơ quan chuyên trách do Quốc hội thành lập, độc lập với Chính phủ, có chức năng kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công¹²⁷. Hoạt động kiểm toán đáp ứng tốt tiêu chí về tính độc lập của chủ thể và tính chuyên môn hóa trong quy trình. Kết quả kiểm toán là những kết luận có giá trị pháp lý, là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền xử lý các sai phạm về tài chính. Dù vậy, phạm vi kiểm soát của Kiểm toán Nhà nước chỉ giới hạn trong lĩnh vực tài chính và tài sản công, không bao trùm lên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của nền hành chính.¹²⁸

Bên cạnh các thiết chế nhà nước, sự giám sát của xã hội cũng là một phương thức kiểm soát từ bên ngoài có vai trò ngày càng được coi trọng. Phương thức này được thực hiện bởi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ

¹²⁶ Điều 70, Điều 113 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi 2025).

¹²⁷ Điều 118, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi 2025).

¹²⁸ Khoản 5 Điều 3 Luật Kiểm toán Nhà nước 2015 (sửa đổi 2019).

quan truyền thông, báo chí và sự giám sát trực tiếp của mọi cá nhân, tổ chức. Đây là hình thức kiểm soát có tính đại chúng và linh hoạt nhất. Chủ thể giám sát độc lập và đa dạng. Quy trình giám sát thường không bị bó buộc trong các thủ tục chính thức. Hiệu quả lớn nhất của giám sát xã hội là khả năng phát hiện tiêu cực, sai sót một cách nhanh chóng và tạo ra sức ép dư luận, buộc các cơ quan hành chính nhà nước phải xem xét lại hành vi của mình và trở nên minh bạch hơn. Dù vậy, kết quả của giám sát xã hội, chẳng hạn như một bài báo, phóng sự điều tra không có giá trị pháp lý tác động đến các chủ thể hành chính nhà nước. Trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức này là một yếu tố làm nên tính minh bạch và hiệu quả của nền hành chính nhưng cần phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thúc đẩy để có thể đi vào thực chất.

Trong hệ thống các phương thức kiểm soát đa dạng đó, kiểm soát của cơ quan tư pháp thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính có vị thế đặc thù, thể hiện rõ tính ưu việt khi được xem xét qua ba tiêu chí phân tích đã nêu.

Thứ nhất, về tính độc lập và khách quan của chủ thể kiểm soát, Tòa án được thiết kế để đạt đến mức độ cao nhất. Nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" là một nguyên tắc hiến định, là linh hồn của quyền tư pháp¹²⁹. Không giống như cơ quan thanh tra (người cùng ngành) hay Quốc hội (chịu chi phối bởi các yếu tố chính trị), Thẩm phán khi ngồi xét xử không phải là cấp trên hay cấp dưới của các chủ thể hành chính, không đại diện cho lợi ích của bất kỳ bên nào, mà chỉ có một nghĩa vụ duy nhất là bảo vệ pháp luật. Sự độc lập này là nền tảng cho việc xét xử công bằng (*fair trial*) và là bảo chứng cho sự vô tư, khách quan trong các phán quyết.

Thứ hai, về tính chính quy và mức độ bảo đảm quyền của quy trình tố tụng, không một phương thức nào có thể so sánh được với quy trình tố tụng công bằng (*due process*). Hoạt động kiểm soát của Tòa án không diễn ra một cách tùy nghi, mà phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đây là một quy trình được luật hóa chặt chẽ, công khai, đề cao nguyên tắc tranh tụng, bảo đảm

¹²⁹ Khoản 2 điều 103 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi 2025).

sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ cho các bên¹³⁰. Trong phiên tòa hành chính, một người dân bình thường có quyền ngang hàng với một cơ quan công quyền trong việc đưa ra chứng cứ, trình bày lý lẽ và đối đáp. Quyền được bào chữa, quyền được tiếp cận hồ sơ, quyền được xét xử công bằng là những giá trị pháp lý mà chỉ có quy trình tố tụng tư pháp mới có thể bảo đảm một cách trọn vẹn. Nhờ đó, cuộc đối đầu bất bình đẳng về thế và lực giữa người dân và cơ quan công quyền trở thành một quan hệ pháp lý bình đẳng trước pháp luật.

Thứ ba, và cũng là điểm khác biệt quyết định nhất, là giá trị pháp lý và hiệu lực của kết quả kiểm soát. Nếu kết luận của giám sát xã hội tạo ra sức ép dư luận, nghị quyết của giám sát của cơ quan đại diện tạo ra trách nhiệm chính trị, thì bản án, quyết định của Tòa án tạo ra hệ quả pháp lý trực tiếp và bắt buộc thi hành. Bản án hành chính có hiệu lực pháp luật là một phán quyết nhân danh quyền lực nhà nước, có tính hiệu lực pháp lý và có khả năng trực tiếp tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ một quyết định hành chính, hoặc buộc cơ quan hành chính phải thực hiện một nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Hiệu lực này được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước¹³¹. Chính khả năng tạo ra sự thay đổi pháp lý một cách trực tiếp này đã biến kiểm soát bằng xét xử từ một hành vi xem xét, đánh giá đơn thuần thành một hành động thực thi quyền lực tư pháp đích thực.

Từ những phân tích nêu trên, có thể đi đến kết luận rằng, trong một mạng lưới kiểm soát đa dạng mà ở đó mỗi phương thức có một vai trò riêng không thể phủ nhận, chỉ có kiểm soát tư pháp mới hội tụ đủ ba yếu tố (chủ thể độc lập, quy trình công bằng, kết quả có tính cưỡng chế pháp lý) để trở thành cơ chế bảo vệ công lý và pháp chế một cách trọn vẹn và hữu hiệu. Phương thức này không phủ nhận hay thay thế các phương thức kiểm soát khác, mà tồn tại song song, tạo thành một tầng bậc kiểm soát sâu nhất, mang tính pháp lý chặt chẽ nhất. Khi các cơ chế kiểm soát khác không mang lại kết quả, người dân vẫn còn một cánh cửa cuối cùng để tìm kiếm công lý, đó chính là khởi kiện ra Tòa án. Do đó, việc củng cố và nâng cao hiệu quả

¹³⁰ Điều 17, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi 2019, 2025).

¹³¹ Điều 312, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi 2019, 2025).

của phương thức này không chỉ có ý nghĩa đối với hoạt động tư pháp, mà còn là một chỉ dấu về mức độ cam kết của một quốc gia đối với các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền.

1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

1.2.1. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Theo cách hiểu phổ biến, xét xử các vụ án hành chính được định nghĩa là hoạt động tư pháp do tòa án tiến hành nhằm giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động hành chính nhà nước. Đây là quá trình mà tòa án xem xét tính đúng đắn của các quyết định hành chính, hành vi hành chính, cũng như giải quyết các khiếu kiện liên quan đến hoạt động hành chính¹³².

Tác giả Peter Cane đã đưa ra một định nghĩa chi tiết hơn, theo đó xét xử các vụ án hành chính là "*quá trình mà thông qua đó các tòa án độc lập xem xét tính hợp pháp của các quyết định và hành động của cơ quan hành chính nhà nước, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khỏi sự lạm quyền hoặc sai sót trong quá trình thực thi quyền lực công*"¹³³.

Trên thế giới, xét xử các vụ án hành chính gắn với nội hàm của khái niệm kiểm soát tư pháp (*judicial review*) đối với hoạt động hành chính nhà nước. Theo quan niệm chung của khoa học pháp lý hành chính trên thế giới, kiểm soát tư pháp được hiểu là một cơ chế nền tảng của nhà nước pháp quyền, qua đó các Tòa án thực hiện việc xem xét lại các quyết định, hành vi của các cơ quan thuộc nhánh hành pháp¹³⁴. Như vậy, mục tiêu của Tòa án khi xét xử các vụ án hành chính không hướng tới việc đặt mình vào vị trí của nhà quản lý để đưa ra quyết định hay thực hiện hành vi tốt hơn, mà là để bảo đảm rằng các nhà quản lý phải hành động trong giới hạn của công

¹³² Schwartz, B., & Wade, H. W. R. (1972). *Legal control of government: administrative law in Britain and the United States* (Kiểm soát pháp lý với hành pháp: Luật hành chính ở Vương Quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ). Oxford: Clarendon Press.

¹³³ Cane, P. (2011). *Administrative Law* (Luật Hành chính) (5th ed.). Oxford University Press. Tr.78-82.

¹³⁴ Mashaw, J. L. (2005). *Judicial Review of Administrative Action: Reflections on Balancing Political, Managerial and Legal Accountability* (Kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính: Suy ngẫm về việc cân bằng về tính chính trị, quản lý và pháp lý của trách nhiệm giải trình). *Revista Direito GV*, 1, tr. 153.

lý và pháp luật¹³⁵. Bản chất của kiểm soát tư pháp có thể xác định bao gồm ba yếu tố cốt lõi: (1) chủ thể thực hiện là một cơ quan tư pháp độc lập; (2) đối tượng bị xem xét là các quyết định, hành vi hành chính; và (3) mục tiêu là bảo đảm tính đúng đắn của các quyết định, hành vi đó thông qua một phán quyết có tính ràng buộc.

Một trong những đặc thù của hệ thống tư pháp Việt Nam là việc tổ chức Tòa án theo mô hình thống nhất, trong đó Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính và các loại vụ việc khác. Việc chuyên môn hóa chỉ được thể hiện qua các Tòa chuyên trách bên trong mỗi cấp Tòa án¹³⁶. Mô hình này khác với mô hình xét xử hành chính chuyên biệt ở một số quốc gia châu Âu lục địa như Pháp hay Đức nơi có một hệ thống Tòa hành chính độc lập, tách biệt hoàn toàn với hệ thống Tòa án tư pháp thông thường¹³⁷. Mô hình của Việt Nam đã tạo ra mối quan hệ khó phân tách giữa các lĩnh vực xét xử. Mối quan hệ này thể hiện ở hai lĩnh vực.

Thứ nhất là mối quan hệ giữa xét xử các vụ án dân sự và xét xử các vụ án hành chính. Xét xử các vụ án dân sự cũng có khả năng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua cơ chế giải quyết các yêu cầu bồi thường thiệt hại do công chức, cơ quan nhà nước gây ra trong khi thi hành công vụ¹³⁸. Thậm chí, Bộ luật Tố tụng dân sự còn trao cho Tòa án thẩm quyền, khi xét thấy cần thiết, có thể hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức có liên quan để làm cơ sở giải quyết vụ án¹³⁹. ời khởi kiện.

Thứ hai là mối quan hệ giữa xét xử các vụ án hành chính và xét xử các vụ án hình sự. Trong Bộ luật Hình sự, có nhóm tội phạm về chức vụ¹⁴⁰. Việc xét xử các vụ án hành chính cũng có thể phát hiện ra các hành vi có dấu hiệu của một tội phạm, cũng như việc xét xử vụ án hình sự cũng có thể giúp phát hiện ra các quyết định hành chính, hành vi hành chính không được ban hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

¹³⁵ Wade, W., & Forsyth, C. F. (2014). *Administrative Law (Luật Hành chính)*. Oxford University Press, tr. 25-28.

¹³⁶ Xem Khoản 2 Điều 3, Luật Tổ chức Tòa án nhân 2024 (sửa đổi 2025).

¹³⁷ Rose-Ackerman, S., & Lindseth, P. L. (Eds.). (2011). *Comparative Administrative Law (Luật Hành chính so sánh)*. Edward Elgar Publishing, tr. 145-150.

¹³⁸ Xem: Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sửa đổi năm 2025).

¹³⁹ Xem: Khoản 2, Điều 34, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

¹⁴⁰ Xem: Chương XXIII, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuy nhiên, việc thừa nhận mối quan hệ nêu trên không đồng nghĩa với việc vai trò và bản chất của các lĩnh vực xét xử là đồng nhất. Để thấy rõ đặc điểm đặc trưng của xét xử các vụ án hành chính cần phải đi sâu vào sự khác biệt về bản chất, về mục tiêu cốt lõi và quyền năng pháp lý của mỗi lĩnh vực xét xử:

Khi đối chiếu với giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước trong tố tụng dân sự, sự khác biệt bản chất nằm ở quyền năng xử lý nguyên nhân thay vì chỉ hậu quả: xét xử dân sự tập trung vào khoản bồi thường thiệt hại, trong khi xét xử hành chính được trao quyền năng tuyên hủy trực tiếp một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật, loại bỏ tận gốc sự sai trái ra khỏi trật tự pháp lý.

Khi so sánh với xét xử hình sự, sự khác biệt về chất cũng rõ ràng: xét xử hình sự nhắm đến trách nhiệm cá nhân của người thực thi công vụ, còn xét xử hành chính nhắm đến tính đúng đắn của kết quả sử dụng quyền lực công. Nếu xét xử hình sự kiểm soát hành vi cá nhân, thì xét xử hành chính kiểm soát sự vận hành của quyền lực hành chính.

Từ tất cả các luận cứ trên, có thể đi đến một kết luận rằng: Mặc dù các lĩnh vực xét xử ở Việt Nam đều có thể gián tiếp liên quan đến các khía cạnh của hoạt động hành chính, tuy nhiên, chỉ có hoạt động xét xử vụ án hành chính mới hội tụ đầy đủ các thuộc tính bản chất của một cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hành pháp. Do đó, xét xử các vụ án hành chính chính là đại diện tiêu biểu, đầy đủ và đích thực nhất cho hoạt động kiểm soát của quyền tư pháp đối với quyền hành pháp.

Dựa trên sự tổng hợp từ các quy định của pháp luật thực định và các công trình nghiên cứu khoa học, có thể đưa ra một định nghĩa mang tính khái quát như sau:

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là một hình thức thực thi quyền lực nhà nước, trong đó thiết chế tư pháp độc lập, thông qua một quy trình tố tụng công bằng, tiến hành xem xét đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính tác động đến quyền và lợi ích của các chủ thể, nhằm mục tiêu kép là bảo vệ công lý cho các cá nhân, tổ chức và bảo đảm nền hành chính vận hành trong khuôn khổ pháp luật.

1.2.2. Đặc điểm của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Hoạt động kiểm soát này có những đặc điểm đặc trưng sau:

1.2.2.1. Đặc điểm về chủ thể kiểm soát

Tính độc lập của tòa án là yếu tố quan trọng khiến tòa án trở thành chủ thể phù hợp cho việc kiểm soát hoạt động hành chính. Mặc dù quyền lực nhà nước ở Việt Nam là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp¹⁴¹. Trong mối quan hệ kiểm soát này, Tòa án (cơ quan tư pháp) được đặt ở vị thế độc lập tương đối so với cơ quan hành chính (hành pháp) để thực hiện chức năng phán quyết về tính đúng đắn trong hoạt động của cơ quan hành chính. Sự độc lập này là cần thiết để ngăn ngừa sự tùy tiện, chủ quan từ phía cơ quan hành chính. Nếu chủ thể kiểm soát không độc lập, ví dụ như một cơ quan cấp trên trong chính hệ thống hành chính, thì hoạt động kiểm soát sẽ không thoát khỏi sự chi phối của tư duy quản lý, lợi ích cục bộ hoặc áp lực từ mệnh lệnh hành chính, từ đó không thể đưa ra một phán quyết khách quan, vô tư¹⁴². Học thuyết phân chia quyền lực của Montesquieu, dù được tiếp cận và vận dụng khác nhau ở các mô hình nhà nước, đều có chung một công thức rằng, để bảo vệ tự do, không thể tập trung cả quyền hành pháp và quyền tư pháp vào cùng một chủ thể¹⁴³.

Tính độc lập được biểu hiện ở hai cấp độ: độc lập của hệ thống Tòa án với tư cách là một thiết chế và độc lập của hội đồng xét xử. Ở cấp độ vĩ mô, Tòa án được tổ chức thành một hệ thống độc lập theo ngành dọc, không phụ thuộc vào các đơn vị hành chính lãnh thổ về mặt tổ chức và nhân sự. Về mặt lý thuyết, điều này giúp Tòa án thoát khỏi sự can thiệp của quyền lực chính trị tại địa phương – nơi thường xảy ra các tranh chấp hành chính¹⁴⁴. Ở cấp độ vi mô là sự độc lập của những người trực

¹⁴¹ Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi năm 2025).

¹⁴² Nguyễn Đăng Dung (2022), Kiểm soát quyền lực nhà nước, Nxb. Chính trị Sự thật.

¹⁴³ Montesquieu, C. L. (1748), De l'esprit des lois (Tinh thần pháp luật), bản dịch của Hoàng Thanh Đạm (2006), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

¹⁴⁴ Lê Hùng. (2024). Cơ sở lý luận và thực tiễn của kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật tại Việt Nam hiện nay. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://lsvn.vn/co-so-ly-luan-va-thuc-tien-cua-kiem-soat-quyen-luc-trong-xay-dung-phap-luat-tai-viet-nam-hien-nay-a150664.html>

tiếp tiến hành việc xét xử các vụ án hành chính. Đây là sự bảo đảm cốt lõi cho mọi phán quyết khách quan, chính xác và thấu tình đạt lý. Hội đồng xét xử phải được giải phóng khỏi mọi sự chỉ đạo, can thiệp, chi phối, tác động từ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào, dù đó là cấp trên trong ngành Tòa án hay các cơ quan quyền lực khác. Mọi áp lực, dù công khai hay ngầm ẩn, đều là sự vi phạm bản chất của hoạt động xét xử và làm vô hiệu hóa giá trị của cơ chế kiểm soát tư pháp. Sự độc lập này đòi hỏi Thẩm phán không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng mà còn phải được bảo vệ bằng các cơ chế pháp lý hữu hiệu về bổ nhiệm, nhiệm kỳ, kỷ luật và các điều kiện vật chất khác¹⁴⁵.

Thứ ba, tính độc lập của Tòa án trong tổ tụng hành chính mang một ý nghĩa đặc biệt, bởi đối tượng bị kiện luôn là chủ thể mang quyền lực công. Khác với các vụ án dân sự nơi các bên bình đẳng về địa vị pháp lý, trong vụ án hành chính, một bên là người dân yếu thế, còn bên kia là cơ quan nhà nước nắm trong tay bộ máy, nguồn lực và thông tin. Tính độc lập của Tòa án lúc này trở thành sự bảo đảm cho tiếng nói của người dân được lắng nghe một cách bình đẳng và các lập luận của cơ quan nhà nước được xem xét một cách nghiêm túc dưới lăng kính của công lý, lẽ phải và pháp luật chứ không phải bằng uy thế của quyền lực. Nếu không có sự độc lập này, Tòa án sẽ trở thành con rối của hành chính và hợp thức hóa các quyết định sai trái thay vì kiểm soát quyền lực và bảo vệ công lý.

1.2.2.2. Đặc điểm về đối tượng, phạm vi và giới hạn của hoạt động kiểm soát (nội dung)

Nếu như tính độc lập của chủ thể kiểm soát là điều kiện cần thì việc xác định một cách khoa học đối tượng, phạm vi và giới hạn của hoạt động kiểm soát chính là điều kiện đủ để định hình bản chất và hiệu quả của kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước.

¹⁴⁵ Xem Basic Principles on the Independence of the Judiciary (Các nguyên tắc cơ bản của tính độc lập của ngành tư pháp) được thông qua tại kì họp thứ bảy của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1985 quy định các nhóm vấn đề cốt lõi: tiêu chuẩn, tuyển chọn và đào tạo; điều kiện phục vụ và nhiệm kỳ; bí mật nghề nghiệp và miễn trừ; kỷ luật, đình chỉ, bãi nhiệm, thể hiện yêu cầu bảo đảm độc lập bằng cơ chế pháp lý cụ thể chứ không chỉ bằng phẩm chất cá nhân. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/basic-principles-independence-judiciary>

Thứ nhất, về đối tượng kiểm soát, xét xử vụ án hành chính tập trung vào kết quả của hoạt động hành chính nhà nước. Theo pháp luật của Việt Nam và thông lệ của nhiều quốc gia, đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính và hành vi hành chính mang tính cá biệt. Đây là những quyết định, hành vi công quyền tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức cụ thể. Việc Tòa án xem xét tính hợp pháp của một quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thu hồi đất hay hành vi không cấp giấy phép của chủ thể hành chính nhà nước là những ví dụ điển hình.

Tuy nhiên, việc giới hạn đối tượng kiểm soát sẽ là chưa đầy đủ nếu xét từ góc độ khoa học pháp lý và nhu cầu kiểm soát quyền lực toàn diện. Hoạt động hành chính nhà nước còn tạo ra một sản phẩm pháp lý khác có tầm ảnh hưởng rộng lớn: các quyết định hành chính quy phạm – các văn bản dưới luật do cơ quan hành chính nhà nước ban hành¹⁴⁶. Về mặt lý luận, những văn bản này, dù không tác động đến một đối tượng cụ thể ngay tại thời điểm ban hành, lại là nguồn gốc phát sinh vô số các quyết định hành chính cá biệt và có khả năng xâm phạm quyền lợi của một nhóm đối tượng không xác định. Do đó, một cơ chế kiểm soát hữu hiệu phải có khả năng xem xét tính hợp pháp của cả "gốc" (văn bản quy phạm) lẫn "ngọn" (văn bản cá biệt). Khoa học pháp lý hành chính thế giới đã ghi nhận hai mô hình kiểm soát văn bản quy phạm: (1) Mô hình kiểm soát cụ thể (*concrete review*), cho phép Tòa án khi xét xử một vụ án cụ thể có quyền không áp dụng một văn bản quy phạm dưới luật nếu cho rằng văn bản đó trái với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn¹⁴⁷; và (2) Mô hình kiểm soát trừu tượng (*abstract review*), cho phép cá nhân, tổ chức trực tiếp khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một văn bản quy phạm mà không cần chờ đến khi có một quyết định cá biệt được ban hành trên cơ sở của quyết định quy phạm đó¹⁴⁸. Mặc dù

¹⁴⁶ Trong khoa học pháp lý hành chính Pháp, đây là sự phân biệt kinh điển giữa *acte administratif individuel* và *acte administratif réglementaire*. Xem: Auby, J. B., & Drago, R. (2019), *Traité de contentieux administratif*, LGDJ, Paris.

¹⁴⁷ Đây là cơ chế được áp dụng khá phổ biến ở nhiều quốc gia theo truyền thống luật châu Âu lục địa. Tòa án không hủy bỏ văn bản quy phạm nhưng từ chối áp dụng để giải quyết vụ án cụ thể, tạo ra một tiền lệ cho các vụ việc tương lai.

¹⁴⁸ Dorf, Michael C. (2008). *Abstract and Concrete Review* [Kiểm soát cụ thể và kiểm soát trừu tượng]. Xuất bản trong cuốn sách của Vikram David Amar, and Mark V Tushnet (eds). *Global Perspectives on Constitutional Law* [Góc nhìn Toàn cầu về Luật Hiến pháp]. New York. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa

pháp luật Việt Nam hiện nay chưa cho phép cá nhân, tổ chức khởi kiện trực tiếp văn bản quy phạm, nhưng Luật Tổ tụng hành chính lại cho phép Tòa án kiến nghị tới chủ thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật. Nếu trong thời hạn quy định, chủ thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật không xem xét và trả lời thì Tòa có thể áp dụng văn bản có giá trị pháp lý cao hơn trong quá trình giải quyết vụ án hành chính¹⁴⁹.

Thứ hai, về phạm vi kiểm soát, trọng tâm của xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam cũng như đa phần các quốc gia trên thế giới là xem xét và phán quyết về tính hợp pháp của đối tượng bị khởi kiện. Tòa án không phải là cơ quan hành chính cấp trên, không có chuyên môn sâu trong lĩnh vực quản lý nên gặp khó khăn trong việc đưa ra nhận định hoạt động hành chính nhà nước có tốt nhất hay hiệu quả nhất hay không. Thay vào đó, Tòa án thường đối chiếu quyết định hoặc hành vi hành chính đó với một hệ thống các quy chuẩn pháp luật để trả lời câu hỏi: có hợp pháp không? Tính hợp pháp ở đây thường được cấu thành bởi năm yếu tố cốt lõi: (1) Căn cứ pháp lý được viện dẫn; (2) Thẩm quyền (cả về nội dung và hình thức); (3) Nội dung (có phù hợp với quy định của pháp luật và mục đích của luật hay không); (4) Hình thức của văn bản; và (5) Thủ tục ban hành.¹⁵⁰

Tuy nhiên, một nền tài phán hành chính phát triển không thể tự giới hạn mình trong một cuộc kiểm tra tính hợp pháp một cách máy móc, hình thức. Khoa học pháp lý hiện đại cho thấy, ranh giới giữa kiểm soát tính hợp pháp và kiểm soát tính hợp lý ngày càng trở nên tương đối, đặc biệt khi pháp luật trao cho cơ quan hành chính một khoảng không gian để tự quyết định, gọi là quyền tùy nghi. Khi cơ quan hành chính hành động trong phạm vi quyền tùy nghi, một quyết định có thể không sai về mặt thẩm quyền hay thủ tục, nhưng vẫn có thể bị coi là bất hợp pháp nếu được ban hành một cách tùy tiện, không dựa trên các căn cứ xác đáng hoặc vi phạm các nguyên tắc chung của pháp luật như lẽ công bằng. Lúc này, Tòa án không thay thế sự lựa chọn của cơ quan hành chính, nhưng sẽ kiểm soát cách thức mà cơ quan

chỉ: <https://doi.org/10.1093/oso/9780195328103.003.0001>

¹⁴⁹ Xem Chương VIII Luật Tổ tụng hành chính 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025) Phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính.

¹⁵⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội. (2021). Giáo trình Xây dựng Văn bản pháp luật. NXB.Tư pháp. tr.218-222

hành chính thực hiện sự lựa chọn đó. Khi đó, tính hợp lý trở thành một tiêu chuẩn pháp lý¹⁵¹. Sự kiểm soát này được thực hiện thông qua việc áp dụng các học thuyết, nguyên tắc pháp lý, chẳng hạn như:

- Nguyên tắc tương xứng (*Proportionality Principle*): Bắt nguồn từ hệ thống luật Đức (*Verhältnismäßigkeitsprinzip*), nguyên tắc này đòi hỏi biện pháp mà cơ quan hành chính lựa chọn phải phù hợp, cần thiết và cân xứng (hợp lý) so với mục tiêu công mà hoạt động hành chính nhà nước hướng tới. Một biện pháp, dù hợp pháp, vẫn có thể bị Tòa án hủy bỏ nếu gây ra những gánh nặng quá mức cần thiết cho cá nhân so với lợi ích công thu được¹⁵².

- Học thuyết lạm dụng quyền lực (*Détournement de pouvoir*): Xuất phát từ thực tiễn xét xử của Tham chính viện Pháp (*Conseil d'État*), học thuyết này cho phép Tòa án hủy một quyết định hành chính nếu được ban hành không nhằm phục vụ mục đích công mà pháp luật đã trao cho cơ quan đó, mà để theo đuổi một mục đích khác (ví dụ: mục đích tư lợi, trả đũa cá nhân, hoặc một mục đích công khác không đúng với thẩm quyền được giao)¹⁵³.

- Tiêu chuẩn về sự bất hợp lý (*Wednesbury Unreasonableness*): Trong hệ thống thông luật Anh, Tòa án có thể can thiệp vào một quyết định thuộc thẩm quyền tùy nghi nếu quyết định đó "*bất hợp lý đến mức không một cơ quan có thẩm quyền nào hành động một cách hợp lý lại có thể đưa ra quyết định như vậy*"¹⁵⁴.

Việc vận dụng các nguyên tắc này không có nghĩa là Tòa án đang kiểm soát tính hợp lý hay tính khôn ngoan của chính sách, mà là đang thực hiện một sự kiểm soát tính hợp pháp ở chiều sâu, đảm bảo rằng quyền tùy nghi được thực thi một cách có trách nhiệm, thiện chí và không tùy tiện. Đây chính là cách thức để xét xử hành chính tiệm cận đến lẽ công bằng và công lý thực chất, vượt qua giới hạn của một sự tuân thủ pháp luật thuần túy hình thức.

¹⁵¹ Xem: Điều 5 (2) Administrative Decision (Judicial Review) Act 1977 của Australia: https://www.austlii.edu.au/cgi-bin/download.cgi/au/legis/cth/consol_act/adra1977396

¹⁵² Schwarze, J. (2006), *European Administrative Law* [Luật Hành chính Châu Âu], Sweet & Maxwell, London, tr. 677-877. Nguyên tắc này đã được Tòa án Công lý Châu Âu (CJEU) và Tòa án Nhân quyền Châu Âu (ECtHR) áp dụng như một nguyên tắc chung của pháp luật.

¹⁵³ Braibant, G. (2002), *Le droit administratif français* [Luật Hành chính Pháp], Presses de Sciences Po et Dalloz, Paris, tr. 112.

¹⁵⁴ *Associated Provincial Picture Houses Ltd. v Wednesbury Corporation* [1948]. Đây là án lệ điển hình của luật hành chính Anh.

Thứ ba, về giới hạn của kiểm soát. Đây là vấn đề gây nhiều tranh luận trong khoa học pháp lý hành chính trên thế giới¹⁵⁵: (1) một mặt, tòa án cần có đủ thẩm quyền để bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động hành chính; (2) mặt khác, tòa án không thể và không nên thay thế vai trò của cơ quan hành chính trong việc đưa ra các quyết định chuyên môn.

Giới hạn này thể hiện ở ba khía cạnh chính: (1) Các quyết định, hành vi mang tính nội bộ không thuộc đối tượng khởi kiện, ví dụ như các văn bản chỉ đạo, điều hành nội bộ không trực tiếp làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ của đối tượng bên ngoài; (2) Các hành vi mang tính chính trị hoặc thuộc về chức năng cốt lõi của hành pháp, ví dụ như những hành vi liên quan đến quan hệ của Chính phủ với Nghị viện, các vấn đề ngoại giao, an ninh quốc gia... mà việc phán xét đúng sai không thuộc về thẩm quyền của Tòa án mà thuộc về sự phán xét của chính trường hoặc cử tri¹⁵⁶; và (3) Sự tôn trọng của Tòa án đối với chuyên môn sâu của cơ quan hành chính nhà nước thể hiện trong học thuyết Chevron của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tranh cãi về sự tôn trọng này đã dẫn đến việc học thuyết Chevron bị lật đổ vào năm 2024 tại Hoa Kỳ. Đây là một chỉ dấu về nhu cầu và niềm tin của xã hội đối với xét xử vụ án hành chính trong việc kiểm soát một cách có hiệu quả và toàn diện hơn đối với hoạt động hành chính nhà nước.

Ở Việt Nam, Luật Tổ tụng hành chính đưa ra giới hạn cho việc xét xử các vụ án hành chính một cách trực tiếp về đối tượng khởi kiện và gián tiếp thông qua quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân. Đối với một quốc gia đang phát triển, các giới hạn này có thể bảo đảm cho hoạt động hành chính nhà nước ưu tiên hơn cho các mục tiêu tăng trưởng của đất nước.

1.2.2.3. Đặc điểm về thủ tục kiểm soát

Hoạt động kiểm soát của Tòa án không phải là một quá trình tùy nghi, tự phát mà được tiến hành trong một khuôn khổ thủ tục pháp lý nghiêm ngặt, công khai và

¹⁵⁵ Xem G. Zhu (Ed.). (2019). *Deference to the administration in judicial review* [Sự tôn trọng hành pháp trong hoạt động kiểm soát tư pháp]. Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-030-31539-9_8

¹⁵⁶ Bell, J. S., & Boyron, S. (2008), *French Constitutional Law* [Hiến pháp nước Pháp], NXB.Đại học Oxford, Oxford, tr. 89-91. Khái niệm "actes de gouvernement" của Pháp là một ví dụ điển hình về giới hạn của tài phán hành chính.

có sự tham gia bình đẳng của các bên. Chính tính tài phán chặt chẽ này đã tạo nên sự khác biệt về bản chất, nâng cao tính khách quan và tính chính danh cho các phán quyết của Tòa án so với các hình thức kiểm soát khác, đặc biệt là cơ chế giải quyết khiếu nại nội bộ của hành chính. Ở Việt Nam, thủ tục xét xử các vụ án hành chính được quy định một cách tập trung trong Luật Tố tụng hành chính.

Thứ nhất, hoạt động kiểm soát được thực hiện thông qua một quy trình tố tụng được pháp luật quy định cụ thể, mang tính hình thức và bắt buộc. Toàn bộ quá trình, từ khi khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm cho đến các thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của tòa án như giám đốc thẩm, tái thẩm, đều được quy định chi tiết. Sự chuẩn hóa về mặt thủ tục này nhằm đảm bảo hai mục đích: (1) Đảm bảo một quy trình giải quyết thống nhất, có thể dự đoán trước, hạn chế tối đa sự tùy tiện của các chủ thể tiến hành tố tụng; (2) Cung cấp diễn đàn công bằng, bình đẳng, nơi các bên tham gia đều biết rõ quyền và nghĩa vụ của mình. Điều này hoàn toàn tương phản với thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính, vốn thường linh hoạt hơn nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về sự thiếu khách quan và minh bạch.¹⁵⁷

Thứ hai, quy trình kiểm soát được khởi động và vận hành dựa trên nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tòa án, với tư cách là chủ thể kiểm soát, giữ một vai trò thụ động trong việc bắt đầu quá trình tố tụng. Tòa án không thể tự mình tìm kiếm các quyết định hành chính trái pháp luật để xét xử. Thay vào đó, hoạt động kiểm soát chỉ được kích hoạt khi có đơn khởi kiện từ cá nhân, tổ chức cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng, người khởi kiện có quyền thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện... Điều này cho thấy mục tiêu hàng đầu của xét xử hành chính là phục vụ nhu cầu của người dân và xã hội, chứ không phải là một hoạt động thanh tra, kiểm tra thuần túy của nhà nước.

¹⁵⁷ Nguyễn Anh Tuấn. (2023). Một số vấn đề về giải quyết khiếu nại hành chính theo thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay. Tạp chí cộng sản Online. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/828123/mot-so-van-de-ve-giai-quyet-khieu-nai-hanh-chinh-theo-thu-tuc-hanh-chinh-o-nuoc-ta-hien-nay.aspx>.

Thứ ba, nguyên tắc bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ tố tụng và nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa là tư tưởng chủ đạo đối với việc xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam. Về mặt lý thuyết, khi bước vào phòng xử án, người dân (bên khởi kiện) và cơ quan nhà nước (bên bị kiện) có địa vị pháp lý ngang nhau. Cả hai bên đều có quyền đưa ra chứng cứ, lý lẽ, đối đáp và trình bày quan điểm để bảo vệ cho yêu cầu hoặc sự phản đối của mình. Tòa án đóng vai trò điều khiển và phân xử, ra phán quyết dựa trên kết quả của quá trình tranh tụng công khai đó. Tranh tụng là cơ chế hiệu quả nhất để sự thật khách quan của vụ án được làm sáng tỏ. Trong một phiên tòa hành chính, cơ quan nhà nước phải bước xuống từ vị thế quyền lực của mình để tham gia vào một cuộc đối thoại pháp lý sòng phẳng, phải chứng minh tính hợp pháp cho quyết định hay hành vi của mình trước một bên thứ ba độc lập. Điều này tạo ra sự khác biệt căn bản so với mô hình giải quyết khiếu nại, nơi người dân vẫn ở trong vị thế đối tượng bị quản lý khi đối thoại với chính cơ quan đã ra quyết định hoặc cơ quan cấp trên trong một quy trình mang nặng tính hành chính, thứ bậc.

Thứ tư, toàn bộ quy trình kiểm soát được thực hiện dựa trên nguyên tắc xét xử công khai (trừ những trường hợp đặc biệt liên quan đến bí mật nhà nước, cá nhân, tổ chức hoặc thuần phong mỹ tục). Tính công khai không chỉ là một sự bảo đảm cho quyền được xét xử công bằng của đương sự mà còn có ý nghĩa: đặt toàn bộ hoạt động kiểm soát của Tòa án và hoạt động của cơ quan hành chính dưới sự giám sát của xã hội. Việc một cơ quan nhà nước phải công khai bảo vệ tính hợp pháp của quyết định của mình trước công chúng có tác dụng răn đe và phòng ngừa sai phạm. Đồng thời, việc công khai bản án, án lệ cũng góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của cả Tòa án và cơ quan hành chính, tạo ra áp lực về tính minh bạch của quá trình kiểm soát.

Thông qua việc tuân thủ một quy trình tố tụng nghiêm ngặt, hoạt động kiểm soát của Tòa án mới có được sự khách quan, công tâm và phán quyết cuối cùng mới có đủ tính thuyết phục và tính chính danh để buộc các bên, kể cả cơ quan công quyền, phải tuân thủ.

1.2.2.4. Đặc điểm về kết quả của hoạt động kiểm soát

Đặc trưng cuối cùng và là đặc trưng thể hiện sức mạnh kiểm soát thực chất của xét xử hành chính ở Việt Nam, nằm ở bản chất và hiệu lực của sản phẩm mà quá trình này tạo ra: bản án, quyết định của Tòa án. Kết quả kiểm soát này không phải là một ý kiến tư vấn hay một kiến nghị chính sách, mà là một hành vi tài phán mang tính quyền lực, tạo ra những hệ quả pháp lý cụ thể và có tính bắt buộc. Dưới góc độ lý luận, đặc trưng này được thể hiện qua ba khía cạnh cốt lõi.

Thứ nhất, phán quyết của Tòa án là một hành vi tuyên bố pháp lý có hiệu lực bắt buộc chung và có hiệu lực pháp lý chính thức. Phán quyết của Tòa án không chỉ đơn thuần giải quyết tranh chấp giữa hai bên mà còn công bố chính thức kết quả của quá trình kiểm soát tư pháp. Phán quyết đó, một khi có hiệu lực, sẽ trở thành sự thật pháp lý (*res judicata*) không chỉ đối với các bên đương sự mà còn có hiệu lực đối với tất cả các chủ thể khác trong xã hội¹⁵⁸. Ví dụ, khi Tòa án hủy bỏ một quyết định quy hoạch, quyết định đó bị xem là vô hiệu đối với tất cả mọi người, chứ không chỉ riêng người khởi kiện.

Thứ hai, hệ quả của kiểm soát tư pháp mang tính khắc phục triệt để và có khả năng tái lập trật tự pháp lý. Lý luận về xét xử hành chính nhấn mạnh rằng Tòa án không chỉ có kiểm soát với các hoạt động hành chính nhà nước trái pháp luật đơn lẻ mà còn phải có khả năng tác động hệ thống tới các hoạt động khác. Các học thuyết về thẩm quyền của Tòa án trên thế giới đều thừa nhận quyền năng của Tòa án trong việc áp dụng các biện pháp khắc phục đa dạng. Quyền năng hủy bỏ được xem là công cụ cho phép Tòa án loại trừ một quyết định, hành vi công quyền trái pháp luật ra khỏi hệ thống pháp luật, như thể hoạt động đó chưa từng tồn tại¹⁵⁹. Bên cạnh đó, Tòa án còn có quyền ra các mệnh lệnh bắt buộc, yêu cầu cơ quan hành chính phải thực hiện một nghĩa vụ mà pháp luật quy định, hoặc chấm dứt một hành vi trái pháp luật đang diễn ra. Mục tiêu cuối cùng của các biện pháp này là cố gắng khôi phục

¹⁵⁸ Garner, B. A. (Editor in Chief) (2019), Black's Law Dictionary [Từ điển Black's Law], 11th Edition, Thomson Reuters. Khái niệm *Res judicata* ("a matter judged") là một nguyên tắc nền tảng của tố tụng, khẳng định rằng một vụ việc đã được phán quyết cuối cùng thì không thể bị xét xử lại.

¹⁵⁹ Peter Cane, & Leighton McDonald (2021), *Principles of Administrative Law: Legal Regulation of Governance* [Nguyên tắc của Luật hành chính: Các quy định về Quản trị], Tái bản lần thứ 4, NXB.Đại học Oxford. Lệnh hủy bỏ quyết định hành chính (*quashing order*) là một trong các phán quyết phổ biến của Tòa khi xét xử các vụ án hành chính ở Anh.

lại tình trạng ban đầu, đúng đắn về mặt pháp lý cho người bị ảnh hưởng, trả lại cho họ những gì đã bị tước đoạt một cách bất hợp pháp¹⁶⁰.

Thứ ba, hệ quả pháp lý của một phán quyết có tác động định hướng và định hình cho tương lai. Ngoài việc giải quyết một vụ việc trong quá khứ, mỗi án lệ hành chính còn là một chuẩn mực pháp lý cho tương lai. Trong các hệ thống pháp luật phát triển, phán quyết của Tòa án, đặc biệt là Tòa án cấp cao, có giá trị như một nguồn pháp luật. Học thuyết về tuân thủ tiền lệ pháp (*stare decisis*) trong hệ thống thông luật là minh chứng rõ ràng nhất, khi một phán quyết trong một vụ án trở thành quy tắc bắt buộc cho các Tòa án cấp dưới khi xét xử các vụ việc có tình tiết tương tự sau này¹⁶¹. Ngay cả trong hệ thống dân luật, nơi có truyền thống không coi án lệ là nguồn luật chính thức, thực tiễn xét xử của các Tòa án hành chính tối cao (như Tham chính viện Pháp hay Tòa án Hành chính Liên bang Đức) vẫn có sức ảnh hưởng và định hình cách các cơ quan hành chính diễn giải và áp dụng pháp luật. Tác động lan tỏa này biến xét xử hành chính từ một công cụ sửa sai thụ động thành một công cụ chủ động trong việc kiến tạo sự minh bạch, tính có thể dự đoán và sự thống nhất của pháp luật hành chính. Ở Việt Nam, các án lệ hành chính còn khá khiêm tốn nhưng đã bước đầu bổ sung cơ sở pháp lý cần thiết cho việc xét xử các vụ án hành chính.

Qua việc phân tích các đặc điểm trên, có thể thấy vị thế và giá trị của xét xử hành chính: một phương thức kiểm soát từ bên ngoài, mang tính chuyên nghiệp về quy trình, thủ tục, vận hành sau khi sai phạm đã xảy ra để sửa chữa và khôi phục công lý, đồng thời có tác động phòng ngừa, hướng dẫn cho các trường hợp tương tự trong tương lai. Đây là chốt chặn pháp lý sau cùng và hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước quyền lực công, và cũng là công cụ sắc bén để bảo đảm nền hành chính phụng sự, vận hành trong khuôn khổ của pháp luật.

¹⁶⁰ Harlow, C., & Rawlings, R. (2021), *Law and Administration* [Luật và Quản trị], 4th Edition, Cambridge University Press. Khôi phục nguyên trạng là một trong những mục tiêu chính của các biện pháp khắc phục tư pháp trong luật hành chính.

¹⁶¹ Hart, H. L. A. (1961), *The Concept of Law* [Khái niệm pháp luật]. H.L.A. Hart đã phân tích vai trò của Tòa án trong việc tạo ra các quy tắc pháp lý mới khi đối mặt với các "vùng mờ hồ" (*penumbra of uncertainty*) của pháp luật thành văn.

1.2.3. Vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là tổng thể các tác dụng, vị thế và sự thể hiện chức năng của cơ chế kiểm soát do Tòa án thực hiện đối với quyền lực của cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo tính đúng đắn trong hoạt động hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Từ đó cho thấy, vai trò của cơ chế kiểm soát này mang trong mình một sứ mệnh kép: vừa là một cơ chế bảo vệ các giá trị của nhà nước pháp quyền (quyền con người, pháp chế, lẽ công bằng...), vừa là một cơ chế thúc đẩy sự phát triển của nền hành chính và hệ thống pháp luật. Các khía cạnh cụ thể của vai trò này sẽ được luận giải chi tiết dưới đây.

- Vai trò bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, cá nhân và tổ chức

Bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, cá nhân và tổ chức được xem là lý do hình thành của xét xử hành chính trong các nhà nước pháp quyền. Lý thuyết về khế ước xã hội cho rằng, cá nhân nhượng lại một phần tự do của mình cho nhà nước để đổi lấy sự an toàn và trật tự, nhưng luôn giữ lại những quyền cơ bản, bất khả xâm phạm¹⁶². Tuy nhiên, nhà nước lại có xu hướng tự nhiên là mở rộng quyền lực. Trong bối cảnh đó, cơ chế kiểm soát thông qua xét xử hành chính được coi như một lá chắn pháp lý, một thành trì bảo vệ cá nhân trước sự can thiệp của quyền lực công.

Vai trò này được thể hiện ở chỗ, cơ chế kiểm soát này trao cho chủ thể yếu thế một công cụ pháp lý hữu hiệu để khởi kiện các quyết định và hành vi của cơ quan nhà nước. Tòa án, với vị thế độc lập, kiểm soát sự đúng đắn của hoạt động hành chính nhà nước, qua đó, bảo vệ cho các quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức. Phán quyết của Tòa án không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sai phạm trong một vụ việc cụ thể và đưa ra biện pháp khắc phục, mà còn là tuyên ngôn mang tính biểu tượng: quyền của cá nhân, tổ chức luôn được công lý bảo vệ, ngay cả khi đối

¹⁶² Rousseau, J. J. Bàn về Khế ước xã hội. (Hoàng Thanh Đạm dịch thuật, chú giải). NXB Lý luận Chính trị.

đầu với quyền lực nhà nước¹⁶³. Hơn nữa, bằng cách cung cấp một diễn đàn pháp lý để giải quyết các xung đột một cách công khai và dựa trên pháp luật, xét xử hành chính thực hiện vai trò dung hòa mâu thuẫn giữa lợi ích công (do nhà nước đại diện) và lợi ích tư (của cá nhân, tổ chức), góp phần duy trì sự ổn định và đồng thuận xã hội, bảo vệ uy tín và quyền lợi của Nhà nước.

- Vai trò bảo đảm pháp quyền một cách triệt để

Kết quả quá trình kiểm soát tư pháp tác động trực tiếp đến kỷ luật và trật tự vận hành của bộ máy nhà nước. Nguyên tắc pháp quyền đòi hỏi nền hành chính chỉ được làm những gì trong khuôn khổ công lý và pháp luật cho phép. Xét xử hành chính chính là cơ chế hữu hiệu nhất để đảm bảo cho yêu cầu này được thực thi trên thực tiễn.

Vai trò này được thực hiện thông qua việc Tòa án xem xét các quyết định, hành vi công quyền bị khởi kiện. Trong hệ thống Thông luật, vai trò này được thể hiện qua học thuyết về vượt quá thẩm quyền (*ultra vires*), kiểm tra xem cơ quan hành chính có vượt ra ngoài giới hạn quyền lực mà pháp luật đã trao cho hay không¹⁶⁴. Trong hệ thống Dân luật, nguyên tắc khối tính hợp pháp (*bloc de légalité*) buộc nền hành chính phải tuân thủ mọi quy tắc lập pháp¹⁶⁵. Bằng cách phát hiện và xử lý các sai phạm, Tòa án không chỉ sửa chữa một quyết định đơn lẻ mà còn tạo ra một hiệu ứng răn đe, buộc các cơ quan nhà nước phải thận trọng hơn trong hoạt động, góp phần ngăn ngừa các vi phạm trong tương lai.

- Vai trò hoàn thiện hệ thống pháp luật và định hướng nền hành chính

Xét xử hành chính, với tư cách là một phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, không chỉ là cơ chế áp dụng pháp luật một cách thụ động mà còn làm sáng tỏ pháp luật hành chính. Thông qua hoạt động giải thích pháp luật, Tòa án làm cho các quy định trừu tượng trở nên rõ ràng. Các bản án, đặc biệt là án lệ, có vai trò quan trọng trong việc thống nhất nhận thức và áp dụng pháp luật.

¹⁶³ Dicey, A. V. (1885). *Introduction to the Study of the Law of the Constitution* [Nhập môn nghiên cứu Luật Hiến pháp]. Xuất bản lần đầu năm 1915 bởi NXB.Macmillan. London. tr.lxiv.

¹⁶⁴ Wade. H. W. R., & Forsyth, C. F. (2022). *Administrative Law* [Luật Hành chính]. Tái bản lần thứ 12. NXB.Đại học Oxford. <https://doi.org/10.1093/he/9780198806851.001.0001>

¹⁶⁵ Bell, J. S., & Boyron, S. (2008). *French Constitutional Law* [Hiến pháp nước Pháp]. NXB.Đại học Oxford. Oxford.

Ngoài ra, Tòa án còn có vai trò định hướng cho hoạt động của nền hành chính. Một phán quyết chỉ ra sự bất hợp pháp trong một quy trình, thủ tục có thể buộc cả một ngành, một lĩnh vực phải xem xét và điều chỉnh lại cách thức hoạt động của mình. Vai trò giải thích pháp luật của Tòa án còn được thể hiện qua việc kiến tạo nên những nguyên tắc pháp lý mới. Lịch sử của Tham chính viện Pháp là minh chứng cho việc Tòa án có thể xây dựng nên các nguyên tắc chung của pháp luật như nguyên tắc bình đẳng, an toàn pháp lý, quyền được bào chữa... mà không cần dựa trên một quy định thành văn cụ thể nào¹⁶⁶. Bằng cách này, Tòa án góp phần làm cho hệ thống pháp luật hành chính luôn vận động và hoàn thiện.

Các phán quyết của Tòa án cũng được coi như một dự báo các vấn đề nổi cộm trong hoạt động hành chính nhà nước. Ví dụ, ở Việt Nam, chủ yếu các vụ án hành chính là xuất phát từ lĩnh vực đất đai. Điều này có thể gợi ý cho việc đây là vấn đề nổi cộm, tiềm ẩn nhiều nguy cơ sai phạm, cần phải có những điều chỉnh phù hợp cả từ phía cơ quan lập pháp và cơ quan hành chính.

- Vai trò thúc đẩy quản trị tốt, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

Trong bối cảnh các học thuyết về quản trị công hiện đại, vai trò của cơ chế kiểm soát này ngày càng được mở rộng. Đây không chỉ là công cụ kiểm soát pháp lý đơn thuần mà còn là động lực thúc đẩy một nền hành chính phục vụ, hiệu quả và có trách nhiệm.

Hoạt động xét xử công khai buộc cơ quan hành chính phải ra trước Tòa án và công chúng để bảo vệ, lý giải cho các quyết định của mình. Điều này trực tiếp thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của nền hành chính. Ngoài ra, các phiên tòa và bản án hành chính còn có vai trò giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật cho cả đội ngũ công chức và người dân. Công chức hiểu rõ hơn về giới hạn quyền lực và nghĩa vụ của mình, trong khi người dân nhận thức rõ hơn về quyền của mình và các phương thức để bảo vệ quyền. Tất cả những yếu tố này hội tụ lại, góp phần xây dựng một nền quản trị quốc gia tốt, nơi quyền lực được kiểm soát, người dân được tôn trọng và pháp luật được thượng tôn.

¹⁶⁶ Rivero, J., & Waline, J. (2006). Droit administratif [Tổng quan về Hành chính]. Tái bản. NXB. Dalloz. Paris.

1.3. Bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

1.3.1. Sự cần thiết bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Sự cần thiết của việc bảo đảm xuất phát trước hết từ bản chất của hoạt động hành chính nhà nước. Đây là hoạt động có phạm vi tác động rộng lớn, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Nếu hoạt động xét xử hành chính không được bảo đảm các điều kiện cần thiết về thể chế, tổ chức, năng lực và thi hành, thì chức năng kiểm soát sẽ chỉ mang tính hình thức, không đủ sức răn đe và không tạo ra tác động thực chất đối với việc buộc cơ quan hành chính tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, bản thân sự tồn tại của cơ chế này chưa đồng nghĩa với việc kiểm soát đạt được hiệu quả trên thực tế. Khoảng cách giữa mô hình pháp lý và thực tiễn vận hành đặt ra yêu cầu phải bảo đảm để cơ chế kiểm soát này phát huy đầy đủ giá trị và chức năng vốn có của nó.

Bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính không thể được đánh giá theo nghĩa hẹp là số lượng lớn các vụ án hành chính được thụ lý, giải quyết hoặc tỷ lệ bản án bị hủy, sửa, mà phải được nhìn nhận như một phạm trù pháp lý tổng hợp, phản ánh mức độ mà hoạt động xét xử hành chính thực sự kiểm soát được việc thực thi quyền hành pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời góp phần bảo đảm tính hợp pháp, tính trách nhiệm và tính kỷ luật của nền hành chính công.

Xét về bản chất mục tiêu, hoạt động xét xử các vụ án hành chính trong Nhà nước pháp quyền không chỉ hướng đến việc giải quyết một tranh chấp cụ thể, mà còn hướng tới các mục tiêu xa hơn: khôi phục trật tự pháp luật bị xâm phạm, bảo vệ quyền con người, và quan trọng nhất là giới hạn, điều chỉnh việc thực thi quyền lực của cơ quan hành chính trong khuôn khổ pháp luật. Do đó, hoạt động kiểm soát này được đánh giá dựa trên mức độ hiện thực hóa công lý và sự chuyển biến trong tính tuân thủ pháp luật của nền hành chính công vụ.

Xét về cách thức tác động, kiểm soát thông qua xét xử là phương thức kiểm soát bên ngoài và mang tính hậu kiểm. Tòa án không can thiệp vào quá trình ra quyết định hành chính mà chỉ xem xét quyết định, hành vi hành chính khi có khởi kiện. Vì vậy, bảo đảm kiểm soát cần được đánh giá dựa trên khả năng sửa chữa được các sai sót của hoạt động hành chính bằng cách loại bỏ các quyết định, hành vi hành chính trái pháp luật, cũng như khả năng định hướng cho nền hành chính thông qua lập luận pháp lý của Tòa án trong các bản án.

Từ những phân tích trên, có thể quan niệm rằng, bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là việc cung cấp các điều kiện cần thiết để Tòa án, thông qua hoạt động xét xử vụ án hành chính, thực hiện được một cách thực chất chức năng xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; phát hiện, xử lý đúng đắn các vi phạm pháp luật hành chính; đồng thời tạo ra tác động phòng ngừa, răn đe và định hướng đối với hoạt động thực thi quyền hành chính, qua đó góp phần bảo đảm tính hợp pháp, tính trách nhiệm và kỷ luật của nền hành chính nhà nước.

1.3.2. Các nhóm điều kiện bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Việc kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử có thành công hay không là hệ quả tất yếu của sự tương tác giữa các yếu tố đặc trưng của hoạt động xét xử và hoạt động hành chính nhà nước. Nếu coi việc kiểm soát thành công là yếu tố đầu ra, phản ánh năng lực bảo vệ công lý và giới hạn quyền hành pháp của Tòa án, thì các tiêu chí bảo đảm chính là những yếu tố đầu vào, mang tính quyết định.

1.3.2.1. Điều kiện nhận thức pháp lý đúng đắn về vai trò của xét xử hành chính

Đây là điều kiện có tính nền tảng, bởi mọi thiết kế thể chế và phân bổ nguồn lực cho hoạt động tư pháp hành chính đều bắt nguồn từ nhận thức của các chủ thể lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước. Trong mô hình tổ chức quyền lực của Việt Nam, nơi Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn diện và quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất có phân công, phối hợp, kiểm

soát, nhận thức của các chủ thể lãnh đạo quyết định không gian chính trị – pháp lý cho sự vận hành độc lập của Tòa án. Một nhận thức đúng đắn đòi hỏi hiểu rằng xét xử hành chính là kênh phản hồi thể chế hóa, giúp nền hành chính tự điều chỉnh trong khuôn khổ pháp luật; đồng thời đòi hỏi cam kết tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh các phán quyết tư pháp. Thiếu điều kiện này, ba nhóm điều kiện còn lại khó có thể được bảo đảm một cách đồng bộ.¹⁶⁷

1.3.2.2. Điều kiện thể chế và tổ chức thực hiện quyền tư pháp trong xét xử hành chính

Đây là điều kiện về tính độc lập và vị thế của Tòa án – chủ thể kiểm soát – trong tương quan với đối tượng bị kiểm soát. Tính độc lập cần được bảo đảm ở cả hai cấp độ: độc lập của hệ thống Tòa án với tư cách thiết chế (về tổ chức, nhân sự, ngân sách) và độc lập của Hội đồng xét xử trong từng vụ án cụ thể (không chịu sự chỉ đạo, can thiệp từ bất kỳ chủ thể nào)¹⁶⁸. Thiếu điều kiện này, cơ chế kiểm soát chỉ tồn tại trên danh nghĩa, vì một Tòa án không độc lập không thể tạo ra phán quyết khách quan, và do đó không thể thực hiện chức năng kiểm soát thực chất.

1.3.2.3. Điều kiện về pháp luật tổ tụng và năng lực thực hiện hoạt động kiểm soát của Tòa án

Tính độc lập của Tòa án là điều kiện cần; tính hiệu quả của quá trình kiểm soát đòi hỏi thêm điều kiện đủ: một hệ thống pháp luật tổ tụng thuận tiện, hợp lý, bảo đảm quyền tiếp cận công lý của cá nhân, tổ chức; và một đội ngũ Thẩm phán đủ năng lực chuyên môn để phân tích, phán quyết về những vấn đề pháp lý hành chính phức tạp. Hai yếu tố này có quan hệ mật thiết: thủ tục tổ tụng mở rộng cánh cửa đưa vụ việc đến Tòa án; năng lực của Thẩm phán quyết định chất lượng của phán quyết sau khi vụ việc được thụ lý.

1.3.2.4. Điều kiện bảo đảm hiệu lực thi hành bản án, quyết định của Tòa án và giá trị định hướng của phán quyết tư pháp

Đây là điều kiện "đầu ra" của toàn bộ cơ chế – bảo đảm rằng kết quả kiểm soát không dừng lại ở bản án mà thực sự tác động đến hành vi của nền hành chính. Điều

¹⁶⁷ Xem: United Nations. Access to Justice [Tiếp cận công lý]. Truy cập ngày 25/10/2025 tại <https://www.un.org/ruleoflaw/thematic-areas/access-to-justice-and-rule-of-law-institutions/access-to-justice/>

¹⁶⁸ Để tìm hiểu cụ thể, toàn diện hơn về tính độc lập của tòa án trong các mặt công tác, xem: Tô Văn Hòa. (2007). Tính độc lập của Tòa án: Nghiên cứu Pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam, NXB Lao động.

kiện này bao gồm cả cơ chế pháp lý và tổ chức thi hành án hành chính, và xa hơn là khả năng công khai, lan tỏa của phán quyết tư pháp – để tạo hiệu ứng phòng ngừa, định hướng hành chính hợp pháp không chỉ trong vụ việc cụ thể mà cho toàn bộ hệ thống.

Bốn nhóm điều kiện trên có quan hệ tăng bậc theo hướng: nhận thức tạo ra thể chế, thể chế tạo ra quy trình, quy trình tạo ra phán quyết, phán quyết được thi hành và lan tỏa mới tạo ra kiểm soát thực chất. Đây là cơ sở để xây dựng các tiêu chí đánh giá việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

1.3.3. Các tiêu chí đánh giá kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

1.3.3.1. Mức độ bảo đảm nhận thức đúng đắn của đội ngũ lãnh đạo, quản lý về vai trò của xét xử các vụ án hành chính trong kiểm soát quyền lực nhà nước

Mức độ nhận thức này cần được đánh giá ở ba khía cạnh.

Thứ nhất, nhận thức được xét xử hành chính không phải là một cơ chế được thiết lập để đối đầu hay làm suy yếu nền hành chính, mà là một cơ chế phản hồi thể chế hóa giúp cơ quan hành chính tự soi, tự sửa, nhận diện các khiếm khuyết trong hoạt động ban hành quyết định và thực thi công vụ.¹⁶⁹ Khi một quyết định hành chính bị Tòa án tuyên hủy, đó không chỉ là sự bảo vệ cho một quyền lợi cụ thể bị xâm phạm, mà còn là một tín hiệu pháp lý rõ ràng cho cơ quan hành chính về những giới hạn của quyền lực, về cách thức diễn giải và áp dụng pháp luật cho đúng. Nhìn từ góc độ quản trị công hiện đại, đây là một kênh kiểm soát chất lượng đầu ra của hoạt động hành chính, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm giải trình¹⁷⁰.

Thứ hai, nhận thức đúng đắn phải bao hàm sự tôn trọng và cam kết tuân thủ phán quyết của Tòa án, coi đó là mệnh lệnh của công lý, nhân danh quyền lực nhà nước. Sự tôn trọng này phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, từ việc chấp hành

¹⁶⁹ Alex Brenninkmeijer. (2016). Feedback for a better performing public sector [Phản hồi hướng tới nâng cao hiệu quả khu vực công]. Zarządzenie Publiczne. Nr 1(35)/2016. Tr.68-74. Doi: 10.15678/ZP.2016.35.1.06.

¹⁷⁰ Schedler, A. (1999). Conceptualizing Accountability [Nội hàm Trách nhiệm giải trình]. Trong sách The Self-Restraining State: Power and Accountability in New Democracies [Sự tự kiềm chế của Nhà nước: Quyền lực và Trách nhiệm giải trình trong nền dân chủ mới]. của A. Schedler, L. Diamond, & M. F. Plattner (và các đồng tác giả). Lynne Rienner Publishers. tr. 13–28.

ng nghiêm chỉnh, kịp thời các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, cho đến việc chủ động rà soát, sửa đổi các quy định, chính sách hoặc quy trình công tác đã được Tòa án chỉ ra là bất hợp pháp thông qua các vụ án cụ thể. Nếu thiếu đi sự tôn trọng và cam kết này, mọi nỗ lực của Tòa án sẽ trở nên vô nghĩa, và cơ chế kiểm soát chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Thứ ba, nhận thức này phải chuyển hóa thành các quyết sách cụ thể trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế. Điều này bao gồm việc ủng hộ và thúc đẩy các cải cách tư pháp nhằm tăng cường tính độc lập của Tòa án, bảo đảm các nguồn lực cần thiết về ngân sách, cơ sở vật chất, và nhân sự cho hệ thống Tòa án, cũng như xây dựng một khung pháp luật tổ tụng hành chính thực sự khoa học, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý. Khi các chủ thể lãnh đạo, quản lý nhận thức rằng một nền tư pháp vững mạnh là trụ cột của nhà nước pháp quyền và là yếu tố bảo đảm cho sự phát triển bền vững, họ sẽ là động lực chính cho quá trình cải cách, thay vì trở thành lực cản. Do đó, việc xây dựng và củng cố nhận thức này thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, truyền thông chính sách và tổng kết thực tiễn là yêu cầu tiên quyết, tạo ra môi trường chính trị - pháp lý thuận lợi cho sự vận hành hiệu quả của cơ chế kiểm soát bằng xét xử hành chính.

1.3.3.2. Mức độ độc lập thực chất của Tòa án trong quá trình xét xử các vụ án hành chính

Thiếu đi sự độc lập thực chất, Tòa án sẽ không thể đưa ra những phán quyết khách quan, vô tư, và do đó, không thể thực hiện được vai trò kiểm soát quyền lực của mình. Mức độ độc lập của Tòa án cần được đánh giá trên ba khía cạnh: độc lập về tổ chức, độc lập của cá nhân Thẩm phán và vị thế tương xứng trong tổng thể bộ máy nhà nước.¹⁷¹

Thứ nhất, về độc lập trong tổ chức, Tòa án phải được thiết lập như một hệ thống riêng biệt, không bị phụ thuộc hoặc chi phối bởi các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước về mặt tổ chức, nhân sự, ngân sách và hoạt động hành chính tư pháp.

¹⁷¹ Để tìm hiểu cụ thể, toàn diện hơn về tính độc lập của tòa án trong các mặt công tác, xem: Tô Văn Hòa. (2007). Tính độc lập của Tòa án: Nghiên cứu Pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiện nghị đối với Việt Nam, NXB Lao động.

Về lý luận, sự độc lập này đòi hỏi một mô hình tổ chức Tòa án mà ở đó, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển Thẩm phán phải được thực hiện thông qua một quy trình minh bạch, dựa trên tiêu chuẩn năng lực, đạo đức, và do một hội đồng có sự tham gia chủ yếu của giới Thẩm phán hoặc các chuyên gia pháp lý uy tín quyết định, thay vì do các cơ quan hành chính nhà nước hoặc các chủ thể có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước quyết định¹⁷². Tương tự, ngân sách hoạt động của Tòa án cần được Quốc hội phê chuẩn như một khoản mục riêng, dựa trên đề xuất của hệ thống Tòa án, nhằm tránh tình trạng bị các cơ quan hành chính chi phối thông qua cơ chế cấp phát tài chính.

Thứ hai, về độc lập của cá nhân Thẩm phán, đây là sự bảo đảm cốt lõi để Thẩm phán và Hội đồng xét xử có thể đưa ra phán quyết dựa trên cơ sở hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại tòa, các quy định của pháp luật và lương tâm nghề nghiệp, không bị bất kỳ sự can thiệp, áp lực hay ảnh hưởng không chính đáng nào từ bên trong hay bên ngoài hệ thống Tòa án. Để bảo đảm tiêu chí này, pháp luật phải quy định các cơ chế bảo vệ Thẩm phán một cách hữu hiệu, bao gồm chế độ nhiệm kỳ đủ dài hoặc suốt đời, chế độ lương và các đãi ngộ tương xứng để Thẩm phán yên tâm công tác, và các quy định nghiêm cấm mọi hành vi can thiệp vào hoạt động xét xử¹⁷³. Ngoài ra, độc lập cá nhân còn là một thuộc tính về văn hóa và đạo đức. Thẩm phán phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần thượng tôn pháp luật, và dũng khí để bảo vệ công lý, kể cả khi phán quyết của mình đi ngược lại với ý chí của một cơ quan hành chính có quyền lực.

Thứ ba, về vị thế của Tòa án trong bộ máy nhà nước, Tòa án phải được đặt ở một vị thế ngang bằng, bình đẳng với các cơ quan hành chính nhà nước. Trong tổ tụng, nguyên tắc bình đẳng giữa các bên đương sự phải được triệt để tôn trọng. Cơ quan hành chính nhà nước khi tham gia tố tụng chỉ với tư cách là một bên bị kiện,

¹⁷² Nhiều khuyến nghị quốc tế về độc lập tư pháp, ví dụ như Các nguyên tắc cơ bản của Liên Hợp Quốc về tính độc lập của cơ quan tư pháp (1985), đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuyển chọn Thẩm phán không bị ảnh hưởng bởi các động cơ không chính đáng.

¹⁷³ Điều 103 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi 2025) quy định: "*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*".

không có bất kỳ một ưu thế hay đặc quyền nào so với người khởi kiện. Phán quyết của Tòa án phải có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với cơ quan hành chính, và sự bất tuân phải dẫn đến những chế tài nghiêm khắc. Vị thế này không chỉ được xác lập trong luật tố tụng mà còn phải được thể hiện trong các luật về tổ chức bộ máy, nghi thức tư pháp, trong mối quan hệ công tác, và trong nhận thức chung của toàn xã hội, khẳng định Tòa án là nơi hiện thân của công lý và lẽ phải, nơi mọi chủ thể, kể cả cơ quan công quyền, đều bình đẳng trước pháp luật.

1.3.3.3. Mức độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tính hợp lý của thủ tục tố tụng hành chính

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử không thể thực hiện nếu cá nhân, tổ chức gặp quá nhiều rào cản trong việc đưa vụ việc của mình đến Tòa án. Quyền tiếp cận công lý là một quyền con người cơ bản và là một trong những trụ cột của nhà nước pháp quyền¹⁷⁴. Do đó, một hệ thống thủ tục tố tụng hành chính được thiết kế thuận tiện, hợp lý, và lấy người dân làm trung tâm là một tiêu chí không thể thiếu để bảo đảm kiểm soát. Tiêu chí này cần được đánh giá thông qua sự tồn tại của các rào cản tiềm tàng mà người dân có thể gặp phải: rào cản về pháp lý, kinh tế, và thông tin.

Về phương diện pháp lý, thủ tục tố tụng cần được thiết kế để đơn giản hóa tối đa các yêu cầu về hình thức nhưng vẫn bảo đảm tính chặt chẽ. Các quy định về điều kiện khởi kiện (chủ thể, đối tượng, thời hiệu), hình thức và nội dung đơn khởi kiện, thủ tục nộp đơn... cần phải rõ ràng, dễ hiểu và dễ thực hiện đối với một người dân bình thường. Việc lạm dụng các quy định về hình thức để trả lại đơn khởi kiện một cách tùy tiện sẽ làm xói mòn niềm tin của người dân vào Tòa án. Hơn nữa, các quy định về gánh nặng chứng minh cần được xây dựng một cách hợp lý. Trong tố tụng hành chính, do có sự bất bình đẳng về vị thế và khả năng tiếp cận thông tin, tài liệu giữa người dân và cơ quan nhà nước, nên về nguyên tắc, cơ quan nhà nước có nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của quyết định, hành vi bị kiện. Tòa án cũng có trách

¹⁷⁴ Xem: United Nations. Access to Justice [Tiếp cận công lý]. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://www.un.org/ruleoflaw/thematic-areas/access-to-justice-and-rule-of-law-institutions/access-to-justice/>

nhệm trong việc hỗ trợ thu thập chứng cứ. Điều này giúp giảm bớt gánh nặng cho người dân và thể hiện đúng bản chất của việc Tòa án đang "kiểm soát" hoạt động của cơ quan công quyền.

Về phương diện kinh tế, chi phí để theo đuổi một vụ kiện hành chính không được trở thành một rào cản không thể vượt qua đối với người dân, đặc biệt là những người yếu thế. Các chi phí này bao gồm án phí, lệ phí, chi phí thuê luật sư, chi phí đi lại và các chi phí khác. Về mặt lý luận, một cơ chế hiệu quả phải bao gồm các chính sách miễn, giảm án phí một cách thực chất cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, hệ thống trợ giúp pháp lý của nhà nước cần hoạt động hiệu quả, cung cấp dịch vụ luật sư miễn phí hoặc chi phí thấp cho những người khởi kiện đủ điều kiện, bảo đảm rằng không ai bị từ chối công lý chỉ vì lý do nghèo đói.

Về phương diện thông tin và tâm lý, Tòa án cần có các biện pháp để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về thủ tục khởi kiện, về quyền và nghĩa vụ của mình. Việc công khai các mẫu đơn, hướng dẫn thủ tục trên trang thông tin điện tử của Tòa án, thiết lập các bộ phận hướng dẫn, giải đáp tại trụ sở Tòa án là những yêu cầu cơ bản. Đồng thời, không khí tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án cần được xây dựng theo hướng thân thiện, giảm bớt sự e ngại, sợ hãi của người dân khi phải "đổi mặt" với cơ quan công quyền và Tòa án. Thẩm phán và các cán bộ Tòa án cần thể hiện thái độ tôn trọng, lắng nghe và tạo điều kiện tối đa để người dân trình bày ý kiến của mình. Một thủ tục tố tụng vừa chặt chẽ về pháp lý, vừa hợp lý về chi phí và vừa thân thiện về cách thức vận hành sẽ thực sự mở rộng cánh cửa công lý, khuyến khích người dân sử dụng Tòa án như một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi và kiểm soát hoạt động hành chính.

1.3.3.4. Mức độ chặt chẽ, thuyết phục và chuẩn xác của bản án, quyết định xét xử vụ án hành chính

Một bản án hành chính không chỉ đơn thuần là văn bản tuyên bố bên thắng, bên thua trong một vụ kiện cụ thể, mà còn là một sản phẩm trí tuệ pháp lý, một công cụ thực thi công lý và một thông điệp gửi đến nền hành chính và toàn xã hội. Do đó, để hoạt động kiểm soát đạt được hiệu quả, bản án phải đáp ứng các

yêu cầu khắt khe về tính chặt chẽ trong lập luận, tính vững chắc của các căn cứ (bao gồm cả căn cứ pháp lý và các tài liệu, chứng cứ) và tính rõ ràng, dứt khoát trong phần quyết định.

Một bản án có lập luận chặt chẽ phải trình bày được chuỗi các suy luận logic, đi từ việc xác định các tình tiết khách quan của vụ án, lựa chọn và diễn giải các quy phạm pháp luật áp dụng, cho đến việc đưa ra kết luận về tính hợp pháp hay bất hợp pháp của đối tượng khởi kiện. Phần "Nhận định của Tòa án" phải thể hiện rõ ràng Tòa án đã cân nhắc, đánh giá từng yêu cầu, từng luận điểm của các bên như thế nào. Tòa án không chỉ trích dẫn điều luật một cách cơ học, mà phải giải thích tại sao điều luật đó được áp dụng trong trường hợp này, và nội hàm được hiểu ra sao. Việc viện dẫn các án lệ (nếu có), các học thuyết pháp lý, hay các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hành chính như nguyên tắc công khai, minh bạch, tương xứng, thiện chí... sẽ làm tăng sức nặng và tính thuyết phục cho lập luận của bản án¹⁷⁵. Lập luận chặt chẽ giúp cho các bên đương sự "tâm phục khẩu phục", hiểu rõ sai sót của mình nằm ở đâu và tại sao Tòa án lại đi đến kết luận như vậy.

Bên cạnh lập luận, các căn cứ được sử dụng trong bản án phải vững vàng. Điều này có nghĩa là mọi nhận định của Tòa án đều phải được xây dựng trên nền tảng của các quy định pháp luật chặt chẽ và chứng cứ đã được thu thập và kiểm tra một cách công khai, đúng thủ tục tại phiên tòa. Bản án phải chỉ rõ áp dụng quy định pháp luật nào, những chứng cứ nào được chấp nhận, những chứng cứ nào bị loại bỏ và lý do tại sao. Một bản án dựa trên những chứng cứ yếu, mâu thuẫn hoặc áp dụng sai/thiếu quy định pháp luật sẽ không bao giờ có thể tạo ra hiệu quả kiểm soát, thậm chí còn gây ra sự hoài nghi về năng lực và tính khách quan của chính Tòa án.

Cuối cùng, phần quyết định của bản án phải rõ ràng, dứt khoát và có khả năng thi hành. Tòa án cần tuyên rõ chấp nhận hay bác bỏ yêu cầu khởi kiện; tuyên hủy một phần hay toàn bộ quyết định hành chính; buộc cơ quan hành chính phải thực hiện hay không thực hiện một nhiệm vụ, công vụ cụ thể; hoặc buộc bồi thường thiệt

¹⁷⁵ Việc phát triển án lệ trong lĩnh vực hành chính ở Việt Nam, dù mới ở giai đoạn đầu, được kỳ vọng sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng lập luận của các bản án hành chính.

hại (nếu có). Một quyết định mập mờ, đa nghĩa, hoặc đưa ra những mệnh lệnh không thể thực thi trên thực tế sẽ làm cho bản án trở thành một văn bản vô giá trị. Chẳng hạn, thay vì tuyên chung chung "buộc Ủy ban nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật", một quyết định hiệu quả hơn có thể chỉ rõ "buộc Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A theo hồ sơ đã nộp ngày... tháng... năm... trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật". Sự rõ ràng này không chỉ tạo thuận lợi cho công tác thi hành án mà còn thể hiện trách nhiệm và quyền năng của Tòa án trong việc bảo vệ triệt để quyền lợi của người dân.

1.3.3.5. Mức độ thi hành trên thực tế của bản án, quyết định của Tòa án

Một bản án, dù có lập luận sắc bén và quyết định rõ ràng đến đâu, cũng sẽ trở nên vô nghĩa nếu không được thi hành trên thực tế. Hiệu lực thi hành của bản án là công đoạn cuối cùng, nhưng lại là công đoạn quyết định sự thành bại của toàn bộ quá trình kiểm soát. Tiêu chí này đòi hỏi phải có một cơ chế pháp lý đầy đủ và một cơ chế tổ chức hữu hiệu để bảo đảm mọi phán quyết của Tòa án đối với cơ quan hành chính nhà nước đều được tôn trọng và thực thi một cách nhanh chóng, triệt để.

Quy định pháp luật phải xác lập nguyên tắc rằng quyết định, bản án hành chính của Tòa án có hiệu lực pháp luật là bắt buộc thi hành đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, và phải được ưu tiên thi hành. Pháp luật cần quy định rõ ràng, cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành án hành chính, trách nhiệm của từng chủ thể, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính phải thi hành án. Bên cạnh đó, phải có những chế tài đủ sức răn đe đối với hành vi không thi hành hoặc thi hành không đúng, không đầy đủ bản án. Các chế tài này có thể bao gồm các biện pháp xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, các biện pháp về tài chính (buộc nộp một khoản tiền phạt do chậm thi hành), và cao nhất là truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý không thi hành án theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Bên cạnh cơ chế pháp lý, cơ chế tổ chức thi hành án cũng đóng vai trò quyết định. Cần có một cơ quan chuyên trách, có đủ thẩm quyền và năng lực để theo dõi, đôn đốc, và nếu cần, cưỡng chế thi hành án hành chính. Cơ quan này phải có vị thế

độc lập tương đối để có thể thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả, không bị chi phối bởi chính các cơ quan hành chính là đối tượng phải thi hành án. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc kiểm sát hoạt động thi hành án hành chính cũng cần được tăng cường, bảo đảm rằng mọi sự chậm trễ hay chống đối đều được phát hiện và xử lý kịp thời. Ngoài ra, vai trò giám sát của các cơ quan đại diện (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) và của công luận, báo chí cũng là một kênh để tạo áp lực, buộc các cơ quan hành chính phải nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thi hành bản án của Tòa án. Chỉ khi nào một bản án tuyên hủy quyết định hành chính trái pháp luật thực sự dẫn đến việc quyết định đó bị vô hiệu hóa trên thực tế, và một bản án buộc cơ quan hành chính thực hiện một hành vi thực sự dẫn đến việc hành vi đó được thực hiện, thì lúc đó, cơ chế kiểm soát bằng xét xử mới thực sự hoàn tất sứ mệnh của mình.

1.3.3.6. *Mức độ công khai, minh bạch và lan tỏa xã hội của hoạt động xét xử vụ án hành chính*

Để thực sự trở thành một công cụ cải cách nền hành chính và nâng cao ý thức pháp luật trong toàn xã hội, các phán quyết của Tòa án cần phải có sức lan tỏa rộng rãi. Tiêu chí về tính công khai của bản án và việc truyền thông hiệu quả các kết quả xét xử chính là cơ chế để tạo ra hiệu ứng lan tỏa này. Công khai bản án không chỉ là một yêu cầu về mặt thủ tục tố tụng nhằm bảo đảm tính minh bạch, mà còn là một phương thức để lan tỏa với xã hội, thực hiện vai trò giáo dục pháp luật và định hướng hành vi.¹⁷⁶

Thứ nhất, công khai bản án là hình thức giám sát hữu hiệu nhất của xã hội đối với chính hoạt động xét xử của Tòa án. Khi các bản án được công bố, giới luật gia, các nhà nghiên cứu, nhà báo và người dân có thể tiếp cận, phân tích, bình luận về chất lượng lập luận, tính hợp pháp và hợp lý của các phán quyết. Sự giám sát này tạo ra một áp lực tích cực, buộc các Thẩm phán phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, cẩn trọng hơn trong từng nhận định và quyết định của mình, qua đó góp phần nâng cao chất lượng xét xử nói chung. Đây là một cơ chế bảo đảm trách nhiệm giải trình của quyền tư pháp trước nhân dân.

¹⁷⁶ Tham khảo quy định của các hệ thống pháp luật trên thế giới về *open justice*, như: điều 6 Công ước Châu Âu về Nhân quyền, án lệ Cape v Forum của Vương quốc Anh hay ở Việt Nam, Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án...

Thứ hai, việc công khai bản án, đặc biệt là những bản án có tính chất điển hình, phân tích các vấn đề pháp lý phức tạp, có tác dụng hướng dẫn áp dụng pháp luật một cách thống nhất cho không chỉ các Tòa án cấp dưới mà còn cho chính các cơ quan hành chính nhà nước. Khi một quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng hay thuế bị tuyên hủy với những lập luận pháp lý thuyết phục, các cơ quan hành chính khác khi gặp phải tình huống tương tự sẽ có xu hướng tham khảo và điều chỉnh hành vi của mình để tránh lặp lại sai sót. Bằng cách này, tác động của một bản án vượt ra khỏi khuôn khổ vụ việc cá biệt, trở thành một bài học thực tiễn cho cả hệ thống hành chính, góp phần ngăn ngừa vi phạm một cách chủ động. Hiệu ứng này được gọi là tác động ngầm (*shadow effect*) của xét xử hành chính¹⁷⁷.

Thứ ba, vai trò của truyền thông trong việc khuếch trương hiệu ứng lan tỏa. Bản thân việc công bố bản án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án là cần thiết nhưng chưa đủ. Để thông điệp pháp lý từ các vụ án đến được với đông đảo công chúng, cần có sự tham gia tích cực và có trách nhiệm của các cơ quan báo chí, truyền thông. Việc phân tích, bình luận các vụ án hành chính tiêu biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách khách quan, chính xác sẽ giúp nâng cao nhận thức của người dân về quyền và nghĩa vụ của mình, về giới hạn quyền lực của cơ quan nhà nước, và khuyến khích họ mạnh dạn hơn trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng.

1.3.3.7. Mức độ khẳng định vị thế của Tòa án trong giải thích và hoàn thiện pháp luật hành chính

Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật phải được áp dụng một cách thống nhất và có thể dự đoán được. Tuy nhiên, các quy phạm pháp luật, dù được soạn thảo kỹ lưỡng đến đâu, cũng không thể tránh khỏi những điểm mơ hồ, đa nghĩa hoặc có những khoảng trống khi áp dụng vào các tình huống thực tiễn đa dạng của đời sống. Khi có sự tranh chấp về cách hiểu và áp dụng pháp luật giữa người dân và cơ quan hành chính, cần phải có một trọng tài có đủ thẩm quyền và uy tín để đưa ra phán quyết cuối cùng. Trọng tài đó chính là Tòa án.

¹⁷⁷ Tommasa Pavone và Oyvind Stiansen. (2022). The Shadow Effect of Courts: Judicial Review and the Politics of Preemptive Reform [Tác động ngầm của Tòa án: Kiểm soát tư pháp và động lực chính trị của cải cách chống chế]. *American Political Science Review* (2022) 116, 1, tr.322–336. doi:10.1017/S0003055421000873

Thẩm quyền giải thích pháp luật của Tòa án trong quá trình xét xử là một thuộc tính cố hữu của quyền tư pháp.¹⁷⁸ Đây không phải là việc Tòa án sáng tạo ra pháp luật, mà là việc Tòa án, thông qua các kỹ năng nghiệp vụ và tư duy pháp lý, làm sáng tỏ nội dung, mục đích và tinh thần của quy phạm pháp luật để áp dụng một cách đúng đắn nhất vào vụ việc đang được giải quyết¹⁷⁹. Khi Tòa án giải thích một khái niệm pháp lý như "thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh" hay "lợi ích công cộng", sự giải thích đó, trong khuôn khổ bản án đã có hiệu lực, sẽ trở thành một chuẩn mực mà các cơ quan hành chính phải tuân theo trong các trường hợp tương tự sau này. Bằng cách này, Tòa án không chỉ giải quyết một xung đột cụ thể mà còn góp phần định hình và hoàn thiện hệ thống pháp luật hành chính, làm cho các quy định của pháp luật trở nên sống động và phù hợp hơn với thực tiễn.

Vị thế chung thẩm của phán quyết của Tòa án là một sự khẳng định nguyên tắc pháp quyền: không một chủ thể nào, kể cả cơ quan hành chính, được đứng trên pháp luật. Cơ quan hành chính có thể có những diễn giải ban đầu về pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ, nhưng sự diễn giải đó luôn phải chịu sự "xem xét lại" (*judicial review*) của Tòa án. Phán quyết của Tòa án là tiếng nói cuối cùng về tính hợp pháp. Sự thừa nhận vị thế này đòi hỏi một sự khiêm tốn nhất định từ phía nhánh hành pháp, chấp nhận rằng sự diễn giải của mình không phải lúc nào cũng là duy nhất và đúng đắn nhất. Ở các nước theo hệ thống Thông luật, vai trò này của Tòa án rất rõ nét thông qua học thuyết "*stare decisis*" (tiền lệ phải được tuân thủ)¹⁸⁰. Ngay cả ở các nước theo hệ thống Dân luật (Civil Law) như Pháp, các phán quyết của Tham chính viện cũng ảnh hưởng sâu rộng và được coi là nguồn tham khảo có giá trị bắt buộc trên thực tế đối với nền hành chính¹⁸¹.

¹⁷⁸ Điều này được hậu thuẫn rộng rãi trong khoa học pháp lý: ngay từ án lệ *Marbury v. Madison*, Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ đã khẳng định "diễn giải pháp luật" là chức năng và nghĩa vụ của ngành tư pháp, thể hiện thẩm quyền giải thích pháp luật là thuộc tính cố hữu của quyền tư pháp. Các cơ chế hiến định – điều ước ở châu Âu (như thủ tục hỏi ý kiến trước của Điều 267 TFEU) và thực tiễn giải thích luật của tòa án Anh càng củng cố rằng giải thích pháp luật là chức năng cốt lõi gắn với hoạt động xét xử.

¹⁷⁹ Mauro Cappelletti (1989), *The Judicial Process in Comparative Perspective* [Thủ tục tư pháp dưới góc nhìn so sánh], Oxford University Press.

¹⁸⁰ Xem Doctrine of Stare Decisis [Học thuyết về tiền lệ pháp] tại địa chỉ <https://www.law.cornell.edu/constitution-conan/article-3/section-1/doctrine-of-stare-decisis>

¹⁸¹ Brown, L. N., & Bell, J. S. (1998). *French Administrative Law* [Luật hành chính Pháp]. Oxford University Press.

Để đánh giá tiêu chí này, đòi hỏi phải có một đội ngũ Thẩm phán hành chính không chỉ tinh thông pháp luật mà còn có tầm nhìn, có khả năng phân tích các vấn đề chính sách công, và có một tư duy pháp lý sắc bén. Đồng thời, hệ thống Tòa án cần có cơ chế để bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động giải thích và áp dụng pháp luật, chẳng hạn như thông qua vai trò của Tòa án nhân dân tối cao trong việc tổng kết thực tiễn xét xử, phát triển án lệ và ban hành các nghị quyết hướng dẫn. Khi sự giải thích pháp luật của Tòa án thực sự có chất lượng, có tính thuyết phục cao và được tuân thủ một cách nghiêm túc, Tòa án sẽ thực sự trở thành người bảo vệ đáng tin cậy cho pháp chế, và cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính bằng xét xử sẽ đạt đến hiệu quả cao nhất.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Việc xây dựng một khung lý luận nền tảng, khẳng định kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử là một trụ cột thiết yếu trong nhà nước pháp quyền. Từ những phân tích ở trên, có thể nhận thấy ba nội dung cốt lõi:

- Một là, bản chất và sự cần thiết phải kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong nhà nước pháp quyền xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có đặc trưng của hoạt động hành chính nhà nước – hoạt động vốn có sự tích hợp của cả ba đặc tính: lập quy, thực thi và tài phán, cùng với xu hướng tự mở rộng của hoạt động này, nhằm bảo vệ quyền con người và bảo đảm pháp chế.

- Hai là, đặc điểm tạo nên sự khác biệt của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính so với các phương thức kiểm soát khác, thể hiện trước hết ở chủ thể kiểm soát, Tòa án. Đây là chủ thể độc lập, sử dụng các công cụ tố tụng để thực hiện vai trò kép: bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân và bảo đảm tính hợp pháp của nền hành chính, việc kiểm soát này có phạm vi khác biệt ở các quốc gia, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như hạn chế sự can thiệp của Tòa án với hoạt động hành chính nhà nước hoặc các yếu tố về chính trị liên quan đến nhận thức của đội ngũ lãnh đạo Đảng và Nhà nước...

- Ba là, cần có một hệ tiêu chí có mối quan hệ tác động lẫn nhau để đánh giá mức độ kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

Khung lý luận được xây dựng trong Chương 1, với bốn nhóm điều kiện bảo đảm và bảy tiêu chí đánh giá, không phải là một khung đánh giá tách rời với đối tượng nghiên cứu của luận án. Ngược lại, đây chính là bộ công cụ phương pháp luận để hiện thực hóa việc nghiên cứu hoạt động kiểm soát như một hoạt động pháp lý thực tiễn, tức là nghiên cứu cả cấu trúc lý luận lẫn mức độ thực hiện chức năng trên thực tiễn. Khung này sẽ được vận dụng ở Chương 2 khi đánh giá thực trạng và ở Chương 3 khi đề xuất giải pháp.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM

2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

2.1.1. *Khái quát sự hình thành và phát triển của pháp luật về xét xử vụ án hành chính ở Việt Nam*

2.1.1.1. *Sự ra đời của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính 1996*

Trước năm 1996, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cơ chế duy nhất để cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền lợi của mình trước các quyết định, hành vi của cơ quan hành chính nhà nước là thông qua con đường khiếu nại, tố cáo. Được thể chế hóa trong Pháp lệnh về việc xét và giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1981 và sau đó là Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1991, mô hình này vận hành theo nguyên tắc "tự kiểm tra, giám sát" trong nội bộ hệ thống hành chính. Theo đó, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thẩm quyền xem xét lại các quyết định do cơ quan cấp dưới ban hành. Về mặt lý luận, đây là một kênh kiểm soát nội bộ, giúp hệ thống tự điều chỉnh và sửa chữa sai sót.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với các nguyên tắc cốt lõi của một nhà nước dân chủ hiện đại, mô hình này đã bộc lộ những nhược điểm mang tính hệ thống và không thể khắc phục. *Thứ nhất*, mô hình này thiếu tính khách quan – yếu tố nền tảng của mọi hoạt động tài phán. Khi một cơ quan trong cùng hệ thống hành chính phán xét một cơ quan khác, xu hướng tự bảo vệ, duy trì sự ổn định và uy tín của bộ máy là khó tránh khỏi. Nguyên tắc "không ai được làm thẩm phán trong chính vụ việc của mình" (*nemo iudex in causa sua*) đã bị vi phạm một cách có hệ thống¹⁸². *Thứ hai*, thủ tục giải quyết khiếu nại về bản chất là một thủ tục hành chính, không phải là

¹⁸² Trương Anh Tú. (2025). "Nemo iudex in causa sua" – Nguyên tắc bắt diết của công lý trong pháp luật Việt Nam. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://lsvn.vn/nemo-iudex-in-causa-sua-nguyen-tac-bat-diet-cua-cong-ly-trong-phap-luat-viet-nam-a153277.html>

một quy trình tố tụng tư pháp. Thủ tục này thiếu những bảo đảm tố tụng căn bản như nguyên tắc bình đẳng giữa các bên, nguyên tắc tranh tụng công khai và quyền được phán xét bởi một hội đồng xét xử độc lập. *Thứ ba*, hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại phụ thuộc lớn vào sự tự giác của chính cơ quan hành chính, thiếu một cơ chế cưỡng chế thi hành đủ mạnh và độc lập.

Sự bất cập này bộc lộ ngày càng rõ trong bối cảnh công cuộc Đổi mới (bắt đầu từ năm 1986). Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm gia tăng theo cấp số nhân các quan hệ hành chính và kéo theo đó là các tranh chấp hành chính, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư, xây dựng, thuế. Một môi trường pháp lý ổn định, minh bạch và có thể dự báo là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển kinh tế, nhưng cơ chế giải quyết khiếu nại nội bộ đã không còn đủ sức đáp ứng. Tình trạng khiếu kiện tồn đọng, kéo dài, vượt cấp đã trở thành một vấn đề chính trị - xã hội, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc phải thiết lập một cơ chế tài phán độc lập, công bằng và có đủ quyền uy để giải quyết các tranh chấp này, qua đó kiểm soát hoạt động của bộ máy hành chính.¹⁸³

Trong bối cảnh đó, việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ngày 21 tháng 5 năm 1996 (Pháp lệnh 1996) là một sự kiện pháp lý có ý nghĩa lịch sử. Lần đầu tiên, nguyên tắc kiểm soát của quyền tư pháp đối với quyền hành pháp được chính thức thể chế hóa. Pháp lệnh đã trao cho Tòa án nhân dân thẩm quyền xét xử về tính hợp pháp của một số quyết định hành chính và hành vi hành chính.

Tuy nhiên, phản ánh sự thận trọng và tư duy "vừa làm, vừa rút kinh nghiệm" trong một lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ và nhạy cảm, phạm vi kiểm soát của Tòa án trong giai đoạn này được thiết kế một cách hữu hạn thông qua phương pháp "liệt kê". Thay vì đưa ra một định nghĩa mang tính khái quát, Điều 11 của Pháp lệnh đã liệt kê một cách tường minh và giới hạn 7 nhóm khiếu kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án¹⁸⁴. Cách tiếp cận này là một sự lựa chọn có chủ đích của nhà làm luật, nhằm

¹⁸³ Trịnh Xuân Thắng. (2017). Tài phán hành chính – Cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước của tư pháp đối với hành pháp. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 04(332) T2/2027. Tr.9

¹⁸⁴ Điều 11, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996.

hai mục tiêu: *Một là*, tập trung nguồn lực của một hệ thống Tòa án còn chưa có nhiều kinh nghiệm vào những lĩnh vực có nhiều tranh chấp và các quy định pháp luật nội dung tương đối rõ ràng. *Hai là*, tạo ra một "vùng đệm an toàn", tránh gây ra những xáo trộn lớn hoặc sự phản ứng tiêu cực từ phía hệ thống hành chính, vốn chưa quen với việc bị một cơ quan bên ngoài phán xét.

Bên cạnh phạm vi thẩm quyền hạn hẹp, mô hình kiểm soát sơ khởi này còn có một số đặc điểm khác. *Thứ nhất*, quy định về thủ tục tiền tố tụng, theo đó cá nhân, tổ chức bắt buộc phải thực hiện khiếu nại đến cơ quan hành chính có thẩm quyền trước khi khởi kiện ra Tòa án¹⁸⁵. Quy định này, một mặt, nhằm giảm tải cho Tòa án và khuyến khích cơ chế tự giải quyết của hành chính, nhưng mặt khác cũng cho thấy sự ưu tiên vẫn còn dành cho cơ chế tự giải quyết của nhánh hành pháp. *Thứ hai*, về mặt tổ chức, Tòa hành chính được thành lập như một tòa chuyên trách bên trong cơ cấu của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao, không có sự chuyên biệt hóa và độc lập hoàn toàn về mặt thiết chế.

Dù còn nhiều hạn chế, sự ra đời của Pháp lệnh 1996 có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập một nguyên tắc nền tảng: hoạt động của cơ quan hành chính phải chịu sự giám sát về tính hợp pháp bởi Tòa án. Điều này đã gieo những hạt mầm đầu tiên về văn hóa pháp quyền, kiểm soát giữa các nhánh quyền lực, trách nhiệm giải trình và tư duy "dân kiện quan" một cách bình đẳng trước pháp luật, tạo tiền đề cho những bước phát triển đột phá trong các giai đoạn sau.

2.1.1.2. Giai đoạn ban hành và có hiệu lực pháp luật của Luật Tố tụng hành chính 2010

Sau hơn một thập kỷ thi hành Pháp lệnh 1996, thực tiễn đã chỉ ra rằng mô hình kiểm soát hữu hạn đã không còn phù hợp. Sự phát triển năng động của đất nước và các yêu cầu từ quá trình cải cách tư pháp, mà hạt nhân là Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị¹⁸⁶, đã đòi hỏi một khung pháp lý toàn diện và hiệu quả hơn. Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (Luật TTHC 2010) ra đời, đánh dấu một bước đột phá về tư duy lập pháp và mở rộng đáng kể phạm vi kiểm soát của Tòa án.

¹⁸⁵ Điều 2, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996.

¹⁸⁶ Bộ Chính trị, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Sự thay đổi căn bản của Luật TTHC 2010 là việc bãi bỏ phương pháp "liệt kê" và thay thế bằng phương pháp "định nghĩa chung" đối với đối tượng khởi kiện. Thay vì chỉ ra Tòa án được xét xử những vụ việc nhất định, Khoản 1 và 2 Điều 3 của Luật đã định nghĩa một cách khái quát: quyết định hành chính và hành vi hành chính là đối tượng của vụ án hành chính. Đây không đơn thuần là một sự thay đổi về kỹ thuật lập pháp, mà là một cuộc cách mạng về tư duy kiểm soát quyền lực. Quy định này đã chuyển phạm vi kiểm soát từ cơ chế "được phép" (Tòa án chỉ được xét xử những loại việc mà luật liệt kê) sang cơ chế "loại trừ" (về nguyên tắc, Tòa án có quyền xem xét mọi quyết định, hành vi hành chính, trừ những trường hợp luật quy định loại trừ).

Sự thay đổi này đã mở rộng phạm vi giám sát của tư pháp. Hầu hết các hoạt động quản lý nhà nước cá biệt, có khả năng tác động đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức đều có thể trở thành đối tượng của một vụ kiện hành chính. Cơ chế kiểm soát của Tòa án đã trở nên toàn diện hơn, bao trùm lên hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.¹⁸⁷

Bên cạnh việc mở rộng phạm vi, Luật TTHC 2010 còn tập trung hoàn thiện các thủ tục tố tụng theo hướng tăng cường dân chủ, công khai và bảo vệ tốt hơn quyền của đương sự. Một trong những chế định mới và đặc sắc là thủ tục đối thoại¹⁸⁸. Khác với hòa giải trong tố tụng dân sự, đối thoại trong tố tụng hành chính không nhằm mục đích để các bên tự thỏa thuận, định đoạt. Mục đích của thủ tục này là tạo lập một diễn đàn pháp lý để Tòa án làm trung gian, giúp các bên làm rõ các tình tiết, lắng nghe quan điểm của nhau, và tạo cơ hội cho bên bị kiện (cơ quan hành chính) nhận ra sai sót và tự nguyện sửa đổi, hủy bỏ quyết định trái pháp luật. Đối thoại được xem là một công cụ kiểm soát "mềm", giúp giải quyết xung đột một cách hài hòa, giảm bớt sự đối đầu căng thẳng giữa người dân và chính quyền, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính.

¹⁸⁷ Sự mở rộng thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân trong Luật TTHC 2010 nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 49-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: "*Mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Đối mới mạnh mẽ thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính tại tòa án; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước tòa án.*"

¹⁸⁸ Xem các Điều từ 127 đến 132, Luật Tố tụng hành chính số 64/2010/QH12.

Khi số lượng bản án, quyết định của Tòa án tuyên cho người dân thắng kiện tăng lên, thì tình trạng các bản án này không được cơ quan hành chính tự giác thi hành, thậm chí không được tổ chức thi hành, đã trở thành một bất cập lớn, kéo dài. Hiệu lực của phán quyết tư pháp bị suy giảm nghiêm trọng. "Thắng kiện trên giấy" đã trở thành một cách diễn đạt phổ biến phản ánh sự suy giảm niềm tin của người dân đối với hiệu lực thi hành phán quyết tư pháp¹⁸⁹. Điều này cho thấy, việc trao cho Tòa án quyền lực phán xét là một chuyện, nhưng việc đảm bảo phán quyết đó được tôn trọng và thi hành trên thực tế lại là một cuộc đấu tranh khác, phức tạp hơn, đòi hỏi những giải pháp mạnh mẽ và toàn diện hơn.

2.1.1.3. Giai đoạn từ khi Luật Tổ tụng hành chính 2015 có hiệu lực đến nay

Trước khi Luật Tổ tụng hành chính 2015 được xây dựng, một loạt các văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành, mà nền tảng là Hiến pháp năm 2013¹⁹⁰, cùng với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014¹⁹¹ và Luật Tổ tụng hành chính năm 2015¹⁹². Luật Tổ tụng hành chính 2015 (sửa đổi năm 2025) thể hiện nỗ lực lớn của nhà nước nhằm giải quyết các bất cập của giai đoạn trước, tập trung vào hai hướng chính: củng cố hiệu lực thực thi của bản án và đẩy mạnh chuyên môn hóa trong hoạt động xét xử.

Nhận diện thi hành án hành chính là điểm yếu của xét xử hành chính, Luật TTHC 2015 đã dành một chương riêng (Chương XVII) với nhiều quy định mang tính đột phá để giải quyết vấn đề này. *Thứ nhất*, Luật đã cá nhân hóa và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc thi hành án. Họ không chỉ chịu trách nhiệm với tư cách người đại diện cho cơ quan, mà còn có thể phải chịu các chế tài cá nhân nếu không thi hành bản án. *Thứ hai*, Luật đã thiết lập một cơ chế theo dõi, đôn đốc và xử lý vi phạm chặt chẽ hơn. Tòa án sau khi xét xử có trách nhiệm chuyển bản án cho cơ quan thi hành án dân sự (nay là cơ quan quản

¹⁸⁹ Xem loạt bài thời sự của Báo Pháp luật Việt Nam điện tử. Trần ai "con kiến" kiện "củ khoai" - Bài 2: Thắng kiện trên giấy. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://plo.vn/tran-ai-con-kien-kien-cu-khoai-bai-2-thang-kien-tren-giay-post216563.html>.

¹⁹⁰ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013.

¹⁹¹ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, số 62/2014/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 2014.

¹⁹² Luật Tổ tụng hành chính, số 93/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015.

lý thi hành án dân sự) để theo dõi, đồng thời có quyền kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với người không thi hành án. *Thứ ba*, một chế tài mới và hiệu quả hơn đã được bổ sung, đó là Tòa án có quyền công khai thông tin về việc không thi hành án của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Đây là một chế tài về uy tín và chính trị, tạo ra sức ép dư luận đáng kể.

Bên cạnh đó, một nền hành chính hiện đại, phức tạp đòi hỏi một đội ngũ Thẩm phán có trình độ chuyên môn sâu. Nhận thức rõ điều này, xu thế chuyên môn hóa hoạt động xét xử hành chính ngày càng được khẳng định. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (sửa đổi bổ sung năm 2025) đã củng cố vị trí độc lập của Tòa án trong việc thành lập Tòa án nhân dân khu vực và các Tòa chuyên trách, bao gồm Tòa hành chính¹⁹³. Mô hình này được kỳ vọng sẽ tạo ra một đội ngũ Thẩm phán chuyên nghiệp, chỉ xét xử các vụ án hành chính, có đủ kiến thức sâu rộng về quản lý nhà nước và bản lĩnh để đưa ra những phán quyết công tâm, có chất lượng, qua đó nâng cao uy tín và hiệu quả của cơ chế kiểm soát tư pháp.

Ngoài ra, vai trò của Tòa án nhân dân tối cao trong việc bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật được tăng cường thông qua việc phát triển án lệ. Các án lệ hành chính đã được ban hành đã góp phần giải thích và lấp đầy những khoảng trống của pháp luật, tạo ra các chuẩn mực xét xử rõ ràng, giúp cho hoạt động kiểm soát của Tòa án trở nên nhất quán và có tính dự báo cao hơn.

Qua ba giai đoạn phát triển, có thể khẳng định rằng pháp luật tố tụng hành chính Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc, thể hiện một quá trình nhận thức và hành động nhất quán nhằm thể chế hóa và hoàn thiện cơ chế kiểm soát của quyền tư pháp đối với quyền hành pháp. Quá trình này phản ánh bản chất của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: quyền lực nhà nước phải được kiểm soát, và Tòa án, với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, giữ vai trò trung tâm trong cơ chế kiểm soát đó để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

¹⁹³ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, ngày 24 tháng 06 năm 2025: điều 4 khoản 1 điểm đ.

2.1.2. Quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Để Tòa án có thể thực thi chức năng kiểm soát hành chính một cách hiệu quả, pháp luật cần trang bị cho Tòa án một hệ thống các công cụ pháp lý hoàn chỉnh. Theo đó, mục này sẽ trình bày khung pháp lý hiện hành tại Việt Nam theo các trụ cột cần thiết của một cơ chế kiểm soát: từ thẩm quyền, các điều kiện tiếp cận, phương thức thực thi cho đến hiệu lực cuối cùng của hoạt động kiểm soát.

2.1.2.1. Nền tảng hiến định cho hoạt động kiểm soát của Tòa án đối với hoạt động hành chính nhà nước

Cơ sở pháp lý có hiệu lực cao nhất, trao cho Tòa án thẩm quyền kiểm soát đối với hành chính nhà nước, được xác lập trong nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước Việt Nam. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tại Điều 2 đã hiến định nguyên tắc: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Việc thuật ngữ "kiểm soát" được chính thức ghi nhận trong Hiến pháp đã tạo ra một nền tảng hiến định vững chắc, cho phép Tòa án, với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, thực thi chức năng kiểm soát đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Để bảo đảm cho hoạt động kiểm soát này được vận hành một cách khách quan, vô tư, Hiến pháp đã xác lập nguyên tắc độc lập xét xử. Cụ thể, khoản 1 Điều 103 Hiến pháp quy định: "Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Nguyên tắc này được cụ thể hóa tại Điều 13 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024 và 2025). Đây là điều kiện tiên quyết để Tòa án có thể thực hiện vai trò của mình mà không chịu sự can thiệp trái pháp luật. Bên cạnh đó, các nguyên tắc cơ bản khác của tổ tụng hành chính như "Bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng" (Điều 15), "Bảo đảm tranh tụng trong xét xử" (Điều 18) và "Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng hành chính" (Điều 10) cũng là những bảo đảm pháp lý quan trọng, tạo ra một môi trường tố tụng công bằng, nơi hoạt động của cơ quan công quyền được xem xét một cách bình đẳng như các chủ thể khác trước pháp luật.

2.1.2.2. Các quy định của pháp luật về chủ thể kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính

Cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử không phải là hoạt động của một chủ thể đơn lẻ, mà là một quy trình tố tụng có sự tham gia của nhiều chủ thể với vai trò, vị trí pháp lý được pháp luật quy định rõ ràng. Mỗi chủ thể đều góp phần vào việc vận hành và bảo đảm hiệu quả của cơ chế kiểm soát.

Tòa án nhân dân, với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, được pháp luật xác định là chủ thể trung tâm và có vai trò quyết định trong cơ chế kiểm soát này.

Về vị thế pháp lý và thẩm quyền kiểm soát, Điều 102 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp". Với chức năng này, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền nhân danh Nước CHXHCN Việt Nam để đưa ra phán quyết có giá trị bắt buộc thi hành đối với tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Về cơ cấu tổ chức và sự gia tăng tính độc lập của chủ thể kiểm soát, một trong những cải cách quan trọng nhất của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (sửa đổi bổ sung năm 2025) là việc tái cấu trúc hệ thống Tòa án nhân dân.

Từ ngày 1/7/2025, theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15, hệ thống Tòa án nhân dân Việt Nam đã chuyển đổi từ mô hình 4 cấp sang mô hình 3 cấp, với việc thành lập 355 Tòa án nhân dân khu vực trên cơ sở cơ cấu lại 693 Tòa án nhân dân cấp huyện. Đây là bước cải cách tổ chức có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao tính độc lập, chuyên nghiệp và hiệu quả của hệ thống Tòa án nói chung, Tòa hành chính nói riêng.

Về xu thế chuyên môn hóa, Điều 46 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024 (sửa đổi 2025) quy định về việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân khu vực. Việc thành lập Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân khu vực cho phép tập trung các vụ án hành chính cho một đội ngũ Thẩm phán chuyên trách, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật hành chính và các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan. Sự chuyên môn hóa này là cơ sở để nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm cho hoạt động kiểm soát của Tòa án được thực hiện một cách bài bản và chính xác.

Trong nội bộ Tòa án, các hoạt động cụ thể để tiến hành việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước được thực thi bởi các chủ thể cụ thể với vai trò và thẩm quyền được phân định rõ ràng trong Luật Tổ tụng hành chính:

Về Hội đồng xét xử, đây là chủ thể trực tiếp và có thẩm quyền trong việc ra phán quyết kiểm soát. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử được quy định tại Điều 193, trong đó hội đồng xét xử có thể "hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật" (điểm b khoản 2 Điều 193). Phán quyết này là biểu hiện tập trung của quyền lực kiểm soát từ phía Tòa án.

Về Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, trước khi xét xử, Thẩm phán là người thực hiện hàng loạt các hành vi tố tụng mang tính kiểm soát ban đầu, bao gồm: xem xét, thụ lý đơn khởi kiện (Điều 125); yêu cầu các bên giao nộp chứng cứ; tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ trong trường hợp cần thiết (Điều 84); và chủ trì phiên đối thoại (Điều 134).

Về Chánh án Tòa án, ngoài vai trò quản lý, Chánh án Tòa án còn được trao một quyền năng kiểm soát đặc thù. Theo quy định tại Điều 37 Luật Tổ tụng hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án, nếu phát hiện văn bản hoặc hành vi hành chính khác có liên quan có dấu hiệu trái pháp luật, Chánh án Tòa án có quyền "kiến nghị với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản, chấm dứt hành vi đó". Với quy định này, mặc dù Tòa án chưa có quyền kiểm soát trực tiếp với các quyết định hành chính quy phạm, nhưng cũng mở ra một hướng đi mới cho Luật Tổ tụng hành chính và giúp hoạt động kiểm soát toàn vẹn hơn.

2.1.2.3. Quy định về phạm vi, đối tượng và điều kiện tiếp cận cơ chế kiểm soát của Tòa án

Để một cơ chế kiểm soát có thể vận hành, pháp luật trước hết phải xác định rõ Tòa án được phép kiểm soát *cái gì* và *khi nào* quyền yêu cầu kiểm soát được khởi xướng.

Về đối tượng kiểm soát, Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính liệt kê một cách cụ thể danh mục các khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đối tượng này chủ yếu xoay quanh quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan đó. Khoản 1 và

khoản 3 Điều 3 định nghĩa rõ: quyết định hành chính là văn bản ban hành về một vấn đề cụ thể, áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể; và hành vi hành chính là hành vi thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Bên cạnh đó, quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức (khoản 3 Điều 30) và các quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh cũng là những đối tượng kiểm soát đặc thù. Thông qua thực tiễn, các đối tượng này tiếp tục được làm rõ. Chẳng hạn, án lệ số 10/2016/AL xác định rằng một quyết định phê duyệt phương án bồi thường, dù mang tính phê duyệt, vẫn là một quyết định hành chính độc lập và là đối tượng khởi kiện nếu có nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi người dân.

Về phạm vi kiểm soát, pháp luật xác định Tòa án chỉ xem xét, phán quyết về tính hợp pháp của đối tượng bị kiện. Điều này có nghĩa là Tòa án tập trung vào việc đối chiếu, xem xét đối tượng đó có được ban hành hoặc thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật hay không. Pháp luật không trao cho Tòa án thẩm quyền xem xét tính hợp lý của các quyết định, hành vi hành chính, nhằm tôn trọng sự phân công quyền lực và không can thiệp vào chức năng quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước.

Về điều kiện tiếp cận cơ chế kiểm soát, pháp luật quy định các điều kiện cần và đủ để một yêu cầu khiếu kiện được Tòa án thụ lý. Quyền khởi kiện được trao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi đối tượng bị kiện (khoản 8 Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 115). Về thời hiệu khởi kiện, điểm a khoản 2 Điều 116 quy định thời hiệu là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định, hành vi hành chính. Trường hợp đương sự đã thực hiện thủ tục khiếu nại, thời hiệu khởi kiện được tính theo quy định tại khoản 3 Điều 116. Về thẩm quyền, Điều 31 và Điều 31a quy định thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án hành chính của Tòa án nhân dân khu vực.

2.1.2.4. Các quy định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện hoạt động kiểm soát

Sau khi một vụ án được thụ lý, pháp luật tổ tụng hành chính cung cấp cho Tòa án một loạt công cụ và quy trình để thực hiện hoạt động kiểm soát một cách thực chất.

Một trong các công cụ kiểm soát nền tảng là quy định về nghĩa vụ chứng minh. Khoản 2 Điều 79 Luật Tổ tụng hành chính đặt nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của đối tượng bị kiện lên vai người bị kiện, tức là cơ quan hành chính nhà nước. Đây là một cơ chế kiểm soát bằng thủ tục, buộc cơ quan hành chính nhà nước phải chịu trách nhiệm giải trình cho các hoạt động công quyền của mình, không thể im lặng mà phải chủ động cung cấp tài liệu, giải trình và bảo vệ cho quyết định, hành vi của mình trước Tòa án.

Một cơ chế kiểm soát linh hoạt là thủ tục đối thoại, được quy định tại Chương VIII Luật Tổ tụng hành chính. Dưới sự chủ trì của Thẩm phán (Điều 134), cơ quan hành chính có cơ hội xem xét lại quyết định, hành vi của mình. Khi đối thoại thành công, người bị kiện ban hành quyết định mới phù hợp pháp luật và người khởi kiện rút đơn, Tòa án sẽ ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành (điểm b khoản 3 Điều 140). Đây là biểu hiện của việc Tòa án thực hiện sự kiểm soát hiệu quả mà không cần dùng đến phán quyết cuối cùng, qua đó trực tiếp điều chỉnh hành vi của cơ quan hành chính.

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là hình thức kiểm soát trực tiếp và cấp thiết của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Theo điểm a khoản 1 Điều 68 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án có quyền ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính bị kiện. Thẩm quyền này cho phép cơ quan tư pháp can thiệp ngay lập tức, tạm thời vô hiệu hóa một sản phẩm của hoạt động hành chính nhà nước khi xét thấy việc tiếp tục thi hành quyết định đó có thể gây ra những thiệt hại không thể khắc phục. Đây là minh chứng cho quyền năng kiểm soát của Tòa án, khẳng định vị thế của cơ quan tư pháp trong việc có thể tạm đình chỉ một hoạt động hành chính nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong khi chờ đợi phán quyết cuối cùng về tính hợp pháp của hoạt động đó.

Cuối cùng, quy trình kiểm soát tại phiên tòa được quy định chặt chẽ từ Điều 157 đến Điều 192, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng. Tại đây, dưới sự điều hành của Hội đồng xét xử, các bên trình bày, đối đáp và Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, tạo nên một quy trình phán xét công khai, minh bạch, nơi tính hợp pháp của quyết định, hành vi hành chính được mổ xẻ và làm rõ.

2.1.2.5. Quy định về phán quyết của Tòa án và cơ chế bảo đảm hiệu lực kiểm soát

Hoạt động kiểm soát của Tòa án chỉ thực sự có ý nghĩa khi kết quả (bản án) có hiệu lực pháp lý và được thi hành trên thực tế.

Hệ quả pháp lý của hoạt động kiểm soát được thể hiện qua thẩm quyền của Hội đồng xét xử trong việc ra phán quyết, được quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Quyền năng cao nhất của Tòa án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện và tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 193). Việc tuyên hủy này trực tiếp làm mất hiệu lực pháp lý của một văn bản do cơ quan hành chính ban hành, thể hiện sự kiểm soát triệt để của Tòa án. Ngoài ra, việc Tòa án tuyên buộc cơ quan hành chính phải thực hiện hoặc không thực hiện một nhiệm vụ, công vụ cũng là một mệnh lệnh tư pháp. Điều 311 Luật Tổ tụng hành chính khẳng định bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có giá trị bắt buộc thi hành đối với mọi chủ thể, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho sự kiểm soát này.

Để bảo đảm kết quả của hoạt động kiểm soát được tôn trọng, pháp luật đã xây dựng một cơ chế bảo đảm hiệu lực thông qua các quy định về thi hành án hành chính (THAHC). Văn bản pháp lý trung tâm là Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. Cơ chế này được thiết kế để kiểm soát việc tuân thủ phán quyết của Tòa án từ phía cơ quan hành chính. Cụ thể, sau thời hạn tự nguyện thi hành là 30 ngày (Điều 5 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP), nếu không thi hành, Tòa án có quyền ra quyết định buộc thi hành án (khoản 1 Điều 312 Luật Tổ tụng hành chính). Hơn nữa, để tạo thành một hệ thống kiểm soát đa chiều, pháp luật quy định trách nhiệm theo dõi của cơ quan thi hành án dân sự (Điều 8 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP); trách nhiệm đôn đốc, xử lý kỷ luật của thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (Điều 27 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP); và chức năng kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân (Điều 314 Luật Tổ tụng hành chính). Toàn bộ hệ thống quy định này cấu thành một khung pháp lý chặt chẽ, với mục tiêu cuối cùng là đảm bảo phán quyết của Tòa án phải được tôn trọng và thực thi, khép lại một chu trình kiểm soát hoàn chỉnh.

Như vậy, qua việc hệ thống hóa các quy phạm pháp luật, có thể thấy, Việt Nam đã xây dựng được một khung pháp lý tương đối toàn diện và chi tiết cho hoạt động kiểm soát của Tòa án đối với hoạt động hành chính nhà nước. Hệ thống pháp luật này, với văn bản trung tâm là Luật Tổ tụng hành chính, đã xác lập một trình tự tố tụng chuyên biệt, có những cơ chế được thiết kế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi khiếu kiện các chủ thể mang quyền lực công.

Khung pháp lý này bao quát đầy đủ các giai đoạn của một quy trình tài phán, từ nền tảng hiến định, việc xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền của Tòa án, thủ tục thụ lý, cho đến trình tự xét xử và thi hành án. Các quy định về nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên bị kiện, thủ tục đối thoại bắt buộc, và cơ chế áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là những công cụ pháp lý thể hiện rõ vai trò của Tòa án trong việc cân bằng vị thế giữa các bên và bảo vệ kịp thời quyền lợi của người dân.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, một số quy định của luật viết đã bộc lộ những điểm chưa rõ ràng hoặc phát sinh các tình huống chưa được dự liệu. Để giải quyết vấn đề này, các cơ quan có thẩm quyền, chủ yếu là Tòa án nhân dân tối cao, đã ban hành các văn bản giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ. Các văn bản này, dù không phải là văn bản quy phạm pháp luật, nhưng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong toàn hệ thống Tòa án. Chẳng hạn, Công văn số 207/TANDTC-PC ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao đã giải đáp nhiều vướng mắc cụ thể, như việc xác định người bị kiện trong trường hợp khởi kiện quyết định của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, hay xử lý trường hợp một quyết định hành chính đã được xem xét trong một vụ án trước đó nay lại tiếp tục bị khởi kiện¹⁹⁴. Tương tự, Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 cũng đã làm rõ nhiều vấn đề nghiệp vụ, bao gồm cả việc xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện trong một số trường hợp phức tạp¹⁹⁵. Các giải đáp này cho thấy sự vận động của pháp luật, không chỉ nằm trong các quy định thành văn mà còn được làm sáng tỏ và bổ sung thông qua hoạt động tổng kết thực tiễn xét xử của ngành Tòa án.

¹⁹⁴ Công văn số 207/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc thông báo kết quả giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử vụ án hành chính.

¹⁹⁵ Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.

2.2. Thực tiễn tổ chức và kết quả xét xử các vụ án hành chính

2.2.1. Tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính

Số liệu chính thức từ các báo cáo của ngành Tòa án cho thấy, số lượng các vụ án hành chính mà Tòa án các cấp thụ lý giải quyết có xu hướng ngày càng gia tăng, mặc dù trong năm 2025 lần đầu tiên ghi nhận sự sụt giảm nhẹ về số vụ thụ lý trong khi tỷ lệ giải quyết đạt mức cao nhất trong giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 2.1: Số vụ án hành chính được thụ lý và giải quyết bởi Tòa án nhân dân qua các năm 2022, 2023, 2024, 2025

Năm	Thụ lý (vụ)	Giải quyết (vụ)	Tỷ lệ giải quyết (%)
2022	11.746	8.524	72,60%
2023	12.162	9.130	75,07%
2024	13.009	10.006	76,92%
2025	12.901	10.577	81,99%

(Nguồn: Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp Quốc hội khóa XV: số 75/BC-TA ngày 10/10/2022; số 110/BC-TA ngày 10/10/2023; số 83/BC-TA ngày 10/10/2024; số 113/BC-TA ngày 03/10/2025)

Các số liệu này cho thấy xu thế người dân và tổ chức ngày càng tin tưởng và chủ động hơn trong việc sử dụng Tòa án như một cơ chế chính thức để kiểm soát tính hợp pháp của các quyết định, hành vi hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điểm đáng chú ý trong năm 2025 là lần đầu tiên trong giai đoạn 2022–2025, số vụ án hành chính thụ lý giảm nhẹ (từ 13.009 xuống 12.901 vụ, giảm 108 vụ), trong khi số vụ được giải quyết tăng đáng kể (từ 10.006 lên 10.577 vụ, tăng 571 vụ). Kết quả này phản ánh nỗ lực của toàn ngành Tòa án trong việc giải quyết án tồn đọng, đồng thời tỷ lệ giải quyết đạt 81,99% – cao nhất trong cả giai đoạn và vượt 21,99% so với chỉ tiêu Nghị quyết Quốc hội giao (60%). Sự sụt giảm nhẹ về số thụ lý năm 2025 có thể chịu ảnh hưởng từ việc mô hình Tòa án được tái cơ cấu theo mô hình 3 cấp, tòa cấp khu vực được thành lập thay cho cấp huyện; Luật Tổ tụng hành chính 2015 sửa đổi 2025 quy định tòa cấp khu vực có thẩm quyền giải quyết toàn bộ sơ thẩm các vụ án hành chính¹⁹⁶.

¹⁹⁶ Xem điều 31a Luật Tổ tụng hành chính 2015 (sửa đổi 2025).

Tỷ lệ giải quyết án hành chính, dù có sự cải thiện qua từng năm, vẫn còn ở mức thấp hơn so với các loại án khác. Thực tế này đã được lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao nhìn nhận, thể hiện qua việc ban hành chỉ đạo yêu cầu toàn ngành phải tập trung "nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án hành chính"¹⁹⁷.

Bảng 2.2: Thống kê chi tiết số vụ án hành chính ở các cấp xét xử trong các năm 2022, 2023, 2024 và 2025

Năm	Sơ thẩm thụ lý	Sơ thẩm giải quyết	Tỷ lệ sơ thẩm đã giải quyết	Phúc thẩm thụ lý	Phúc thẩm giải quyết	Tỷ lệ phúc thẩm đã giải quyết	GDT thụ lý	GDT giải quyết	Tỷ lệ GDT đã giải quyết
2022	8.807 vụ	6.049 vụ	68,70 %	2.859 vụ	2.400 vụ	83,91%	80 vụ	75 vụ	93,75 %
2023	8.806 vụ	6.122 vụ	69,53 %	3.277 vụ	2.932 vụ	89,45%	79 vụ	76 vụ	96,20 %
2024	9.796 vụ	7.043 vụ	71,91 %	3.137 vụ	2.893 vụ	92,22%	76 vụ	70 vụ	92,11 %
2025	9.491 vụ	7.367 vụ	77,62 %	3.321 vụ	3.130 vụ	94,25 %	89 vụ	80 vụ	89,89 %

(Nguồn: Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp Quốc hội khóa XV: số 75/BC-TA ngày 10/10/2022; số 110/BC-TA ngày 10/10/2023; số 83/BC-TA ngày 10/10/2024; số 113/BC-TA ngày 03/10/2025)

¹⁹⁷ Phạm Hoài Ngân. (2025). Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án hành chính. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/chanh-an-toa-an-nhan-dan-toi-cao-yeu-cau-nang-cao-chat-luong-day-nhanh-tien-do-giai-quyet-xet-xu-cac-vu-an-hanh-chinh13879.html>

Từ các số liệu trên, có thể tổng kết về tình hình giải quyết vụ án hành chính theo cấp xét xử, thủ tục xem xét lại như sau:

- *Cấp sơ thẩm*: Sau ba năm liên tiếp có tỷ lệ giải quyết tăng dần (từ 68,70% năm 2022 lên 71,91% năm 2024), năm 2025 ghi nhận bước cải thiện rõ rệt nhất với tỷ lệ đạt 77,62% – tăng 5,71 điểm phần trăm so với năm 2024. Đây là kết quả của quá trình tập trung xử lý án tồn đọng và cải cách mô hình tổ chức Tòa án nhân dân khu vực hoạt động chính thức từ ngày 01/7/2025. Số vụ sơ thẩm thụ lý giảm nhẹ (từ 9.796 xuống 9.491 vụ) trong khi số vụ giải quyết tăng (từ 7.043 lên 7.367 vụ), cho thấy khả năng xử lý án tồn đọng được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, với tỷ lệ khoảng 22% số vụ thụ lý chưa được giải quyết, gánh nặng án hành chính trên hệ thống Tòa án vẫn còn rất lớn.

- *Cấp phúc thẩm*: Số vụ phúc thẩm thụ lý tăng nhẹ (từ 3.137 lên 3.321 vụ) và tỷ lệ giải quyết đạt 94,25% - mức cao nhất trong bốn năm và vượt qua cả mức cao 92,22% của năm 2024. Điều này phản ánh năng lực xử lý ở cấp phúc thẩm ngày càng hiệu quả. Tuy nhiên, tỷ lệ kháng cáo, kháng nghị vẫn ở mức cao (số vụ phúc thẩm thụ lý chiếm trên 34% tổng số vụ sơ thẩm thụ lý), cho thấy sự không đồng thuận của các bên với phán quyết sơ thẩm chưa được cải thiện đáng kể.

- *Thủ tục Giám đốc thẩm*: Có thể thấy trong tổ tụng hành chính, tuyệt đại đa số các vụ án chỉ được xem xét lại thông qua thủ tục Giám đốc thẩm. Số lượng vụ án được thụ lý theo thủ tục Giám đốc thẩm là rất nhỏ, chỉ dao động từ 76 đến 80 vụ mỗi năm. Tỷ lệ giải quyết ở cấp này cũng rất cao (khoảng 90%). Sự gia tăng số vụ giám đốc thẩm phản ánh xu hướng các bên tiếp tục theo đuổi quyền lợi sau khi phúc thẩm, cũng như hoạt động giám sát tư pháp được tăng cường trong bối cảnh cải cách tư pháp.

Các báo cáo cho thấy một sự tập trung các khiếu kiện hành chính vào một số lĩnh vực quản lý nhà nước trọng yếu, trong đó lĩnh vực quản lý đất đai không chỉ chiếm tỷ trọng lớn nhất mà còn có tính chất phức tạp nhất. Một thống kê trong giai đoạn 2020 - 2022 tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên cho thấy, các vụ án khởi kiện liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai chiếm tới 80,78% tổng số vụ án hành

chính đã được thụ lý¹⁹⁸. Các báo cáo và bài viết phân tích thực tiễn tại các địa bàn nóng như Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An cũng chỉ ra rằng các khiếu kiện về thu hồi đất, cấp hoặc thu hồi GCNQSDĐ, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất luôn là những loại việc phổ biến và phức tạp nhất^{199 200}.

Thông qua việc tổng kết hàng loạt bản án, có thể nhận diện các dạng yêu cầu khởi kiện điển hình mà Tòa án đã thụ lý giải quyết, bao gồm:

Bảng 2.3: Các dạng yêu cầu khởi kiện điển hình mà Tòa án đã thụ lý giải quyết

Lĩnh vực	Yêu cầu
Khiếu kiện quyết định thu hồi đất	Người dân khởi kiện yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất do cho rằng quyết định đó không đúng về căn cứ, thẩm quyền hoặc trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai.
Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Đây là nhóm việc có số lượng lớn, người dân khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định phê duyệt phương án bồi thường do cho rằng việc xác định nguồn gốc đất, loại đất, đơn giá bồi thường, các khoản hỗ trợ là không chính xác, gây thiệt hại đến quyền lợi của họ.
Khiếu kiện quyết định cấp hoặc hành vi không cấp GCNQSDĐ	Người dân khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho người khác do cho rằng việc cấp GCNQSDĐ đó là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng đất của mình. Ngược lại, nhiều trường hợp người dân khởi kiện hành vi không cấp GCNQSDĐ của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu Tòa án buộc cơ quan này phải thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho họ.

¹⁹⁸ Phan Văn Tâm. (2023). Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về đất đai thông qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính. Tạp chí Kiểm sát, số 12/2023, tr.3-12

¹⁹⁹ Thái Vũ. (2020). Khó khăn, vướng mắc trong giải quyết, xét xử các vụ án hành chính tại Tòa án hai cấp Tp Hồ Chí Minh. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/index.php/kho-khan-vuong-mac-trong-giai-quyet-xet-xu-cac-vu-an-hanh-chinh-tai-toa-an-hai-cap-tp-ho-chi-minh>

²⁰⁰ Trương Thị Kim Duyên. (2017). Khó khăn thường gặp trong giải quyết vụ án hành chính liên quan đến đất đai. Tạp chí điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://kiemsat.vn/kho-khan-thuong-gap-trong-giai-quyet-vu-an-hanh-chinh-lien-quan-den-dat-dai-46969.html>

Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai	Người dân khởi kiện các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, yêu cầu Tòa án xem xét lại về nội dung giải quyết.
Lĩnh vực xây dựng	Các khiếu kiện chủ yếu liên quan đến quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự xây dựng, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.
Thuế	Doanh nghiệp và cá nhân khởi kiện các quyết định truy thu thuế, ấn định thuế, thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất do cho rằng cơ quan thuế đã tính toán, áp dụng sai quy định pháp luật.
Xử phạt vi phạm hành chính	Các quyết định xử phạt trong nhiều lĩnh vực như giao thông, môi trường, an ninh trật tự... bị khởi kiện do người dân cho rằng việc xử phạt là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục hoặc không đúng thẩm quyền.
Đăng ký kinh doanh, đầu tư	Doanh nghiệp khởi kiện các quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, hoặc các hành vi từ chối cấp phép của cơ quan nhà nước, tạo ra các tranh chấp pháp lý ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Phụ lục danh sách các bản án đã nghiên cứu từ năm 2016 đến 2026)

Sự đa dạng của các lĩnh vực tranh chấp cho thấy phạm vi kiểm soát của Tòa án trong thực tiễn đã bao quát hầu hết các hoạt động quản lý nhà nước cơ bản, có tác động trực tiếp đến đời sống cá nhân, tổ chức.

2.2.2. Thực tiễn tiến hành, tham gia thủ tục tố tụng hành chính

Quá trình tố tụng hành chính, từ khi thụ lý đến khi xét xử, là giai đoạn trung tâm của hoạt động kiểm soát. Thực tiễn cho thấy giai đoạn này tồn tại nhiều hiện tượng, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các chủ thể tham gia, đặc biệt là giữa Tòa án và cơ quan hành chính nhà nước.

2.2.2.1. Về sự tham gia tố tụng của người bị kiện (cơ quan hành chính nhà nước)

Một trong những hiện tượng được ghi nhận phổ biến và có ảnh hưởng lớn đến quá trình kiểm soát của Tòa án là tình trạng người bị kiện (Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các cấp) hoặc người đại diện theo ủy quyền không tham gia các phiên đối thoại và phiên tòa. Đây không phải là hiện tượng cá biệt mà đã được các cơ quan quản lý nhà nước và giám sát chỉ ra trong nhiều báo cáo. Báo cáo Tình hình chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và kết quả thi hành án hành chính năm 2023 của Bộ Tư pháp đã nêu rõ đây là một tồn tại, hạn chế phổ biến ở nhiều địa phương²⁰¹. Cụ thể, trong năm 2023, trong tổng số 6.556 phiên tòa và phiên đối thoại, có 1.834 trường hợp người bị kiện, người đại diện vắng mặt (chiếm tỷ lệ 27,9%)²⁰².

Bảng 2.4: Thống kê về sự tham gia tố tụng của người bị kiện là UBND/Chủ tịch UBND năm 2024 và 2025

Tiêu chí	Số vụ (2024)	Tỷ trọng (2024)	Số vụ (2025)	Tỷ trọng (2025)
Vụ có bị kiện là UBND / Chủ tịch UBND (đã thụ lý)	11.236	86,3% trên 13.009	10.783	83,6% trên 12.901
Số đã giải quyết trong nhóm này	8.054	80,4% trên 10.006	8.736	82,6% trên 10.577
Bị kiện trực tiếp tham gia	1.018	12,64% trên 8.054	699	8,02% trên 8.718(*)
Bị kiện ủy quyền tham gia	6.010	74,7% trên 8.054	6.299	72,25% trên 8.718(*)
Vắng mặt bị kiện	935	11,6% trên 8.054	1.720	19,73% trên 8.718(*)
Cung cấp đủ chứng cứ	6.351	78,9% trên 8.054	6.677	76,59% trên 8.718(*)
Cung cấp một phần	140	1,74% trên 8.054	1.023	11,73% trên 8.718(*)
Không cung cấp	47	0,58% trên 8.054	Không có số liệu thống kê	N/A

(Nguồn: Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, số 83/BC-TA ngày 10/10/2024, số 113/BC-TA ngày 03/10/2025)

²⁰¹ Báo cáo số 54/BC-BTP của Bộ Tư pháp ngày 29/01/2024 về Tình hình chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và kết quả thi hành án hành chính năm 2023.

²⁰² Mạnh Thắng. (2024). Tăng cường kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://dcs.nhandan.vn/day-manh-cai-cach-tu-phap-va-hoat-dong-tu-phap/tang-cuong-kiem-tra-tinh-hinh-chap-hanh-phap-luat-to-tung-hanh-chinh-661089.html>.

Ghi chú: () Số liệu năm 2025 tính trên 8.718 vụ án đã giải quyết, xét xử ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm có UBND/Chủ tịch UBND là bị kiện (trong tổng số 8.736 vụ đã giải quyết của nhóm này, không bao gồm 18 vụ theo thủ tục giám đốc thẩm/tái thẩm).*

*(**) Từ ngày 01/7/2025, tổ chức chính quyền địa phương được sắp xếp theo mô hình hai cấp (tỉnh – xã), đơn vị hành chính cấp huyện chấm dứt hoạt động. Các quyền, nghĩa vụ tổ tụng hành chính của UBND/Chủ tịch UBND cấp huyện được chuyển giao sang UBND/Chủ tịch UBND cấp xã²⁰³. Do kỳ thống kê bao gồm cả giai đoạn trước khi sắp xếp, dữ liệu trong Bảng 2.4 năm 2025 vẫn phân loại theo đầu mối hành chính cũ (UBND cấp tỉnh, cấp huyện) theo cách ghi nhận của báo cáo 113/BC-TA ngày 03/10/2025.*

Số liệu năm 2025 cho thấy chiều hướng đáng lo ngại trong thực trạng tham gia tố tụng của cơ quan hành chính nhà nước. Tỷ lệ vắng mặt bị kiện tăng từ 11,6% (năm 2024) lên 19,73% (năm 2025) – tức gần 1 trong 5 vụ án có UBND bị kiện, người đại diện hoàn toàn vắng mặt không tham gia tố tụng. Đây là mức tăng đột biến, có thể phản ánh sự lúng túng trong giai đoạn chuyển tiếp tổ chức bộ máy (cấp huyện giải thể từ 01/7/2025), nhưng cũng đồng thời cho thấy ý thức tham gia tố tụng của cơ quan hành chính chưa được cải thiện đủ mức. Cùng chiều đó, tỷ lệ bị kiện trực tiếp tham gia giảm mạnh từ 12,64% xuống còn 8,02%. Về cung cấp tài liệu, chứng cứ, tỷ lệ cung cấp đầy đủ giảm nhẹ (từ 78,9% xuống 76,59%) trong khi tỷ lệ cung cấp một phần tăng mạnh (từ 1,74% lên 11,73%) – phản ánh tình trạng các cơ quan hành chính cung cấp tài liệu không đầy đủ, không đúng thời hạn ngày càng phổ biến hơn. Trước thực trạng này, Bộ Tư pháp đã phải ban hành Công văn số 371/BTP-TCTHADS ngày 08/02/2023 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, chấn chỉnh tình trạng này²⁰⁴.

²⁰³ xem Công văn số 4323/BTP-CQLTHADS ngày 18/7/2025 của Bộ Tư pháp

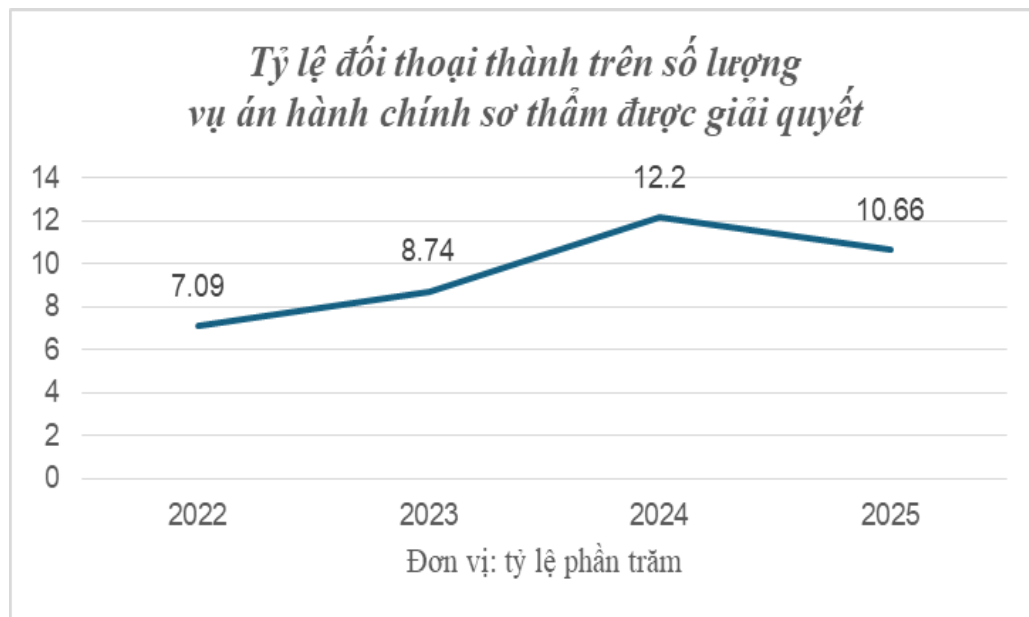
²⁰⁴ Huế Minh. (2023). Bộ Tư pháp đề nghị Chủ tịch UBND các tỉnh chấn chỉnh tình trạng không tham gia tố tụng trong vụ án hành chính. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ <https://kiemsat.vn/bo-tu-phap-de-nghi-chu-tich-ubnd-cac-tinh-chan-chinh-tinh-trang-khong-tham-gia-to-tung-trong-vu-an-hanh-chinh-65161.html>.

Pháp luật tổ tụng hành chính quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân là người đại diện theo pháp luật và có thể ủy quyền cho cấp phó tham gia tố tụng. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều trường hợp người được ủy quyền lại tiếp tục có văn bản xin xét xử vắng mặt với lý do "bận công tác"²⁰⁵. Vấn đề này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Văn bản số 18/UBTVQH14-TP ngày 31/8/2016 hướng dẫn, nhấn mạnh việc tham gia tố tụng là trách nhiệm, nhưng tình hình cải thiện còn chậm²⁰⁶. Hiện tượng này phản ánh một thực tế về thái độ của một bộ phận cơ quan hành chính đối với hoạt động tố tụng tại Tòa án.

2.2.2.2. Về hoạt động đối thoại trong giải quyết vụ án hành chính

Hoạt động đối thoại trong giải quyết vụ án hành chính có nhiều tín hiệu khả quan, tích cực.

Biểu đồ 2.1: Tình hình đối thoại và quyết định thi hành án hành chính qua các năm 2022, 2023, 2024 và 2025



(Nguồn: Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp Quốc hội khóa XV: số 75/BC-TA ngày 10/10/2022; số 110/BC-TA ngày 10/10/2023; số 83/BC-TA ngày 10/10/2024; số 113/BC-TA ngày 03/10/2025)

²⁰⁵ Trương Thị Kim Duyên. (2017). Khó khăn thường gặp trong giải quyết vụ án hành chính liên quan đến đất đai. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://kiemsat.vn/kho-khan-thuong-gap-trong-giai-quyet-vu-an-hanh-chinh-lien-quan-den-dat-dai-46969.html>.

²⁰⁶ Văn bản số 18/UBTVQH14-TP do UBTVQH ban hành ngày 31/8/2016 về việc hướng dẫn thực hiện Điều 60 Luật tố tụng hành chính.

Số liệu qua bốn năm phản ánh những xu thế đa chiều, không hoàn toàn đồng thuận về diễn biến trong năm 2025. Về hoạt động đối thoại, sau khi đạt đỉnh 12,20% vào năm 2024, tỷ lệ đối thoại thành năm 2025 có sự sụt giảm nhẹ xuống còn 10,66%. Điều này có thể phần nào được giải thích bởi tác động của việc sắp xếp, sáp nhập bộ máy chính quyền địa phương từ giữa năm 2025, khiến các cơ quan có thẩm quyền chưa ổn định nhân sự để tổ chức đối thoại một cách hiệu quả. Tuy nhiên, tính theo số tuyệt đối, 785 vụ đối thoại thành trên 7.367 vụ sơ thẩm giải quyết vẫn là con số có ý nghĩa, cho thấy cơ chế đối thoại tiếp tục phát huy vai trò là kênh giải quyết tranh chấp hành chính ngoài phán quyết.

2.2.3. Thực trạng chất lượng xét xử các vụ án hành chính

Chất lượng của bản án, quyết định cũng là thước đo trực tiếp nhất phản ánh hiệu quả hoạt động kiểm soát của Tòa án. Một bản án có chất lượng không chỉ giải quyết được triệt để khiếu kiện của đương sự mà còn phải có tính pháp lý, đủ sức thuyết phục và có khả năng đứng vững trước sự xem xét của các Tòa án cấp trên và sự giám sát của các cơ quan hữu quan. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những phán quyết thể hiện rõ vai trò bảo vệ công lý, chất lượng của một bộ phận không nhỏ các bản án, quyết định hành chính vẫn còn là vấn đề được các cơ quan giám sát và chính nội bộ ngành Tòa án quan tâm.

Bảng 2.5: Thống kê tỷ lệ hủy/sửa và nguyên nhân do lỗi chủ quan trong phán quyết của tòa năm 2022, 2023, 2024 và 2025

Năm	Tỷ lệ hủy	Hủy do lỗi chủ quan	Tỷ lệ sửa	Sửa do lỗi chủ quan
2022	3,80%	2,71%	3,30%	2,50%
2023	2,77%	1,72%	2,97%	2,18%
2024	2,75%	1,60%	3,27%	1,98%
2025	2,62%	1,46%	3,14%	2,26%

(Nguồn: Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp Quốc hội khóa XV: số 75/BC-TA ngày 10/10/2022; số 110/BC-TA ngày 10/10/2023; số 83/BC-TA ngày 10/10/2024; số 113/BC-TA ngày 03/10/2025)

Số liệu từ Bảng 2.5 cho thấy những chuyển biến tích cực về chất lượng xét xử án hành chính qua bốn năm, dù với tốc độ không đều. Tỷ lệ hủy bản án do lỗi chủ quan tiếp tục giảm từ 2,71% (2022) xuống còn 1,46% (2025) – giảm gần một nửa so với đầu giai đoạn. Đây là thành quả đáng ghi nhận của quá trình nâng cao năng lực xét xử, tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm (năm 2025, các Tòa án đã tổ chức 304 phiên tòa rút kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính), cũng như việc xây dựng và phổ biến án lệ hành chính. Tuy nhiên, tỷ lệ sửa bản án do lỗi chủ quan năm 2025 (2,26%) cao hơn so với năm 2024 (1,98%), dừng lại xu hướng giảm liên tục từ 2022–2024. Điều này gợi ý rằng trong khi các sai sót nghiêm trọng đến mức phải hủy bản án đang được kiểm soát tốt hơn, thì các sai sót nhỏ hơn đòi hỏi phải sửa bản án vẫn còn xuất hiện đáng kể, phản ánh những hạn chế chưa được khắc phục triệt để trong kỹ năng lập luận pháp lý của một bộ phận Thẩm phán.

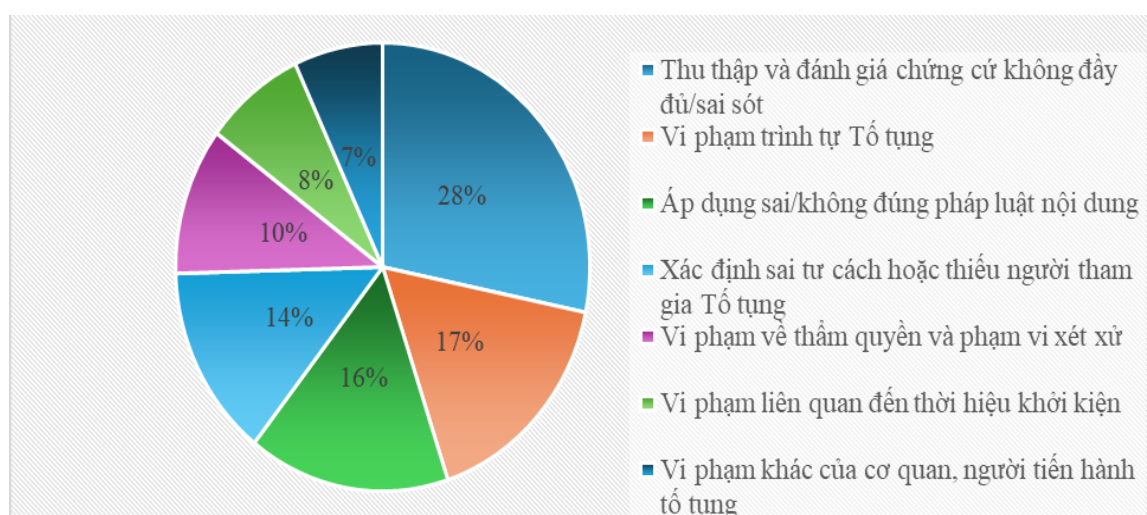
Hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã cung cấp một nguồn thông tin khách quan về các sai sót, vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án. Hàng loạt Thông báo rút kinh nghiệm được ban hành đã chỉ ra nhiều dạng vi phạm lặp đi lặp lại, cho thấy những vấn đề trong năng lực áp dụng pháp luật của một bộ phận Thẩm phán. Việc nghiên cứu các Thông báo rút kinh nghiệm cho thấy các vi phạm phổ biến tập trung ở các nhóm sau:

Bảng 2.6: Tổng hợp các nhóm nội dung chính cần rút kinh nghiệm trong xét xử vụ án hành chính.

STT	Nhóm nội dung cần rút kinh nghiệm	Số lượng	Minh họa
1	Thu thập và đánh giá chứng cứ không đầy đủ/sai sót	61	80/TBVKSTC: "Tòa án chưa thu thập và đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ".
2	Vi phạm trình tự tố tụng	36	19/TB-VC3-V3: "Không tiến hành đối thoại." & 10/TB-VC3-V3 "Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án... là không đúng".

3	Áp dụng sai/không đúng pháp luật nội dung	34	27/TB-VKS-HC: "Áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực để giải quyết vụ án."
4	Xác định sai tư cách hoặc thiếu người tham gia tố tụng	30	12/TB-VC1: "Vi phạm về xác định người đại diện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan".
5	Vi phạm về thẩm quyền và phạm vi xét xử	23	04/TB-VC1-V1: "không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án... Tòa án thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền."
6	Vi phạm liên quan đến thời hiệu khởi kiện	17	67/TB-VKS-HC: "Tòa án đình chỉ vụ án vì hết thời hiệu là không đúng".
7	Vi phạm liên quan đến cơ quan, người tiến hành tố tụng khác	15	337/TB-VKSTC: "THADS: Vi phạm trong việc thông báo công khai bán đấu giá..."

Biểu đồ 2.2: Minh họa tỉ lệ các nội dung cần rút kinh nghiệm



(Nguồn: Phụ lục tổng hợp các thông báo rút kinh nghiệm của Viện Kiểm sát Nhân dân đối với hoạt động xét xử vụ án hành chính từ năm 2016 đến 2025)

Đáng chú ý, các Thông báo rút kinh nghiệm không phản ánh sai sót ngẫu nhiên mà bộc lộ những dạng vi phạm mang tính hệ thống. Thứ nhất, Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (30

thông báo). Đây là dạng sai sót thường dẫn đến hủy án, làm vô hiệu kết quả kiểm soát. Thứ hai, việc đánh giá chứng cứ phiến diện, thiếu toàn diện (61 thông báo, nhóm lớn nhất), đặc biệt trong án đất đai phức tạp về hồ sơ, nguồn gốc sử dụng đất; điển hình là Thông báo số 25/TB-VKS-HC năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Bản chất pháp lý của các hạn chế này cho thấy năng lực áp dụng pháp luật và tuân thủ tổ tụng của một bộ phận Thẩm phán còn chưa vững.

Những ghi nhận từ hoạt động của ngành Kiểm sát trên cho thấy, Tòa án cũng bộc lộ những vấn đề hạn chế, thiếu sót trong quá trình xét xử hành chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

2.2.4. Thực tiễn thi hành án hành chính

Giai đoạn thi hành án hành chính (THAHC) là khâu cuối cùng thể hiện hiệu lực thực tế của hoạt động kiểm soát tư pháp. Các dữ liệu từ báo cáo chính thức của các cơ quan nhà nước đã mô tả một bức tranh chi tiết về tình hình của công tác này.

2.2.4.1. Thống kê về thi hành án hành chính

Số liệu thống kê hàng năm cho thấy số lượng bản án, quyết định hành chính cần phải thi hành là rất lớn, nhưng tỷ lệ thi hành xong còn rất thấp.

Bảng 2.7: Kết quả thi hành án hành chính các năm 2023, 2024 và 2025

Năm	Bản án phải theo dõi	Đã thi hành xong	Tỷ lệ thi hành xong	Đang tiếp tục	Tạm đình chỉ /hoãn/ hủy	Gửi thông báo tự nguyện THA	Làm việc trực tiếp với người phải THA	Quyết định buộc THAHC (niêm yết)	Kiến nghị xử lý
2023	1.388	582	41,9%	806	N/A	769	718	553	135
2024	1.978	896	45,4%	1.066	11	1.361	1.305	657	175
2025	2.098	868	41,37%	1.223	07	1.520	1.081	532	254

(Nguồn: Báo cáo của Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp về Tổng kết công tác năm: số 24/BC-TCTHADS ngày 23/01/2024; số 72/BC-BTP ngày 19/02/2025; số 62/BC-BTP ngày 05/02/2026)

Năm 2025, tổng số bản án hành chính phải thi hành tăng lên 2.098 bản án (tăng 106 bản án so với năm 2024), trong khi số bản án thi hành xong giảm từ 896 xuống còn 868 bản án (giảm 27 bản án). Hệ quả là tỷ lệ thi hành xong giảm từ 45,4% (2024) xuống còn 41,37% (2025), đồng thời số bản án tồn đọng chuyển kỳ sau tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 1.223 bản án. Số bản án chưa thi hành xong phân tích theo thời điểm có hiệu lực cho thấy mức độ kéo dài nghiêm trọng: còn tồn đọng các bản án có hiệu lực từ năm 2011, 2012, 2014... tức đã kéo dài trên 10 năm chưa thi hành xong. Theo phân loại nghĩa vụ phải thi hành trong 1.223 bản án tồn đọng: 686 bản án liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyền sử dụng đất; 404 bản án liên quan đến cấp/hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 63 bản án liên quan đến giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai; 70 bản án liên quan đến các lĩnh vực khác như xử phạt vi phạm hành chính, thuế, xây dựng²⁰⁷. Đặc biệt đáng lo ngại là trong số 1.223 bản án chưa thi hành xong, vẫn còn 64 bản án mà người phải thi hành án là UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh – tức là những người đứng đầu chính quyền địa phương, có đầy đủ nguồn lực và thẩm quyền để thi hành án, nhưng vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ pháp lý của mình. Tình hình này tiếp tục duy trì và kéo dài bức tranh về hiệu lực thực thi kém của cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước, qua đó làm xói mòn uy tín của Tòa án và niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp.

2.2.4.2. Ghi nhận về các vụ việc chậm thi hành và biểu hiện không thi hành án

Tình trạng tồn đọng, chậm thi hành các bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật là một hiện tượng phổ biến, kéo dài, được phản ánh rõ nét trong các báo cáo và phương tiện truyền thông. Báo cáo tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính 2023 của Bộ Tư pháp ghi nhận số lượng lớn các bản án mà người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh²⁰⁸.

²⁰⁷ Báo cáo số 62/BC-BTP ngày 05/02/2026 của Bộ Tư pháp về tình hình chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và kết quả thi hành án hành chính năm 2025.

²⁰⁸ Báo cáo 24/BC-BTP ngày 12/01/2024 Tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ Tư pháp ban hành.

Thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh là một ví dụ điển hình. Tính đến tháng 9 năm 2025, thành phố này còn tới 273 bản án, quyết định chưa thi hành xong, trong đó có 20 bản án thuộc trách nhiệm thi hành của UBND, Chủ tịch UBND Thành phố. Tình hình này đã buộc lãnh đạo UBND Thành phố phải ra yêu cầu quyết liệt, ấn định thời hạn hoàn thành trước ngày 15/10/2025 và quy trách nhiệm cho người đứng đầu nếu có sự chậm trễ²⁰⁹. Tương tự, tại Hà Nội, Thành ủy cũng đã phải ban hành Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 19/9/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác THAHC, cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề²¹⁰.

Các biểu hiện của việc không thi hành hoặc chậm thi hành án trong thực tiễn rất đa dạng, bao gồm:

- *Sự im lặng, không có hành động cụ thể*: Sau khi bản án có hiệu lực, cơ quan phải thi hành án không ban hành bất kỳ văn bản hay có hành động nào để thực thi nội dung phán quyết.

- *Trì hoãn, kéo dài việc thi hành*: Cơ quan phải thi hành án viện dẫn nhiều lý do khác nhau (khó khăn về ngân sách, vướng mắc về quy hoạch, cần thời gian xin ý kiến cấp trên...) để trì hoãn việc thi hành án²¹¹.

- *Ban hành văn bản mới có nội dung tương tự văn bản đã bị Tòa án tuyên hủy*: Đây là một hình thức kháng cự lại phán quyết của Tòa án, thể hiện sự không tuân thủ một cách tinh vi.

Trước thực trạng này, các cơ quan chức năng đã có nhiều động thái. Bộ Tư pháp thường xuyên có văn bản đôn đốc, chỉ đạo kiểm tra, xem xét và xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi chậm thi hành án²¹². Viện kiểm sát cũng thực hiện quyền kiến nghị đối với các vi phạm trong công tác THAHC. Tuy nhiên, các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu đều ghi nhận rằng việc áp dụng các chế tài, đặc biệt là xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính không thi hành án, trên thực tế còn rất hạn chế và chưa đủ sức răn đe²¹³.

²⁰⁹ Báo Đại biểu Nhân dân. (2025). TP. Hồ Chí Minh: Yêu cầu hoàn thành thi hành án 273 quyết định, bản án hành chính. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://daibieunhandan.vn/phong-chong-tham-nhung-lang-phi>

²¹⁰ Thành ủy Hà Nội. (2025). Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 19/9/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, hành chính trên địa bàn thành phố.

²¹¹ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn. Luận án tiến sĩ Luật học.

²¹² Tạp chí bảo vệ Pháp luật (2023). Kiểm tra, xem xét và xử lý trách nhiệm đối với cá nhân, tổ chức có hành vi chậm thi hành án. <https://baovephapluat.vn/cai-cach-tu-phap/dien-dan/kiem-tra-xem-xet-va-xu-ly-trach-nhiem-doi-voi-ca-nhan-to-chuc-co-hanh-vi-cham-thi-hanh-an-135594.html>

²¹³ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn.

Như vậy, các ghi nhận về quá trình tố tụng và đặc biệt là tình trạng thi hành án đã chỉ ra những khoảng cách đáng kể giữa quy định pháp luật và hiệu quả thực thi về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

2.3. Đánh giá thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

2.3.1. Những kết quả đạt được

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoạt động xét xử hành chính đã đạt được những kết quả trên nhiều phương diện trong việc bảo đảm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước một cách có hiệu quả, thể hiện sự tiến bộ trong cả nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

2.3.1.1. Kết quả về mức độ nhận thức đúng đắn của chủ thể lãnh đạo, quản lý đối với vai trò của xét xử hành chính trong kiểm soát quyền lực nhà nước

Một chuyển biến nền tảng là sự thay đổi trong nhận thức của các chủ thể lãnh đạo, quản lý ở cấp cao nhất về vị trí và chức năng của xét xử hành chính trong hệ thống kiểm soát quyền lực nhà nước. Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định xây dựng chế định tố tụng tư pháp "lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá", đồng thời yêu cầu bảo đảm tố tụng tư pháp "dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân"²¹⁴. Cùng với đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã xác định kiểm soát quyền lực là nhiệm vụ trọng tâm, tạo tiền đề chính trị vững chắc cho việc khẳng định vai trò của Tòa án trong cơ chế kiểm soát quyền hành pháp²¹⁵.

Sự chuyển biến nhận thức còn thể hiện qua các chỉ đạo cụ thể ở cấp địa phương. Thành ủy Hà Nội ban hành Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 19/9/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án hành chính²¹⁶; các hội

²¹⁴ Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

²¹⁵ Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

²¹⁶ Công thông tin Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). Thành ủy Hà Nội ban hành Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo công tác thi hành án dân sự, hành chính. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ:

thảo chuyên đề về chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính được tổ chức tại nhiều địa phương²¹⁷ dưới sự chủ trì của lãnh đạo cấp ủy cho thấy vấn đề này đã được đưa vào chương trình nghị sự ở cấp cao²¹⁸. Sự nhìn nhận mang tính chiến lược này chính là điều kiện nhận thức cơ bản tạo nền tảng cho việc bảo đảm các điều kiện thể chế, pháp luật và thi hành bản án trong thực tiễn.

2.3.1.2. Kết quả về mức độ độc lập thực chất của Tòa án trong quá trình xét xử các vụ án hành chính

Bước đột phá thể chế nổi bật nhất là sự ra đời của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, với cải cách then chốt là tổ chức lại Tòa án sơ thẩm theo khu vực thay vì theo địa giới hành chính cấp huyện²¹⁹. Mô hình Tòa án nhân dân khu vực được kỳ vọng cắt đứt những ràng buộc về tổ chức, nhân sự và ngân sách vốn tạo ra áp lực tâm lý đối với Thẩm phán khi xét xử vụ kiện liên quan đến chính quyền sở tại²²⁰. Việc thành lập các Tòa chuyên trách, bao gồm Tòa hành chính tại các Tòa án nhân dân cấp cao và cấp tỉnh, đã tạo điều kiện chuyên môn hóa nhân sự và nâng cao năng lực phán quyết về các vấn đề pháp lý hành chính phức tạp²²¹. Cơ chế Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia với quy chế bảo vệ Thẩm phán trước các hành vi can thiệp trái pháp luật cũng tạo thêm một lớp bảo vệ thể chế cho tính độc lập thực chất trong xét xử, giúp Thẩm phán có thêm sự tự tin và bản lĩnh để đưa ra những phán quyết công tâm²²².

2.3.1.3. Kết quả về mức độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tính hợp lý của thủ tục tổ tụng hành chính

Một trong những kết quả có thể lượng hóa được là xu hướng gia tăng ổn định về số lượng vụ án hành chính được thụ lý và giải quyết qua các năm, phản ánh niềm

<https://dangcongsan.vn/hanoi/tin-tuc-hoat-dong/thanh-uy-ha-noi-ban-hanh-chi-thi-ve-tang-cuong-lanh-dao-cong-tac-thi-hanh-an-dan-su-hanh-chinh.html>

²¹⁷ Cổng thông tin Điện tử Thành phố Hải Phòng. (2024). Hội thảo "Tăng cường chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính trên địa bàn thành phố". Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://haiphong.gov.vn/tin-so-nganh/hoi-thao-tang-cuong-chap-hanh-phap-luat-to-tung-hanh-chinh-va-thi-hanh-an-hanh-chinh-tren-dia-ba-711859>

²¹⁸ Công văn số 541/CV-TANDTC do Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 01/8/2025, về việc nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án hành chính.

²¹⁹ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15. Điều 39.

²²⁰ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Hiện nay trên toàn quốc có 355 Tòa án nhân dân khu vực.

²²¹ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024, sửa đổi, bổ sung 2025. Điều 30, Điều 38.

²²² Nghị quyết số 83/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia. Điều 20.

tin ngày càng lớn của người dân vào Tòa án như một kênh giải quyết tranh chấp có thực chất với cơ quan nhà nước. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 đã quy định theo hướng bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, phân bổ hợp lý nghĩa vụ chứng minh, bên bị kiện phải chứng minh tính hợp pháp của quyết định, hành vi bị khởi kiện²²³, từ đó giảm bớt gánh nặng cho người dân vốn ở thế yếu hơn về khả năng tiếp cận thông tin và tài liệu. Việc pháp luật cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính bị kiện đã cung cấp một công cụ bảo vệ kịp thời, tránh để thiệt hại trở nên không thể khắc phục trong khi chờ phán quyết²²⁴. Sự linh hoạt hóa về phương thức nộp đơn khởi kiện (trực tiếp, bưu chính, trực tuyến) là tín hiệu cho thấy tầm nhìn cải cách hướng đến một nền tư pháp dễ tiếp cận và thân thiện hơn đối với người dân.

2.3.1.4. Kết quả về mức độ chặt chẽ, thuyết phục và chuẩn xác của bản án, quyết định xét xử vụ án hành chính

Kết quả có ý nghĩa đặc biệt đối với chức năng kiểm soát là sự hình thành và ngày càng phát triển của hệ thống bản án hành chính điển hình. Thông qua hàng loạt bản án được tuyên, phát hiện các nhóm sai sót lặp lại của cơ quan hành chính, Tòa án không chỉ giải quyết tranh chấp cá biệt mà còn thực hiện chức năng chuẩn hóa và định hướng hành chính. Chất lượng lập luận pháp lý trong bản án ngày càng được nâng cao, phản ánh qua khả năng phân tích toàn diện các tình tiết thực tế, đối chiếu với quy định pháp luật và phát hiện những sai phạm mà cơ quan hành chính cố tình che khuất hoặc bỏ qua trong quá trình ban hành quyết định.

Bản án số 01/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, ngày 30/9/2020 minh chứng cho chiều sâu của lập luận xét xử: mặc dù UBND xã Hòa Tân Đông căn cứ vào sổ địa chính để khẳng định các thửa đất thuộc đất công ích, Hội đồng xét xử đã tiến hành thẩm định thực tế, đối chiếu lời khai nhân chứng, biên bản điều tra quy chủ và các giấy tờ sử dụng đất từ năm 1988, từ đó xác định hồ sơ địa chính của xã không phản ánh đúng hiện trạng và nguồn gốc đất. Tòa

²²³ Luật Tổ tụng hành chính 2015, sửa đổi 2019, 2024, 2025. Điều 18.

²²⁴ Luật Tổ tụng hành chính 2015, sửa đổi 2019, 2024, 2025. Chương V.

không chỉ buộc UBND xã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà còn kiến nghị điều chỉnh thông tin địa chính sai lệch. Điều này thể hiện bản án có tác dụng chỉnh đốn cả hệ thống quản lý đất đai của cơ quan hành chính, chứ không chỉ giải quyết quyền lợi của một cá nhân.

Bản án số 41/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phát hiện việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng: cấp cho ông T trong khi đất thực tế thuộc quyền sử dụng của bà H. Phán quyết hủy giấy chứng nhận trên cơ sở điều tra, xác minh toàn diện thể hiện năng lực phán quyết về nội dung pháp lý phức tạp trong lĩnh vực đất đai, khác với cách tiếp cận hình thức chỉ kiểm tra hồ sơ trên giấy tờ.

Bản án số 17/2018/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ngày 30/11/2018 cho thấy Tòa án đã chỉ ra chính xác vi phạm về thẩm quyền: Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định xử phạt với mức phạt trên 50 triệu đồng – vượt quá giới hạn thẩm quyền của cấp huyện theo quy định. Phán quyết hủy quyết định xử phạt này không chỉ bảo vệ quyền lợi của người bị xử phạt mà còn gửi đi thông điệp rõ ràng về giới hạn quyền hạn mà cơ quan hành chính phải tôn trọng.

Việc tổng hợp các bản án tiêu biểu tại Bảng 2.8 của luận án cho thấy Tòa án đã nhất quán phát hiện và tuyên hủy hàng loạt quyết định hành chính sai phạm thuộc nhiều nhóm lỗi khác nhau, từ sai thẩm quyền, sai thủ tục đến sai nội dung và sai căn cứ pháp luật áp dụng. Sự tích lũy này chứng minh chức năng phát hiện, sửa sai và định hướng hành chính của hoạt động xét xử đã ngày càng rõ nét hơn trong thực tiễn.

Bảng 2.8: Các sai sót chính của cơ quan hành chính nhà nước được phát hiện qua xét xử vụ án hành chính

STT	Lý do CQNN thua kiện	Diễn giải	Dẫn chứng tiêu biểu
I. VI PHẠM VỀ HÌNH THỨC VÀ THỦ TỤC			
1	Vi phạm về thời hiệu, thời hạn	Ban hành quyết định xử phạt hoặc thực hiện các thủ tục khác sau khi đã hết thời	Bản án số 196/2024/HC-PT , Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-7-2024: Phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện,

		hiệu, thời hạn do pháp luật quy định.	tuyên hủy Thông báo tạm tính nộp thuế vì Cục Thuế tỉnh Bình Dương xác định sai đối tượng chịu thuế và hết thời hiệu xử phạt.
2	Vi phạm trình tự, thủ tục ban hành	Không tuân thủ các bước, quy trình bắt buộc như lập biên bản tại hiện trường, đối thoại, tổng đạt văn bản, tiếp nhận hồ sơ...	Bản án số 01/2019/HC-ST, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, ngày 12/09/2019: Tòa chấp nhận yêu cầu của NKK vì khi phát hiện vi phạm, Trưởng công an huyện đã không lập biên bản vi phạm hành chính tại hiện trường, vi phạm quy định của Luật Xử lý VPHC. Bản án số 03/2023/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ngày 05-04-2023: Phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND phường phải lập thủ tục cấp GCNQSDĐ sau khi đã từ chối giải quyết hồ sơ một cách trái luật.
3	Thu thập chứng cứ, xác minh chưa đầy đủ, phiên diện	Ra quyết định khi chưa làm rõ các tình tiết quan trọng, căn cứ vào các tài liệu không đủ giá trị pháp lý, hoặc không xác minh khách quan.	Bản án số 1179/2024/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31-10-2024: Phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ để giải quyết lại từ đầu do có vi phạm về thủ tục và thu thập chứng cứ; UBND thành phố Phú Quốc ra Thông báo thu hồi đất khi chưa làm rõ nguồn gốc khai khẩn. Bản án số 156/2019/HC-PT: Phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì Chủ tịch UBND huyện chưa làm rõ sự việc mà đã ra quyết định giải quyết khiếu nại.

II. SAI SÓT VỀ NỘI DUNG VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ			
4	Áp dụng sai/ không đúng quy định pháp luật	Viện dẫn, áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực, không phù hợp, hoặc căn cứ vào văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật.	Bản án số 14/2019/HC-ST: Tòa chấp nhận yêu cầu của NKK vì UBND cấp huyện đã căn cứ vào văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật để ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ. Bản án số 427/2019/HC-PT: Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để hủy các quyết định của UBND cấp huyện do áp giá đất sai thời điểm và quy trình giao quyết định trái luật.
5	Xác định sai đối tượng, hành vi, tình tiết khách quan	Nội dung quyết định không phản ánh đúng thực tế, dẫn đến xử lý sai đối tượng (người/tổ chức), sai hành vi, hoặc sai các thông số (diện tích, vị trí...).	Bản án số 41/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ do Sở M tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông T vì việc cấp này là không đúng đối tượng sử dụng đất (đất của bà H, cấp nhầm cho ông T). Bản án số 29/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ vì Tòa án xác định việc cấp GCNQSDĐ là sai về vị trí, diện tích và đối tượng sử dụng đất.
6	Nội dung quyết định trái luật, không công bằng	Quyết định có nội dung xâm phạm quyền lợi hợp pháp, thiếu công bằng giữa các đối tượng, hoặc áp dụng biện pháp khắc phục không hợp lý.	Bản án số 135/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện về việc hủy bỏ một phần giấy phép xây dựng, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

			Bản án số 236/2019/HC-PT: Phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy quyết định thu hồi đất vì việc thu hồi đất trồng rừng để làm dự án du lịch cho tư nhân là không có căn cứ, xâm phạm quyền lợi của NKK.
III. VI PHẠM VỀ THẨM QUYỀN			
7	Ban hành quyết định vượt quá thẩm quyền	Cơ quan/người có thẩm quyền ban hành quyết định có nội dung (đặc biệt là mức xử phạt) vượt ra ngoài phạm vi quyền hạn được pháp luật cho phép.	Bản án số 17/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ngày 30/11/2018: Tòa chấp nhận yêu cầu của NKK, hủy quyết định xử phạt vì mức phạt trên 50 triệu đồng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, không phải thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện.
8	Giải quyết vụ việc không thuộc thẩm quyền	Cơ quan hành chính thụ lý, giải quyết những vấn đề không thuộc thẩm quyền của mình, ví dụ như giải quyết tranh chấp dân sự thay cho Tòa án.	Quyết định số 04/2019/HC-GĐT: Tòa Giám đốc thẩm hủy các bản án cấp dưới vì việc Tòa án thụ lý giải quyết khi chưa xác định rõ thời hiệu là thiếu sót. Vụ việc này liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai không đúng thẩm quyền và thụ lý vụ việc dân sự trong án hành chính.

(Nguồn: Phụ lục các bản án đã tổng hợp, nghiên cứu từ năm 2016 đến 2026)

2.3.1.5. Kết quả về mức độ thi hành trên thực tế của bản án, quyết định của Tòa án

Một thành tựu pháp lý quan trọng là sự ra đời của một khung pháp lý chuyên biệt về thi hành án hành chính, nổi bật là Nghị định số 71/2016/NĐ-CP. Văn bản này đã quy định tương đối cụ thể về thời hạn tự nguyện thi hành, trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc và cơ chế xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, cá nhân không

thi hành bản án²²⁵. Hệ thống cơ quan thi hành án dân sự được giao nhiệm vụ theo dõi công tác THAHC đã thiết lập các cơ chế thống kê, báo cáo định kỳ, giúp cho việc quản lý và nắm bắt tình hình THAHC trên toàn quốc được hệ thống hơn. Các báo cáo hàng năm của Bộ Tư pháp và Cục Quản lý Thi hành án dân sự đều dành một phần quan trọng để báo cáo về công tác này, tạo ra một cơ chế giám sát ở cấp độ vĩ mô²²⁶. Dù tỷ lệ thi hành thành công vẫn là một thách thức lớn, nhưng việc có một hệ thống theo dõi, báo cáo chính thức là bước đi cần thiết đầu tiên để nhận diện vấn đề và tìm kiếm giải pháp.

2.3.1.6. Kết quả về mức độ công khai, minh bạch và lan tỏa xã hội của hoạt động xét xử vụ án hành chính

Việc công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân là bước tiến vượt bậc về tính công khai, minh bạch trong hoạt động tư pháp, không chỉ giúp người dân và nhà nghiên cứu tiếp cận trực tiếp với các phán quyết mà còn tạo ra một cơ chế giám sát xã hội đối với chất lượng xét xử. Khi mỗi phán quyết đều có thể được đọc và phân tích, Thẩm phán có thêm áp lực và động lực để nâng cao trách nhiệm, cẩn trọng hơn trong từng lập luận và quyết định. Các bản án điển hình, đặc biệt là các án lệ hành chính, trở thành đối tượng của nhiều bài bình luận trên các tạp chí khoa học pháp lý và diễn đàn học thuật, tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực, giúp phổ biến kiến thức pháp luật và nâng cao nhận thức của cộng đồng về tổ tụng hành chính.

2.3.1.7. Kết quả về mức độ khẳng định vị thế của Tòa án trong giải thích và hoàn thiện pháp luật hành chính

Thành tựu khẳng định sự trưởng thành và nâng cao vị thế của Tòa án là việc phát triển và áp dụng ngày càng hiệu quả chế định án lệ hành chính. Thông qua việc ban hành các án lệ, Tòa án nhân dân tối cao đã không chỉ giải quyết những vụ việc phức tạp mà còn tạo ra các giải pháp pháp lý có tính tham chiếu, lấp đầy những "khoảng trống" của pháp luật thành văn. Án lệ số 49/2021/AL đã xác lập chuẩn mực

²²⁵ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

²²⁶ Xem Báo cáo tổng kết công tác của Tổng cục Thi hành án Dân sự (nay là Cục Quản lý thi hành án dân sự) các năm 2022, 2023, 2024.

giải thích pháp luật thống nhất trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai – một lĩnh vực vốn có nhiều cách hiểu khác biệt giữa các Tòa án địa phương. Sự hình thành án lệ hành chính đã từng bước khẳng định vị thế của Tòa án không chỉ là cơ quan áp dụng pháp luật một cách máy móc, mà còn là cơ quan giải thích pháp luật và định hình thực tiễn hành chính, góp phần bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật trên toàn quốc.

Tóm lại, những kết quả đạt được cho thấy cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử đã phát triển về cả chiều rộng lẫn chiều sâu theo từng tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên, những kết quả đó mới phản ánh năng lực tiềm tàng và chiều hướng tích cực của cơ chế; khoảng cách giữa tiềm năng và hiệu quả thực chất vẫn còn đáng kể, được thể hiện rõ qua các tồn tại, hạn chế được phân tích dưới đây.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Những hạn chế này không chỉ làm suy giảm hiệu quả của cơ chế kiểm soát mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào công lý và tính nghiêm minh của pháp luật.

2.3.2.1. Hạn chế về mức độ nhận thức đúng đắn của chủ thể lãnh đạo, quản lý đối với vai trò của xét xử hành chính trong kiểm soát quyền lực nhà nước

Hạn chế nổi bật và mang tính hệ thống nhất là sự mâu thuẫn giữa nhận thức đúng đắn ở cấp độ hoạch định chính sách và hành vi thực tế của cán bộ, công chức tại nhiều địa phương. Bằng chứng khách quan nhất là tình trạng người bị kiện vắng mặt không có lý do hợp pháp tại các phiên đối thoại và phiên tòa. Theo Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao năm 2024, trong tổng số 8.054 vụ hành chính đã được giải quyết, có 935 vụ người bị kiện vắng mặt mà không có ủy quyền tham gia tố tụng hợp lệ, chiếm tỷ lệ 11,6%²²⁷. Tình trạng này nghiêm trọng đến mức Bộ Tư pháp đã phải ban hành Công văn số 371/BTP-TCTHADS ngày 08/02/2023 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo chấn chỉnh.

²²⁷ Báo cáo số 83/BC-TA ngày 10/10/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.

Bằng chứng thực tiễn tiêu biểu cho biểu hiện nhận thức công vụ lệch chuẩn là Bản án số 01/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, ngày 03/3/2023: khi cấp trên đã chuyển đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một dòng họ về xã để giải quyết theo thẩm quyền, Chủ tịch UBND xã H không giải quyết, không hướng dẫn người dân lập hồ sơ, và viện dẫn lý do "vụ việc phức tạp, thiếu cán bộ địa chính". Tòa án tuyên rõ những lý do này không có cơ sở pháp luật và buộc UBND xã phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo luật định. Vụ việc này phản ánh biểu hiện né tránh, thiếu chủ động thực hiện trách nhiệm công vụ của một bộ phận cán bộ cơ sở – biểu hiện của nhận thức công vụ chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân.

Bản án số 01/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Đắk Lắk, ngày 17/9/2025 làm rõ thêm chiều cạnh khác của cùng vấn đề nhận thức: Chủ tịch UBND xã Ea R đã ban hành văn bản giải quyết khiếu nại dưới hình thức "Thông báo" thay vì "Quyết định" theo quy định, không tiến hành xác minh, không tổ chức đối thoại, và nội dung trả lời không tương ứng với nội dung người dân khiếu nại (khiếu nại về việc làm mất hồ sơ nộp thuế nhưng lại trả lời về tái định cư). Đây là mô típ cho thấy một bộ phận cán bộ xử lý khiếu nại theo thủ tục đối phó, thiếu hẳn sự hiểu biết và trách nhiệm đối với quyền khiếu nại của người dân như một quyền hiến định.

Hành vi vắng mặt tại Tòa án và sự thiếu nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ xử lý khiếu nại phản ánh một tư duy hành chính cai trị vẫn còn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, một tâm lý chưa thực sự chấp nhận vị thế bình đẳng trước cơ quan xét xử và trách nhiệm giải trình trước người dân. Khi chủ thể phải chịu kiểm soát từ chối tham gia vào chính quy trình kiểm soát, hiệu quả của cơ chế không thể được bảo đảm một cách trọn vẹn. Bên cạnh đó, hệ thống chế tài kỷ luật hành chính và kỷ luật của Đảng hiện nay còn thiếu các quy định cụ thể, đủ sức răn đe đối với người đứng đầu khi không tham gia hoặc cản trở quá trình tổ tụng hành chính, khiến hành vi vi phạm này thường bị xem nhẹ.

2.3.2.2. Hạn chế về mức độ độc lập thực chất của Tòa án trong quá trình xét xử các vụ án hành chính

Cần phân biệt rạch ròi giữa tính độc lập trên luật định và tính độc lập trên thực tiễn. Mặc dù pháp luật đã có những quy định nền tảng, sự độc lập của Tòa án, đặc

biệt là ở cấp tỉnh, vẫn phải đối mặt với những thách thức từ cơ cấu tổ chức quyền lực. Tâm lý "ngại va chạm" với cơ quan hành chính cùng cấp vẫn còn tồn tại trong một bộ phận Thẩm phán. Nguyên nhân của tình trạng này một phần xuất phát từ cơ chế phối hợp liên ngành (Tòa án - Viện kiểm sát - Công an - Cơ quan Thi hành án)²²⁸ và cơ cấu tổ chức Đảng tại địa phương.

Thực tế ở Việt Nam, Thẩm phán phải là Đảng viên và thường chịu áp lực lớn về tâm lý, dễ dẫn đến phán quyết có thể gây thiệt thòi cho người dân²²⁹. Mặc dù ở cấp khu vực tòa án đã tương đối độc lập với chính quyền địa phương nhưng ở cấp tỉnh, sự phụ thuộc vẫn còn. Đảng bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh vẫn nằm trong cơ cấu của Tỉnh ủy. Trong cơ cấu đảng bộ tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh thường chỉ là ủy viên Ban chấp hành đảng bộ tỉnh. Trong khi đó, Chủ tịch UBND tỉnh, người thường là bên bị kiện trong vụ án hành chính, lại là Phó bí thư, ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy. Vị thế về mặt chính trị và trên thực tế của người đứng đầu cơ quan tòa án tỉnh là thấp hơn nhiều so với người đứng đầu cơ quan hành chính cùng cấp²³⁰. Với nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội, cấu trúc thành phần tổ chức đảng cấp tỉnh có thể tạo ra những mối quan hệ ràng buộc và sức ép nhất định, ảnh hưởng đến bản lĩnh và sự độc lập của Thẩm phán khi xét xử các vụ kiện liên quan đến chính quyền địa phương. Điều này càng thể hiện rõ hơn nữa trong một vụ việc hành chính được xét xử ở cấp tỉnh bởi khi đó thẩm phán thụ lý có thể chỉ là một trong số lãnh đạo cấp đơn vị của tòa án nhân dân tỉnh hoặc một thẩm phán bình thường, trong khi bên bị kiện lại có thể chính là Chủ tịch UBND cùng cấp.

Một bất cập trong pháp luật tổ tụng hành chính ảnh hưởng đến tính độc lập trong xét xử là việc Kiểm sát viên được tham gia quá trình tranh tụng tại phiên

²²⁸ Lê Sơn và Lý Dương. (2021). Nghệ An: Ký kết Quy chế phối hợp giải quyết các vụ án hành chính, dân sự, khiếu nại, tố cáo. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/nghe-an-ky-ket-quy-che-phoi-hop-giai-quyet-cac-vu-an-hanh-chinh-dan-su-khieu-nai-to-cau?>

²²⁹ Nguyễn Thị Hà. (2017). Xét xử sơ thẩm VAHC ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. tr.153.

²³⁰ Ví dụ ở Hà Nội: danh sách ban thường vụ Thành ủy Hà nội khoá XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 được bầu ngày 17/10/2025: đồng chí Trần Sỹ Thanh, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội là Phó Bí thư Thành ủy, số lượng các thành viên của UBND TP Hà Nội là thành viên của Ban thường vụ Thành ủy là 11/17 đồng chí. Trong khi Thành ủy là trong khi đó, về phía TAND TP Hà Nội chỉ duy nhất có một đại diện là Chánh án TAND Thành phố Hà Nội nằm trong ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, không có ai tham gia thường vụ Thành ủy.

tòa²³¹. Vai trò của Kiểm sát viên là để bảo đảm tính tuân thủ pháp luật của các chủ thể tố tụng vì vậy việc Kiểm sát viên tham gia quá trình tranh tụng có thể gây nhiễu và ảnh hưởng đến nhận định của Hội đồng xét xử.

2.3.2.3. Hạn chế về mức độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tính hợp lý của thủ tục tố tụng hành chính

Mặc dù số lượng vụ kiện hành chính gia tăng cho thấy người dân ngày càng chủ động hơn trong việc tìm đến Tòa án, quyền tiếp cận công lý của họ vẫn gặp phải những rào cản thủ tục đáng kể. Tình trạng Tòa trả lại đơn khởi kiện không đúng căn cứ pháp luật, do xác định sai đối tượng khởi kiện hoặc áp dụng không thống nhất quy định về thời hiệu, vẫn được Tòa án nhân dân tối cao nhận diện và đưa ra thảo luận tại các hội nghị nghiệp vụ như một vướng mắc phổ biến. Thời hiệu khởi kiện 01 năm theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính được nhiều nghiên cứu và thực tiễn cho là quá ngắn, đặc biệt trong các vụ án đất đai phức tạp khi người dân cần nhiều thời gian thu thập tài liệu và tham vấn pháp lý. Tình trạng trả lại đơn khởi kiện không đúng căn cứ pháp luật liên quan đến việc Thẩm phán nhận định sai về đối tượng khởi kiện, về điều kiện "quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng", hoặc áp dụng sai quy định về thời hiệu vẫn còn xảy ra, gây khó khăn cho việc tiếp cận công lý của người dân²³². Các vấn đề này đã được chính Tòa án nhân dân tối cao nhận diện và đưa ra thảo luận, giải đáp tại các hội nghị nghiệp vụ, cho thấy đây là một vướng mắc phổ biến trong thực tiễn²³³. Ví dụ, bản án số 16/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23/9/2020 ghi nhận: UBND xã V đã từ chối xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai của người khởi kiện với lý do đất thuộc diện quy hoạch theo Quyết định 393/1992 – trong khi thực tế quyết định này chỉ cấp đất cho 13 hộ khác, hoàn toàn không liên quan đến thửa đất của người khởi kiện. Việc áp dụng sai văn bản và quy

²³¹ Luật Tố tụng hành chính 2015, sửa đổi 2019, 2024, 2025. Điều 177, khoản 1, điểm d.

²³² Lê Thị Mơ. (2023). *Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về trả lại đơn khởi kiện trong tố tụng hành chính - Một vài điểm cần hoàn thiện*. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/phiien-hop-xem-xet-giai-quyet-khieu-nai-kiem-nghi-ve-tra-lai-don-khoi-kiem-trong-to-tung-hanh-chinh-mot-vai-diem-can-hoan-thien9236.html>.

²³³ Công văn số 207/TANDTC-PC ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử vụ án hành chính.

kết sai đối tượng để từ chối giải quyết hồ sơ hành chính là hành vi tùy tiện, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người dân và làm mất cơ hội khởi kiện của họ nếu thời hiệu không được tính đúng.

Về thực tiễn cung cấp chứng cứ và đối thoại, tình trạng bên bị kiện chậm cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của Tòa án; các phiên đối thoại diễn ra hình thức, không đạt kết quả thực chất vẫn còn phổ biến. Hai bản án dưới đây minh họa cho biểu hiện điển hình của cùng dạng hạn chế này – cơ quan hành chính từ chối hoặc né tránh thực hiện thủ tục hành chính mà không có căn cứ pháp luật, từ đó cản trở quyền tiếp cận công lý của người dân ngay từ giai đoạn tiền tố tụng. Bản án số 01/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị, ngày 20/9/2025 ghi nhận trường hợp tương tự nhưng ở lĩnh vực đất đai áp dụng Luật mới: người khởi kiện có nguồn gốc đất hợp pháp, sử dụng ổn định không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 138 Luật Đất đai 2024, nhưng UBND phường Q tự cho rằng "đang có tranh chấp" và kéo dài, chậm trễ việc xác nhận hồ sơ, khiến người dân không thể làm thủ tục hành chính. Tòa án tuyên hành vi này trái pháp luật và buộc UBND phường phải xử lý hồ sơ theo đúng quy trình. Đây là ví dụ cho thấy cơ quan hành chính lợi dụng khái niệm "tranh chấp" như một công cụ ngăn chặn việc thụ lý hồ sơ hành chính mà không cần chứng minh căn cứ thực tế.

Việc lạm dụng hoặc áp dụng không thống nhất các quy định về tạm đình chỉ là một trong những nguyên nhân chính gây kéo dài vụ án, làm người dân mệt mỏi và mất niềm tin^{234 235}. Việc đình chỉ giải quyết vụ án không đúng quy định còn làm mất đi quyền tiếp cận công lý của người dân²³⁶.

²³⁴ Lê Thị Mơ. (2021). Bất cập trong quy định của Luật Tố tụng hành chính về quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm và kiến nghị hoàn thiện. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/bat-cap-trong-quy-dinh-cua-luat-to-tung-hanh-chinh-ve-quyet-dinh-tam-dinh-chi-xet-xu-phuc-tham-va-kiem-nghi-hoan-thien>

²³⁵ Giang Hà. (2025). VKSND tỉnh Phú Yên: Hội nghị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giải quyết các vụ án hành chính và các vụ án, vụ việc dân sự tồn đọng. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://kiemsat.vn/vksnd-tinh-phu-yen-hoi-ngh-i-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-viec-giai-quyet-cac-vu-an-hanh-chinh-va-cac-vu-an-vu-viec-dan-su-ton-dong-70333.html>

²³⁶ Huê Minh. (2024). VKSND cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://kiemsat.vn/vksnd-cap-cao-tai-ha-noi-de-ngh-i-chap-nhan-khang-cao-doi-voi-quyet-dinh-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-hanh-chinh-sơ-tham>

Một quy định khác có thể ảnh hưởng đến quyền tiếp cận công lý của người dân là việc Luật Tổ tụng hành chính cho phép Kiểm sát viên có thể vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm trong một số trường hợp²³⁷. Mặc dù Kiểm sát viên không phải là một bên trong quan hệ tranh chấp, nhưng vai trò của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm tính tuân thủ pháp luật của các chủ thể tố tụng, bao gồm cả Hội đồng xét xử, là rất quan trọng. Từ đó làm tiềm ẩn nguy cơ bỏ sót các vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến chất lượng và tính khách quan của các bản án, quyết định của Tòa án.

2.3.2.4. Hạn chế về mức độ chặt chẽ, thuyết phục và chuẩn xác của bản án, quyết định xét xử vụ án hành chính

Chất lượng của bản án, quyết định là thước đo sau cùng phản ánh hiệu quả hoạt động kiểm soát. Thực tiễn cho thấy, chất lượng của một bộ phận không nhỏ các bản án, quyết định hành chính vẫn còn là vấn đề đáng quan ngại, thể hiện qua tỷ lệ án bị hủy, sửa còn ở mức cao và các sai sót, vi phạm được chỉ ra một cách có hệ thống bởi các cơ quan giám sát. Thậm chí, có những bản án không có khả năng thực thi. Ví dụ, bản án hành chính phúc thẩm số 13/2015/HCTPT ngày 26/8/2015, TAND tỉnh Q quyết định: "[...] buộc UBND xã T phải thực hiện hành vi hành chính xác nhận Quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn D". Vào thời điểm bấy giờ, chủ thể có thẩm quyền thực hiện hành vi xác nhận QSDĐ cho ông D là UBND huyện, UBND xã không có thẩm quyền này. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày ban hành nhưng nghĩa vụ mà Tòa yêu cầu vượt quá thẩm quyền thực hiện của người bị kiện nên không thể thi hành trên thực tiễn.

Các số liệu thống kê từ báo cáo của ngành Tòa án cho thấy: trong năm 2024, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 2,75% (do nguyên nhân chủ quan 1,6%); bị sửa là 3,27% (do nguyên nhân chủ quan 1,98%)²³⁸. Tỷ lệ án bị hủy, sửa cao là một chỉ số khách quan cho thấy những sai sót, vi phạm nghiêm trọng trong quá trình xét xử của các Tòa án cấp dưới.

quyet-vu-an-hanh-chinh-so-tham-65436.html

²³⁷ Luật Tổ tụng hành chính 2015, sửa đổi 2019, 2024, 2025. Điều 56 khoản 1.

²³⁸ Báo cáo số 83/BC-TA của Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/10/2024 về công tác của các tòa án tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV

Phân tích hàng loạt các Thông báo rút kinh nghiệm của Viện Kiểm sát (xem trong phần Phụ lục) đã cung cấp những minh chứng cụ thể và sắc bén về các dạng sai sót phổ biến của Tòa án, có thể hệ thống hóa thành các nhóm chính:

- *Nhóm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*: Đây là dạng vi phạm phổ biến hàng đầu, thường xuyên được Viện Kiểm sát chỉ ra. Điển hình là việc không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, đặc biệt trong các vụ án đất đai phức tạp. Thông báo số 25/TB-VKS-HC ngày 19/5/2025 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã phân tích một vụ án mà Tòa án sơ thẩm không xác minh, đưa những người nhận chuyển nhượng đất vào tham gia tố tụng, dẫn đến bản án bị cấp phúc thẩm hủy vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tương tự, Thông báo số 63/TB-VC2-V3 ngày 07/8/2024 cũng chỉ ra việc Tòa án không đưa các cơ quan, tổ chức tôn giáo liên quan vào tham gia tố tụng trong một vụ án đất đai của cơ sở tôn giáo.

- *Nhóm sai lầm trong thu thập và đánh giá chứng cứ*: Đây là dạng vi phạm về nội dung, ảnh hưởng trực tiếp đến tính đúng đắn của phán quyết. Việc thu thập, đánh giá chứng cứ trên thực tế còn nhiều vấn đề. Thông báo số 83/TB-VKS-V3 ngày 30/10/2024 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã phê bình gay gắt việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*chỉ căn cứ vào lời trình bày của người khởi kiện [...] mà không xem xét các tài liệu về quản lý đất đai qua các thời kỳ*". Trong một vụ án khác tại Bình Định, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua kết quả đo đạc thực tế có sự thống nhất của các bên để làm căn cứ giải quyết, dẫn đến việc VKSND cấp cao kháng nghị.

- *Nhóm sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung*: Đây là dạng vi phạm thể hiện trực tiếp năng lực chuyên môn của Thẩm phán. Thông báo số 84/TB-VKSTC ngày 12/4/2025 của VKSND tối cao đã rút kinh nghiệm một vụ án mà Tòa án hai cấp đã áp dụng sai quy định của pháp luật đất đai, dẫn đến công nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện không có căn cứ. Tương tự, VKSND tối cao đã kháng nghị giám đốc thẩm một vụ án mà Tòa án hai cấp đã áp dụng sai chính sách bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

Những hạn chế về chất lượng bản án cho thấy, để cơ chế kiểm soát hành chính thực sự hiệu quả, việc nâng cao năng lực, bản lĩnh và bảo đảm sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật của chính đội ngũ Thẩm phán là một yêu cầu cấp thiết.

2.3.2.5. Hạn chế về mức độ thi hành trên thực tế của bản án, quyết định của Tòa án

Đây có thể được xem là điểm nghẽn lớn nhất và là hạn chế nghiêm trọng nhất của toàn bộ cơ chế kiểm soát hành chính bằng con đường tư pháp. Một phán quyết của Tòa án, dù có chất lượng và thuyết phục đến đâu, cũng sẽ trở nên vô nghĩa nếu không được thi hành trên thực tế. Tình trạng các bản án, quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật nhưng chậm hoặc không được các cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân có thẩm quyền thi hành một cách nghiêm túc vẫn tồn tại kéo dài, làm suy giảm nghiêm trọng hiệu lực của quyền tư pháp.

Theo các báo cáo về công tác thi hành án, tỷ lệ thi hành xong các bản án hành chính còn rất thấp. Trong năm 2023, chỉ có 582 bản án, quyết định đã thi hành xong trên tổng số 1.388 vụ việc có điều kiện thi hành²³⁹. Sang năm 2024, các cơ quan hành chính nhà nước đã thi hành xong 896/1.973 bản án, quyết định (tăng 314 bản án, quyết định so với cùng kỳ năm 2023)²⁴⁰. Điều này có nghĩa là hơn 50% các quyết định, bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật, có điều kiện thi hành nhưng vẫn chưa được các cơ quan hành chính chấp hành. Nguyên nhân của hiện tượng trên xuất phát từ việc thi hành án hành chính phụ thuộc rất lớn vào việc tự nguyện thi hành.

Đáng lưu ý, còn nhiều bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành xong, trong đó có không ít bản án người phải thi hành án là UBND, chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc đã tồn đọng nhiều năm nhưng chưa được tổ chức thi hành dứt điểm. Tồn tại này tập trung ở các địa phương như: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đắk Lắk, Kiên Giang, Phú Yên, Bình

²³⁹ Báo cáo số 545/BC-CP của Chính phủ ngày 12/10/2023 về công tác thi hành án năm 2023.

²⁴⁰ Báo cáo số 01/BC-TCTHADS của Tổng cục Thi hành án dân sự (nay là Cục Quản lý thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp) ngày 03/01/2025 Tổng kết công tác năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu năm 2025 của Tổng cục thi hành án dân sự.

Thuận, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam...²⁴¹ Thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến tháng 9 năm 2025, còn tới 273 bản án chưa thi hành xong, đã buộc lãnh đạo thành phố phải có những chỉ đạo quyết liệt²⁴².

Bản án số 01/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lào Cai, ngày 25/9/2025 làm lộ ra một dạng không thi hành án ở chiều ngược lại – khi cơ quan hành chính thực hiện hành vi thu hồi đất trên thực tế mà không có quyết định pháp lý: cơ quan nhà nước đã san gạt, thi công dự án trên phần đất của gia đình người khởi kiện nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tòa án tuyên rằng hành vi này xâm phạm quyền lợi hợp pháp của công dân. Vụ việc này phản ánh tình trạng lợi dụng kẽ hở pháp lý: thực hiện hành vi gây hậu quả pháp lý mà không thông qua quy trình pháp lý, khiến người dân không thể khởi kiện quyết định hành chính vì quyết định đó không tồn tại trên văn bản, trong khi thiệt hại đã xảy ra. Đây là giới hạn của cơ chế kiểm soát hậu kiểm: khi cơ quan hành chính hành động ngoài quy trình pháp luật, cơ chế kiểm soát thông qua khởi kiện quyết định hành chính trở nên khó vận hành.

Bản chất của vấn đề thi hành án nằm ở chỗ cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào sự tự nguyện của bên phải thi hành, sự đôn đốc của cơ quan hành chính cấp trên và chế tài kỷ luật nội bộ – đều thuộc về hệ thống hành chính tự vận hành. Khi cả ba trụ cột này không phát huy tác dụng, đặc biệt khi người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ chế thi hành án hành chính còn thiếu tính cưỡng chế độc lập, hiệu quả. Đây là khoảng trống căn bản làm cho toàn bộ quá trình kiểm soát trở nên chưa khép kín về hiệu lực pháp lý.²⁴³

²⁴¹ Hương Giang. (2024). Không ít bản án hành chính, người phải thi hành án là chủ tịch UBND tỉnh chưa thi hành... xong. Báo Thanh tra điện tử. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-noi/khong-it-ban-an-hanh-chinh-nguoi-phai-thi-hanh-an-la-chu-tich-ubnd-tinh-chua-thi-hanh-xong-224216.html>

²⁴² Quang Phương. (2025). TP. Hồ Chí Minh: Yêu cầu hoàn thành thi hành án 273 quyết định, bản án hành chính. Đại biểu Nhân dân. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://daibieunhandan.vn/tp-ho-chi-minh-yeu-cau-hoan-thanh-thi-hanh-an-273-quyet-dinh-ban-an-hanh-chinh-10387346.html>.

²⁴³ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. tr.12

2.3.2.6. Hạn chế về mức độ công khai, minh bạch và lan tỏa xã hội của hoạt động xét xử vụ án hành chính

Hiệu ứng lan tỏa tích cực từ việc công khai bản án hành chính hiện nay bị suy giảm đáng kể khi các phán quyết, đặc biệt là các bản án tuyên cơ quan hành chính thua kiện, lại không được thi hành một cách nghiêm túc. Khi người dân chứng kiến rằng ngay cả một bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cũng không thể buộc cơ quan công quyền phải chấp hành, thì niềm tin vào công lý và thượng tôn pháp luật sẽ bị xói mòn. Hiệu ứng lan tỏa lúc này không còn là sự củng cố lòng tin vào pháp luật, mà ngược lại, trở thành sự hoài nghi về tính hiệu quả thực tế của cơ chế khởi kiện hành chính. Thay vì có tác dụng răn đe, phòng ngừa vi phạm, tình trạng này làm giảm sút uy tín của Tòa án và hiệu lực của công lý trong đời sống xã hội.

Một bất cập khác là mức độ công khai, minh bạch và phổ biến thông tin về các vụ án hành chính còn rất hạn chế. Mặc dù hệ thống Tòa án đã triển khai công bố bản án, quyết định hành chính trên Cổng thông tin điện tử, nhưng việc áp dụng chuyển đổi số trong quá trình tố tụng cũng như công bố bản án vẫn còn nhiều hạn chế. Các bản án hành chính được công bố chủ yếu mang tính hình thức, chưa được phân tích, bình luận để làm rõ giá trị pháp lý, thông điệp cải cách hay ý nghĩa trong việc kiểm soát quyền lực hành chính.

Dù hệ thống công bố bản án điện tử đã được triển khai, hiệu ứng lan tỏa thực chất của hoạt động xét xử hành chính đối với nền hành chính công vụ vẫn còn rất hạn chế. Bằng chứng thuyết phục nhất là sự lặp lại của cùng mô típ sai sót ở nhiều địa phương và nhiều lĩnh vực sau khi các bản án tương tự đã được công bố. Khi bản án chỉ được đăng tải mà không được đưa vào hướng dẫn nghiệp vụ hành chính hoặc tài liệu đào tạo cán bộ thì khó có thể tác động đến hành vi ban hành quyết định của các cơ quan hành chính chưa từng là bên bị kiện.

Cơ chế để đưa nội dung pháp lý từ bản án trở thành hướng dẫn hành vi cho cơ quan hành chính và là tài liệu tham chiếu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra hành chính vẫn chưa được thiết lập. Các bài học kinh nghiệm rút ra từ các vụ án hành chính, kể cả trong trường hợp cơ quan hành chính thắng hay thua kiện, chưa được

tổng kết và phổ biến có hệ thống, cũng như chưa được tích hợp vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức. Các sai phạm dẫn đến việc quyết định hành chính bị hủy thường chỉ được xem xét trong phạm vi vụ việc cụ thể, mà ít khi được khai thác như tình huống điển hình để phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo và cải thiện chất lượng hoạt động hành chính nhà nước. Qua nghiên cứu các bản án hành chính mà cơ quan hành chính thua kiện, có thể thấy nhiều sai phạm lặp lại, cho thấy sự thiếu cơ chế học hỏi và rút kinh nghiệm nội bộ.

Ví dụ, bản án số 02/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hải Phòng, ngày 30/9/2025 minh họa cho tính lặp lại của sai sót: quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường bị tuyên hủy vì cơ quan hành chính đã xác định sai nguồn gốc và diện tích đất thực tế của người dân khi lập phương án. Dạng sai sót "định giá bồi thường dựa trên thông tin đất sai thực tế" xuất hiện lặp đi lặp lại trong nhiều bản án khác nhau từ nhiều tỉnh, thành cho thấy các phán quyết tương tự trước đó chưa tạo được hiệu ứng điều chỉnh hành vi trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên toàn quốc. Việc thiếu cơ chế đưa nội dung pháp lý từ bản án vào thực tiễn hành chính (thông qua hướng dẫn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra) chính là nguyên nhân của sự lặp lại này.

2.3.2.7. Hạn chế về mức độ khẳng định vị thế của Tòa án trong giải thích và hoàn thiện pháp luật hành chính

Mặc dù chế định án lệ đã được hình thành và phát triển, nhưng vị thế của Tòa án với tư cách là cơ quan giải thích pháp luật vẫn còn những hạn chế.

Thứ nhất, số lượng án lệ hành chính được ban hành còn khá ít ỏi²⁴⁴ so với sự phức tạp và đa dạng của các tranh chấp hành chính trong thực tiễn. Nhiều vấn đề pháp lý vướng mắc, có nhận thức chưa thống nhất trong các Tòa án địa phương nhưng vẫn chưa được giải đáp kịp thời thông qua án lệ hoặc các văn bản hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các án lệ hành chính cũng không có khả năng tác động đến các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà

²⁴⁴ Chỉ có 04 án lệ hành chính trên tổng số 72 án lệ tính đến thời điểm cuối năm 2025

nước.²⁴⁵ Minh chứng rõ nét cho hạn chế này là sự tồn tại song song của nhiều bản án có kết quả khác nhau về cùng vấn đề pháp lý "hành vi hành chính không thực hiện nhiệm vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất": trong khi Bản án số 01/2023/HC-ST tại Hải Dương tuyên rõ lý do thiếu cán bộ địa chính là không đủ cơ sở pháp luật để từ chối; Bản án số 03/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương buộc UBND phường lập thủ tục cấp giấy chứng nhận sau khi đã từ chối giải quyết trái luật; Bản án số 01/2025/HC-ST tại Tây Ninh xử lý hành vi từ chối với lý do đang rà soát, nhưng lại không có một án lệ nào xác lập chuẩn mực thống nhất về điều kiện và giới hạn của quyền từ chối thụ lý hồ sơ hành chính. Tình trạng này dẫn đến cách áp dụng pháp luật thiếu nhất quán giữa các Tòa án, làm giảm tính dự đoán được và tính uy tín của hệ thống tư pháp hành chính, đồng thời để các cơ quan hành chính tiếp tục lợi dụng sự không rõ ràng này.

Thứ hai, vai trò giải thích pháp luật của Tòa án đôi khi vẫn bị thách thức bởi các văn bản dưới luật hoặc các công văn hướng dẫn của chính các cơ quan hành chính. Một bài viết đã phân tích về trường hợp áp dụng một công văn của Bộ Nội vụ có thể dẫn đến cách hiểu khác với quan điểm của Tòa án về thẩm quyền xét xử, cho thấy sự thiếu thống nhất trong hệ thống giải thích pháp luật²⁴⁶. Khi các cơ quan hành chính vẫn có xu hướng tự mình giải thích pháp luật theo hướng có lợi cho hoạt động quản lý, vị thế của Tòa án với tư cách là người phán xử và giải thích pháp luật cuối cùng sẽ bị ảnh hưởng. Điều này đòi hỏi một sự khẳng định mạnh mẽ hơn nữa về vai trò của quyền tư pháp trong việc bảo đảm tính tối cao của pháp luật.

Tổng hợp các hạn chế trên cho thấy hiệu quả của cơ chế kiểm soát hiện nay chưa thực sự trọn vẹn, trong khi chính quá trình kiểm soát ở giữa (xét xử và chất lượng bản án) cũng còn nhiều bất cập.

²⁴⁵ Khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024 (sửa đổi 2025) quy định: Án lệ [...] áp dụng trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc.

²⁴⁶ Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. (2022). Về việc áp dụng Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 5/11/2019 của Bộ Nội vụ và vấn đề phạm vi thẩm quyền của Tòa án trong việc xét xử vụ án hành chính.

2.3.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

2.3.3.1. Nguyên nhân về thể chế và mô hình tổ chức thực hiện quyền tư pháp

Nguyên nhân sâu xa và mang tính hệ thống nhất của các hạn chế, đặc biệt là hạn chế về tính độc lập trên thực tế của Tòa án và hiệu lực thi hành án, xuất phát từ đặc thù của mô hình tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam là "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát" (Điều 2 Hiến pháp 2013, sửa đổi 2025). Về mặt lý thuyết, kiểm soát là một thành tố ngang hàng với phân công và phối hợp. Tuy nhiên, trong thực tiễn vận hành, đặc biệt là ở cấp địa phương, yếu tố phối hợp giữa các cơ quan nhà nước để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng đôi khi được đề cao hơn yêu cầu kiểm soát độc lập của cơ quan tư pháp đối với cơ quan hành chính.

Mô hình này tạo ra một mối quan hệ phức hợp. Tòa án địa phương, dù độc lập về mặt xét xử theo quy định của Hiến pháp và luật, vẫn là một bộ phận trong hệ thống chính trị tại địa phương, chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp. Các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giải quyết các vụ án hành chính, hay việc ký kết các quy chế phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát và Ủy ban nhân dân²⁴⁷ là những biểu hiện cụ thể của mối quan hệ này. Mặc dù gần đây, việc thành lập Tòa án nhân dân khu vực, độc lập với cấp chính quyền địa phương, có thẩm quyền xét xử sơ thẩm toàn bộ các vụ án hành chính, đã đem đến hy vọng cho việc cải thiện tình trạng này²⁴⁸. Tuy nhiên, với cơ cấu chính trị tại TAND cấp tỉnh, sự liên hệ về cấp ủy Đảng vẫn tồn tại. Trong bối cảnh đó, khi xét xử một vụ án mà người bị kiện là Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân²⁴⁹ – cơ quan hành chính, đồng thời là một người có ảnh hưởng quyền lực chính

²⁴⁷ Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. (2021). Nghệ An: Ký kết Quy chế phối hợp giải quyết các vụ án hành chính, dân sự, khiếu nại, tố cáo.

²⁴⁸ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 27/06/2025 Thành lập TAND cấp Tỉnh, TAND khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của TAND cấp tỉnh, TAND khu vực.

²⁴⁹ Thành Chung. (2022). "Chủ tịch Hà Nội vắng mặt 100% tại các phiên tòa hành chính, phiên đối thoại trong 3 năm". Báo Tuổi trẻ. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ <https://tuoitre.vn/chu-tich-ha-noi-vang-mat-trong-3-nam>.

trị - hành chính tại địa phương – Thẩm phán và Hội đồng xét xử không tránh khỏi những áp lực nhất định. Áp lực này không nhất thiết phải là sự can thiệp trực tiếp, mà có thể là tâm lý ngại va chạm, sự nể nang trong quan hệ công tác, hoặc sự cân nhắc đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương mà quyết định hành chính bị kiện đang hướng tới. Đây chính là nguyên nhân gốc rễ của sự hạn chế về tính độc lập trên thực tế của Tòa án, dù độc lập trên pháp luật đã được ghi nhận.²⁵⁰

Tương tự, mô hình này cũng là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thi hành án hành chính kém hiệu quả. Việc thiếu một cơ chế có đủ quyền lực để cưỡng chế thi hành phán quyết của Tòa án đối với cơ quan hành chính trở thành một khoảng trống thiết chế²⁵¹. Cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào sự tự giác và sự đôn đốc của cơ quan hành chính cấp trên đối với cấp dưới, nhưng khi sự trì hoãn, không thi hành đến từ chính cơ quan hành chính cấp tỉnh, cơ chế này gần như bị vô hiệu hóa.²⁵²

2.3.3.2. Nguyên nhân về văn hóa pháp lý và nhận thức công vụ

Bên cạnh nguyên nhân về thể chế, những hạn chế của hoạt động xét xử hành chính còn bắt nguồn sâu xa từ văn hóa pháp lý và nhận thức công vụ vốn đã tồn tại lâu đời. Tư duy hành chính cai trị hay tâm lý cửa trên vẫn còn ảnh hưởng nặng nề đến một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, khiến họ khó chấp nhận vị thế bình đẳng trước Tòa án²⁵³.

Nguyên nhân này lý giải trực tiếp cho hai hạn chế lớn đã được ghi nhận: (1) Tình trạng đại diện Ủy ban nhân dân vắng mặt tại Tòa án²⁵⁴ và (2) Tỷ lệ hơn 50%

100-tai-cac-phien-toa-hanh-chinh-phien-doi-thoi-trong-3-nam-20221003083319824.htm

²⁵⁰ Nguyễn Thị Hà. (2017). *Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. tr.159

²⁵¹ Theo ông Hoàng Văn Hùng, Ủy viên Ủy ban Tư pháp, trong quá trình giám sát việc chấp hành pháp luật của chính quyền trong giải quyết vụ án hành chính, có bí thư một thành phố tuyên bố: Tôi còn làm bí thư thì tôi chưa chấp hành bản án này. "Đó là một sự thách thức mà nếu Chính phủ không có giải pháp triệt để, không làm mạnh thì không ổn", ông Hùng nói thẳng. Truy cập ngày 25/10/2025 bài viết tại: <https://thanhnien.vn/toi-con-lam-bi-thu-thi-toi-chua-chap-hanh-ban-an-nay-185783224.htm>

²⁵² Vũ Quang Huy. (2023). Giải quyết án kiện hành chính rất cần sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của người bị kiện. Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ: <https://vksndtc.gov.vn/tintuc/Pages/lists.aspx?ItemID=233&Page=10>

²⁵³ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. tr.12.

²⁵⁴ Huế Minh. (2023). Bộ Tư pháp đề nghị Chủ tịch UBND các tỉnh chấn chỉnh tình trạng không tham gia tố tụng trong vụ án hành chính. Tạp chí điện tử Kiểm sát Online. Truy cập ngày 25/10/2025 tại địa chỉ:

bản án hành chính có hiệu lực không được thi hành xong²⁵⁵. Hành vi không đến Tòa hoặc không thi hành bản án không chỉ là sự thiếu tuân thủ pháp luật, mà còn là biểu hiện của một nhận thức công vụ chưa theo kịp yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Trong nhận thức đó, cơ quan hành chính là chủ thể quản lý, ban phát, còn người dân là đối tượng bị quản lý. Việc bị người dân kiện và phải ra trước Tòa án để bị phán xét là một điều khó chấp nhận, ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền.

Chính vì nhận thức này chưa được thay đổi triệt để, nên dù pháp luật đã quy định rõ nghĩa vụ tham gia tố tụng và chấp hành bản án, nhiều cơ quan, cá nhân vẫn tìm cách né tránh. Việc Chính phủ, Bộ Tư pháp liên tục phải ban hành các chỉ thị, công văn yêu cầu chấn chỉnh tình trạng này cho thấy đây là một vấn đề về nhận thức mang tính hệ thống, cần một quá trình chuyển đổi lâu dài về văn hóa công vụ, từ nền hành chính cai trị sang nền hành chính phục vụ và chịu trách nhiệm giải trình.

2.3.3.3. Nguyên nhân từ những bất cập trong quy định pháp luật tố tụng hành chính và cơ chế thực thi

Những khoảng trống và điểm yếu trong chính hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các hạn chế, đặc biệt là tình trạng thi hành án hành chính kém hiệu quả và những rào cản trong việc tiếp cận công lý.

Nguyên nhân pháp lý dẫn đến sự bế tắc trong THAHC là việc chưa có một cơ chế cưỡng chế thi hành án thực sự hữu hiệu và độc lập. Mặc dù pháp luật đã có Nghị định số 71/2016/NĐ-CP, nhưng cơ chế hiện hành vẫn chủ yếu dựa vào ba trụ cột: (1) sự tự nguyện thi hành của chính cơ quan hành chính; (2) sự đôn đốc của cơ quan hành chính cấp trên đối với cấp dưới; và (3) chế tài xử lý kỷ luật nội bộ đối với cán bộ, công chức không thi hành án²⁵⁶. Về bản chất, đây là một cơ chế hành chính tự thi hành và hành chính tự xử lý. Cơ chế này bộc lộ sự thiếu hiệu quả khi người phải thi hành án trì hoãn, không tự nguyện, đặc biệt là khi người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bởi lúc này cơ chế cấp trên đôn đốc cấp dưới gần như không còn tác dụng.

<https://kiemsat.vn/bo-tu-phap-de-nghi-chu-tich-ubnd-cac-tinh-chan-chinh-tinh-trang-khong-tham-gia-to-tung-trong-vu-an-hanh-chinh-65161.html>

²⁵⁵ Xem các Báo cáo về tình hình Thi hành án của Tổng cục Thi hành án dân sự (nay là Cục Quản lý thi hành án dân sự) đã được trích dẫn ở trên.

²⁵⁶ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn. Luận án Tiến sĩ Luật học, tr.12

Pháp luật hiện hành không quy định một cơ quan độc lập có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế vật chất (tương tự như Chấp hành viên trong thi hành án dân sự) để buộc cơ quan hành chính phải thực thi phán quyết. Việc thiếu vắng một thiết chế có quyền lực thực tế để cưỡng chế đã khiến cho quyết định buộc thi hành án của Tòa án (Điều 312 Luật Tổ tụng hành chính) trong nhiều trường hợp chỉ mang tính hình thức. Các quy định về quyết định buộc thi hành án cần được hoàn thiện hơn, thậm chí là xây dựng một mô hình cơ quan chuyên trách về THAHC để nâng cao hiệu quả của giai đoạn cuối cùng của quá trình kiểm soát.

Ngoài ra, một số quy định trong pháp luật tố tụng cũng là nguyên nhân gây ra những hạn chế trong thực tiễn. Quy định về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện bị nhiều quan điểm cho là chưa thực sự phù hợp, có thể trở thành rào cản đối với quyền tiếp cận công lý của người dân, đặc biệt là những người ở vùng sâu, vùng xa, trình độ dân trí còn hạn chế. Các quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án đôi khi còn cứng nhắc, chưa tạo điều kiện tối đa cho người khởi kiện²⁵⁷, hay các quy định về thủ tục phiên họp phúc thẩm xét kháng cáo quyết định đình chỉ còn có những điểm chưa rõ ràng, gây khó khăn cho Tòa án cấp trên.²⁵⁸

2.3.3.4. Nguyên nhân từ năng lực và điều kiện bảo đảm cho hoạt động xét xử

Cuối cùng, không thể không kể đến các nguyên nhân xuất phát từ chính nguồn lực và yếu tố con người trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Chất lượng của hoạt động kiểm soát phụ thuộc trực tiếp vào năng lực, bản lĩnh và sự miễn cưỡng của đội ngũ nhân sự ngành Tòa án – những người trực tiếp vận hành cơ chế.

Áp lực công việc là một nguyên nhân khách quan. Như số liệu đã phân tích, lượng án hành chính thụ lý ngày càng tăng, trong khi biên chế của ngành Tòa án chỉ có hạn. Việc một Thẩm phán phải xử lý đồng thời nhiều vụ án phức tạp có thể dẫn đến tình trạng quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu hồ sơ, xét xử và ra phán quyết.

²⁵⁷ Nguyễn Tuyết. (2019). Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do thụ lý vụ án hành chính không đúng quy định của pháp luật. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://kiemsat.vn/toa-an-ra-quyet-dinh-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-do-thu-ly-vu-an-hanh-chinh-khong-dung-quy-dinh-cua-phap-luat-56082.html>

²⁵⁸ Lê Thị Mơ. (2023). Phiên họp xem xét kháng cáo quá hạn trong tố tụng hành chính. Tạp chí Điện tử Kiểm sát. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://kiemsat.vn/phien-hop-xem-xet-khang-cao-qua-han-trong-to-tung-hanh-chinh-65592.html>

Tính chất phức tạp của các vụ án hành chính cũng là một thách thức lớn. Các vụ án, đặc biệt là án đất đai, thường có hồ sơ đồ sộ, liên quan đến lịch sử quản lý đất đai qua nhiều thời kỳ với các quy định pháp luật thay đổi liên tục, đòi hỏi Thẩm phán và Kiểm sát viên không chỉ vững về luật tố tụng mà còn phải có kiến thức chuyên sâu đa ngành. Chất lượng bản án chưa cao thể hiện qua tỷ lệ án bị hủy, sửa và các sai sót được Viện Kiểm sát chỉ ra một cách có hệ thống trong các thông báo rút kinh nghiệm (về xác định sai tư cách đương sự, đánh giá chứng cứ phiến diện, áp dụng sai pháp luật nội dung), chính là hệ quả trực tiếp của các nguyên nhân này. Luận án chuyên sâu về chứng cứ trong TTHC cũng chỉ ra những khó khăn và sai sót trong hoạt động chứng minh tại Tòa, phản ánh những thách thức về năng lực của các chủ thể tiến hành tố tụng.

Bên cạnh đó, bản lĩnh nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức ngành Tòa án cũng là một yếu tố cần được xem xét. Như đã phân tích ở trên, tâm lý ngại va chạm khi phải đối diện và phán quyết về tính hợp pháp của hoạt động hành chính nhà nước là một rào cản tâm lý đáng lo ngại. Việc nâng cao đồng đều không chỉ về năng lực chuyên môn mà còn cả về bản lĩnh chính trị, sự dũng cảm bảo vệ công lý cho đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên trên cả nước vẫn là một bài toán lớn, đòi hỏi sự quan tâm đầu tư trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và giám sát của ngành.

Tóm lại, những hạn chế của cơ chế kiểm soát hành chính qua xét xử tại Việt Nam là kết quả tổng hòa của nhiều nhóm nguyên nhân có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Đó là sự chưa triệt để trong việc thực thi nguyên tắc kiểm soát quyền lực trong thực tiễn (nguyên nhân thể chế), là tư duy hành chính cai trị còn tồn tại (nguyên nhân văn hóa - nhận thức), là việc chưa có một cơ chế cưỡng chế thi hành án hiệu quả (nguyên nhân pháp luật), và là những thách thức về năng lực, bản lĩnh của chính đội ngũ thực thi công vụ tư pháp (nguyên nhân con người). Việc nhận diện rõ các nguyên nhân này là tiền đề khoa học để đề xuất các nhóm giải pháp toàn diện và khả thi nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quan trọng này trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Các phát hiện ở Chương 2 cho phép khẳng định:

Về mặt lập pháp, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (và các bản sửa đổi) đã phát huy vai trò trong việc tạo ra hành lang pháp lý tiến bộ, cởi mở hơn, góp phần nâng cao vị thế của Tòa án trong cấu trúc quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn những điểm nghẽn pháp lý đang ảnh hưởng tới hiệu quả kiểm soát, cụ thể là: thẩm quyền xét xử của Tòa án vẫn còn bị giới hạn; cơ chế thi hành án hành chính còn thiếu tính cưỡng chế đủ mạnh; các quy định về đối thoại, tranh tụng tại phiên tòa trong nhiều trường hợp vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực chất.

Về mặt thực tiễn, Tòa án đã thể hiện sự nỗ lực trong việc thụ lý và giải quyết số lượng án hành chính ngày càng tăng với tính chất ngày càng phức tạp. Chất lượng tranh tụng được cải thiện, nhiều phán quyết đã hủy bỏ các quyết định hành chính trái luật, qua đó bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Mặc dù vậy, những hạn chế đáng lo ngại vẫn tồn tại như: tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán chưa giảm sâu; tâm lý nể nang, ngại va chạm với chính quyền địa phương vẫn còn hiện hữu trong đội ngũ Thẩm phán; và đặc biệt là tình trạng bản án đã tuyên nhưng không được thi hành còn phổ biến, làm giảm sút niềm tin vào công lý.

Từ việc phân tích và chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế trên đã cho thấy sự cấp thiết, đòi hỏi phải có những giải pháp đổi mới mang tính đột phá và đồng bộ.

CHƯƠNG 3.

QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Quan điểm và phương hướng nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Bước vào giai đoạn phát triển mới, với mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước. Trong bối cảnh đó, việc xác lập các phương hướng đúng đắn, có tầm nhìn chiến lược, bám sát các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước là yêu cầu có tính tiên quyết, làm định hướng cho việc xây dựng các kiến nghị, giải pháp phù hợp, khả thi. Dựa vào các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị và các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, có thể xác định ba phương hướng chỉ đạo trọng tâm sau đây:

3.1.1. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, liêm chính, phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân

Đây là phương hướng có tính chất nền tảng, xác lập vai trò trung tâm và các yêu cầu có tính toàn diện đối với hệ thống tư pháp trong tổng thể chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phương hướng này, được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong Nghị quyết số 27-NQ/TW, khẳng định rằng, để có thể thực thi hiệu quả việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, bản thân hệ thống Tòa án phải được xây dựng vững mạnh từ bên trong, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về năng lực, phẩm chất và cơ chế vận hành. Phương hướng này đòi hỏi:

Thứ nhất, phải hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế bảo đảm cho Tòa án thực thi đầy đủ quyền tư pháp, mà trọng tâm là bảo đảm tính độc lập trong khuôn khổ quyền lực nhà nước thống nhất. Cụ thể, Nghị quyết 27 yêu cầu: "hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Ở Việt Nam, tính độc lập của Tòa án không hàm nghĩa một sự đối trọng quyền lực theo mô hình tam quyền phân lập, mà là một điều kiện cần để Tòa án thực hiện tốt chức năng kiểm soát bên trong khối quyền lực nhà nước thống nhất. Kiểm soát là một chức năng hiến định, một phương thức phòng ngừa sự tha hóa của quyền lực. Do đó, việc bảo đảm độc lập cho Tòa án giúp củng cố sức mạnh quyền lực nhà nước. Việc thể chế hóa một cơ chế hữu hiệu để nhận diện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi can thiệp sẽ giúp bảo vệ Thẩm phán khi bảo vệ pháp luật, công lý và lẽ phải.

Thứ hai, cần có một sự đổi mới căn bản trong mô hình tố tụng, lấy xét xử là trung tâm và tranh tụng là đột phá, nhằm nâng cao chất lượng và tính dân chủ của hoạt động tư pháp. Yêu cầu này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tố tụng hành chính, đòi hỏi phải vượt qua tư duy tố tụng mang nặng tính chất "xét hỏi", vốn dễ bị ảnh hưởng bởi tư duy hành chính cai trị, thay vào đó là đề cao vai trò của một phiên tòa tranh tụng thực chất. Tại đó, các bên (người khởi kiện và người bị kiện là cơ quan công quyền) có cơ hội bình đẳng trong việc trình bày chứng cứ, lập luận để thuyết phục Hội đồng xét xử. Một phiên tòa tranh tụng, dân chủ sẽ là cách thức hiệu quả nhất để làm sáng tỏ bản chất của các quyết định hành chính, hành vi hành chính, buộc cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm giải trình một cách minh bạch, sòng phẳng, tạo nên hiệu quả kiểm soát.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp tòa án là quan hệ hành chính và phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm là những yêu cầu có tính hệ thống. Việc loại bỏ quan hệ hành chính giữa các cấp Tòa án sẽ củng cố tính độc lập của Thẩm phán ở cấp dưới. Quan trọng hơn, việc mở rộng thẩm quyền cho Tòa án sẽ nâng cao đáng kể vai trò và hiệu lực của cơ chế kiểm soát tư pháp.

Thứ tư, cần nhìn nhận cải cách tư pháp trong một tổng thể thống nhất, bao gồm cả việc hoàn thiện các thiết chế hỗ trợ và thi hành án. Các định hướng về hoàn thiện thể chế luật sư công và nâng cao hiệu quả thi hành án là những yếu tố hỗ trợ cho việc bảo đảm hiệu quả kiểm soát này. Đặc biệt, yêu cầu "hoàn thiện cơ chế nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành án dân sự, hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí" chính là yêu cầu trực tiếp và quyết định để giải quyết "điểm nghẽn" lớn nhất của tài phán hành chính hiện nay.

3.1.2. Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước hướng tới kiến tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh xây dựng mô hình "Nhà nước kiến tạo phát triển", vai trò của xét xử các vụ án hành chính càng trở nên quan trọng, không chỉ là cơ quan bảo vệ quyền lợi khi bị xâm phạm, mà còn là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm một môi trường pháp lý ổn định, có thể dự báo và công bằng.

Cơ sở của phương hướng này được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, đồng thời chỉ ra các rào cản về thể chế và môi trường kinh doanh đang kìm hãm sự phát triển. Yêu cầu "bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng" mà Nghị quyết 68 đặt ra một nhiệm vụ trực tiếp cho quản lý nhà nước. Một bản án hành chính công minh, khách quan và có khả năng buộc các cơ quan hành chính phải thi hành là minh chứng pháp lý đáng tin cậy nhất cho quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp trước các quyết định hành chính tùy tiện. Khi nhà đầu tư tin rằng các rủi ro pháp lý từ phía cơ quan công quyền có thể được giải quyết một cách công bằng tại Tòa án, họ sẽ yên tâm đầu tư dài hạn. Điều này trực tiếp giải quyết tâm lý e ngại, bất an của khu vực tư nhân khi phải đối mặt với một nền hành chính còn những biểu hiện quan liêu, thiếu minh bạch.

Mối quan hệ giữa kiểm soát quyền lực và kiến tạo phát triển không phải là mối quan hệ đối lập, mà là quan hệ biện chứng, tương hỗ. Trong bối cảnh Nhà nước kiến

tạo phát triển, việc thiết lập một cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả không chỉ là yêu cầu để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực mà còn là yếu tố sống còn bảo đảm cho sự phát triển bền vững²⁵⁹. Một Nhà nước kiến tạo không có nghĩa là một nhà nước can thiệp tùy tiện, mà là một nhà nước tạo ra khung khổ pháp lý minh bạch, ổn định. Xét xử các vụ án hành chính góp phần vạch ra ranh giới cho hoạt động công vụ, đảm bảo sự kiến tạo của nền hành chính phải nằm trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ cạnh tranh lành mạnh và chống lại lợi ích nhóm.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã chỉ ra hạn chế của hệ thống pháp luật là "còn có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút và khơi thông nguồn lực đầu tư". Xét xử các vụ án hành chính có một vị thế đặc biệt để phát hiện ra những "điểm nghẽn thể chế" này. Thông qua việc giải thích pháp luật, phát triển án lệ và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật, Tòa án không chỉ giải quyết một vụ việc đơn lẻ mà còn góp phần làm cho hệ thống pháp luật trở nên minh bạch, nhất quán và thực sự "kiến tạo phát triển". Vai trò này vượt xa chức năng truyền thống, biến Tòa án thành một chủ thể "kiến tạo công lý" và hoàn thiện chính sách quan trọng.

3.1.3. Hiện đại hóa cách thức kiểm soát, nâng cao năng lực xét xử để giải quyết hiệu quả các tranh chấp phát sinh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia

Đây là định hướng có tính thời đại, đòi hỏi việc xét xử các vụ án hành chính phải có chuyển biến mạnh mẽ để không bị tụt hậu, thậm chí phải đi trước một bước, nhằm đáp ứng và giải quyết hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh từ sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ và quá trình chuyển đổi số. Hoạt động kiểm soát hành chính không còn có thể bó hẹp trong các lĩnh vực truyền thống, mà phải vươn tới những không gian quản trị mới, phức tạp và phi truyền thống.

²⁵⁹ Vũ Lê Minh. (2025). Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước hiệu quả trong bối cảnh pháp luật "kiến tạo phát triển": Thách thức và giải pháp. Tạp chí Điện tử Pháp lý. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://phaply.net.vn/xay-dung-co-che-giam-sat-va-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-hieu-qua-trong-boi-canhh-phap-luat-kien-tao-phat-trien-thach-thuc-va-giai-phap-a260502.html>

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu phải có thể chế, chính sách vượt trội để thúc đẩy các lĩnh vực này. Sự phát triển của kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối... tất yếu sẽ dẫn đến các tranh chấp hành chính thể hệ mới liên quan đến: quản lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân, cấp phép cho các mô hình kinh doanh trên nền tảng số, xử lý vi phạm trên không gian mạng, sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm của AI... Những vụ việc này đòi hỏi đội ngũ Thẩm phán không chỉ vững vàng về pháp lý mà còn phải có kiến thức chuyên sâu về công nghệ, kinh tế và các thông lệ quốc tế. Do đó, việc nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ Thẩm phán hành chính để có thể giải quyết các vụ việc phức tạp này một cách công bằng, thuyết phục là một yêu cầu quan trọng.

Mặt khác, định hướng này cũng đòi hỏi chính hệ thống Tòa án phải là một chủ thể tiên phong trong chuyển đổi số. Tinh thần của Nghị quyết 27-NQ/TW về xây dựng "nền tư pháp hiện đại" và các mục tiêu trong Dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV về "xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" đặt ra yêu cầu phải đẩy nhanh tiến trình xây dựng Tòa án điện tử. Việc số hóa hồ sơ, xét xử trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý án, tra cứu án lệ... sẽ giúp nâng cao đáng kể tính minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và quan trọng nhất là tăng cường khả năng tiếp cận công lý cho cá nhân, tổ chức. Một Tòa án hiện đại sẽ giảm thiểu các rào cản về địa lý và thủ tục, qua đó khuyến khích người dân sử dụng quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình một cách hiệu quả hơn. Hiện đại hóa cách thức kiểm soát không chỉ là việc trang bị công nghệ, mà còn là sự thay đổi trong tư duy và năng lực của đội ngũ Thẩm phán và cán bộ Tòa án, đảm bảo nền tư pháp có khả năng đưa ra những phán quyết công minh đối với những vấn đề phức tạp nhất của đời sống kinh tế - xã hội đương đại.

3.2. Các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam

Hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra với một nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hệ quả này xuất phát từ nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, đến thể chế tổ chức quyền tư pháp, các quy định pháp luật tố tụng và năng lực xét xử, cho đến khâu cuối cùng là thi hành án hành chính. Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính đòi hỏi sự phối hợp giữa Tòa án, cơ quan hành chính, các bên đương sự, cơ quan kiểm sát, đội ngũ luật sư và xã hội nói chung; vì vậy, các nhóm giải pháp cần được xây dựng một cách đồng bộ, không chỉ đề xuất giải pháp cải thiện năng lực của Tòa án, mà còn đề xuất những thay đổi về cơ cấu thể chế, về quy định pháp luật tố tụng và về cơ chế thi hành án nhằm tạo ra một môi trường tổng thể thuận lợi cho hoạt động kiểm soát tư pháp phát huy hiệu quả đầy đủ.

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính

Xét về tính chất, đây là nhóm giải pháp nền tảng, có mức độ ưu tiên cao nhất và mang tính đột phá, do trực tiếp xử lý nguyên nhân thể chế được xác định là sâu xa nhất tại Chương 2; nhóm này kết hợp giải pháp trước mắt (chuyên môn hóa Tòa hành chính) với giải pháp căn cơ, lâu dài (tổ chức đảng theo ngành dọc, cơ chế bảo vệ Thẩm phán) và được triển khai theo lộ trình có bước thí điểm. Điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án là điều kiện trung tâm, có tính quyết định đến toàn bộ hiệu quả của cơ chế kiểm soát. Thiếu điều kiện này, mọi quy định tố tụng hoàn hảo đến đâu cũng sẽ không tạo ra phán quyết khách quan, và do đó, chức năng kiểm soát của Tòa án sẽ chỉ tồn tại trên danh nghĩa.²⁶⁰

3.2.1.1. Đổi mới nhận thức của các chủ thể lãnh đạo, quản lý về vai trò của xét xử hành chính

Cơ sở lý luận của giải pháp này xuất phát từ điều kiện đầu tiên trong số bốn nhóm điều kiện bảo đảm hiệu quả kiểm soát, được xác lập tại mục 1.3.2.1. Trong mô hình tổ chức quyền lực nhà nước của Việt Nam, nơi Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn diện và quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất có phân công, phối hợp, kiểm soát, nhận thức của đội ngũ lãnh đạo về vai trò và vị thế của xét xử hành chính là yếu tố tiên quyết.

²⁶⁰Tô Văn Hòa. (2007). Tính độc lập của Tòa án: Nghiên cứu Pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam. NXB Lao động.

Cơ sở thực tiễn cho giải pháp này được phân tích tại Chương 2: nhận thức ở cấp độ hoạch định chính sách và hành vi thực tế của cán bộ, công chức tại nhiều địa phương không thực sự đồng nhất. Trong tổng số vụ án hành chính đã được giải quyết, có những trường hợp người bị kiện vắng mặt không có ủy quyền tham gia tố tụng hợp lệ, chiếm tỷ lệ đáng kể theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án²⁶¹. Tỷ lệ thi hành án hành chính chưa đến ngưỡng 50% phản ánh một tư duy hành chính cai trị vẫn còn tồn tại sâu rễ bền gốc trong một bộ phận cán bộ, công chức.²⁶²

Nguyên tắc không can thiệp vào hoạt động tư pháp là một giá trị phổ quát của nhà nước pháp quyền. Các văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng như Các nguyên tắc cơ bản của Liên Hợp Quốc về tính độc lập của Tư pháp ban hành năm 1985 đã nêu rõ tại Nguyên tắc 4 rằng sẽ không có bất kỳ sự can thiệp không phù hợp hoặc không chính đáng nào vào quy trình xét xử²⁶³. Nghị quyết số 27-NQ/TW cũng khẳng định yêu cầu hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp²⁶⁴.

Nội dung cốt lõi của giải pháp bao gồm: tái khẳng định và làm sâu sắc hơn nhận thức về bản chất và vai trò của xét xử hành chính như một kênh phản hồi thể chế hóa; thiết lập ranh giới và nghiêm cấm tuyệt đối các cấp ủy, tổ chức đảng can thiệp vào quá trình thụ lý, xét xử và thi hành án đối với các vụ án cụ thể; và gắn trách nhiệm chính trị của người đứng đầu với kết quả chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính. Mọi hành vi xin ý kiến, báo cáo án với cấp ủy về một vụ việc cụ thể phải bị xác định là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc độc lập xét xử.

²⁶¹Báo cáo số 83/BC-TA ngày 10/10/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.

²⁶²Huế Minh. (2023). Bộ Tư pháp đề nghị Chủ tịch UBND các tỉnh chấn chỉnh tình trạng không tham gia tố tụng trong vụ án hành chính. Tạp chí điện tử Kiểm sát Online. Xem thêm Công văn số 371/BTP-TCTHADS ngày 08/02/2023.

²⁶³United Nations. (1985). Basic Principles on the Independence of the Judiciary [Các nguyên tắc cơ bản của Liên Hợp Quốc về tính độc lập của hệ thống tư pháp], Principle 4: "There shall not be any inappropriate or unwarranted interference with the judicial process." Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/basic-principles-independence-judiciary>

²⁶⁴Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Luận án đề xuất Bộ Chính trị nghiên cứu ban hành một Chỉ thị chuyên đề mới về *"Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính trong giai đoạn mới"*, với các nội dung trọng tâm như sau. Một là, tái khẳng định và làm sâu sắc thêm nhận thức về vai trò của xét xử hành chính, nhấn mạnh rằng đây không phải là hoạt động đối đầu hay làm khó chính quyền, mà là hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước mang tính tất yếu khách quan trong nhà nước pháp quyền; việc một cơ quan hành chính bị kiện và thua kiện là biểu hiện bình thường của một nền hành chính dân chủ, minh bạch, chứ không phải là thất bại hay yếu kém cần che giấu. Hai là, xác lập bốn ranh giới của sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử hành chính: (i) lãnh đạo thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, chiến lược cải cách tư pháp; (ii) lãnh đạo thông qua công tác cán bộ, bảo đảm lựa chọn, bổ nhiệm những Thẩm phán có đủ phẩm chất, năng lực; (iii) lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật của các tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan tư pháp; và (iv) lãnh đạo thông qua việc tổ chức đảng gương mẫu tuân thủ pháp luật. Nghiêm cấm tuyệt đối các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy dưới mọi hình thức can thiệp vào quá trình thụ lý, xét xử và thi hành án đối với các vụ án cụ thể; mọi hành vi xin ý kiến, báo cáo án với cấp ủy về các vụ việc cụ thể phải bị xem là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc độc lập xét xử. Ba là, gắn trách nhiệm chính trị của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp với kết quả chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và kết quả thi hành án hành chính, theo đó việc không thi hành nghiêm chỉnh các quy định về tham gia tố tụng, việc có tỷ lệ án hành chính bị hủy/sửa cao hoặc tỷ lệ thi hành án hành chính thấp phải được coi là một chỉ số tiêu cực trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý hằng năm.

Giải pháp này trước hết nhằm cụ thể hóa và bảo đảm thực thi trên thực tế nguyên tắc hiến định tại khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật"*. Về mặt lý luận, giải pháp này là một nỗ lực giải quyết bài toán đặc thù của mô hình chính trị Việt Nam: làm sao dung hòa giữa nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện

được ghi nhận tại Điều 4 Hiến pháp và nguyên tắc tòa án độc lập, một trụ cột không thể thiếu của nhà nước pháp quyền²⁶⁵. Về mặt thực tiễn, giải pháp này nhằm loại trừ các tác động không chính thức trong mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng với hoạt động xét xử của Tòa án tại địa phương. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp, về bản chất, là để củng cố và tăng cường sức mạnh, sự liên chính của hệ thống tư pháp, chứ không phải để thay thế hay can thiệp vào hoạt động xét xử chuyên môn.

3.2.1.2. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử trong các vụ án hành chính

Đổi mới nhận thức là điều kiện cần, nhưng để tính độc lập của Tòa án trở thành thực chất, đòi hỏi phải có những thay đổi cụ thể trong cơ cấu tổ chức và các cơ chế bảo vệ Thẩm phán. Từ ngày 01/7/2025, việc thành lập 355 Tòa án nhân dân khu vực với thẩm quyền xét xử sơ thẩm toàn bộ các vụ án hành chính là một bước đi tích cực²⁶⁶. Cải cách này đã bước đầu thực hiện được mục tiêu tách thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính khỏi Tòa án nhân dân cấp tỉnh, qua đó giảm bớt mối liên hệ trực tiếp về tổ chức, nhân sự và ngân sách giữa cơ quan xét xử sơ thẩm và cơ quan hành chính cùng cấp, vốn được coi là một nguyên nhân cơ bản làm hạn chế tính độc lập thực chất của Thẩm phán khi xét xử các vụ án mà bên bị kiện là Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương²⁶⁷. Tuy nhiên, sau gần một năm vận hành, mô hình này đã bộc lộ hai vấn đề cần tiếp tục được giải quyết: *thứ nhất*, việc chậm trễ thành lập các Tòa hành chính chuyên trách trong cơ cấu của Tòa án nhân dân khu vực làm hạn chế quá trình chuyên môn hóa xét xử; *thứ hai*, tính độc lập của Tòa án nhân dân cấp tỉnh vẫn chưa được bảo đảm triệt để do vẫn tồn tại trong phạm vi địa giới hành chính một tỉnh, thành phố.

Về cơ sở lý luận, xu thế chuyên môn hóa Tòa án là một xu thế phổ quát trong cải cách tư pháp hiện đại. Nghiên cứu so sánh của Sayed Madadi và các cộng sự do

²⁶⁵ Nguyễn Phú Trọng. (2022). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 144-156.

²⁶⁶ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/06/2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Hiện nay toàn quốc có 355 Tòa án nhân dân khu vực.

²⁶⁷ Nguyễn Thị Hà. (2017). Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 159.

Ngân hàng Thế giới hỗ trợ cho thấy, việc tái cấu trúc nhánh tư pháp ở nhiều quốc gia đang hướng tới mục tiêu cân bằng giữa hiệu quả (thông qua chuyên môn hóa) và khả năng tiếp cận công lý của cá nhân, tổ chức, đồng thời tăng cường tính độc lập thực chất bằng cách tách Tòa án khỏi sự ảnh hưởng của chính quyền địa phương cùng cấp²⁶⁸. Mô hình tài phán hành chính chuyên biệt ở Pháp, với Tham chính viện (Conseil d'État) ở cấp cao nhất và các Tòa hành chính sơ thẩm, phúc thẩm được tổ chức độc lập với hệ thống Tòa án tư pháp thông thường, là một minh chứng điển hình cho ưu thế của chuyên môn hóa trong việc bảo đảm chất lượng xét xử các tranh chấp hành chính²⁶⁹. Tương tự, hệ thống Tòa hành chính liên bang của Đức cũng cho thấy vai trò then chốt của chuyên môn hóa trong việc hình thành nên một đội ngũ Thẩm phán am hiểu sâu sắc luật công, có đủ bản lĩnh và năng lực để đưa ra những phán quyết công tâm đối với các cơ quan hành chính²⁷⁰. Mặc dù Việt Nam không thể áp dụng mô hình Tòa hành chính tách biệt hoàn toàn của các quốc gia nêu trên do đặc thù về nguyên tắc thống nhất quyền lực nhà nước và mô hình tổ chức bộ máy tư pháp, nhưng tinh thần chuyên môn hóa và bảo đảm độc lập thực chất hoàn toàn có thể được tiếp thu và vận dụng một cách sáng tạo.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các giải pháp cụ thể sau đây. *Thứ nhất*, cần đẩy nhanh quá trình thành lập các Tòa hành chính chuyên trách trong cơ cấu của các Tòa án nhân dân khu vực, trước mắt tại những địa bàn có khối lượng án hành chính lớn và mức độ phức tạp cao như các khu vực thuộc Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các tỉnh có nhiều tranh chấp liên quan đến đất đai. Mỗi Tòa hành chính sẽ có Chánh tòa, các Phó Chánh tòa cùng đội ngũ Thẩm phán, Thư ký được phân công chuyên trách, chỉ xét xử các vụ án hành chính, tạo điều kiện cho đội ngũ này tích lũy kinh nghiệm, đi sâu nghiên cứu các vấn đề pháp lý phức tạp trong lĩnh vực quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phán quyết. Việc bố trí

²⁶⁸ Sayed Madadi, Svetozara Petkova và Zoran Skopljak. (2025). *Reforming Justice: Balancing Efficiency and Accessibility through Judicial Map Reform* [Cải cách Tư pháp: Cân bằng Hiệu quả và Khả năng tiếp cận thông qua Bản đồ Cải cách Tư pháp]. World Bank.

²⁶⁹ Brown, L. N., & Bell, J. S. (1998). *French Administrative Law* [Luật hành chính Pháp]. Oxford University Press.

²⁷⁰ Rose-Ackerman, S., & Lindseth, P. L. (Eds.). (2011). *Comparative Administrative Law* [Luật Hành chính so sánh]. Edward Elgar Publishing, tr. 145-150.

nhân sự được thực hiện thông qua quá trình rà soát, sắp xếp lại đội ngũ Thẩm phán hiện có tại các Tòa án nhân dân khu vực, ưu tiên những người có kinh nghiệm hoặc đã được đào tạo chuyên sâu về luật hành chính; đồng thời cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bổ sung liên tục cho đội ngũ này thông qua Học viện Tòa án.

Thứ hai, trong trung và dài hạn, cần nghiên cứu một cách nghiêm túc mô hình tổ chức các cơ sở Đảng trong ngành Tòa án theo nguyên tắc ngành dọc, theo đó Đảng bộ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không trực thuộc cấp ủy địa phương cùng cấp mà trực thuộc Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao. Giải pháp này dựa trên một lập luận lý luận quan trọng: nếu nguồn gốc của việc thiếu độc lập ở cấp tỉnh nằm ở cơ cấu tổ chức của cấp ủy địa phương, thì để giải quyết vấn đề từ gốc rễ, cần phải tái cấu trúc chính mối quan hệ này. Mô hình ngành dọc vừa bảo đảm tuyệt đối nguyên tắc Đảng lãnh đạo đối với hệ thống Tòa án, vì các tổ chức Đảng trong ngành vẫn tồn tại và hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng, vừa giảm thiểu đáng kể áp lực chính trị lên Thẩm phán khi xét xử phúc thẩm các vụ án mà bên bị kiện là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đây là một đề xuất về thể chế, cần được nghiên cứu thận trọng với lộ trình phù hợp, có thể xem xét triển khai thí điểm tại một số địa phương trước khi áp dụng rộng rãi.

3.2.1.3. Hoàn thiện cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm và bảo vệ Thẩm phán

Tính độc lập của cá nhân Thẩm phán không chỉ là một vấn đề về bản lĩnh đạo đức mà trước hết phải được bảo đảm bằng một hệ thống thể chế hữu hiệu bao quanh quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, xử lý kỷ luật và bảo vệ Thẩm phán. Nghiên cứu của David Kosař, Katarína Šipulová và Ondřej Kadlec đã đề xuất một cách nhìn nhận mới, coi Hội đồng Tư pháp như một thiết chế thuộc nhánh quyền lực thứ tư (*fourth-branch institutions*), độc lập tương đối với cả hành pháp, lập pháp và cả sự chi phối từ bên trong ngành tư pháp, với sứ mệnh cốt lõi là "*phi chính trị hóa quá trình lựa chọn và kỷ luật Thẩm phán, đồng thời chuyên nghiệp hóa công tác quản trị Tòa án*"²⁷¹. Nghiên cứu so sánh của Elliot Bulmer được thực hiện bởi

²⁷¹ David Kosař, Katarína Šipulová và Ondřej Kadlec. (2024). The Case for Judicial Councils as Fourth-Branch Institutions [Lập luận cho Hội đồng Tư pháp với tư cách là nhánh quyền lực thứ tư]. *European Constitutional Law Review*, 20, tr. 82-119.

International IDEA đã hệ thống hóa các mô hình bổ nhiệm Thẩm phán phổ biến trên thế giới (bởi cơ quan hành pháp, bởi cơ quan lập pháp, bởi chính ngành tư pháp, bởi hội đồng hỗn hợp) và chỉ ra xu thế chung của các nền dân chủ đương đại là chuyển dần sang các mô hình có sự tham gia của nhiều chủ thể với vai trò chủ đạo của giới Thẩm phán, dựa trên các tiêu chí cạnh tranh, minh bạch và dựa trên năng lực²⁷². Các chuẩn mực quốc tế quan trọng như Khuyến nghị của Ủy ban Bộ trưởng Hội đồng châu Âu năm 2010, Ý kiến số 10 của Hội đồng Thẩm phán châu Âu (CCJE) và các khuyến nghị của Ủy ban Venice đều nhấn mạnh nguyên tắc ít nhất một nửa thành viên của hội đồng tư pháp phải là Thẩm phán do chính các Thẩm phán bầu ra, đồng thời hạn chế tối đa sự can thiệp của các cơ quan chính trị vào quá trình bổ nhiệm, kỷ luật và miễn nhiệm Thẩm phán²⁷³.

Đôi chiếu với thực tiễn Việt Nam, Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia đã được thành lập và hoạt động theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 83/2025/UBTVQH15. Đây là một bước tiến đáng ghi nhận nhưng cần được tiếp tục nâng cấp về cả vị thế pháp lý, thành phần và thực quyền để đáp ứng các chuẩn mực quốc tế cũng như yêu cầu của thực tiễn.

Luận án đề xuất cải cách theo ba hướng cụ thể như sau.

Một là, đa dạng hóa thành phần Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia theo hướng bổ sung các đại diện của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các giáo sư, chuyên gia pháp lý uy tín từ các cơ sở đào tạo và nghiên cứu luật học hàng đầu, đồng thời bảo đảm tỷ lệ Thẩm phán chuyên nghiệp trong hội đồng đủ lớn để tránh sự chi phối từ các yếu tố chính trị - hành chính bên ngoài ngành. Cách bố trí thành phần này làm cho quá trình tuyển chọn trở nên khách quan, minh bạch và dựa trên năng lực chuyên môn hơn.

Hai là, đổi mới quy trình tuyển chọn Thẩm phán theo hướng cạnh tranh và minh bạch thông qua các kỳ thi công khai được tổ chức định kỳ, với nội dung đánh

²⁷² Elliot Bulmer. (2014). Judicial Appointments [Bổ nhiệm Thẩm phán]. International IDEA Constitution-Building Primer 4. International IDEA, tr. 5-15.

²⁷³ OSCE/ODIHR. (2021). Comparative Note on Models of Judicial Councils as Independent and Self-Governing Bodies [Ghi chú nghiên cứu so sánh về các mô hình Hội đồng Tư pháp với tư cách là các cơ quan độc lập và tự quản]. OSCE Office for Democratic Institutions and Human Rights, tr. 10-40.

giá toàn diện bao gồm kiến thức pháp luật (cả luật nội dung và luật tố tụng), kỹ năng xét xử, khả năng lập luận pháp lý, phẩm chất liêm chính và bản lĩnh nghề nghiệp. Kết quả của kỳ thi và đánh giá của Hội đồng phải là căn cứ chính yếu cho việc bổ nhiệm.

Ba là, xây dựng cơ chế pháp lý hữu hiệu để bảo vệ Thẩm phán và thân nhân của họ trước những áp lực, đe dọa phát sinh từ hoạt động xét xử, đặc biệt là trong các vụ án hành chính phức tạp. Cần bổ sung các quy định cụ thể trong Bộ luật Hình sự và các văn bản pháp luật liên quan để xử lý nghiêm khắc mọi hành vi can thiệp, cản trở, đe dọa, xúc phạm hoặc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự của Thẩm phán và gia đình họ do hoạt động công vụ mang lại; đồng thời bảo đảm chế độ lương, phụ cấp và điều kiện làm việc xứng đáng với vai trò và trách nhiệm nghề nghiệp để Thẩm phán thực sự yên tâm công tác và giữ vững được sự độc lập, vô tư trong mọi tình huống.

3.2.1.4. Điều chỉnh vai trò của Viện Kiểm sát trong tố tụng hành chính theo hướng chỉ giới hạn ở chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 177 Luật Tố tụng hành chính hiện hành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quyền phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án. Tuy nhiên, như đã phân tích ở Chương 2, thực tiễn áp dụng quy định này đã bộc lộ một bất cập không nhỏ: việc Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về nội dung vụ án, đặc biệt khi ý kiến đó có xu hướng nghiêng về một bên, có thể tạo áp lực tâm lý lên Hội đồng xét xử và làm ảnh hưởng nguyên tắc tranh tụng được quy định tại Điều 18 Luật Tố tụng hành chính. Về mặt lý luận, vai trò cốt lõi của Viện Kiểm sát nhân dân trong tố tụng hành chính là kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, chứ không phải là một bên tranh tụng về nội dung vụ án. Trong vụ án hành chính, tranh tụng gồm một bên là người khởi kiện và một bên là cơ quan hành chính bị kiện; việc bổ sung thêm một chủ thể thứ ba phát biểu đánh giá về nội dung vụ việc là không cần thiết, thậm chí có thể suy giảm nguyên tắc bình đẳng và tranh tụng thực chất.

Luận án đề xuất sửa đổi Điều 190 Luật Tổ tụng hành chính theo hướng giới hạn vai trò của Kiểm sát viên tại phiên tòa chỉ ở việc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng, không phát biểu về việc giải quyết vụ án. Việc điều chỉnh này không những không làm suy giảm chức năng kiểm sát vốn có của Viện Kiểm sát mà ngược lại, còn làm rõ và củng cố vai trò độc lập của Hội đồng xét xử trong việc đưa ra phán quyết dựa trên chính kết quả tranh tụng công khai, bình đẳng giữa các bên tại phiên tòa, đúng với tinh thần của nguyên tắc "*lấy xét xử làm trung tâm, tranh tụng là đột phá*" đã được xác định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước

Xét về tính chất, đây là nhóm giải pháp cơ bản, dài hạn, có mức độ ưu tiên cao về phương diện lập pháp, được triển khai chặt chẽ theo lộ trình nhiều giai đoạn (từ hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán, thí điểm áp dụng đến luật hóa chính thức). Ngay cả khi Tòa án hoạt động hoàn toàn độc lập, hiệu quả kiểm soát vẫn bị giới hạn bởi chính khuôn khổ pháp lý quy định đối tượng mà Tòa án có thể kiểm soát và tiêu chuẩn kiểm soát mà Tòa án có thể áp dụng. Thực tiễn tại Chương 2 cho thấy phạm vi đối tượng kiểm soát còn bị giới hạn theo những cách chưa phù hợp với thực tiễn vận hành của quyền hành pháp hiện đại, và chuẩn mực kiểm soát của Tòa án còn chưa đủ phong phú để ứng phó với tất cả các dạng sai phạm của cơ quan hành chính.

3.2.2.1. Hoàn thiện cơ chế xem xét và loại trừ việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật dưới luật trái pháp luật trong xét xử vụ án hành chính

Về mặt lý luận, khoa học pháp lý so sánh đã xác lập hai mô hình chính của kiểm soát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật: mô hình kiểm soát cụ thể (*concrete review*) và mô hình kiểm soát trừu tượng (*abstract review*)²⁷⁴. Mô hình kiểm soát cụ thể cho phép Tòa án, khi xét xử một vụ án cụ thể, có quyền không áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật dưới luật nếu cho rằng văn bản đó trái với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; phán quyết chỉ có giá trị trực tiếp trong vụ án

²⁷⁴ Dorf, Michael C. (2008). Abstract and Concrete Review [Kiểm soát cụ thể và kiểm soát trừu tượng]. Trong Vikram David Amar và Mark V Tushnet (eds), Global Perspectives on Constitutional Law [Góc nhìn toàn cầu về Luật Hiến pháp]. New York: Oxford University Press.

cụ thể đó, nhưng tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh thông qua án lệ và thực tiễn xét xử. Mô hình kiểm soát trừu tượng, ngược lại, cho phép cá nhân hoặc tổ chức có quyền trực tiếp khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một văn bản quy phạm pháp luật mà không cần chờ đến khi có một quyết định cá biệt được ban hành trên cơ sở văn bản đó. Kinh nghiệm của Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức (*Bundesverfassungsgericht*), Tham chính viện Pháp (Conseil d'État) và Tòa án Hiến pháp Hàn Quốc cho thấy cả hai mô hình đều có thể vận hành hiệu quả tùy theo đặc thù thể chế và truyền thống pháp luật của từng quốc gia.

Đối chiếu với thực tiễn Việt Nam, pháp luật hiện hành chưa cho phép cá nhân, tổ chức khởi kiện trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật. Luật Tổ tụng hành chính chỉ quy định tại Chương VIII rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có quyền kiến nghị với chủ thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật; nếu trong thời hạn quy định chủ thể ban hành không xem xét và trả lời, Tòa án có thể áp dụng văn bản có giá trị pháp lý cao hơn trong quá trình giải quyết vụ án. Cơ chế này về cơ bản đã tiếp cận mô hình kiểm soát cụ thể nhưng còn mang tính thụ động và gián tiếp, hiệu lực thực tế còn rất hạn chế do thiếu các quy định ràng buộc chặt chẽ và cơ chế hậu kiểm hiệu quả.

Đánh giá về khả năng tiếp nhận các mô hình nêu trên vào Việt Nam, luận án cho rằng mô hình kiểm soát cụ thể là phù hợp và khả thi trong giai đoạn hiện nay. Mô hình này không xung đột với nguyên tắc "*quyền lực nhà nước là thống nhất*" được ghi nhận tại Điều 2 Hiến pháp 2013 (sửa đổi 2025), vì Tòa án không hủy bỏ văn bản mà chỉ quyết định không áp dụng trong một vụ án cụ thể; thẩm quyền hủy bỏ văn bản vẫn thuộc về chính cơ quan đã ban hành hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp trên. Ngược lại, mô hình kiểm soát trừu tượng cần được nghiên cứu dài hạn, cân nhắc kỹ lưỡng vì có thể tạo ra những xáo trộn đáng kể trong hoạt động quản lý nhà nước và đòi hỏi sự thay đổi lớn về cấu trúc quyền lực.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một lộ trình hai bước. *Giai đoạn thứ nhất*, sửa đổi Luật Tổ tụng hành chính theo hướng cho phép Tòa án, khi giải quyết một vụ án hành chính cụ thể, có quyền tuyên bố không áp dụng một hoặc một số quy định của

văn bản quy phạm pháp luật dưới luật nếu nhận thấy các quy định đó có dấu hiệu trái với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Đồng thời, thiết lập một cơ chế hậu kiểm pháp lý có tính ràng buộc: phán quyết của Tòa án về việc không áp dụng một quy định sẽ trở thành căn cứ pháp lý bắt buộc để cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đã ban hành hoặc cơ quan cấp trên) phải xem xét đình chỉ thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định đó trong một thời hạn nhất định; nếu không thực hiện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ thực hiện thẩm quyền giám sát đã được hiến định. *Giai đoạn thứ hai*, trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng của giai đoạn thứ nhất, sẽ nghiên cứu mở rộng mô hình theo hướng cho phép cá nhân, tổ chức khởi kiện trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực giới hạn có tác động lớn đến quyền cơ bản của công dân.

3.2.2.2. Hoàn thiện chuẩn mực kiểm soát việc thực hiện quyền tùy nghi hành chính

Luật Tổ tụng hành chính hiện hành của Việt Nam chỉ cho phép xét xử về tính hợp pháp của các đối tượng khởi kiện. Tòa án còn gặp nhiều lúng túng và chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để xem xét tính hợp lý của quyết định, đặc biệt là đối với các quyết định được ban hành trong phạm vi quyền tùy nghi của cơ quan hành chính. Nghiên cứu về vấn đề này, luận án nhận thấy cần xây dựng nền tảng lý luận và đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, cần làm rõ bản chất của việc kiểm soát tính hợp lý trong mối tương quan với quyền tùy nghi hành chính. Quyền tùy nghi của cơ quan hành chính không thể đứng ngoài công lý; đây là phạm vi mà pháp luật cho phép cơ quan hành chính được lựa chọn giữa nhiều phương án khả thi để đạt được một mục tiêu quản lý công. Tuy nhiên, ngay trong giới hạn tùy nghi đó, cơ quan hành chính vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc chung của pháp luật: thiện chí, công bằng, không lạm dụng quyền lực, không phân biệt đối xử và nhất là nguyên tắc tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Việc Tòa án kiểm soát tính hợp lý không có nghĩa là Tòa án thay thế cơ quan hành chính trong việc lựa chọn phương án; mà là Tòa án kiểm tra xem sự lựa chọn đó có được thực hiện một cách có căn cứ và có tuân thủ các nguyên tắc chung của pháp luật hay không. Điều này có ý nghĩa quyết định về

mặt lý luận: Tòa án không kết luận "*quyết định/hành vi này sai vì còn có một phương án tốt hơn*", mà kết luận "*quyết định/hành vi này sai vì cách thức lựa chọn phương án đã vi phạm các nguyên tắc chung của pháp luật, gây ra sự bất cân xứng rõ ràng giữa biện pháp và mục tiêu*".

Thứ hai, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật đã chính thức thừa nhận lẽ công bằng là một trong những nguồn bổ trợ của hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây là một bước tiến có ý nghĩa lý luận sâu sắc, gợi mở Tòa án vận dụng lẽ công bằng như một tiêu chuẩn pháp lý khi không có quy định cụ thể hoặc khi quy định cụ thể dẫn đến kết quả bất công rõ ràng. Lẽ công bằng, trong tư duy pháp lý Việt Nam, được xác định trên cơ sở lẽ phải được mọi người trong xã hội thừa nhận, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, không thiên vị và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự²⁷⁵. Khi đối chiếu với nguyên tắc tương xứng (*Verhältnismäßigkeitsprinzip*) trong truyền thống luật công Đức, có thể nhận thấy sự tương thông về mặt tinh thần: cả hai đều hướng tới việc bảo đảm sự cân xứng và công bằng trong việc sử dụng quyền lực công. Nhà luật học người Đức Fritz Fleiner đã diễn đạt tinh thần của nguyên tắc tương xứng bằng một hình tượng kinh điển: "*cảnh sát không nên dùng đại bác để bắn chim sẻ*"²⁷⁶. Tinh thần này tương thông với nội hàm của "*lẽ công bằng*" theo truyền thống pháp lý Việt Nam. Do đó, luận án đề xuất một giải pháp tham khảo có chọn lọc, phù hợp với điều kiện Việt Nam: sử dụng lẽ công bằng, nguồn bổ trợ pháp luật đã được Kết luận số 09-KL/TW thừa nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam, làm cơ sở pháp lý để Tòa án xem xét tính hợp lý của các quyết định hành chính, đồng thời vận dụng tinh thần và phương pháp luận của nguyên tắc tương xứng để cụ thể hóa nội hàm của lẽ công bằng trong lĩnh vực tổ tụng hành chính.

Thứ ba, về phương pháp luận cụ thể, tham khảo mô hình bốn bước của nguyên tắc tương xứng theo phân tích của Jud Mathews, Tòa án có thể xem xét một quyết

²⁷⁵ Khoản 3 Điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi năm 2025).

²⁷⁶ Jud Mathews. (2017). Proportionality Review in Administrative Law [Xem xét tính tương xứng trong Luật Hành chính]. Trong Comparative Administrative Law (second edition). Edward Elgar Publishing.

định hành chính dưới lăng kính của lẽ công bằng thông qua bốn câu hỏi tuần tự²⁷⁷:

(i) mục tiêu mà biện pháp hành chính hướng tới có chính đáng và hợp pháp hay không? (ii) biện pháp được áp dụng có thực sự phù hợp để đạt được mục tiêu đó hay không? (iii) có biện pháp nào khác ít xâm hại hơn đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức mà vẫn đạt được mục tiêu tương tự hay không? (iv) thiệt hại gây ra cho quyền lợi của cá nhân, tổ chức có quá mức cần thiết khi đặt trong tương quan với lợi ích công thu được hay không? Khi trả lời bốn câu hỏi này, Tòa án không thay thế cơ quan hành chính trong việc lựa chọn phương án, mà kiểm tra xem việc lựa chọn đó có vi phạm lẽ công bằng hay không. Kinh nghiệm từ án lệ *R v Oakes* của Canada và tiêu chuẩn về sự bất hợp lý *Wednesbury* của Anh cung cấp những mô hình tham khảo thực tiễn về cách áp dụng nguyên tắc này trên thực tế²⁷⁸. Đồng thời, nghiên cứu so sánh của Dieter Grimm về việc áp dụng nguyên tắc tương xứng trong án lệ hiến pháp của Canada và Đức cho thấy rằng nguyên tắc này có thể được vận dụng một cách linh hoạt, bối cảnh hóa cho từng hệ thống pháp luật, thay vì máy móc²⁷⁹.

Thứ tư, về giới hạn thận trọng thông qua việc vận dụng học thuyết sự tôn trọng của tòa án (*judicial deference*), để tránh nguy cơ Tòa án can thiệp quá sâu vào quyền tùy nghi hành chính, luận án đề xuất gắn giải pháp trên với việc tham khảo có chọn lọc học thuyết về sự tôn trọng của Tòa án đối với cơ quan hành chính. Theo phân tích của Guobin Zhu, sự *tôn trọng* trong xét xử hành chính cần được thể hiện ở các mức độ khác nhau đối với các loại quyết định khác nhau: mức độ tôn trọng cao đối với các quyết định đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật sâu như trong lĩnh vực môi trường, y tế, tài chính; mức độ tôn trọng thấp hơn đối với các quyết định tác động trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân như quyền sở hữu, quyền tự do²⁸⁰. Bài học từ án lệ *Loper Bright v. Raimondo* (2024) của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ – án lệ đã

²⁷⁷ Jud Mathews. (2017). Proportionality Review in Administrative Law, Sđd.

²⁷⁸ Associated Provincial Picture Houses Ltd. v Wednesbury Corporation [1948] 1 KB 223; R v Oakes [1986] 1 SCR 103.

²⁷⁹ Dieter Grimm. (2007). Proportionality in Canadian and German Constitutional Jurisprudence [Nguyên tắc tương xứng trong Luật lệ Hiến pháp của Canada và Đức]. University of Toronto Law Journal 57.

²⁸⁰ Guobin Zhu (ed.). (2019). Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives [Sự tôn trọng đối với cơ quan hành chính trong Kiểm soát tư pháp: Các quan điểm so sánh]. Springer.

lật đổ học thuyết Chevron – càng cho thấy rằng ranh giới giữa tôn trọng và kiểm soát luôn là một tiến trình động, cần được điều chỉnh theo thời gian và đòi hỏi sự cân trọng trong áp dụng.

Thứ năm, về lộ trình thực hiện, luận án đề xuất triển khai giải pháp này theo ba giai đoạn. *Giai đoạn thứ nhất*, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn về việc vận dụng lẽ công bằng trong xét xử các vụ án hành chính, trong đó nội hàm của lẽ công bằng được cụ thể hóa thông qua bốn tiêu chí tương tự mô hình bốn bước của nguyên tắc tương xứng. Phạm vi áp dụng ban đầu cần được giới hạn ở những lĩnh vực có tác động lớn đến quyền tài sản và quyền cơ bản của công dân, cụ thể là: thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, xử phạt vi phạm hành chính (đặc biệt là các mức phạt cao) và cưỡng chế hành chính. *Giai đoạn thứ hai*, tổ chức đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán hành chính về phương pháp vận dụng lẽ công bằng trong xét xử; xây dựng các án lệ tiêu biểu để cụ thể hóa nội hàm của lẽ công bằng trong từng lĩnh vực cụ thể; tổ chức các hội thảo khoa học để trao đổi, bình luận các phán quyết đã áp dụng lẽ công bằng nhằm rút kinh nghiệm và hoàn thiện phương pháp luận. *Giai đoạn thứ ba*, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, bổ sung vào Luật Tổ tụng hành chính quy định chính thức về thẩm quyền của Tòa án trong việc xem xét tính hợp lý của quyết định hành chính căn cứ vào lẽ công bằng và các nguyên tắc chung của pháp luật; đồng thời xây dựng một hệ thống các tiêu chí để xác định mức độ can thiệp phù hợp của Tòa án đối với từng loại quyết định, phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

3.2.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính theo hướng bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất

Xét về tính chất, đây là nhóm giải pháp có mức độ ưu tiên cao, kết hợp các biện pháp có thể thực hiện ngay (chuẩn hóa mẫu đơn khởi kiện²⁸¹, mở rộng trợ giúp pháp lý, số hóa thủ tục) với các nội dung cần sửa đổi Luật Tổ tụng hành chính; một số cấu phần được triển khai theo lộ trình (chế định luật sư công thí điểm rồi mở

²⁸¹ Mẫu đơn khởi kiện vụ án hành chính đang được ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

rộng). Quyền tiếp cận công lý là một quyền con người cơ bản được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị²⁸². Nguyên tắc tố tụng công bằng bao gồm quyền được xét xử bởi một tòa án độc lập, khách quan; quyền được thông báo và giải trình; quyền tiếp cận chứng cứ; quyền được bảo vệ pháp lý; và quyền được xét xử trong thời hạn hợp lý²⁸³. Triết lý công lý bị trì hoãn là công lý bị từ chối được thừa nhận rộng rãi, và việc kéo dài các thủ tục tố tụng không cần thiết được coi là vi phạm quyền tiếp cận công lý²⁸⁴.

3.2.3.1. Hoàn thiện quy định về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện nhằm mở rộng quyền tiếp cận công lý

Quyền tiếp cận công lý là một trong những quyền con người cơ bản được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và được nhấn mạnh trong các văn kiện của Liên Hợp Quốc về pháp quyền. Theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc, tiếp cận công lý không chỉ có nghĩa là người dân có quyền đệ đơn lên Tòa án, mà còn bao gồm cả khả năng thực tế để họ có thể sử dụng hệ thống tư pháp một cách hiệu quả để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình²⁸⁵. Trong lĩnh vực tố tụng hành chính, quyền tiếp cận công lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là cơ chế để người dân có thể có vị thế bình đẳng với chủ thể quản lý hành chính nhà nước trước một trọng tài độc lập.

Thực trạng tại Chương 2 cho thấy, việc trả lại đơn khởi kiện không đúng căn cứ pháp luật do xác định sai đối tượng khởi kiện hoặc áp dụng không thống nhất các quy định về thời hiệu vẫn là một vướng mắc phổ biến, được chính Tòa án nhân dân

²⁸²United Nations. Access to Justice. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://www.un.org/ruleoflaw/thematic-areas/access-to-justice-and-rule-of-law-institutions/access-to-justice/>

²⁸³Turner, Seth C. (2019). Due Process Mechanisms and the Development of Global Administrative Law in International Administrative Tribunals [Các cơ chế về thủ tục công bằng và sự phát triển của Luật Hành chính Toàn cầu tại các Tòa Tài phán hành chính Quốc tế]. *Georgetown Journal of International Law*, 49, tr. 1393-1395; xem thêm Schwarze, J. (2019). *European Administrative Law* [Luật hành chính của EU]. Max Planck Encyclopedias of Public International Law.

²⁸⁴Harley, Georgia. (2015). How long is too long? When justice delayed is justice denied [Bao lâu là quá lâu? Khi công lý bị trì hoãn là công lý bị từ chối]. *World Bank Blogs*.

²⁸⁵United Nations. Access to Justice [Tiếp cận công lý]. Truy cập tại <https://www.un.org/ruleoflaw/thematic-areas/access-to-justice-and-rule-of-law-institutions/access-to-justice/>

tối cao nhận diện và phải giải đáp qua nhiều công văn hướng dẫn. Đặc biệt, thời hiệu khởi kiện 01 năm theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính bị nhiều nhà nghiên cứu và thực tiễn cho là quá ngắn, nhất là đối với các vụ án đất đai phức tạp vốn đòi hỏi người dân cần nhiều thời gian để thu thập tài liệu và tham vấn pháp lý.

Luận án đề xuất các giải pháp cụ thể sau. *Thứ nhất*, sửa đổi Luật Tố tụng hành chính theo hướng đơn giản hóa tối đa các yêu cầu về hình thức đối với đơn khởi kiện, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân tối cao ban hành các mẫu đơn khởi kiện chuẩn hóa, có hướng dẫn chi tiết, dễ hiểu và được đăng tải công khai miễn phí tại trụ sở các Tòa án cũng như trên cổng thông tin điện tử²⁸⁶. *Thứ hai*, quy định chặt chẽ hơn trách nhiệm của Tòa án trong việc hướng dẫn người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện khi phát hiện các lỗi về hình thức; hạn chế tối đa việc trả lại đơn chỉ vì những lỗi không cơ bản. *Thứ ba*, sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính theo hướng kéo dài thời hiệu khởi kiện lên 02 năm đối với các vụ án có tính chất phức tạp như tranh chấp đất đai, bồi thường nhà nước. *Thứ tư*, củng cố và xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý trong tố tụng hành chính thông qua việc tăng cường ngân sách và biên chế cho các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, đồng thời khuyến khích các đoàn luật sư, các trung tâm tư vấn pháp luật của các trường đại học tham gia cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc chi phí thấp cho các đối tượng yếu thế.

3.2.3.2. Hoàn thiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ giải trình của cơ quan hành chính

Một trong những đặc thù cơ bản của tố tụng hành chính là sự bất bình đẳng sâu sắc về khả năng tiếp cận và sở hữu chứng cứ: toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc ban hành một quyết định hành chính đều do cơ quan nhà nước nắm giữ. Chính vì vậy, khoản 2 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính đã có bước tiến quan trọng trong việc quy định nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của đối tượng bị kiện thuộc về người bị kiện. Tuy nhiên, như thực tiễn tại Chương 2 đã chỉ ra, quy định này chưa

²⁸⁶ Hiện nay mẫu đơn khởi kiện vụ án hành chính được quy định tại Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn chi tiết, cụ thể để người dân có thể dễ dàng biết cách viết đơn khởi kiện.

đủ mạnh để buộc cơ quan hành chính thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình: tỷ lệ cung cấp đầy đủ chứng cứ giảm từ 78,9% năm 2024 xuống còn 76,59% năm 2025, trong khi tỷ lệ cung cấp một phần tăng mạnh từ 1,74% lên 11,73%.

Về mặt lý luận, nguyên tắc phân bổ nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng hành chính là một cơ chế kiểm soát bằng thủ tục: buộc cơ quan hành chính phải chịu trách nhiệm giải trình cho các hành vi công quyền của mình. Khi cơ quan hành chính không thực hiện được nghĩa vụ này, hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia đã áp dụng nguyên tắc "*suy đoán bất lợi*" (*adverse inference*) – tức là Tòa án có quyền suy đoán rằng các tình tiết mà bên nắm giữ chứng cứ không cung cấp được là bất lợi cho chính họ. Nguyên tắc này được ghi nhận rộng rãi trong luật tố tụng của các quốc gia theo cả truyền thống thông luật và dân luật như một công cụ bảo đảm tính công bằng của quá trình tố tụng khi có sự bất cân xứng về chứng cứ.

Luận án đề xuất các giải pháp cụ thể như sau. *Một là*, bổ sung vào Luật Tố tụng hành chính, gắn với nghĩa vụ chứng minh của người bị kiện tại khoản 2 Điều 79, quy định về "nguyên tắc suy đoán bất lợi": khi Tòa án yêu cầu nhưng người bị kiện không cung cấp được hồ sơ, tài liệu làm căn cứ cho quyết định của mình trong thời hạn quy định, Hội đồng xét xử có quyền coi những tình tiết, lập luận mà người khởi kiện đưa ra dựa trên việc thiếu chứng cứ đó là có cơ sở và có thể ra phán quyết bất lợi cho người bị kiện. *Hai là*, quy định chế tài kỷ luật hành chính đối với người đứng đầu cơ quan hành chính có hành vi cản trở việc cung cấp chứng cứ hoặc cố ý cung cấp không đầy đủ. *Ba là*, làm rõ và mở rộng phạm vi các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan hành chính bắt buộc phải công khai và cung cấp, bao gồm không chỉ quyết định chính thức mà còn cả các báo cáo, tờ trình, biên bản cuộc họp, ý kiến của các cơ quan tham mưu có liên quan, trừ những tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

3.2.3.3. Nâng cao hiệu quả của đối thoại và đại diện tham gia tố tụng theo hướng thực chất, chuyên nghiệp

Đối thoại là một chế định đặc thù của tố tụng hành chính Việt Nam, được kỳ vọng sẽ trở thành cầu nối để giải quyết các tranh chấp hành chính một cách ôn hòa, đồng thuận, thay vì làm gia tăng sự đối đầu giữa người dân với nhà nước – đồng

thời vẫn đạt được hiệu quả kiểm soát cần thiết đối với hoạt động hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn tại Chương 2 đã chỉ ra rằng cơ chế này trong nhiều trường hợp vẫn diễn ra một cách hình thức, với tỷ lệ đối thoại thành chỉ ở mức 10,66% năm 2025 – một con số khá khiêm tốn so với tiềm năng của công cụ này.

Về cơ sở lý luận, đối thoại trong tổ tụng hành chính có thể được nhìn nhận như một sự vận dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (*Alternative Dispute Resolution – ADR*) vào lĩnh vực luật công. Công trình nghiên cứu toàn diện của các tác giả Kathleen Claussen và Judith Starr đã phân tích cách các cơ quan liên bang Hoa Kỳ sử dụng các phương thức ADR đa dạng bao gồm hòa giải, hòa thuận, điều phối, xác định sự thật và thanh tra nghị viện – và nhấn mạnh rằng các phương thức này khi được áp dụng đúng cách có thể giảm đáng kể gánh nặng cho hệ thống xét xử và mang lại sự hài lòng cao hơn cho các bên tranh chấp²⁸⁷. Nghiên cứu của Cassandra Holford về tính phù hợp của ADR tại Tòa Kháng cáo Hành chính của Úc đã chỉ ra bốn chủ đề chính cần quan tâm khi áp dụng ADR trong lĩnh vực hành chính: tiếp cận công lý, kết quả hòa giải, thủ tục công bằng và niềm tin công chúng²⁸⁸. Giá trị tham khảo từ các quốc gia này cho thấy rằng ADR chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được thiết kế như một diễn đàn thay thế thực chất cho quá trình xét xử, chứ không phải là một thủ tục hình thức bắt buộc.

Luận án đề xuất các giải pháp cụ thể như sau. *Thứ nhất*, mở rộng phạm vi và kết quả có thể đạt được của đối thoại. Hiện nay, mục tiêu của đối thoại chủ yếu giới hạn ở việc người khởi kiện rút đơn hoặc người bị kiện hủy bỏ, sửa đổi quyết định bị khởi kiện. Cần cho phép các bên, dưới sự điều phối của Thẩm phán, đi đến những thỏa thuận linh hoạt hơn, ví dụ: người bị kiện không hủy quyết định nhưng cam kết một lộ trình khắc phục hậu quả, nếu không thực hiện, người khởi kiện có quyền khởi kiện mà thời hiệu xác định linh hoạt, không bao gồm khoảng thời gian mà người bị kiện cam kết; người khởi kiện không yêu cầu bồi thường toàn bộ nhưng

²⁸⁷ Kristen Blankley, Kathleen Claussen và Judith Starr. (2024). *Alternative Dispute Resolution in Agency Administrative Programs* [Cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước]. *Journal of Dispute Resolution*, Vol. 2024 Issue 2.

²⁸⁸ Holford, Cassandra. (2020). *Evaluating the ‘Merits’ of Alternative Dispute Resolution (ADR) at the Administrative Appeals Tribunal (AAT)* [Đánh giá tính phù hợp của cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế tại Tòa phúc thẩm hành chính Úc]. Truy cập tại: <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3965288>

chấp nhận một mức hỗ trợ hợp lý; hoặc các bên đồng ý về một phương án cân bằng giữa lợi ích công và lợi ích tư. Tòa án phát huy vai trò kiểm soát bằng cách chỉ công nhận các thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội. *Thứ hai*, nâng cao giá trị pháp lý của "Quyết định công nhận kết quả đối thoại thành" theo hướng quy định rõ ràng quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và có giá trị pháp lý tương đương với một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bảo đảm rằng các cam kết tại phiên đối thoại sẽ được các bên nghiêm túc thực hiện. *Thứ ba*, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán về kỹ năng điều phối đối thoại – một kỹ năng hoàn toàn khác biệt so với kỹ năng xét xử truyền thống, đòi hỏi sự khéo léo trong giao tiếp, khả năng lắng nghe và phân tích tâm lý các bên.

Bên cạnh đó, một trong những nguyên nhân sâu xa của tình trạng tranh tụng thiếu chuyên nghiệp và tỷ lệ cao đại diện cơ quan hành chính vắng mặt tại các phiên tòa hành chính nằm ở chỗ: pháp luật hiện hành yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đại diện được ủy quyền phải trực tiếp tham gia tố tụng, trong khi đây là những cán bộ lãnh đạo có khối lượng công việc quản lý lớn, không có chuyên môn pháp lý sâu và thường cảm thấy không phù hợp khi phải trực tiếp đối diện với Tòa án. Kết quả là các phiên tòa hành chính thường diễn ra một cách hình thức, với đại diện cơ quan hành chính hoặc vắng mặt, hoặc tham gia một cách thụ động, dẫn đến việc tranh tụng không thực chất và chất lượng xét xử bị ảnh hưởng.

Về cơ sở lý luận, việc hình thành một đội ngũ luật sư công chuyên trách đại diện cho cơ quan nhà nước trong tố tụng là một xu thế phổ biến ở nhiều quốc gia, không phân biệt hệ thống pháp luật. Tại Hoa Kỳ, Văn phòng Tổng chưởng lý (*Office of the Attorney General*) ở cả cấp liên bang và tiểu bang đóng vai trò chủ đạo trong việc đại diện cho chính quyền tại các phiên tòa, với đội ngũ luật sư chuyên nghiệp có kiến thức sâu rộng về luật công. Tại Trung Quốc, chế định công chức luật sư (công chức có chuyên môn pháp lý làm việc trong các cơ quan nhà nước) đã được phát triển như một bộ phận không thể thiếu của hệ thống quản trị nhà nước hiện đại. Đề án nghiên cứu xây dựng chế định luật sư công do Bộ Tư pháp

Việt Nam chủ trì soạn thảo đã được thông qua mới gần đây²⁸⁹. Luật sư công không chỉ đơn thuần là người hưởng thù lao từ nhà nước, mà là một đội ngũ chuyên gia pháp lý làm việc như một bộ phận của Nhà nước, với sứ mệnh đại diện và bảo vệ lợi ích công trong các quá trình pháp lý.

Chủ trương này đã được cụ thể hóa bằng Kết luận số 23-KL/TW ngày 07/4/2026 của Bộ Chính trị về Đề án xây dựng chế định luật sư công và Nghị quyết số 24/2026/QH16 của Quốc hội thí điểm thực hiện chế định này, tạo cơ sở để cơ quan hành chính nhà nước ủy quyền cho luật sư công đại diện tham gia tố tụng hành chính theo lộ trình thí điểm. Luận án đề xuất các giải pháp cụ thể sau. Một là, sửa đổi Điều 60 Luật Tố tụng hành chính về người đại diện của cơ quan hành chính theo hướng mở rộng khả năng ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, luật sư công hoặc các chuyên gia pháp lý thuộc biên chế của cơ quan hành chính, thay vì giới hạn ở cấp phó như hiện hành, để tham gia tố tụng; điều này vừa bảo đảm tính chuyên nghiệp vừa giúp các lãnh đạo cơ quan hành chính tập trung vào công tác quản lý, điều hành. Hai là, từng bước xây dựng và phát triển chế định luật sư công theo lộ trình phù hợp. Trong giai đoạn đầu, có thể thí điểm tổ chức mô hình này tại một số cơ quan, địa phương với nhiệm vụ chuyên trách đại diện cho cơ quan hành chính trong các vụ án hành chính. Trong giai đoạn tiếp theo, có thể mở rộng mô hình này đến các cơ quan hành chính chuyên ngành có khối lượng tranh chấp pháp lý lớn. Ba là, luật sư công không chỉ có vai trò đại diện tố tụng mà còn phải hoạt động như một công cụ kiểm soát nội bộ: trước khi một vụ kiện xảy ra, luật sư công đóng vai trò tư vấn, thẩm định tính pháp lý của các dự thảo quyết định hành chính quan trọng, cảnh báo sớm các rủi ro pháp lý, và tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại ban đầu. Vai trò này sẽ góp phần giảm thiểu số lượng các quyết định sai trái được ban hành, từ đó giảm áp lực xét xử lên hệ thống Tòa án.

3.2.3.4. Đẩy mạnh số hóa thủ tục tố tụng để giảm chi phí tiếp cận công lý trong xét xử hành chính

Việc xây dựng Tòa án điện tử là một xu thế tất yếu trên thế giới, phù hợp với phương hướng hiện đại hóa cách thức kiểm soát trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghị

²⁸⁹ Đề án nghiên cứu xây dựng chế định luật sư công trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, tr. 12-15.

quyết số 57-NQ/TW đặt ra yêu cầu phải có thể chế, chính sách vượt trội để thúc đẩy chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm tư pháp²⁹⁰. Một Tòa án hiện đại, với khả năng giải quyết tranh chấp trực tuyến và cung cấp dịch vụ tư pháp số, sẽ mở rộng phạm vi tiếp cận đến những nhóm dân số hiện đang bị loại trừ khỏi hệ thống tư pháp truyền thống.

Giải pháp bao gồm ba nội dung chính: cải cách các quy định về đơn khởi kiện và thụ lý vụ án theo hướng đơn giản hóa tối đa các yêu cầu về hình thức và hạn chế việc trả lại đơn khởi kiện không đúng căn cứ²⁹¹; hoàn thiện và mở rộng Công dịch vụ tư pháp công trực tuyến quốc gia cho phép người khởi kiện thực hiện toàn bộ các thao tác ban đầu qua mạng; và củng cố, mở rộng hệ thống trợ giúp pháp lý miễn phí trong tổ tụng hành chính, đặc biệt cho người nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa và các đối tượng yếu thế, bảo đảm quyền tiếp cận công lý là quyền thực chất chứ không phải quyền trên giấy tờ. Bên cạnh đó, cần công khai bản án hành chính trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử, mở rộng nộp đơn và xét xử trực tuyến, đồng thời ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tra cứu án lệ, văn bản pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của tổ tụng hành chính.

3.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành chính

Xét về tính chất, đây là nhóm giải pháp thường xuyên, dài hạn, mang tính bồi đắp năng lực; nhiều nội dung có thể khởi động ngay (đào tạo chuyên sâu, chủ động phát triển án lệ) nhưng phát huy hiệu quả theo thời gian, giữ mức độ ưu tiên cao và bổ trợ cho các nhóm giải pháp khác. Chất lượng và hiệu quả kiểm soát cuối cùng được quyết định bởi chất lượng của bản án, quyết định mà Tòa án ban hành sau quá trình xét xử. Một bản án hành chính không chỉ đơn thuần là văn bản tuyên bố bên thắng, bên thua trong một vụ kiện cụ thể, mà còn là một sản phẩm trí tuệ pháp lý, một công cụ thực thi công lý và một thông điệp gửi đến nền hành chính và toàn xã hội.

²⁹⁰Ban chấp hành Trung ương, (2026), Kết luận số 23-KL/TW của Bộ chính trị ngày 07/4/2026 về Đề án "Nghiên cứu xây dựng chế định luật sư công trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

²⁹¹Lê Thị Mơ. (2023). Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về trả lại đơn khởi kiện trong tổ tụng hành chính – Một vài điểm cần hoàn thiện. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử; xem thêm Công văn số 207/TANDTC-PC ngày 30/10/2024 về kết quả giải đáp vướng mắc trong xét xử VAHC.

3.2.4.1. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ Thẩm phán xét xử hành chính theo hướng chuyên sâu về luật hành chính

Trong bối cảnh các quan hệ hành chính ngày càng phức tạp và đa dạng, một Thẩm phán xét xử các vụ án hành chính không thể chỉ là người am hiểu luật tố tụng đơn thuần, mà phải trở thành một chuyên gia thực thụ về luật công, có khả năng phân tích sâu sắc cả các quy định pháp luật thành văn lẫn các học thuyết pháp lý hiện đại và kinh nghiệm quốc tế. Do đó, cần xây dựng và triển khai một chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, bắt buộc và định kỳ dành riêng cho đội ngũ Thẩm phán được phân công xét xử các vụ án hành chính tại các Tòa án nhân dân khu vực cũng như các Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao. Nội dung chương trình cần vượt ra ngoài khuôn khổ các kiến thức pháp luật thuần túy và tập trung vào ba nhóm kỹ năng, kiến thức trọng yếu.

Một là, kiến thức chuyên ngành về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thường phát sinh tranh chấp: đất đai và bồi thường giải phóng mặt bằng (đây là lĩnh vực có tỷ lệ khởi kiện hành chính cao nhất, lên tới hơn 80% số vụ án hành chính tại nhiều địa phương); quy hoạch và xây dựng; quản lý đầu tư công và đấu thầu; thuế và phí; xử phạt vi phạm hành chính; đăng ký kinh doanh và cấp phép; quản lý môi trường. Việc đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực này giúp Thẩm phán hiểu được bản chất, quy trình nghiệp vụ và logic vận hành của hoạt động quản lý, từ đó có thể đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính một cách toàn diện, chính xác và thuyết phục.

Hai là, các học thuyết và nguyên tắc pháp lý hiện đại. Chương trình đào tạo cần đưa vào giảng dạy một cách hệ thống các nội dung như: tinh thần của nguyên tắc tương xứng và mối liên hệ với lẽ công bằng trong tư duy pháp lý Việt Nam; học thuyết về sự tôn trọng của Tòa án đối với quyền tùy nghi hành chính; nguyên tắc bảo vệ kỳ vọng chính đáng; nguyên tắc cấm lạm dụng quyền lực; nguyên tắc công bằng thủ tục. Việc tham khảo có chọn lọc các học thuyết này sẽ giúp Thẩm phán có công cụ pháp lý hiện đại để xử lý các vụ án phức tạp và đưa ra những phán quyết có chiều sâu lập luận.

Ba là, kỹ năng viết bản án và lập luận pháp lý. Cần tổ chức các lớp học thực hành về kỹ năng viết bản án theo các phương pháp lập luận logic và thuyết phục, trong đó có thể tham khảo mô hình IRAC (*Issue – Rule – Application – Conclusion*) vốn đã được áp dụng rộng rãi trong các trường luật trên thế giới. Bản án hành chính phải thể hiện khả năng phân tích pháp lý có chiều sâu, giải thích một cách rõ ràng và thuyết phục về lý do vì sao một quyết định hành chính là hợp pháp hay bất hợp pháp, quyền tùy nghi hành chính có phù hợp hay không, chứ không chỉ đơn thuần là bản ghi chép lại lời khai của các bên cùng với phần kết luận khô khan.

3.2.4.2. *Phát triển án lệ, tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hành chính*

Số lượng án lệ trong lĩnh vực hành chính còn rất khiêm tốn²⁹² và chưa thực sự phát huy vai trò định hướng xét xử. Đặc biệt, sau khi Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị chính thức xác lập án lệ là một nguồn bổ trợ của hệ thống pháp luật, vai trò của án lệ càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, đòi hỏi phải có một chiến lược tổng thể và quyết liệt để phát triển án lệ hành chính cả về số lượng lẫn chất lượng.

Về mặt lý luận, vai trò của án lệ trong lĩnh vực hành chính không chỉ dừng lại ở chức năng giải quyết tranh chấp đơn lẻ mà còn là công cụ quan trọng để thống nhất áp dụng pháp luật và định hình chuẩn mực hành chính. Nghiên cứu so sánh của Richard Marcus đã chỉ ra rằng ngay cả trong các hệ thống luật thành văn (*civil law*), vai trò của án lệ ngày càng được đề cao như một phản ứng tự nhiên trước sự phức tạp và đa dạng của đời sống pháp lý hiện đại²⁹³. Thực tiễn của Tham chính viện Pháp là một minh chứng sinh động: mặc dù không thuộc hệ thống thông luật, các phán quyết của Tham chính viện đã hình thành nên hàng loạt các nguyên tắc chung của pháp luật hành chính Pháp như nguyên tắc bình đẳng trước dịch vụ công, nguyên tắc tiếp diễn của dịch vụ công, nguyên tắc an toàn pháp lý – những nguyên

²⁹² Chỉ có 04 án lệ hành chính trên tổng số 72 án lệ tính đến tháng 6 năm 2026. Xem: Khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024 (sửa đổi 2025) quy định về án lệ và giá trị áp dụng của án lệ trong xét xử.

²⁹³ Marcus, Richard. (2017). *A Common Law Perspective on the Supreme Court and its Functions* [Góc nhìn Thông luật về Tòa án Tối cao và các chức năng của nó]. *Studia Iuridica*, LXXXI, tr. 11.

tắc mà không một đạo luật nào quy định trực tiếp nhưng lại có giá trị ràng buộc thực tế đối với toàn bộ nền hành chính²⁹⁴. Kinh nghiệm này cho thấy rằng án lệ hành chính, khi được xây dựng một cách nghiêm túc và có chất lượng, có thể trở thành một nguồn luật bổ sung quan trọng, lấp đầy các khoảng trống và cụ thể hóa các nguyên tắc trừu tượng.

Luận án đề xuất ba giải pháp cụ thể để phát triển án lệ hành chính. *Thứ nhất*, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần chuyển từ cách tiếp cận thụ động (chờ đợi các Tòa án cấp dưới đề xuất các bản án tiềm năng) sang cách tiếp cận chủ động. Hàng năm, trên cơ sở tổng kết thực tiễn xét xử và phối hợp với các nhà nghiên cứu, Tòa án nhân dân tối cao cần công bố một "Danh mục các vấn đề pháp lý ưu tiên phát triển án lệ" trong lĩnh vực hành chính. Danh mục này sẽ bao gồm các vấn đề pháp lý phức tạp, đang tồn tại nhiều quan điểm khác nhau hoặc chưa được pháp luật thành văn quy định rõ, ví dụ như: tiêu chí xác định "*lợi ích công cộng*" để thu hồi đất; cách xác định "*thiệt hại thực tế*" trong bồi thường nhà nước; điều kiện và phạm vi áp dụng lẽ công bằng trong xét xử hành chính; nguyên tắc xác định mức độ tôn trọng của Tòa án đối với quyền tùy nghi. Danh mục này sẽ định hướng cho Thẩm phán trên cả nước tập trung tìm kiếm, lựa chọn và đề xuất các bản án có tiềm năng trở thành án lệ để giải quyết các vấn đề đó.

Thứ hai, cần siết chặt các tiêu chí lựa chọn án lệ theo hướng đề cao chất lượng lập luận pháp lý. Một bản án được chọn làm án lệ không chỉ đơn thuần là một vụ việc được giải quyết đúng pháp luật mà phải thể hiện được tư duy pháp lý mẫu mực, có phần "Nhận định của Tòa án" được viết một cách công phu, phân tích sâu sắc các quy định pháp luật, đối chiếu với các học thuyết và nguyên tắc chung, và rút ra được một chuẩn mực pháp lý có tính khái quát hóa cao có thể áp dụng cho các vụ việc tương tự trong tương lai. Cần khuyến khích và vinh danh các Thẩm phán là tác giả của các bản án có chất lượng cao được lựa chọn làm án lệ, coi đó như một thành tựu nghề nghiệp đáng tự hào.

²⁹⁴ Rivero, J., & Waline, J. (2006). Droit administratif [Tổng quan về Hành chính]. Dalloz, Paris.

Thứ ba, xây dựng một cơ chế phản biện và bình luận án lệ công khai, mang tính khoa học. Sau khi một bản án được đề xuất làm án lệ, Tòa án nhân dân tối cao cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học hoặc đăng tải công khai trên cổng thông tin để lấy ý kiến rộng rãi từ các chuyên gia, nhà khoa học, luật sư và người dân. Sau khi án lệ được chính thức ban hành, cần khuyến khích việc viết các bài bình luận án lệ trên các tạp chí chuyên ngành – đây là một thông lệ học thuật phổ biến trên thế giới và có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ, phát triển và hoàn thiện các nguyên tắc pháp lý trong án lệ.

3.2.4.3. Nâng cao giá trị định hướng của phán quyết tư pháp

Giá trị định hướng của phán quyết tư pháp được thể hiện qua việc Tòa án trở thành chủ thể quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật hành chính. Ở các nước theo hệ thống thông luật, vai trò này rất rõ nét thông qua học thuyết tiền lệ pháp (*stare decisis*)²⁹⁵. Việt Nam cần phát triển mạnh mẽ hơn nữa vai trò giải thích và hoàn thiện pháp luật của Tòa án thông qua chất lượng của các phán quyết hành chính, gắn chặt với hệ thống án lệ ngày càng được phát triển.

Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, vị thế giải thích pháp luật của Tòa án đôi khi bị thách thức bởi các công văn hướng dẫn nghiệp vụ của chính các cơ quan hành chính, dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong việc hiểu và áp dụng pháp luật. Về mặt lý luận, chức năng giải thích pháp luật trong quá trình xét xử là một thuộc tính cố hữu của quyền tư pháp. Như Mauro Cappelletti đã phân tích trong công trình nghiên cứu của mình, hoạt động xét xử bản chất là một quá trình sáng tạo pháp luật, qua đó Thẩm phán không chỉ máy móc áp dụng các quy định thành văn mà còn làm sáng tỏ, bổ sung và phát triển các quy định đó để phù hợp với các tình huống cụ thể của đời sống²⁹⁶. Án lệ *Marbury v. Madison* của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã khẳng định một nguyên tắc có giá trị phổ quát: "*việc giải thích pháp luật là chức năng và nghĩa vụ của ngành tư pháp*".

²⁹⁵ Xem Doctrine of Stare Decisis tại: <https://www.law.cornell.edu/constitution-conan/article-3/section-1/doctrine-of-stare-decisis>; xem thêm Marcus, Richard. (2017). A Common Law Perspective on the Supreme Court and its Functions. *Studia Iuridica*, LXXXI, tr. 11.

²⁹⁶ Mauro Cappelletti. (1989). *The Judicial Process in Comparative Perspective* [Thủ tục tư pháp dưới góc nhìn so sánh]. Oxford University Press.

Luận án đề xuất ba biện pháp để củng cố vị thế giải thích pháp luật của Tòa án. *Một là*, sửa đổi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân theo hướng khẳng định rõ ràng giá trị ràng buộc của giải thích pháp luật trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án đối với các chủ thể có liên quan, bao gồm cả cơ quan hành chính. *Hai là*, làm rõ phạm vi và giá trị pháp lý của các công văn hướng dẫn nghiệp vụ do các cơ quan hành chính ban hành: các công văn này chỉ có giá trị tham khảo nội bộ và không được trái với cách giải thích pháp luật mà Tòa án đã đưa ra trong các bản án, quyết định có hiệu lực; trong trường hợp mâu thuẫn, Tòa án có quyền và trách nhiệm không áp dụng các công văn đó. *Ba là*, tăng cường vai trò của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong việc bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật thông qua các nghị quyết hướng dẫn và án lệ; đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan để kịp thời giải đáp các vướng mắc trong áp dụng pháp luật hành chính.

3.2.5. Nhóm giải pháp bảo đảm thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa của quyết định, bản án hành chính

Xét về tính chất, đây là nhóm giải pháp cấp bách, có mức độ ưu tiên cao nhất, do trực tiếp xử lý điểm nghẽn được đánh giá là nghiêm trọng nhất tại Chương 2 (thi hành án hành chính); nhóm này ưu tiên các biện pháp trước mắt (cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu, chế tài, công khai dữ liệu) song song với nền tảng dài hạn (chuyển đổi số, văn hóa tuân thủ). Thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa xã hội của phán quyết tư pháp là hai mặt của cùng một vấn đề: bảo đảm rằng kết quả của quá trình kiểm soát thực sự tác động đến hành vi của nền hành chính và dư luận xã hội. Như đã phân tích tại Chương 2, thi hành án hành chính chính là điểm nghẽn lớn nhất và là hạn chế nghiêm trọng nhất của toàn bộ cơ chế kiểm soát tư pháp hiện nay²⁹⁷. Tỷ lệ thi hành án thành công chưa đến 50%; trong khi các báo cáo liên tiếp chỉ ra rằng chưa có trường hợp

²⁹⁷ Lê Việt Sơn. (2021). Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 152-154.

nào bị xử lý trách nhiệm cá nhân về hành vi không thi hành án²⁹⁸ làm xói mòn niềm tin của người dân vào công lý và ảnh hưởng tới việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

Bản chất của vấn đề nằm ở chỗ cơ chế hiện hành theo Nghị định số 71/2016/NĐ-CP chủ yếu dựa vào sự tự nguyện của bên phải thi hành, sự đôn đốc của cơ quan hành chính cấp trên và chế tài kỷ luật nội bộ²⁹⁹ - đều thuộc về hệ thống hành chính tự vận hành. Khi cả ba trụ cột này không phát huy tác dụng, đặc biệt khi người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ chế thi hành án hành chính còn thiếu tính cưỡng chế độc lập, hiệu quả, như bằng chứng từ các báo cáo thi hành án đã cho thấy³⁰⁰.

3.2.5.1. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong theo dõi thi hành án hành chính theo hướng quản trị bằng dữ liệu liên thông và kiểm soát trách nhiệm

Việc theo dõi thi hành án hành chính theo Nghị định 71/2016/NĐ-CP vẫn mang tính thủ công, báo cáo định kỳ và rời rạc, không có khả năng cảnh báo sớm hay truy nguyên trách nhiệm theo thời gian thực³⁰¹. Vì vậy, đẩy mạnh chuyển đổi số trong theo dõi thi hành án hành chính không phải là giải pháp hiện đại hóa hành chính đơn thuần, mà là điều kiện kỹ thuật quản trị thiết yếu để toàn bộ cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước có thể vận hành một cách hiệu quả và thực chất.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về theo dõi thi hành án hành chính, được quản lý và vận hành theo nguyên tắc quản trị bằng dữ liệu liên thông dựa trên Nền tảng số Thi hành án dân sự và Trung tâm giám

²⁹⁸Theo các Báo cáo của Bộ Tư pháp và Tổng cục Thi hành án dân sự, tỷ lệ thi hành xong án hành chính hàng năm chưa vượt 50% số vụ có điều kiện thi hành. Đặc biệt đáng lưu ý, qua các Báo cáo BC 54/BC-BTP (2024), BC 62/BC-BTP (2026) đều ghi nhận: "chưa có trường hợp nào bị xử lý trách nhiệm" về hành vi không thi hành án hành chính – một khoảng trống thiết chế có tính hệ thống.

²⁹⁹Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

³⁰⁰Báo cáo số 62/BC-BTP ngày 05/02/2026 của Bộ Tư pháp về tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và kết quả thi hành án hành chính năm 2025; xem thêm Báo cáo số 545/BC-CP của Chính phủ ngày 12/10/2023 về công tác thi hành án năm 2023.

³⁰¹ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

sát, điều hành thông minh³⁰². Hệ thống này cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau: *Thứ nhất*, cập nhật thường xuyên, liên tục trạng thái thi hành của từng bản án, bao gồm tình trạng tự nguyện thi hành, đôn đốc, kiến nghị xử lý trách nhiệm hay đã thi hành xong, gắn với mốc thời hạn và nghĩa vụ cụ thể phải thực hiện. *Thứ hai*, theo dõi theo chủ thể chịu trách nhiệm thi hành: từng bản án phải được gán với trách nhiệm của từng cơ quan và người có thẩm quyền phải thi hành, bảo đảm không còn tình trạng không ai phải chịu trách nhiệm cá nhân. *Thứ ba*, thiết lập cơ chế cảnh báo tự động đối với các bản án sắp hoặc đã hết thời hạn thi hành theo quy định pháp luật, tạo cơ sở để cơ quan theo dõi thi hành án, Tòa án và cơ quan cấp trên kịp thời can thiệp đôn đốc hoặc áp dụng các biện pháp xử lý.

Song song với việc xây dựng hạ tầng dữ liệu nội bộ, cần thúc đẩy kết nối dữ liệu liên ngành giữa Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự (đầu mối theo dõi thi hành án hành chính), Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn, cũng như Bộ Tư pháp trong vai trò quản lý nhà nước về thi hành án hành chính. Yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan này đã được đặt ra trong nhiều văn kiện chỉ đạo, trong đó Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu phải có thể chế, chính sách vượt trội để thúc đẩy chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm tư pháp. Việc kết nối dữ liệu theo chiều ngang (giữa các cơ quan cùng cấp) và chiều dọc (từ địa phương lên trung ương) sẽ cho phép hình thành bức tranh toàn quốc về thực trạng thi hành án hành chính theo thời gian thực, thay vì chỉ có các con số tổng hợp trong các báo cáo định kỳ.

Ngoài chức năng nội bộ, một phần dữ liệu thi hành án hành chính cần được công bố công khai theo nguyên tắc minh bạch thông tin nhà nước. Cổng thông tin điện tử về thi hành án hành chính cần được xây dựng và duy trì để người dân, báo chí và các cơ quan giám sát có thể tra cứu trạng thái thi hành của từng bản án theo mã số vụ kiện, tên cơ quan phải thi hành. Tính minh bạch này tạo ra áp lực xã hội, đồng thời cho phép cơ quan quyền lực và các cơ quan kiểm soát bên ngoài thực

³⁰² Chuyên trang chuyển đổi số, Bộ Tư pháp, (2026) Khai trương Nền tảng số Thi hành án dân sự và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, <https://dx.moj.gov.vn/khai-truong-nen-tang-so-thi-hanh-an-dan-su-va-trung-tam-giam-sat-dieu-hanh-thong-minh-1184.htm>, truy cập ngày 03/02/2026.

hiện chức năng giám sát một cách có căn cứ thực tiễn. Kinh nghiệm từ việc đăng tải công khai quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án cho thấy tính công khai đã có tác động nhất định. Theo Báo cáo số 62/BC-BTP, trong năm 2025 các cơ quan Thi hành án dân sự đã đăng tải công khai 1.418 quyết định buộc thi hành án hành chính. Tuy nhiên, việc đăng tải quyết định đơn lẻ chưa tạo ra tính hệ thống về tình trạng tuân thủ phán quyết của các cơ quan hành chính.

Về mặt pháp lý, để thực hiện giải pháp này, cần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, vận hành và kết nối hệ thống dữ liệu thi hành án hành chính, bổ sung quy định về nghĩa vụ cập nhật dữ liệu của cơ quan phải thi hành án, cơ quan theo dõi thi hành án và Tòa án. Đồng thời, cần xác định rõ tiêu chí công khai thông tin, quy trình xác minh trạng thái thi hành và trách nhiệm của cơ quan quản lý hệ thống. Giải pháp chuyển đổi số này, khi được triển khai đồng bộ với các giải pháp về thẩm quyền và chế tài đã đề xuất, sẽ tạo thành một cơ chế thi hành án hành chính hoàn chỉnh, trong đó hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho kiểm soát pháp lý và kiểm soát trách nhiệm.

3.2.5.2. Hoàn thiện cơ chế cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phải thi hành án

Mặc dù Luật Tổ tụng hành chính và Nghị định số 71/2016/NĐ-CP đã quy định về xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành án nhưng rất ít khi được áp dụng, chế tài còn nhẹ và thiếu tính răn đe. Đặc biệt đáng lo ngại là những biểu hiện coi thường phán quyết tư pháp đã được ghi nhận một cách công khai³⁰³. Nguyên nhân sâu xa của tình trạng này nằm ở tâm lý trách nhiệm tập thể, không có cá nhân nào phải chịu trách nhiệm cuối cùng về việc không thi hành án, và ở việc thiếu những chế tài đủ mạnh để tạo ra động lực tuân thủ. Do đó, cần xây dựng một hệ thống chế tài hiệu quả, rõ ràng và khả thi, tập trung vào trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan phải thi hành án.

Về trách nhiệm vật chất, cần quy định rõ trong Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về nghĩa vụ hoàn trả của người đứng đầu đối với các khoản bồi

³⁰³Theo ông Hoàng Văn Hùng, Ủy viên Ủy ban Tư pháp: trong quá trình giám sát, có bí thư một thành phố tuyên bố "Tôi còn làm bí thư thì tôi chưa chấp hành bản án này". Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://thanhnien.vn/toi-con-lam-bi-thu-thi-toi-chua-chap-hanh-ban-an-nay-185783224.htm>

thường thiệt hại phát sinh từ việc chậm hoặc không thi hành bản án hành chính. Về trách nhiệm kỷ luật và chính trị, hành vi cố ý không thi hành bản án phải được xác định là một biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật công vụ. Việc không thi hành án phải là căn cứ bắt buộc để xem xét miễn nhiệm chức vụ, không đưa vào quy hoạch và không tái bổ nhiệm. Về vai trò của cơ quan cấp trên, cần quy định rõ rằng Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp phải có trách nhiệm ra quyết định xử lý kỷ luật và báo cáo công khai kết quả xử lý cho Tòa án, Viện kiểm sát và người được thi hành án.

3.2.5.3. Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong chấp hành bản án, quyết định của Tòa án và tăng cường hiệu ứng lan tỏa của các phán quyết hành chính

Kinh nghiệm thực tiễn từ nhiều hệ thống pháp lý cho thấy rằng bất kỳ cơ chế kiểm soát nào, dù hoàn thiện về mặt thể chế đến đâu, cũng sẽ bộc lộ giới hạn nếu các chủ thể có nghĩa vụ pháp lý không nhận thức được rằng việc chấp hành phán quyết của Tòa án là yêu cầu tất yếu của Nhà nước pháp quyền. Trong luận án này, văn hóa tuân thủ pháp luật không được hiểu theo nghĩa rộng của phổ biến giáo dục pháp luật nói chung, mà gắn cụ thể vào thái độ tôn trọng phán quyết tư pháp của cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền trong bộ máy hành chính.

Nói cách khác, văn hóa tuân thủ phán quyết tư pháp không chỉ bảo vệ người dân trong từng vụ kiện cụ thể, mà còn giúp lan tỏa, củng cố và mở rộng phạm vi kiểm soát tư pháp đối với toàn bộ hoạt động hành chính nhà nước. Đây cũng chính là mục tiêu cốt lõi mà luận án hướng tới. Xây dựng văn hóa tuân thủ phán quyết tư pháp trong bộ máy hành chính, vì vậy, không chỉ là yêu cầu về đạo đức công vụ mà còn là điều kiện để cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước thực sự phát huy giá trị và ý nghĩa hiến định trong hệ thống Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam³⁰⁴. Hiệu ứng lan tỏa của các phán quyết hành chính, về bản chất, không chỉ là tác động của một bản án cụ thể đối với các bên trong vụ kiện,

³⁰⁴ Thùy Dung, (2026), Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật chuyển từ tuân thủ mang tính bắt buộc sang tự giác và có tính lan tỏa trong xã hội, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Online, truy cập ngày 14/4/2026 tại địa chỉ: <https://danchuphapluat.vn/xay-dung-van-hoa-tuan-thu-phap-luat-chuyen-tu-tuan-thu-mang-tinh-bat-buoc-sang-tu-giac-va-co-tinh-lan-toa-trong-xa-hoi-9126.html>

mà còn là tác động tới toàn bộ hệ thống hành chính thông qua sự nêu gương trong chấp hành và thông qua sự củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp. Khi người dân chứng kiến rằng một bản án hành chính không chỉ được tuyên mà còn được cơ quan nhà nước chủ động và nghiêm túc thi hành, niềm tin đó sẽ thúc đẩy nhiều người khác dám sử dụng cơ chế khởi kiện hành chính để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và chính điều đó mở rộng phạm vi và tăng cường chiều sâu của kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nhà nước.

Hiệu ứng lan tỏa của phán quyết hành chính và văn hóa tuân thủ pháp luật trong thi hành án hành chính không thể được xây dựng bằng một giải pháp đơn lẻ, mà đòi hỏi một hệ thống giải pháp đồng bộ tác động vào nhiều tầng: thể chế pháp lý, quy trình công vụ, đào tạo cán bộ, truyền thông pháp luật và giám sát xã hội. Căn cứ vào thực trạng đã phân tích, luận án đề xuất bốn nhóm giải pháp cụ thể sau.

Thứ nhất, cần đưa tiêu chí "chỉ số tuân thủ phán quyết tư pháp" vào hệ thống đánh giá, thi đua, khen thưởng và quy hoạch cán bộ. Cụ thể, cần bổ sung vào Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn đánh giá cán bộ quy định: (i) tình trạng quá hạn thi hành quyết định, bản án hành chính là tiêu chí không hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu; (ii) việc thi hành đầy đủ, đúng hạn bản án hành chính là một trong các tiêu chí bắt buộc để xem xét danh hiệu thi đua của cá nhân, tập thể; (iii) người đứng đầu cơ quan có bản án hành chính chưa thi hành xong trong thời hạn do lỗi chủ quan không được đưa vào diện quy hoạch bổ nhiệm.

Thứ hai, xây dựng hệ thống tổng kết, phân loại và phổ biến bài học từ bản án hành chính theo chủ đề nghiệp vụ. Hiệu ứng lan tỏa của phán quyết không thể xảy ra một cách tự phát. Cần có một cơ chế có tổ chức để nội dung pháp lý từ bản án được chuyển hóa thành hướng dẫn nghiệp vụ và tài liệu đào tạo.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phản hồi từ người được thi hành án về mức độ và chất lượng thi hành án hành chính. Người được thi hành án, tức là cá nhân hoặc tổ chức đã thắng kiện, là người trực tiếp cảm nhận được mức độ thi hành thực sự, song hiện chưa có kênh chính thức để họ phản ánh. Cần xây dựng hệ thống tiếp nhận phản ánh của người được thi hành án hành chính trực tuyến, tích hợp vào Cổng dịch vụ công quốc gia, cho phép phản hồi tình

trạng thi hành theo từng bản án. *Thứ tư*, phát huy vai trò của truyền thông và báo chí trong giám sát việc thi hành án hành chính, tạo áp lực dư luận xã hội có chọn lọc và có trách nhiệm. Áp lực xã hội là một trong những nhân tố quan trọng hình thành văn hóa tuân thủ bền vững hơn bất kỳ chế tài hành chính nào. Danh dự tổ chức và uy tín cá nhân trước công luận là động lực tuân thủ rất mạnh mẽ trong bối cảnh truyền thông số. Cần xây dựng cơ chế để báo chí và cơ quan truyền thông có thể tiếp cận chính thức thông tin về tình trạng thi hành án hành chính, đặc biệt là các bản án đã kéo dài nhiều năm mà chưa được thi hành. Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp nên định kỳ tổ chức họp báo về tình hình thi hành án hành chính, tương tự như họp báo về phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, cần xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan thi hành án, Viện kiểm sát và cơ quan báo chí để đưa tin về các vụ việc điển hình, cả về trường hợp chây ỳ lẫn trường hợp chấp hành nghiêm túc, nhằm tạo ra tác động răn đe đồng thời với tác động nêu gương. Áp lực xã hội thông qua truyền thông, khi được thực hiện có trách nhiệm và chính xác, sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa rộng rãi và lâu dài hơn bất kỳ hình thức kiểm soát nội bộ đơn lẻ nào.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Xuất phát từ những quan điểm và phương hướng được xác lập trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn trong nước, một hệ thống giải pháp có cấu trúc tầng lớp, trong đó mỗi nhóm giải pháp giải quyết một chiều cụ thể của vấn đề và có mối liên hệ tương hỗ với các nhóm còn lại đã được xây dựng.

Nhóm giải pháp thứ nhất tập trung vào hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính, bao gồm: đổi mới nhận thức về vai trò của xét xử hành chính; hoàn thiện cơ chế bảo đảm độc lập xét xử. Nhóm giải pháp thứ hai hướng đến hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp. Nhóm giải pháp thứ ba hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính theo hướng bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất, bao gồm mở rộng quyền khởi kiện, hoàn thiện nghĩa vụ giải trình của cơ quan hành chính, nâng cao chất lượng đối thoại và đại diện tham gia tố tụng. Nhóm giải pháp thứ tư đề xuất giải pháp nâng cao năng lực xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật. Nhóm giải pháp thứ năm thúc đẩy tính công khai, minh bạch, số hóa trong thủ tục tố tụng; xây dựng văn hóa tuân thủ và bảo đảm hiệu ứng lan tỏa của hoạt động xét xử và thi hành án hành chính.

Các giải pháp này bổ sung và tăng cường lẫn nhau, tạo thành một cơ chế kiểm soát hoàn chỉnh, trong đó quyền lực hành chính vừa bị kiểm soát từ bên ngoài qua Tòa án, vừa được định hướng từ bên trong qua nhận thức và văn hóa pháp lý của đội ngũ cán bộ công vụ.

KẾT LUẬN

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là một trong những biểu hiện quan trọng về mức độ hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền. Thông qua phương thức này, quyền tư pháp thực thi được sứ mệnh kiểm soát quyền hành pháp và người dân có thể thách thức được quyết định và hành vi của cơ quan hành chính nhà nước.

Với đề tài nghiên cứu này, một hệ thống lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính đã được xây dựng. Qua đó, hoạt động hành chính nhà nước được xác định không chỉ là hoạt động thực thi pháp luật đơn thuần, mà là hoạt động mang tính lập quy, thực thi và tài phán đan xen, tiềm ẩn nguy cơ tự mở rộng và lạm dụng quyền lực nếu không có cơ chế kiểm soát hiệu quả. Từ đó, kiểm soát tư pháp được chỉ ra là có ưu thế vượt trội so với các phương thức kiểm soát khác về tính độc lập và khách quan của chủ thể kiểm soát, tính chính quy và bảo đảm quyền tố tụng, giá trị pháp lý ràng buộc của kết quả kiểm soát. Đặc biệt, các tiêu chí đánh giá hoạt động kiểm soát, gồm bốn nhóm điều kiện bảo đảm và bảy tiêu chí, đã được xây dựng để tạo thành khung phân tích có tính phương pháp luận độc lập, có thể áp dụng cho nghiên cứu thực chứng và so sánh pháp luật.

Thực trạng của hoạt động kiểm soát hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính ở Việt Nam giai đoạn vừa qua được phân tích và đánh giá một cách toàn diện và nhiều chiều. Trên cơ sở dữ liệu thống kê từ các Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp giai đoạn 2022–2025, luận án đã chỉ ra một thực trạng đáng chú ý: trong khi tỷ lệ giải quyết án hành chính được cải thiện đáng kể, tỷ lệ thi hành án hành chính thành công lại duy trì ở mức thấp. Đồng thời, tính độc lập của Tòa án chưa được bảo đảm trọn vẹn trên thực tế, tình trạng người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, chất lượng bản án chưa đáp ứng yêu cầu, và tình trạng hiệu lực thực tế của bản án hành chính chưa được bảo đảm đầy đủ, với tỷ lệ thi hành án hành chính thành công còn thấp. Các nguyên nhân về thể chế và mô hình tổ chức quyền lực, về văn hóa pháp lý và nhận thức công vụ, về

pháp luật và cơ chế thực thi, cũng như về nguồn lực và yếu tố con người trong hoạt động tư pháp dẫn tới các hạn chế của việc kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

Từ việc nhận diện các nguyên nhân của hạn chế, hệ thống giải pháp đồng bộ gồm năm nhóm có cấu trúc từ nền tảng đến cụ thể và từ thể chế đến văn hóa đã được xây dựng.

Chương 3 đã đề xuất hệ thống kiến nghị và giải pháp đồng bộ. Nhóm giải pháp thứ nhất kiến tạo điều kiện thể chế cho tính độc lập thực chất của Tòa án, bởi vì không có điều kiện này, mọi cải cách tổ tụng dù hoàn hảo đến đâu cũng không thể tạo ra phán quyết khách quan. Nhóm giải pháp thứ hai mở rộng và làm sâu sắc hơn chuẩn mực kiểm soát tư pháp, trong đó có đề xuất về tích hợp lễ công bằng như một nguồn luật bổ sung theo tinh thần Kết luận số 09-KL/TW. Nhóm giải pháp thứ ba cải cách thủ tục tố tụng để bảo đảm tiếp cận công lý là quyền thực chất. Nhóm giải pháp thứ tư tập trung giải quyết điểm nghẽn nghiêm trọng nhất là thi hành án hành chính, với đề xuất về tăng cường thẩm quyền của Tòa án, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu và xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu liên thông. Nhóm giải pháp thứ năm kiến tạo nền tảng văn hóa tuân thủ phán quyết tư pháp và tạo hiệu ứng lan tỏa bền vững của các phán quyết hành chính trong toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước và trong đời sống pháp lý của xã hội.

Về kết quả kiểm chứng các giả thuyết, luận án đã có những phát hiện khoa học. Thứ nhất, xây dựng được khung lý thuyết để đánh giá hoạt động kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính. Thứ hai, làm rõ bản chất, đặc trưng và vai trò của hoạt động kiểm soát này trong hệ thống kiểm soát quyền lực. Thứ ba, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá có giá trị phương pháp luận. Thứ tư, cung cấp bằng chứng thực chứng về sự kém hiệu quả trong công tác thi hành án hành chính và phân tích nguyên nhân của hiện tượng này. Thứ năm, đề xuất các giải pháp như thành lập Tòa hành chính độc lập, hình thành chế định luật sư công, và cải cách mô hình cơ quan theo dõi thi hành án hành chính.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đã đạt được, luận án kiến nghị: Quốc hội ưu tiên đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật việc sửa đổi Luật Tổ tụng hành chính theo hướng mở rộng đối tượng khởi kiện, tăng cường tranh tụng và hoàn thiện cơ chế thi hành án hành chính. Chính phủ cần khẩn trương sửa đổi Nghị định số 71/2016/NĐ-CP về thi hành án hành chính theo hướng tăng chế tài và cá thể hóa trách nhiệm; đồng thời chỉ đạo xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông về theo dõi thi hành án hành chính, ứng dụng chuyển đổi số trong theo dõi thi hành án hành chính. Tòa án nhân dân tối cao cần đẩy mạnh phát triển án lệ hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích bản án theo chủ đề nghiệp vụ và thiết lập cơ chế phản hồi chất lượng xét xử hành chính với cơ quan hành chính nhà nước.

Công trình này mở ra một số hướng tiếp tục có giá trị khoa học. Trước hết, cần có những nghiên cứu thực chứng quy mô lớn hơn về mối tương quan giữa tính độc lập thực chất của Tòa án và hiệu quả giải quyết án hành chính tại từng địa phương. Bên cạnh đó, nghiên cứu chuyên sâu về từng lĩnh vực tranh chấp hành chính cụ thể, đặc biệt là tranh chấp đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng và xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, nghiên cứu tác động của trí tuệ nhân tạo, tòa án điện tử và quản trị dữ liệu đối với chất lượng và hiệu quả kiểm soát tư pháp là hướng nghiên cứu có tính thời đại và cần được triển khai sớm trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra với tốc độ nhanh.

Từ những phân tích của luận án, có thể thấy, xây dựng nhà nước pháp quyền là một quá trình nỗ lực không ngừng, trong đó mỗi thế hệ phải tái xác lập và củng cố nền tảng trước những thách thức mới của đời sống xã hội. Trong quá trình này, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính giữ một vai trò không thể thay thế. Những thành tựu của việc kiểm soát được xã hội đón nhận, đạt được hiệu ứng lan tỏa và xây dựng nên văn hóa ứng xử của bộ máy nhà nước sẽ góp phần chuyển hóa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ mục tiêu hiến định sang hiện thực đời sống./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2022). Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
2. Bộ Chính trị. (2005). Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
3. Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
4. Thành ủy Hà Nội. (2025). Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 19/9/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, hành chính trên địa bàn thành phố.
5. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi năm 2025).
6. Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa năm 2020 (sửa đổi năm 2025).
7. Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1991.
8. Luật Khiếu nại 2011 (sửa đổi năm 2025).
9. Luật Kiểm toán Nhà nước 2015 (sửa đổi 2019).
10. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.
11. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (sửa đổi năm 2025).
12. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sửa đổi năm 2025).
13. Luật Tổ tụng hành chính năm 2010.
14. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi năm 2019, 2024 và 2025).
15. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).
16. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi năm 2019, 2022, 2023, 2024 và 2025)
17. Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996.
18. Pháp lệnh về việc xét và giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo của công dân năm 1981.
19. Nghị định số 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

20. Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

21. Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.

22. Công văn số 207/TANDTC-PC Tòa án nhân dân tối cao ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc thông báo kết quả giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử vụ án hành chính.

23. Văn bản số 18/UBTVQH14-TP của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 31/8/2016 về việc hướng dẫn thực hiện Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính.

24. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

25. Nghị quyết số 83/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia.

26. United Nations. (1985). *Basic Principles on the Independence of the Judiciary*.

27. United Nations. (2004). *The rule of law and transitional justice in conflict and post-conflict societies: Report of the Secretary-General*.

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tiếng Việt

28. Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, Đoàn Đức Lương và Lê Thị Nga. (2018). "Các cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam". *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*.

29. Nguyễn Hoàng Anh. (2023). "Kiểm soát quyền lực trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở Việt Nam: Nội dung, phương thức và một số vấn đề đặt ra", *Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương*.

30. Lê Thị Anh Đào. (2017). Kiểm soát quyền lực hành pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

31. Lê Thị Anh Đào. (2018). "Vai trò của báo chí trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam - một số vấn đề cơ bản", *Tạp chí Khoa học chính trị*, (5).

32. Nguyễn Thị Hoài An. (2015). "Thanh tra - một trong những phương thức quan trọng trong kiểm soát quyền hành pháp ở Việt Nam", *Tạp chí Thanh tra*, (8).

33. Nguyễn Thị Hoài An. (2019). *Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước đối với việc thực hiện quyền hành pháp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
34. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. (2023). Kiểm tra, xem xét và xử lý trách nhiệm đối với cá nhân, tổ chức có hành vi chậm thi hành án.
35. Báo điện tử Chính phủ. (2024). *Thủ tướng: Dứt khoát bỏ tư duy 'không biết mà vẫn quản, không quản được thì cấm'*.
36. Lê Thanh Bình. (2021). "Một số vướng mắc trong kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính", *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*.
37. Nguyễn Hữu Chính. (2019). "Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa quyền hành pháp và quyền tư pháp trong kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (13).
38. Vũ Hoàng Công. (2023). "Những điểm mới trong vấn đề kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị*, (544).
39. Trần Thái Dương và Trần Thị Thanh Mai. (2024). "Khái niệm, đặc điểm, vai trò chức năng giám sát của cơ quan dân cử ở Việt Nam", *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*.
40. Trương Thị Kim Duyên. (2017). "Khó khăn thường gặp trong giải quyết vụ án hành chính liên quan đến đất đai", *Tạp chí điện tử Kiểm sát*.
41. Nguyễn Đăng Dung. (2022). *Kiểm soát quyền lực nhà nước*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
42. Trần Ngọc Đường. (2023). "Kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII", *Tạp chí Cộng sản*.
43. Nguyễn Phương Dung. (2024). Giải quyết tranh chấp hành chính trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục tố tụng hành chính ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
44. Giang Hà. (2025). "VKSND khu vực 2 (Hà Tĩnh) phối hợp tổ chức xét xử phiên toà rút kinh nghiệm vụ án hành chính", *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*.
45. Hương Giang. (2024). "Không ít bản án hành chính, người phải thi hành án là chủ tịch UBND tỉnh chưa thi hành... xong", *Báo Thanh tra điện tử*.

46. Nguyễn Thị Hà. (2016). "Bàn về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của tòa án nhân dân ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Thanh tra*, (05).
47. Nguyễn Thị Hà. (2017). *Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
48. Nguyễn Tuấn Hải. (2023). "Thời hiệu khởi kiện đối với quyết định giải quyết khiếu nại hành chính – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Nghề luật*, (09).
49. Minh Hải. (2020). "Bàn về vướng mắc trong quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-mot-so-quy-dinh-luat-to-tung-hanh-chinh-nam-2015>
50. Trần Thị Hiền. (2023). "Ủy quyền hành chính và việc giải quyết các vụ án hành chính ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Luật học*, (6).
51. Trần Thị Hiền. (2024). "Bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án từ Dự thảo 5 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi)", *Tạp chí Nghề luật*, (04).
52. Nguyễn Bình Hiếu. (2021). "Mâu thuẫn khi xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính", *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
53. Đặng Kim Hoa. (2025). "Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền hành pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Nghề luật*, (07).
54. Tô Văn Hòa. (2007). *Tính độc lập của Tòa án: Nghiên cứu Pháp lý về các khía cạnh Lý luận, Thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam*, NXB Lao động.
55. Biện Văn Hoàng. (2022). "Một số vấn đề về thẩm quyền xét xử vụ án hành chính theo loại việc của Tòa án nhân dân", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (2).
56. Trần Anh Hùng. (2014). "Bàn về hành vi hành chính không hành động trái pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai", *Tạp chí Thanh tra*, (03).
57. Lê Hùng. (2024). "Cơ sở lý luận và thực tiễn của kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật tại Việt Nam hiện nay", *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
58. Nguyễn Mạnh Hùng. (2015). *Phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính và thẩm quyền xét xử hành chính ở Việt Nam: sách chuyên khảo*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
59. Thân Quốc Hùng. (2015). "Một số ý kiến về thẩm quyền của Tòa án trong xét xử vụ án hành chính", *Tạp chí Nghề luật*, (06).

60. Thân Quốc Hùng. (2018). *Chất lượng xét xử các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
61. Đồng Nữ Hoàng Hương và Lê Thị Mơ. (2022). "Bất cập về thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính", *Tạp chí Kiểm sát*, (20).
62. Vũ Quang Huy. (2023). "Giải quyết án kiện hành chính rất cần sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của người bị kiện", *Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tối cao*.
63. Phan Thị Lan Hương. (2019). "Kiểm soát thực hiện quyền hành pháp của tòa án Hoa Kỳ và một số khuyến nghị cho Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (17).
64. Trần Kim Liễu. (2011). *Toà hành chính trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
65. Nguyễn Quỳnh Liên. (2019). "Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (06).
66. Nguyễn Quỳnh Liên. (2020). *Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ban hành quyết định hành chính ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
67. Dương Hương Liên. (2020). "Giám sát hoạt động hành pháp của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm đối với Việt Nam", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (2).
68. Trần Văn Long. (2020). "Vai trò của cơ quan thanh tra đối với kiểm soát việc thực hiện quyền lực trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (420).
69. Nguyễn Thị Mai. (2005). "Những quy định mới của Luật Đất đai năm 2003 về khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", *Tạp chí Luật học*, (04).
70. Trương Thị Diễm My. (2020). "Còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính hay không?", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.
71. Vũ Lê Minh. (2025). "Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực Nhà nước hiệu quả trong bối cảnh pháp luật "kiến tạo phát triển": Thách thức và giải pháp", *Tạp chí Điện tử Pháp lý*. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://phaply.net.vn/xay-dung-co-che-giam-sat-va-kiem-soat-quyen-luc-nha-nuoc-hieu-qua-trong-boi-can-phap-luat-kien-tao-phat-trien-thach-thuc-va-giai-phap-a260502.html>

72. Lê Thị Mơ. (2021). "Bắt cập trong quy định của Luật Tổ tụng hành chính về quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.

73. Lê Thị Mơ. (2022). "Quy định của Luật Tổ tụng hành chính về khởi kiện vụ án hành chính – Hạn chế và kiến nghị", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*. Truy cập ngày 25/10/2025 tại: <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-cua-luat-to-tung-hanh-chinh-ve-khoi-kien-vu-an-hanh-chinh-%E2%80%93-han-che-va-kien-nghi7411.html>

74. Lê Thị Mơ. (2023). "Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về trả lại đơn khởi kiện trong tố tụng hành chính - Một vài điểm cần hoàn thiện", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.

75. Huê Minh. (2023). "Bộ Tư pháp đề nghị Chủ tịch UBND các tỉnh chấn chỉnh tình trạng không tham gia tố tụng trong vụ án hành chính", *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*.

76. Huê Minh. (2024). "VKSND cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm", *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*.

77. Phạm Hoài Ngân. (2025). "Chánh án Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án hành chính", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.

78. Phạm Hoài Ngân. (2025). "Trao đổi về bài viết "Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính có bị "mất đi" khi vụ án dân sự bị đình chỉ?""", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.

79. Tô Thị Kim Nhung. (2023). "Bảo vệ quyền con người qua công tác xét xử vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân hiện nay", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (8).

80. Nguyễn Phú Trọng. (2022). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

81. Nguyễn Thị Hoài Phương. (2021). *Kiểm soát việc thực hiện quyền hành pháp của Chính phủ ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

82. Quang Phương. (2025). "TP. Hồ Chí Minh: Yêu cầu hoàn thành thi hành án 273 quyết định, bản án hành chính", *Đại biểu Nhân dân*.

83. Nguyễn Văn Quang. (2010). "Giải quyết tranh chấp hành chính bằng cơ quan hành chính theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ", *Tạp chí Luật học*, (12).
84. Nguyễn Văn Quang. (2014). "Quyền tự định liệu và kiểm soát tư pháp việc sử dụng quyền tự định liệu trong hoạt động hành chính nhà nước", *Tạp chí Luật học*, (2).
85. Nguyễn Văn Quang. (2018). "Giải quyết tranh chấp hành chính theo quy định của pháp luật Trung Quốc", *Tạp chí Luật học*, (05).
86. Nguyễn Ngọc Quý. (2025). "Chiến lược chuyển đổi số ngành Tòa án: chính sách, thực tiễn và định hướng hiện đại hóa tư pháp tại Việt Nam", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (17).
87. Lê Việt Sơn. (2013). "Xác định hành vi hành chính – đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (05).
88. Lê Việt Sơn. (2021). *Thi hành án hành chính ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
89. Lê Việt Sơn và Vũ Thị Minh Thúy. (2016). "Thủ tục đối thoại theo Luật Tổ tụng hành chính năm 2015", *Tạp chí Kiểm sát*, (8).
90. Phan Văn Tâm. (2023). "Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về đất đai thông qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính", *Tạp chí Kiểm sát*, (12).
91. Nguyễn Trung Thành. (2022). *Quyền tiếp cận thông tin trong tố tụng hành chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
92. Lê Thị Thu Thảo. (2018). "Khái niệm và sự cần thiết kiểm soát của tư pháp đối với quyền hành pháp", *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, (06).
93. Dững Thị Mỹ Thắm. (2023). "Bàn về thủ tục rút gọn trong tố tụng hành chính", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (03).
94. Mạnh Thắng. (2024). "Tăng cường kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật tố tụng hành chính", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*.
95. Trịnh Xuân Thắng. (2017). "Tài phán hành chính – Cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước của tư pháp đối với hành pháp", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (04).
96. Phạm Hồng Thái. (2012). "Kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, (28).
97. Phạm Hồng Thái. (2015). "Hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, một số vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật", *Tạp chí Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội*, (2).

98. Phạm Hồng Thái. (2024). "Pháp chế", *Tạp chí Luật học – Đại học Quốc gia Hà Nội*, (40).
99. Đoàn Trường Thu. (2024). "Một số vấn đề cơ bản về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng nhà nước pháp quyền", *Tạp chí Cộng sản*.
100. Vũ Thu. (2007). "Về kiểm soát quyền lực hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (3).
101. Nguyễn Thị Thủy. (2024). "Bàn về cơ quan tài phán hành chính theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành", *Tạp chí Nghề luật*, (6).
102. Nguyễn Thị Thủy. (2024). "Nguyên tắc đối thoại trong tổ tụng hành chính ở Việt Nam", *Tạp chí Quản lí Nhà nước*, (339).
103. Đồng Thị Kim Thoa. (2023). "Trách nhiệm pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước trong việc tham gia giải quyết khiếu kiện hành chính – Quy định pháp luật và thực tiễn thi hành", *Tạp chí Nghề luật*, (12).
104. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2021). *Giáo trình Xây dựng Văn bản pháp luật*, NXB. Tư pháp.
105. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2024). *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*. NXB. Công an nhân dân
106. Lê Văn Trung. (2020). "Thực hiện pháp luật khiếu nại, tố cáo góp phần kiểm soát quyền hành pháp ở Việt Nam", *Tạp chí Nghề luật*, (11).
107. Trương Anh Tú. (2025). "'Nemo iudex in causa sua' – Nguyên tắc bắt diệt của công lý trong pháp luật Việt Nam", *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
108. Nguyễn Anh Tuấn. (2023). "Một số vấn đề về giải quyết khiếu nại hành chính theo thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Cộng sản Online*.
109. Vũ Anh Tuấn và Hoàng Thị Thu Thủy. (2024). "Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (19).
110. Nguyễn Tuyết. (2019). "Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do thụ lý vụ án hành chính không đúng quy định của pháp luật", *Tạp chí Điện tử Kiểm sát*.
111. Đào Trí Úc và Võ Khánh Vinh (đồng chủ biên). (2003). *Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, NXB Công an nhân dân.
112. Trịnh Quốc Việt. (2022). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước và vận dụng trong tình hình hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

113. Thái Vũ. (2020). "Khó khăn, vướng mắc trong giải quyết, xét xử các vụ án hành chính tại Tòa án hai cấp Tp Hồ Chí Minh", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*.

Tiếng Anh

114. Aristote. *The Politics*. dịch bởi C. D. C. Reeve, Hackett Publishing, 2017.

115. Batalli, M., & Pepaj, I. (2022). "Citizens' right to seek judicial review of administrative acts and its impact on governance reforms", *Corporate Governance and Organizational Behavior Review*, 6(2).

116. Bell, J. S., & Boyron, S. (2008). *French Constitutional Law*, Oxford University Press, Oxford.

117. Blackstone, W. (1769). *Commentaries on the Laws of England: A Facsimile of the First Edition of 1765–1769*, University of Chicago Press.

118. Bovens, M. (2007). "Public Accountability", in *The Oxford Handbook of Public Management*, Oxford Academic.

119. Braibant, G. (2002). *Le droit administratif français*, Presses de Sciences Po et Dalloz, Paris.

120. Brenninkmeijer, Alex. (2016). "Feedback for a better performing public sector", *Zarządzanie Publiczne*, (1).

121. Brown, L. N., & Bell, J. S. (1998). *French Administrative Law*, Oxford University Press.

122. Bulmer, Elliot. (2014). *Judicial Appointments*, International IDEA Constitution-Building Primer 4, Stockholm.

123. Buxbaum, David and Tang Ying. (2000). "Foreign investment in infrastructure projects in China", *Journal of Project Finance*, (12).

124. Cane, P. (2011). *Administrative Law* (5th ed.), Oxford University Press.

125. Cane, Peter; McDonald, Leighton & Rundle, Kristen. (2018). *Principles of Administrative Law* (3rd ed.), Oxford University Press, Oxford.

126. Cappelletti, Mauro. (1989). *The Judicial Process in Comparative Perspective*, Oxford University Press.

127. Coglianese, Cary and Walters, Daniel E. (2025). "The Great Unsettling: Administrative Governance After Loper Bright", *Administrative Law Review*, 11(1).

128. Cohn, M. (2016). "Tension and legality: Towards a theory of the executive branch", *Canadian Journal of Law & Jurisprudence*, 29(2).

129. Craig, Paul. (2016). "Proportionality and Judicial Review: A UK Historical Perspective", *SSRN Electronic Journal*.
130. De Lolme, J.L. (1784). *The Constitution of England; Or, an Account of the English Government*, Liberty Fund.
131. Della Cananea, Giacinto. (2018). *Judicial Review of Administrative Action in Europe: Common Trends and Requirements*.
132. Dicey, A. V. (1885). *Introduction to the Study of the Law of the Constitution*, Macmillan and Co., Limited, London.
133. Dorf, Michael C. (2008). "Abstract and Concrete Review", in *Global Perspectives on Constitutional Law*, New York.
134. Dyzenhaus, D. (2006). *The constitution of law: Legality in a time of emergency*, Cambridge University Press.
135. Epstein, D., & O'Halloran, S. (1999). *Delegating powers: A transaction cost politics approach to policy making under separate powers*, Cambridge University Press.
136. Evans, T. (1989). *The Complete Works of M. de Montesquieu* (Vol. 4).
137. Galligan, D. J. (1986). *Discretionary powers*, Clarendon Press, Oxford.
138. Gardbaum, S. (2001). "The New Commonwealth Model of Constitutionalism", *American Journal of Comparative Law*, 49(4).
139. Garner, B. A. (Editor in Chief). (2019). *Black's Law Dictionary* (11th Edition), Thomson Reuters.
140. Grant, R. W., & Keohane, R. O. (2005). "Accountability and Abuses of Power in World Politics", *The American Political Science Review*, 99(1).
141. Grimm, Dieter. (2007). "Proportionality in Canadian and German Constitutional Jurisprudence", *University of Toronto Law Journal*, 57(2).
142. Gross, O. (2003). "Chaos and rules: Should responses to violent crises always be constitutional?", *Yale Law Journal*, (112).
143. Hamilton, A., Madison, J., & Jay, J. (1959). *The Federalist Papers*.
144. Hamilton, J. T., & Schroeder, C. H. (1994). "Strategic regulators and the choice of rulemaking procedures: The selection of formal vs. informal rules in regulating hazardous waste", *Law and Contemporary Problems*, 57(2).
145. Harley, Georgia. (2015). "How long is too long? When justice delayed is justice denied", *World Bank Blogs*.

146. Harlow, C., & Rawlings, R. (2021). *Law and Administration* (4th Edition), Cambridge University Press.
147. Hart, H. L. A. (1961). *The Concept of Law*.
148. Kosař, David; Šípulová, Katarína & Kadlec, Ondřej. (2024). "The Case for Judicial Councils as Fourth-Branch Institutions", *European Constitutional Law Review*.
149. Kötz, Hein. (2009). *Civil Justice Systems in Europe and the United States*, Duke Law CICLOPS Occasional Papers, (1).
150. Kristen Blankley, Kathleen Claussen và Judith Starr. (2024). "Alternative Dispute Resolution in Agency Administrative Programs". *J. Disp. Resol.* (Vol.2024 Issue 2).
151. Law, D.S. (2008). "Globalization and the Future of Constitutional Rights", *Northwestern University Law Review*, (103).
152. Lima-Strong, Cristiano and Zakrzewski, Cat. (2023). "Biden signs AI executive order, the most expansive regulatory attempt yet", *Washington Post*.
153. Lobel, J. (1989). "Emergency power and the decline of liberalism", *Yale Law Journal*, (98).
154. Locke, J. (1689). *Two Treatises of Government*.
155. Lombard, Martine & Dumont, Gilles. (2007). *Pháp luật hành chính của Cộng hòa Pháp*, NXB. Tư pháp.
156. Lustig, Doreen & Weiler, J. H. H. (2018). "Judicial review in the contemporary world – Retrospective and prospective", *International Journal of Constitutional Law*, 16(2).
157. Marcus, Richard. (2017). "A Common Law Perspective on the Supreme Court and its Functions", *Studia Iuridica*, (LXXXI).
158. Mashaw, J. L. (2005). "Judicial Review of Administrative Action: Reflections on Balancing Political, Managerial and Legal Accountability", *Revista Direito GV*, (1).
159. Mathews, Jud. (2016). "Proportionality Review in Administrative Law", *Yale Law School Conference on Comparative Administrative Law*.
160. McCubbins, M. D., Noll, R. G., & Weingast, B. R. (1987). "Administrative procedures as instruments of political control", *Journal of Law, Economics, & Organization*, 3(2).

161. Moore, J. B. (1905). "Treaties and executive agreements", *Political Science Quarterly*, 20(3).
162. Pavone, Tommaso and Stiansen, Oyvind. (2022). "The Shadow Effect of Courts: Judicial Review and the Politics of Preemptive Reform", *American Political Science Review*, 116(1).
163. Posner, E. A., & Vermeule, A. (2011). *The executive unbound: After the Madisonian republic*, Oxford University Press.
164. Questiaux, N. (1982). *Study of the implications for human rights of recent developments concerning situations known as states of siege or emergency*, United Nations Commission on Human Rights.
165. Rivero, J., & Waline, J. (2006). *Droit administratif*, Dalloz, Paris.
166. Rose-Ackerman, S., & Lindseth, P. L. (Eds.). (2011). *Comparative Administrative Law*, Edward Elgar Publishing.
167. Rossiter, C. (1948). *Constitutional dictatorship: Crisis government in the modern democracies*, Greenwood Press, Westport.
168. Schedler, A. (1999). "Conceptualizing Accountability", in *The Self-Restraining State: Power and Accountability in New Democracies*, Lynne Rienner Publishers.
169. Scheppele, K. L. (2004). "Law in a time of emergency: States of exception and the temptations of 9/11", *University of Pennsylvania Journal of Constitutional Law*, 6(5).
- 170.
171. Schlesinger Jr., Arthur M. (1974). *The Imperial Presidency*, Houghton Mifflin, Boston.
172. Schmitt, C. (1985). *Political theology: Four chapters on the concept of sovereignty*, MIT Press, Cambridge.
173. Schwartz, B., & Wade, H. W. R. (1972). *Legal control of government: administrative law in Britain and the United States*, Clarendon Press, Oxford.
174. Schwarze, Jürgen. (2006). *European Administrative Law*, Sweet & Maxwell, London.
175. Schwarze, Jürgen. (2019). *European Administrative Law*, Max Planck Encyclopedias of Public International Law.

176. Sieghart, M. (1950). *Government by decree*, Stevens, London.

177. Turner, Seth C. (2019). "Due Process Mechanisms and the Development of Global Administrative Law in International Administrative Tribunals", *Georgetown Journal of International Law*, (49).

178. Wade, W., & Forsyth, C. F. (2014). *Administrative Law*, Oxford University Press.

179. Wade, H. W. R., & Forsyth, C. F. (2022). *Administrative Law* (12th ed.), Oxford University Press.

180. Yoo, J. (2005). *The powers of war and peace: The Constitution and foreign affairs after 9/11*, University of Chicago Press.

181. Yoo, J. (2009). *Crisis and command*, Kaplan, New York.

182. Zhu, Guobin. (2019). "Deference to the Administration in Judicial Review: Comparative Perspectives", in *Deference to the Administration in Judicial Review*, Springer, Singapore.

183. Zhu, S. (2019). "Deference to the Administration in China: Theory and Practice", in *Administrative Law and Governance in Asia*, Springer.

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

Số TT	Tên bài báo	Tên tạp chí, số, năm xuất bản	Vai trò
1	Xét xử hành chính – Một phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong thời kì chuyển đổi số	Nghề luật, số 07 năm 2024	Tác giả duy nhất
2	Kiểm soát tư pháp đối với quyết định hành chính ở Việt Nam: gợi mở từ học thuyết Chevron	Khoa học ĐHQG: Luật học, Tập 41, số 01 năm 2025	Tác giả duy nhất
3	Judicial Review as a Quality-And-Safety Governance Tool for Advanced Drug Delivery Products	European Journal of Clinical Pharmacy, Vol.7, Issue: 1, năm 2025	Tác giả duy nhất
4	Public Lawyers as Gatekeepers of the Social Contract in the AI Age: Balancing Public Good, Individual Rights, and Human Dignity in Algorithmic Governance	Journal of Applied Bioanalysis Volume: 11(7) năm 2025	Tác giả duy nhất
5	Chuyển đổi số trong theo dõi thi hành án hành chính theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025	Nghề luật, số 03 năm 2026	Tác giả duy nhất
6	Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong nhà nước pháp quyền hiện đại	Tòa án nhân dân, số 15 (kỳ I tháng 8/2024)	Tác giả duy nhất

**PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM CỦA
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
XÉT XỬ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
(Từ năm 2016 đến 2025)**

STT	TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG CẦN RÚT KINH NGHIỆM
1	Thông báo rút kinh nghiệm số 12/TB-VC1 ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về một số vi phạm trong thụ lý, giải quyết vụ án hành chính.	- Vi phạm về xác định người đại diện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. - Vi phạm về thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ. - Vi phạm trong việc áp dụng pháp luật (áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực).
2	Thông báo rút kinh nghiệm số 32/TB-VC3-V3 ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc Rút kinh nghiệm vụ án hành chính bị hủy án phúc thẩm để xem xét lại.	Vi phạm của Tòa án cấp phúc thẩm trong việc đánh giá chứng cứ một cách phiến diện, không xem xét toàn diện tài liệu có trong hồ sơ, dẫn đến quyết định hủy bản án sơ thẩm không chính xác.
3	Thông báo rút kinh nghiệm số 38/TB-VC2-V3 này 27 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính bị cấp giám đốc thẩm hủy.	Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã xác nhận Quyền sử dụng đất cho người dân là vượt quá thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.
4	Thông báo rút kinh nghiệm số 13/TB-VKS-HC ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Cần làm rõ nguồn gốc đất do người dân khai hoang hay do Hợp tác xã quản lý để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc đất đã vội vàng giải quyết vụ án là vi phạm.
5	Thông báo rút kinh nghiệm số 15/TB-VC2-HC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa Ngân hàng (nơi đang nhận thế chấp quyền sử dụng đất) vào tham gia tố

	tại Đà Nẵng về vụ án hành chính "Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" bị cấp phúc thẩm hủy để giải quyết lại.	tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
6	Thông báo rút kinh nghiệm số 19/TB-VC2-V3 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	- Xác định sai người bị kiện trong vụ án. - Giải quyết yêu cầu bồi thường vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của đương sự.- Không tách yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi gây ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự là không đúng.
7	Thông báo rút kinh nghiệm số 258/TB-VKS-HC ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kinh nghiệm kiểm sát giải quyết hành chính.	Vi phạm tố tụng do không đưa Chủ tịch UBND cấp tỉnh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc áp dụng pháp luật về đất đai và các chính sách bồi thường, hỗ trợ của Tòa án là đúng quy định.
8	Thông báo rút kinh nghiệm số 27/TB-VKS-HC ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính kiện các Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	- Áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực để giải quyết vụ án. - Cần xác định đúng nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất để áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người dân.
9	Thông báo rút kinh nghiệm số 21/TB-VC3-V3 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về các vụ án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy, sửa trong 06 tháng đầu năm 2018.	Các vi phạm phổ biến dẫn đến hủy, sửa án gồm: - Vi phạm thủ tục tố tụng: không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. - Vi phạm về thu thập, đánh giá chứng cứ: chưa thu thập đầy đủ, chưa làm rõ các nội dung quan trọng của vụ án.
10	Thông báo rút kinh nghiệm số 24/TB-VC1 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội về vi phạm trong giải quyết vụ án hành chính về quản lý đất đai.	Vi phạm về tố tụng (không đưa UBND xã vào tham gia tố tụng) và vi phạm về nội dung (chưa thu thập, xác minh đầy đủ các chứng cứ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất) dẫn đến quyết định của Tòa án không đủ căn cứ.

11	Thông báo rút kinh nghiệm số 48/TB-VKS-HC ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với vụ án hành chính Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại.	- Cần xem xét sự chênh lệch quá lớn giữa giá đất bồi thường và giá đất thực tế tại địa phương để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người bị thu hồi đất. - Thiếu sót trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng.
12	Thông báo rút kinh nghiệm số 60/TB-VC1-HC ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về phát hiện vi phạm trong kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm trong việc áp dụng pháp luật (vận dụng sai văn bản pháp luật), không tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan đến quá trình sử dụng đất của các hộ dân dẫn đến giải quyết vụ án không đúng bản chất.
13	Thông báo rút kinh nghiệm số 10/TB-VC3-V3 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lí đất đai".	Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do người khởi kiện không nộp chi phí tố tụng là không đúng, vì yêu cầu của người khởi kiện về thẩm định tại chỗ là cần thiết để giải quyết vụ án, nhưng yêu cầu về định giá tài sản là không cần thiết.
14	Thông báo rút kinh nghiệm số 03/TB-VC3-V3 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh Các vụ án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy, sửa trong năm 2018.	Tổng hợp các vi phạm phổ biến của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến án bị hủy, sửa, bao gồm: - Vi phạm tố tụng: Không đưa người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng; không xem xét các quyết định hành chính có liên quan; đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện sai; vi phạm thẩm quyền xét xử. - Vi phạm về nội dung: Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; áp dụng pháp luật không đúng (về thu hồi đất, tái định cư, xử phạt hành chính).
15	Thông báo rút kinh nghiệm số 04/TB-VC1-V1 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án hành chính giữa	Quyết định hành chính liên quan đến công tác tổ chức cán bộ (cho nghỉ hưu) là quyết định mang tính nội bộ của cơ quan, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

	ông Lê Hữu Hiền khởi kiện Quyết định hành chính của Cục trưởng cục thuế.	theo thủ tục tố tụng hành chính. Tòa án thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền.
16	Thông báo rút kinh nghiệm số 23/TB-VC2-V3 ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.	Công văn trả lời khiếu nại của UBND, dù không phải là hình thức "quyết định", nhưng có nội dung giải quyết khiếu nại, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của công dân thì vẫn được xác định là "quyết định hành chính" và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án đình chỉ vụ án là không đúng.
17	Thông báo rút kinh nghiệm số 25/TB-VC2-V3 ngày 20 tháng 03 năm 2019 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng Đối với vụ án hành chính.	Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình được giao đất không đúng thẩm quyền phải đi kèm với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất) theo quy định. Tòa án các cấp đã sai sót khi không xem xét đến nghĩa vụ này của người sử dụng đất.
18	Thông báo rút kinh nghiệm số 39/TB-VKS-HC ngày 04 tháng 5 năm 2019 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không triệu tập người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sai về nguồn gốc đất và các tình tiết của vụ án, dẫn đến chấp nhận yêu cầu khởi kiện không có căn cứ.
19	Thông báo rút kinh nghiệm số 63/TB-VC2-V3 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Công văn của UBND cấp xã có nội dung giải quyết khiếu nại của công dân, làm phát sinh, thay đổi quyền và nghĩa vụ của họ, được xem là quyết định hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vì cho rằng đây không phải là đối tượng khởi kiện là sai.
20	Thông báo rút kinh nghiệm số 64/TB-VKS-HC ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	- Cần làm rõ diện tích đất thực tế bị thu hồi để đảm bảo quyền lợi cho người dân. - Việc bồi thường chậm do lỗi của cơ

	tại Đà Nẵng về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	quan nhà nước thì phải áp dụng giá đất tại thời điểm chi trả bồi thường, chứ không phải giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi.
21	Thông báo rút kinh nghiệm số 67/TB-VKS-HC ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lí đất đai".	Lỗi của Tòa án trong việc kéo dài thời gian trả lại đơn khởi kiện, làm người dân khởi kiện quá thời hiệu, được xem là "trò ngại khách quan do lỗi của cơ quan nhà nước". Thời gian này không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Tòa án đình chỉ vụ án vì hết thời hiệu là không đúng.
22	Thông báo rút kinh nghiệm số 70/TB-VKS-HC ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".	Khi giải quyết vụ án liên quan đến tài sản là di sản thừa kế, Tòa án phải xác minh, làm rõ và đưa đầy đủ các đồng thừa kế vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo giải quyết triệt để vụ án.
23	Thông báo rút kinh nghiệm số 34/TB-VC1-HC ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội Về vi phạm trong giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về:- Xác định sai tư cách người bị kiện.- Thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. - Không xem xét các quyết định hành chính có liên quan.- Ra quyết định vượt quá thẩm quyền (yêu cầu cơ quan hành chính phải lập phương án bồi thường cụ thể).
24	Thông báo rút kinh nghiệm số 36/TB-VC1-HC ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội vi phạm trong giải quyết vụ án hành chính.	Việc người khởi kiện biết về GCNQSDĐ đã cấp cho người khác thông qua buổi hòa giải tại xã là căn cứ để tính thời hiệu khởi kiện. Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án khi đã hết thời hiệu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.
25	Thông báo rút kinh nghiệm số 82/TB-VC2-HC ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vụ án kiện các quyết định	- Biên bản vi phạm hành chính làm phát sinh nghĩa vụ của người dân cũng là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. - Cần xác định đúng quan hệ pháp luật

	hành chính và yêu cầu bồi thường.	tranh chấp (trong lĩnh vực giao thông đường bộ, không phải quản lý đất đai). - Chủ tịch UBND xã không có thẩm quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
26	Thông báo rút kinh nghiệm số 86/TB-VKS-HC ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính kiện các quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Cần thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và tình trạng pháp lý của các GCNQSDĐ (còn hiệu lực hay đã bị thu hồi/điều chỉnh) để làm cơ sở giải quyết tranh chấp, đảm bảo quyền lợi cho các bên.
27	Thông báo rút kinh nghiệm số 95/TB-VC2-HC ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng Trong việc kiểm sát Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.	Thẩm phán được phân công giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn yêu cầu độc lập không có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.
28	Thông báo rút kinh nghiệm số 830/TB-VKSTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao Về việc kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Quyết định thu hồi nhà đất của UBND là có căn cứ và đúng pháp luật khi dựa trên Kết luận của Thanh tra và kiến nghị trong Bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật, xác định người được mua nhà đã có hành vi không trung thực. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm hủy quyết định thu hồi là không đúng. Viện kiểm sát cấp dưới không phát hiện vi phạm để kháng nghị là thiếu sót.
29	Thông báo rút kinh nghiệm số 79/TB-VC1-HC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội vụ án "khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"	Khi giải quyết vụ án, Tòa án phải làm rõ nguồn gốc đất là di sản thừa kế chưa chia và các vi phạm về trình tự, thủ tục trong việc cấp GCNQSDĐ cho một trong các thừa kế. Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các đồng thừa kế khác là không có căn cứ.

30	Thông báo rút kinh nghiệm số 01/TB-VKS-HC ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính kiện các Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Cần phân biệt rõ giao dịch chuyển nhượng tài sản trên đất (nhà tạm) và quyền sử dụng đất (đất thuộc quản lý của Ban quản lý chợ). Việc giải quyết tranh chấp phải dựa trên cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất, không thể chỉ dựa vào việc mua bán tài sản trên đất.
31	Thông báo rút kinh nghiệm số 10/TB-VC2-V3 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án hành chính về "Khiếu kiện Quyết định hành chính về phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất".	Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi đất nông nghiệp mà không còn đất để sản xuất thì phải được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Quyết định bồi thường không có khoản hỗ trợ này là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi của người dân.
32	Thông báo rút kinh nghiệm số 11/TB-VKS-HC ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về việc dự án thu hồi đất có thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất hay không, chưa làm rõ loại đất để áp giá bồi thường, không bố trí tái định cư... đã vội vàng bác yêu cầu khởi kiện là chưa đủ căn cứ.
33	Thông báo rút kinh nghiệm số 06/TB-VC1-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người khác (bà T) thì Quyết định đó là đối tượng khởi kiện của bà T. Tòa án xác định bà T không có quyền khởi kiện và đình chỉ vụ án là không đúng.
34	Thông báo rút kinh nghiệm số 07/TB-VC1-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Khi thu hồi đất có hai hộ gia đình riêng biệt cùng sinh sống, phải xem xét, bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho cả hai hộ. Việc UBND chỉ bố trí 01 suất tái định cư là không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi của hộ gia đình còn lại. Tòa án các cấp không xem xét thấu đáo vấn đề này là thiếu sót.

35	Thông báo rút kinh nghiệm số 19/TB-VC2-V3 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc áp dụng pháp luật trong công tác kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm có nhận định trái ngược nhau về thời điểm sử dụng đất ổn định để áp dụng mức thu tiền sử dụng đất (40% hay 50%). Điều này cho thấy việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện, cần phải hủy án để xét xử lại.
36	Thông báo rút kinh nghiệm số 159/TB-VKSTC ngày 09 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát việc giải quyết đối với vụ án hành chính.	Người dân được nhà trường (cơ quan nhà nước) tạm giao đất để sản xuất trước ngày 01/7/2004, đã nộp tiền sử dụng đất, thì khi Nhà nước thu hồi đất phải được bồi thường. Tòa án hai cấp bác yêu cầu đòi bồi thường là không có cơ sở, gây thiệt hại cho người dân.
37	Thông báo rút kinh nghiệm số 205/TB-VKSTC ngày 18 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát việc giải quyết đối với vụ án hành chính.	Lỗi của Tòa án (trả lại đơn khởi kiện sai quy định năm 2012) được xem là trở ngại khách quan, thời gian này không tính vào thời hiệu. Người dân khởi kiện lại vào năm 2017 vẫn còn trong thời hiệu. Tòa án đình chỉ vụ án vì hết thời hiệu là không đúng. Cần hướng dẫn người dân tách yêu cầu dân sự và hành chính để giải quyết.
38	Thông báo rút kinh nghiệm số 09/TB-VC1-HC ngày 11 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Nguồn gốc ngõ đi chung là do các hộ dân tự nguyện hiến đất. Việc UBND ra quyết định giao ngõ đi chung này cho một hộ dân sử dụng riêng là trái pháp luật, không đúng với nguồn gốc và thực tế sử dụng đất, ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ khác.
39	Thông báo rút kinh nghiệm số 10/TB-VC1-HC ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án hành chính với lý do "đối tượng khởi kiện không phải là Quyết định hành chính" là sai. Báo cáo của UBND huyện có nội dung giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại trước đó, về bản chất chính là

		một quyết định giải quyết khiếu nại và là đối tượng khởi kiện.
40	Thông báo rút kinh nghiệm số 11/TB-VC1-HC ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án hành chính bị cấp phúc thẩm hủy án để giải quyết lại.	Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai bản chất vụ án (đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án dân sự) nhưng lại thụ lý và giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính là vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền và tố tụng.
41	Thông báo rút kinh nghiệm số 196/TB-VKS-HC ngày 18 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao rút kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định chính xác thời điểm người khởi kiện nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, từ đó làm căn cứ tính thời hiệu khởi kiện. Việc thụ lý giải quyết khi chưa đủ cơ sở xác định còn thời hiệu là thiếu sót. Ngoài ra, cần làm rõ nguồn gốc đất để xác định việc bồi thường có đúng không.
42	Thông báo rút kinh nghiệm số 205/TB-VKSTC ngày 18 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Lỗi của Tòa án (trả lại đơn khởi kiện sai quy định) được coi là trở ngại khách quan, không tính vào thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp dưới đình chỉ vụ án vì lý do hết thời hiệu là không đúng. Đồng thời, cần hướng dẫn đương sự về cách thức khởi kiện đối với vụ án có cả yêu cầu hành chính và dân sự.
43	Thông báo rút kinh nghiệm số 17/TB-VKS-HC ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ, do chưa xác minh làm rõ ngày người khởi kiện thực sự nhận hoặc biết được quyết định hành chính. Việc tổng đạt cho người không có thẩm quyền nhận thay (con dâu) mà không có bằng chứng giao lại là không hợp lệ.
44	Thông báo rút kinh nghiệm số 21/TB-VC3-V3 ngày 27 tháng 4 năm 2021	Vi phạm về tố tụng: Khi người khởi kiện rút đơn để khởi kiện bằng vụ án lao động,

	của Viện kiểm sát nhân tối cao về công tác kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại theo đúng loại vụ việc (lao động), chứ không chỉ đơn thuần đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.
45	Thông báo rút kinh nghiệm số 22/TB-VC3-V3 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	- Vi phạm tố tụng: Tòa án không đưa UBND tỉnh (cơ quan ra quyết định liên quan) vào tham gia tố tụng là thiếu sót. - Vi phạm nội dung: Việc đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông khi giấy phép còn hiệu lực mà không có lỗi từ phía người dân, đồng thời không giải quyết chi phí đầu tư là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ.
46	Thông báo rút kinh nghiệm số 18/TB-VC1-HC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với bản án sơ thẩm có vi phạm bị Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị phúc thẩm.	Quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng, nhưng khi phát sinh tranh chấp (con gái khiếu nại), Tòa án sơ thẩm đã nhận định không chính xác, gây ảnh hưởng quyền lợi của các bên. Việc xác định người con không phải là thành viên trong "hộ gia đình" nên không có quyền khiếu nại là chưa đúng bản chất sự việc.
47	Thông báo rút kinh nghiệm số 19/TB-VC3-V3 ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về các vụ án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy, sửa trong 06 tháng cuối năm 2019.	Tổng hợp các vi phạm phổ biến dẫn đến hủy, sửa án sơ thẩm: - Vi phạm tố tụng: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện không đúng (nhất là với người khởi kiện chưa thành niên); không đưa người có quyền lợi, người bị kiện vào tham gia tố tụng; không tiến hành đối thoại. - Vi phạm về nội dung: Áp dụng sai pháp luật trong trường hợp bồi thường chậm; xử phạt vi phạm hành chính sai; chuyển mục đích sử dụng đất không đúng.
48	Thông báo rút kinh nghiệm số 263/TB-VKSTC ngày 15 tháng 4 năm	Chủ tịch UBND cấp huyện không có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp

	2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong vụ án hành chính "Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp hành chính".	hành chính để chấm dứt hoạt động của các lò gạch. Quyết định của UBND tỉnh mới là văn bản có giá trị pháp lý. Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định của UBND huyện là đúng, nhưng giữ nguyên bản án sơ thẩm (bác yêu cầu khởi kiện) là có mâu thuẫn.
49	Thông báo rút kinh nghiệm số 264/TB-VKSTC ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao Về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Có sự nhầm lẫn và thiếu sót của Tòa án trong việc xác định vị trí, diện tích đất được giao tái định cư. Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện phải giao đúng vị trí và diện tích là có cơ sở. Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của UBND huyện là đúng. Tuy nhiên, VKS các cấp đã không phát hiện được sai sót này để có kiến nghị, kháng nghị kịp thời.
50	Thông báo rút kinh nghiệm số 30/TB-VC2-HC ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án hành chính bị Tòa án giám đốc thẩm hủy để xem xét lại.	Tòa án các cấp đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cộng đồng dân cư thôn) vào tham gia tố tụng. Đồng thời, nhận định và áp dụng pháp luật chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.
51	Thông báo rút kinh nghiệm số 24/TBRKN-VC1-HC ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng (không đưa Chi cục Thi hành án dân sự vào tham gia tố tụng) và nội dung (không xem xét toàn diện chứng cứ, dẫn đến sai lầm trong việc áp dụng pháp luật) khi giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản thi hành án.
52	Thông báo rút kinh nghiệm số 21/TB-VC3-V3 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Về công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án	Tòa án phúc thẩm đã hủy quyết định đình chỉ và hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại là đúng đắn, do Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (xác định sai tư cách người tham

	hành chính.	gia tố tụng) và áp dụng pháp luật (giải quyết sai bản chất vụ án dân sự thành hành chính).
53	Thông báo rút kinh nghiệm số 22/TB-VC3-V3 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không đưa UBND tỉnh (cơ quan ra quyết định hành chính có liên quan) vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, việc xác định Giấy phép hoạt động của bến phà vẫn còn hiệu lực nhưng lại ra quyết định chấm dứt hoạt động mà không giải quyết về chi phí đầu tư là ảnh hưởng đến quyền lợi người dân.
54	Thông báo rút kinh nghiệm số 27/TB-VC1-HC ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với vụ án hành chính "Khởi kiện Quyết định thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".	Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm khi nhận định các Quyết định hành chính ban hành là đúng trình tự, thủ tục. Thực tế, Biên bản xác định ranh giới đất làm căn cứ ban hành các quyết định này lại không có giá trị pháp lý, dẫn đến toàn bộ các quyết định sau đó đều không hợp pháp.
55	Thông báo rút kinh nghiệm số 337/TB-VKSTC ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao rút kinh nghiệm nghiệp vụ	Hướng dẫn nghiệp vụ về các vi phạm phổ biến trong giải quyết án hành chính, dân sự: - THADS: Vi phạm trong việc thông báo công khai bán đấu giá, hoãn thi hành án, bảo quản tài sản. - VKS: Cần nâng cao chất lượng kết luận kiểm sát, phải chỉ rõ vi phạm cụ thể, tránh kết luận chung chung, không có cơ sở.
56	Thông báo rút kinh nghiệm số 41/TB-VC1-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về đình chỉ giải quyết vụ án "Khiếu kiện quyết định hành chính".	Người khởi kiện đã được người đại diện theo ủy quyền thực hiện việc khiếu nại. Do đó, việc Tòa án đình chỉ vụ án với lý do người khởi kiện không có quyền khởi kiện vì chưa qua thủ tục khiếu nại lần đầu là không đúng.

57	Thông báo rút kinh nghiệm số 46/TB-VC1-HC ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về Công tác kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do người khởi kiện không có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan trực tiếp là không đúng. Việc giải quyết khiếu nại của cơ quan hành chính có ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện, do đó họ có quyền khởi kiện.
58	Thông báo rút kinh nghiệm số 40/TB-VC2-HC ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án hành chính về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".	Tòa án cấp phúc thẩm đã có những đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, không tuân thủ quyết định giám đốc thẩm trước đó, cố tình kéo dài vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.
59	Thông báo rút kinh nghiệm số 41/TB-VKS-V3 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về Kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã có vi phạm trong việc xác định người bị kiện, người có quyền lợi liên quan, và áp dụng sai pháp luật lao động thay vì pháp luật về tổ tụng hành chính, dẫn đến giải quyết vụ án không đúng bản chất và thẩm quyền.
60	Thông báo rút kinh nghiệm số 48/TB-VC1-HC ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.	Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do văn bản bị khởi kiện là văn bản thông thường, không phải quyết định hành chính là không đúng. Văn bản trả lời đơn, có nội dung khẳng định khiếu nại không có cơ sở, ảnh hưởng đến quyền lợi người dân, chính là một quyết định hành chính.
61	Thông báo rút kinh nghiệm số 60/TBRKN-VC1-HC ngày 06 tháng 8 năm/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với vi phạm của bản án sơ thẩm hành chính.	Bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về cả tố tụng (không đưa đầy đủ người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng) và nội dung (không xem xét, giải quyết triệt để các quyết định hành chính có liên quan, dẫn đến không bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan).

62	Thông báo rút kinh nghiệm số 61/TB-VC1-HC ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội Trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào nhận định trong bản án ly hôn trước đó để bác yêu cầu khởi kiện là không đúng, vì bản án ly hôn chỉ nhận định chứ không giải quyết tranh chấp đất đai. UBND ra quyết định thu hồi GCNQSDĐ dựa trên bản án dân sự đó là không có căn cứ.
63	Thông báo rút kinh nghiệm số 62/TB-VC1-V1 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự.	Mặc dù người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì không được hưởng án treo. Việc Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.
64	Thông báo rút kinh nghiệm số 69/TB-VC2-HC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trong vụ án hành chính về "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".	Tòa án các cấp cần xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và các quy định của pháp luật về quy hoạch để giải quyết. Việc UBND không cấp GCNQSDĐ cho người dân khi đất thuộc quy hoạch nhưng sau đó lại không thực hiện quy hoạch, gây ảnh hưởng quyền lợi của họ là hành vi hành chính cần được xem xét.
65	Thông báo rút kinh nghiệm số 32/TB-VC3-V3 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về các vụ án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy án, sửa án trong năm 2020.	Tổng hợp các vi phạm phổ biến của Tòa án sơ thẩm dẫn đến án bị hủy, sửa, bao gồm: - Vi phạm tố tụng: Xác định sai/thiếu người có quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện; không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tố tụng; xác định sai thời hiệu khởi kiện; không tiến hành đối thoại. - Vi phạm nội dung: Thu thập chứng cứ không đầy đủ; áp dụng sai pháp luật về bồi thường, xử phạt VPHC.

66	Thông báo rút kinh nghiệm số 08/TB-VC1-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị hủy án do trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật và vi phạm thủ tục tố tụng..	Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật (xác định sai diện tích đất đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) và vi phạm thủ tục tố tụng (không đưa các bên liên quan trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng).
67	Thông báo rút kinh nghiệm số 12/TB-VC2-V3 ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi, giao đất và bồi thường, hỗ trợ trong lĩnh vực đất đai.	Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án, đặc biệt là việc các hộ dân đã nhận chuyển nhượng đất hợp pháp nhưng UBND lại ra quyết định thu hồi. Việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp.
68	Thông báo rút kinh nghiệm số 17/TB-VKS-V3 ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện có nội dung liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai là quyết định hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ vụ án với lý do đây không phải là đối tượng khởi kiện là không đúng pháp luật.
69	Thông báo rút kinh nghiệm số 18/TB-VKS-HC ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án hành chính.	Cần phân biệt rõ ràng thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án (khi đương sự có giấy tờ về quyền sử dụng đất) và thẩm quyền giải quyết của UBND. Việc UBND giải quyết tranh chấp khi thẩm quyền thuộc về Tòa án là không đúng. Tòa án cần thụ lý giải quyết tranh chấp dân sự thay vì hành chính.
70	Thông báo rút kinh nghiệm số 20/TB-VKS-HC ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Khi giải quyết tranh chấp đất đai mà các bên tự hoán đổi đất cho nhau và đã hình thành vật kiến trúc ổn định, thì đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, không phải thẩm quyền giải quyết hành chính của UBND.

71	Thông báo rút kinh nghiệm số 27/TB-VC2-V3 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với vụ án "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".	Khi đánh giá chứng cứ, Tòa án cần xem xét toàn diện các tài liệu, đặc biệt là các giấy tờ về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Tòa án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ, khách quan, dẫn đến việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân là chưa có căn cứ vững chắc.
72	Thông báo rút kinh nghiệm số 29/TB-VC2-HC ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với vụ án "Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".	Tòa án cần xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và các quy định pháp luật tại từng thời điểm để xác định loại đất (đất ở hay đất nông nghiệp) cho việc bồi thường, đảm bảo quyền lợi cho người dân bị thu hồi đất. Việc áp giá đất nông nghiệp khi có căn cứ là đất ở là không phù hợp.
73	Thông báo rút kinh nghiệm số 32/TB-VKS-HC ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	- Khi giải quyết vụ án có yếu tố tranh chấp dân sự (truy nhận cha cho con) và hành chính (hủy Giấy khai sinh) liên quan mật thiết, cần nhập vụ án để giải quyết đồng thời.- Việc cấp Giấy khai sinh ghi tên cha khi chưa có thủ tục công nhận cha con là vi phạm pháp luật. Tòa án bác yêu cầu hủy Giấy khai sinh là không đúng.
74	Thông báo rút kinh nghiệm số 23/TB-VC1-HC của Viện KSND cấp cao tại Hà Nội ngày 17 tháng 05 năm 2021 đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.	Tòa án sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi xác định đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng hợp pháp nhưng lại bác yêu cầu khởi kiện của người dân. Vi phạm này đã được Viện kiểm sát cùng cấp phát hiện và kháng nghị kịp thời, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận sửa án.
75	Thông báo rút kinh nghiệm số 24/TB-VC1-HC của Viện KSND cấp cao tại Hà Nội ngày 17 tháng 05 năm 2021 về vi phạm trong giải quyết vụ án hành chính.	Yêu cầu bồi thường thiệt hại (án phí tính theo giá ngạch) là yêu cầu dân sự trong vụ án hành chính. Việc Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm áp dụng án phí hành chính cho yêu cầu này là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật về án phí.

76	Thông báo rút kinh nghiệm số 43/TB-VKS-HC ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm về thẩm quyền và trình tự khi đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú khi người cha đã chết. Lẽ ra phải giải quyết vụ án dân sự về "truy nhận cha cho con" trước, sau đó mới có cơ sở để giải quyết vụ án hành chính về việc hủy/cấp Giấy khai sinh.
77	Thông báo rút kinh nghiệm số 29/TB-VC1-HC của Viện KSND cấp cao Hà Nội ngày 28 tháng 05 năm 2021. Đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.	Vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc xác định thời hiệu khởi kiện. Tòa án chưa thu thập đủ chứng cứ để xác định thời điểm người khởi kiện biết được quyết định hành chính nhưng đã vội vàng bác đơn khởi kiện là không có căn cứ.
78	Thông báo rút kinh nghiệm số 34/TB-VC1-HC của Viện KSND cấp cao tại Hà Nội ngày 23 tháng 06 năm 2021. Đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng bị hủy án.	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định chính xác thời điểm người khởi kiện biết được quyết định hành chính, dẫn đến việc đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.
79	Thông báo rút kinh nghiệm số 57/TB-VC3-V3 ngày 13/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về các vụ án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm tuyên hủy, sửa án trong 06 tháng đầu năm 2021.	Tổng hợp các vi phạm phổ biến dẫn đến hủy, sửa án sơ thẩm, bao gồm: - Vi phạm tố tụng: Đình chỉ sai do xác định sai thời hiệu khởi kiện; không đưa đầy đủ người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng. - Vi phạm nội dung: Thu thập chứng cứ không đầy đủ; áp dụng sai pháp luật về bồi thường, xử phạt; ra phán quyết vượt quá thẩm quyền.
80	Thông báo rút kinh nghiệm số 66/TB-VC1-HC của Viện KSND cấp cao tại Hà Nội ngày 06 tháng 10 năm 2021. Về vi phạm trong việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lấn lên thửa đất đã được cấp trước đó và vẫn còn hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, thu thập đầy đủ chứng cứ, dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để.

81	Hướng dẫn số 28/HDVKSTC Ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Viện kiểm sát tối cao, Hướng dẫn một số nội dung nhằm phát hiện vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính để ban hành kháng nghị phúc thẩm.	Hướng dẫn nghiệp vụ của VKSND tối cao nhằm phát hiện các vi phạm về tố tụng và nội dung trong giải quyết vụ án hành chính để thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm. Bao gồm các vi phạm về: xác định đối tượng/thời hiệu khởi kiện, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, áp dụng pháp luật chuyên ngành...
82	Thông báo số 36/TBVKSTC ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát tối cao, Thông báo một số kinh nghiệm phát hiện vi phạm của bản án, quyết định của Tòa án trong việc giải quyết vụ án hành chính để thực hiện quyền kháng nghị.	Tổng hợp các kinh nghiệm nhằm phát hiện vi phạm của Tòa án để thực hiện quyền kháng nghị, bao gồm các vi phạm về: thời hiệu khởi kiện; xác định tư cách người tham gia tố tụng; thu thập, đánh giá chứng cứ; áp dụng pháp luật nội dung; và phạm vi xét xử của Tòa án.
83	Thông báo số 79/TBVKSTC Ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát tối cao, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án và Viện kiểm sát các cấp chưa xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan các tình tiết của vụ án, dẫn đến việc áp dụng pháp luật không chính xác. Cần nâng cao chất lượng công tác kiểm sát để phát hiện kịp thời vi phạm.
84	Thông báo số 80/TBVKSTC Ngày 13 tháng 04 năm 2022 của Viện kiểm sát tối cao, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án chưa thu thập và đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (đặc biệt là các tài liệu về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất), dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng bản chất, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.
85	Thông báo số 18/TBVC1-HC Ngày 21 tháng 04 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị hủy án.	Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (không xem xét các quyết định hành chính liên quan) và sai lầm trong việc áp dụng pháp luật (xác định sai nguồn gốc đất), dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để, phải hủy án để xét xử lại.

86	Thông báo số 22/TBVC1-HC Ngày 22 tháng 04 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với quyết định sơ thẩm có vi phạm bị cấp phúc thẩm hủy quyết định.	Vi phạm trong việc xác định thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án khi chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ để xác định thời điểm người khởi kiện biết được quyết định hành chính, dẫn đến việc tước bỏ quyền khởi kiện của công dân.
87	Thông báo số 17/TBVKS-HC Ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm chưa thu thập, đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và các quy định pháp luật liên quan để giải quyết vụ án, dẫn đến phán quyết thiếu căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
88	Thông báo số 28/TBVKS-HC Ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung: - Tòa án sơ thẩm không đưa đầy đủ người có quyền, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; không lập thủ tục kế thừa tố tụng khi đương sự chết. - Không thu thập, xác minh đầy đủ chứng cứ dẫn đến việc đánh giá sai bản chất vụ án.
89	Thông báo số 42/TBVC2-HC Ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng: không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; không lập thủ tục kế thừa tố tụng; vi phạm trong việc cấp, gửi bản án cho đương sự, dẫn đến làm mất quyền kháng cáo của họ.
90	Thông báo số 46/TBVKS-HC Ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đầy đủ chứng cứ, khách quan, dẫn đến việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đủ căn cứ. Cần làm rõ nguồn gốc đất và quá trình sử dụng để xác định việc cấp GCNQSDĐ là đúng hay sai.

91	Thông báo số 20/TBVC3-V3 ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc xác định không chính xác diện tích đất và nguồn gốc đất, dẫn đến mâu thuẫn trong các quyết định hành chính và việc giải quyết không triệt để, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Cần thu thập đầy đủ chứng cứ trước khi ra phán quyết.
92	Thông báo số 58/TBVC2-V3 ngày 21 tháng 07 năm 2022 của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về việc quyết định đình chỉ của cấp sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại.	Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án với lý do hết thời hiệu là không đúng. Vấn đề thời hiệu khởi kiện đã được Tòa án cấp trên (giám đốc thẩm) xem xét và hủy các bản án trước đó để giải quyết lại. Tòa án sơ thẩm phải tuân thủ quyết định của cấp trên.
93	Thông báo số 01/TB-VC2- HC ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính phúc thẩm.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng: không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không xem xét, thẩm định tại chỗ đầy đủ; không làm rõ nguồn gốc đất, dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện.
94	Thông báo số 03/TB-VC2- HC ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính phúc thẩm.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không tiến hành đối thoại và không đưa UBND phường (cơ quan có liên quan trực tiếp) vào tham gia tố tụng, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đầy đủ, toàn diện.
95	Thông báo số 62/TB-VC2- V3 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm đối với vụ án hành chính phúc thẩm.	Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đặc biệt là nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của người khởi kiện. Việc bác yêu cầu khởi kiện là chưa đủ căn cứ thuyết phục.
96	Thông báo số 01/TB-VC1- HC ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm khi ra Quyết định đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ

	sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm về phạm vi trong ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.	án, trong khi người khởi kiện chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cần phải tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự và chỉ đình chỉ phần yêu cầu đã được rút.
97	Thông báo số 21/TB-VC2- HC ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không đưa người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản (Ngân hàng) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan. Đồng thời, việc đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu là không có căn cứ, áp dụng sai quy định pháp luật.
98	Thông báo số 04/TB-VC1- HC ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành chính có vi phạm bị hủy.	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; không đưa đầy đủ các bên liên quan vào tham gia tố tụng, dẫn đến giải quyết vụ án không triệt để, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
99	Thông báo số 70/TBVKSTC ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Hành vi xây dựng nhà vệ sinh trên lối đi chung, dù đã hết thời hiệu xử phạt, nhưng vẫn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tòa án các cấp đã sai lầm khi không áp dụng biện pháp này, dẫn đến giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật.
100	Thông báo số 28/TB-VKSHC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm Về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không đưa người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh) và các cá nhân có quyền lợi liên quan (các đồng thừa kế) vào tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn diện, khách quan vụ án.
101	Thông báo số 25/TB-VC1- HC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành	Vi phạm của Tòa án sơ thẩm trong việc áp dụng pháp luật: - Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không làm rõ được bản chất tranh chấp.

	chính sở thẩm có vi phạm bị sửa án.	- Áp dụng sai quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai (thuộc thẩm quyền Tòa án chứ không phải UBND). - Vi phạm trong việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
102	Thông báo số 42/TB-VC2- V4 ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	- Vi phạm tố tụng: Tòa án chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn khi không có lý do chính đáng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. - Vi phạm nội dung: Tòa án chưa xem xét đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, dẫn đến việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện.
103	Thông báo số 43/TB-VC2- HC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, không đưa người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng) và áp dụng sai pháp luật, dẫn đến phán quyết thiếu cơ sở và không khách quan. VKSND đã kháng nghị kịp thời và được Tòa phúc thẩm chấp nhận.
104	Thông báo số 120/TBVKSTC ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã đánh giá chứng cứ không khách quan, áp dụng sai pháp luật về đất đai. Đất được sử dụng ổn định, lâu dài trước khi có quy hoạch nhưng lại bị xác định là lấn chiếm và không bồi thường là không đúng, gây thiệt hại cho quyền lợi của người dân.
105	Thông báo số 121/TBVKSTC ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã có vi phạm trong việc áp dụng pháp luật, dẫn đến việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân một cách thiếu căn cứ. Cần phải xác định đúng nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và các quy định pháp luật tương ứng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

106	Thông báo số 141/TBVKSTC ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về việc kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã có nhiều vi phạm về cả tố tụng và nội dung: thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; đánh giá chứng cứ mâu thuẫn; áp dụng pháp luật không đúng, dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên.
107	Thông báo số 49/TB-VKSHC ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án nhân dân tỉnh đã vi phạm trong việc áp dụng pháp luật khi không công nhận việc chấm dứt hưởng chế độ hưu trí của BHXH tỉnh là trái quy định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.
108	Thông báo số 51/TB-VKSHC ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án hành chính.	VKSND tỉnh đã rút kháng nghị phúc thẩm là không có căn cứ, thiếu kiên quyết. Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của đương sự một cách thiếu toàn diện, không xem xét hết các chứng cứ và quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.
109	Thông báo số 57/TB-VC2- HC ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, bác yêu cầu khởi kiện của người dân. Vi phạm của Tòa án đã không được Viện kiểm sát cùng cấp phát hiện kịp thời để kháng nghị. Việc VKSND cấp cao thông báo rút kinh nghiệm là cần thiết.
110	Thông báo số 78/TB-VC1-HC ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm về vi phạm trong việc giải quyết vụ án "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (thu thập chứng cứ không đầy đủ, không đưa người có quyền lợi liên quan vào tố tụng) và áp dụng sai pháp luật, dẫn đến giải quyết vụ án không đúng bản chất, phải hủy án để xét xử lại.

111	Thông báo số 79/TB-VC1-HC ngày 25 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật khi không công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người dân, dẫn đến việc VKSND cấp trên kháng nghị và được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm.
112	Thông báo số 80/TB-VC1-HC ngày 25 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị hủy án.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng: không làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện; không thu thập đầy đủ chứng cứ; không đưa đầy đủ người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng, dẫn đến phải hủy án để giải quyết lại.
113	Thông báo số 04/TB-VKS-HC ngày 28 tháng 12 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã có vi phạm trong việc giải quyết vụ án, đặc biệt là việc Tòa án cấp phúc thẩm không tuân thủ quyết định giám đốc thẩm trước đó, cố tình kéo dài vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.
114	Thông báo số 05/TB-VC2-HC ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan các chứng cứ, đặc biệt là các tài liệu liên quan đến việc thế chấp tài sản tại ngân hàng. Việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân khi chưa làm rõ các tình tiết quan trọng là thiếu sót.
115	Thông báo số 09/TB-VKS-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (không thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ) và sai lầm trong việc áp dụng pháp luật (bác yêu cầu khởi kiện không có căn cứ), dẫn đến Tòa án cấp phúc thẩm phải sửa án.
116	Thông báo số 11/TB-VC2-HC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút	Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, khách quan các tình tiết vụ án, đặc biệt là nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất

	kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	liên tục của người khởi kiện. Việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân khi chưa có đủ căn cứ là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.
117	Thông báo số 10/TB-VKS-HC ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về nội dung khi không xem xét, giải quyết triệt để yêu cầu của người khởi kiện. Việc không xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại dù đã được nêu trong đơn là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.
118	Thông báo số 15/TB-VKS-HC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm của Tòa án phúc thẩm trong việc đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, dẫn đến sửa bản án sơ thẩm không có căn cứ. Cần phải tôn trọng các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng ổn định, hợp pháp của người dân.
119	Thông báo số 14/TB-VC2-HC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng căn cứ pháp luật không chính xác và đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện. Việc bác yêu cầu khởi kiện của người dân là chưa đủ căn cứ và không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ.
120	Thông báo số 13/TB-VC2-HC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật không chính xác, dẫn đến đình chỉ yêu cầu khởi kiện của đương sự một cách thiếu căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ. Các văn bản của Trung tâm phát triển quỹ đất không phải là đối tượng khởi kiện.
121	Thông báo số 14/TB-VC1-HC ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, dẫn đến việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là không có căn cứ. Viện kiểm sát đã kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận sửa án sơ thẩm.

122	Thông báo số 38/TB-VKSTC ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm trong kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính.	Tổng hợp các vi phạm phổ biến trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính, bao gồm: việc lập hồ sơ kiểm sát chưa đầy đủ, chưa kịp thời phát hiện vi phạm của Chấp hành viên và Cơ quan THADS về việc xác minh, đình chỉ, cưỡng chế, thẩm định giá, đấu giá tài sản.
123	Thông báo số 30/TB-VC2-HC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm của Tòa án sơ thẩm khi bác yêu cầu khởi kiện. Việc xác định người dân không được bồi thường khi thu hồi đất là không đúng, vì không xem xét đầy đủ quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài và các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm đó.
124	Thông báo rút kinh nghiệm số 26/TB-VC1-HC ngày 7 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đối với quyết định hành chính sơ thẩm có vi phạm bị hủy án.	Vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: không thu thập đầy đủ chứng cứ; không làm rõ nội dung tranh chấp; không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để.
125	Thông báo rút kinh nghiệm số 31/TB-VKS-V3 ngày 8 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.	Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, dẫn đến bác yêu cầu khởi kiện không có căn cứ. Cụ thể là không công nhận tài sản chung của vợ chồng và quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.
126	Thông báo rút kinh nghiệm số 46/TB-VC1-HC ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với bản án hành chính sơ thẩm có vi phạm bị sửa án.	Tòa án sơ thẩm đã sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, không công nhận việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên thực tế của người dân, dẫn đến bác yêu cầu khởi kiện không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ.
127	Thông báo rút kinh nghiệm số 109/TB-VKSTC ngày 28 tháng 5 năm	Rút kinh nghiệm về các vi phạm trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự và

	2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Rút kinh nghiệm về nghiệp vụ kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.	hành chính, bao gồm việc áp dụng pháp luật, xác minh điều kiện thi hành án, và các thủ tục liên quan đến đấu giá, cưỡng chế tài sản.
128	Thông báo rút kinh nghiệm số 55/TB-VC2-HC ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm trong việc xác định đối tượng khởi kiện, dẫn đến đình chỉ một phần yêu cầu không đúng. Thông báo của cơ quan hành chính có nội dung chấm dứt giải quyết khiếu nại là một quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện.
129	Thông báo rút kinh nghiệm số 137/TB-VKSTC ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Sai lầm của Tòa án các cấp trong việc áp dụng pháp luật về đất đai, không công nhận quyền được bồi thường của người dân khi nhà nước thu hồi đất, mặc dù họ đã sử dụng đất ổn định, hợp pháp. Viện kiểm sát cần kiên quyết bảo vệ quan điểm đúng đắn.
130	Thông báo rút kinh nghiệm số 147/TB-VKSTC ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Vi phạm của Tòa án các cấp trong việc xác định vị trí đất để áp giá bồi thường. Việc không xem xét đầy đủ các yếu tố thực tế và hồ sơ địa chính dẫn đến việc áp dụng sai khung giá, gây thiệt hại cho người dân. VKSND cần nâng cao chất lượng kháng nghị.
131	Thông báo rút kinh nghiệm số 61/TB-VKS-HC ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Việc này làm ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn diện, khách quan vụ án và quyền lợi của các đương sự.
132	Thông báo rút kinh nghiệm số 165/TB-VKSTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Cần xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ để xác định đúng bản chất vụ việc. Tòa án các cấp đã có sai lầm khi không công nhận việc ông Nhuận khiếu nại về hệ số K bồi thường đất là có cơ sở, dẫn đến việc giải quyết không đảm bảo quyền lợi cho người dân.

133	Thông báo rút kinh nghiệm số 80/TB-VKS-HC ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Rút kinh nghiệm về việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu là không đúng, do chưa xem xét hết các văn bản liên quan và thời điểm người khởi kiện biết được quyết định hành chính. Cần xác định đúng thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện.
134	Thông báo rút kinh nghiệm số 15/TB-VC2-HC ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, cụ thể: - Về bồi thường nhà, vật kiến trúc: Áp dụng mức hỗ trợ 50% thay vì 100% đối với công trình xây dựng của hộ dân là không đúng quy định. - Về hỗ trợ di chuyển: Không bồi thường chi phí di chuyển cho hộ dân bị thu hồi toàn bộ đất ở và phải di chuyển chỗ ở là trái với quy định pháp luật.
135	Thông báo rút kinh nghiệm số 83/TB-VKS-V3 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm sửa án.	Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không đầy đủ, khách quan; có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Cụ thể, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người dân chỉ dựa trên các giấy tờ do họ cung cấp, trong khi các tài liệu, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của UBND xã.
136	Thông báo rút kinh nghiệm số 67/TB-VC2-HC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã áp dụng sai quy định về thời hiệu khởi kiện. Đối với vụ án khởi kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại, phải áp dụng thời hiệu tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thay vì áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116 như Tòa án đã làm.
137	Thông báo rút kinh nghiệm số 63/TB-VC2-V3 ngày 07 tháng 8 năm 2024	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa đầy đủ những người có quyền

	của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Cụ thể, Tòa án không đưa Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh K, huyện C, Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh K, UBND huyện C, UBND tỉnh K và Chùa TL vào tham gia tố tụng.
138	Thông báo rút kinh nghiệm số 25/TB-VKS-HC ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hành chính sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy án.	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Trong vụ án có liên quan đến di sản thừa kế, Tòa án sơ thẩm đã không đưa tất cả những người thuộc hàng thừa kế của các bên đã chết vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.
139	Thông báo rút kinh nghiệm số 31/TB-VC2-HC ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	- Về xác định người vi phạm: Tòa án sơ thẩm xác định chỉ người trực tiếp thực hiện hành vi (người được thuê) là có vi phạm mà không xử lý người thuê là bỏ sót người vi phạm. - Về xác định hành vi vi phạm: Tòa án nhận định sai hành vi san gạt mặt bằng là hủy hoại đất, trong khi đúng bản chất là hành vi khai thác khoáng sản. - Về biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chỉ một người khắc phục hậu quả là không đảm bảo nguyên tắc xử lý, gây thiệt hại.
140	Thông báo rút kinh nghiệm số 14/TB-VC2-HC ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, dẫn đến việc nhận định và tuyên án không có căn cứ, không đúng pháp luật. Việc Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người đã trúng đấu giá đất hợp pháp là không phù hợp khi chưa xem xét đến trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chậm bàn giao đất.

141	Thông báo rút kinh nghiệm số 84/TB-VKSTC ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính.	Tòa án các cấp đã nhận định, đánh giá không đúng thực tế về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và áp dụng sai pháp luật. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận quyền sử dụng đất cho người dân đối với đất có nguồn gốc là đất rừng cấm quốc gia bị lấn, chiếm là không đúng quy định, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước.

**PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC
TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH
(Từ năm 2015 đến 2026)**

S T T	Tên bản án /Quyết định	Nội dung	Phán quyết của tòa
1	Quyết định giám đốc thẩm số 05/2016/HC-GĐT	Xem xét lại việc bác đơn khởi kiện của NKK liên quan đến đất khai hoang.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Bác đơn khởi kiện. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì chưa xem xét đầy đủ các tình tiết (việc tặng cho đất).
2	Bản án số 24/2017/HC-PT	NKK yêu cầu hủy Công văn của UBND huyện không chấp nhận bồi thường diện tích đất trong dự án và buộc UBND huyện lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của UBND huyện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
3	Bản án số 90/2017/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 05/7/2017	Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Đội Quản lý thị trường về hành vi không xếp phân bón lên kệ mà để tiếp xúc trực tiếp với nền nhà.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của NKK. Lý do: có lý do khách quan cho việc vi phạm, Đoàn kiểm tra chưa xác minh cụ thể, và xử phạt Chi nhánh thay vì Công ty là sai đối tượng.
4	Bản án số 201/2017/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ngày	Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục kiểm lâm về việc phạt tiền và tịch thu tang vật là gỗ.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của NKK. Lý do: Chi cục kiểm lâm vi phạm về thời hạn ra

	14/7/2017		Biên bản và Quyết định xử phạt; Tòa sơ thẩm khẳng định không có việc mua bán gỗ là không có cơ sở.
5	Bản án số 144/2017/HC-PT ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giải thể doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ báo cáo và ngừng hoạt động.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
6	Bản án số 99/2017/HC-PT	NKK yêu cầu hủy Công văn của UBND huyện về việc không bố trí đất tái định cư mà chỉ bồi thường bằng tiền vì trên đất không có nhà ở khi thu hồi.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, bác kháng cáo của UBND. Tòa án cho rằng Nghị định của Chính phủ có giá trị pháp lý cao hơn Thông tư của Bộ.
7	Bản án số 105/2017/HC-PT	NKK yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh và xã về việc giao đất của dòng họ cho người khác không phù hợp.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, hủy các quyết định giải quyết khiếu nại do vi phạm thủ tục (hết thời hiệu nhưng vẫn thụ lý) và nội dung không phù hợp.
8	Bản án số 08/2017/HC-ST, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, ngày 28/7/2017	Khiếu kiện quyết định xử phạt của UBND phường về việc xây dựng tường rào trái phép trên đất dành cho người đi bộ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: UBND phường lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt mô tả bức tường không đúng diện tích, vị trí thực tế và căn cứ quy định xử phạt không đúng.

9	Bản án số 111/2017/HC-PT	NKK yêu cầu hủy Công văn trả lời khiếu nại, yêu cầu ban hành quyết định thu hồi, bồi thường đối với đất bị thu hồi xây trụ sở; tuyên hành vi cưỡng chế là trái luật.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu. Buộc UBND huyện phải xem xét bồi thường cho NKK vì đã sử dụng đất từ năm 1980 không tranh chấp.
10	Bản án số 127/2017/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 18/8/2017	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phạt tiền và tịch thu 2.000 ram giấy A4 vì cho là giấy nhập lậu.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Quyết định xử phạt có hình thức xử phạt bổ sung mà không có hình thức phạt chính là không phù hợp; giấy photocopy không thuộc danh mục cấm nhập và Tòa sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng.
11	Bản án số 115/2017/HC-PT	NKK yêu cầu hủy các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND thị xã vì áp dụng các văn bản đã hết hiệu lực.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, hủy các quyết định vì UBND thị xã đã áp dụng văn bản đã bị bãi bỏ để tính toán bồi thường.
12	Bản án số 05/2017/HC-ST	NKK yêu cầu hủy GCNQSDĐ và buộc UBND Thành phố cấp lại GCNQSDĐ với diện tích đất ở lớn hơn, dựa trên việc kê khai đăng ký từ năm 1991.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK, vì UBND thành phố đã không xem xét đến phần diện tích đất ở còn lại của thửa đất cũ đã được kê khai.
13	Bản án số 01/2017/HC-ST, ngày 29/9/2017	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Hạt trưởng hạt kiểm lâm về lỗi khai thác, tiêu thụ gỗ Sao đen trái	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Quyết định được ban hành quá thời hạn; NKK chỉ chặt phá, không lấy cây ra khỏi

		phép.	rừng nên xử phạt lỗi tiêu thụ là không phù hợp; chưa thu lợi bất chính và việc buộc trồng lại rừng không còn phù hợp thực tế.
14	Bản án số 298/2017/HC-PT ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.	Khởi kiện quyết định hành chính của Phòng ĐKKD về việc cấp Giấy CNĐKDN thay đổi người đại diện theo pháp luật, cho rằng các cuộc họp HĐQT là bất hợp pháp.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
15	Bản án số 02/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, ngày 30/01/2018	Khiếu kiện quyết định hành chính về việc tạm giữ tang vật (máy bơm) và xử phạt hành chính.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần quyết định xử phạt. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.
16	Bản án số 03/2018/HC-PT	NKK yêu cầu hủy văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Chi nhánh VPĐKKĐ với lý do chờ kết quả kháng nghị bản án.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK, vì việc chuyển nhượng đã hoàn tất, không có tranh chấp và đây không phải là điều kiện để không được chuyển nhượng.
17	Bản án số 02/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ngày 28/02/2018	Khiếu kiện các quyết định của Chủ tịch UBND phường về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế thi hành do lấn chiếm đất đai.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.
18	Bản án số 02/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân	Khiếu kiện các quyết định của Chủ tịch UBND phường về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định

	tỉnh Hưng Yên, ngày 03/07/2018	và cưỡng chế do lấn chiếm ngõ đi chung.	của Bản án sơ thẩm.
19	Bản án số 104/2018/HC-PT	NKK yêu cầu hủy một phần quyết định cấp GCNQSDĐ cho người em út dựa trên tờ di chúc không hợp pháp.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần quyết định vì tờ chúc ngôn không có giá trị pháp lý và Giấy xác nhận đồng thừa kế không đủ chữ ký.
20	Bản án số 03/2018/HC-PT	NKK yêu cầu hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ vì không tính phần đất trước sân nhà và hủy văn bản trả lời kiến nghị.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các văn bản vì ban hành không đúng thẩm quyền và sai hình thức.
21	Bản án số: 71/2018/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng	Ông Nguyễn Đình L khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất, cho rằng việc xác định nghĩa vụ tài chính phải dựa trên ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ (2012) chứ không phải ngày ra thông báo thuế (2016).	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Thông báo của Chi cục thuế. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của Chi cục thuế, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
22	Bản án số 77/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 30/05/2018	Khiếu kiện Quyết định của Sở LĐTĐ&XH về việc đình chỉ trợ cấp chế độ thương binh.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.
23	Bản án số 104/2018/HC-PT	NKK yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất thổ cư mà gia đình đã cho	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu của NKK

		UBND xã mượn.	do UBND huyện vi phạm thủ tục đối thoại và căn cứ vào các giấy tờ hợp pháp của chế độ cũ.
24	Bản án số 02/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, ngày 31/7/2018	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND xã về việc xới đất và gieo mạ trên đất của người khác.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Chủ tịch UBND xã căn cứ vào "biên bản sự việc" (không phải biên bản xử phạt VPHC) để ra quyết định xử phạt là không đúng; Tòa sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng.
25	Bản án số 117/2018/HC-PT ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện về việc cấp Giấy CNĐKDN thay đổi thành viên góp vốn (lần 23, 24) do cho rằng hồ sơ đăng ký là giả mạo.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 23 và 24. Phúc thẩm: Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.
26	Quyết định giám đốc thẩm số 04/2018/HC- GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.	Sơ thẩm: Không xem xét tính hợp pháp của Quyết định. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm. GĐT: Hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.
27	Bản án số: 525/2018/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Hà Nội	Công ty Cán thép TĐ khởi kiện Quyết định truy thu thuế GTGT đối với việc chuyển nhượng dự án, cho rằng bản chất giao dịch là chuyển nhượng vốn, không thuộc	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định của Cục thuế. Phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của Cục thuế; Sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết

		đối tượng chịu thuế GTGT.	định của Cục thuế.
28	Bản án số 23/2018/HC-ST	NKK yêu cầu hủy văn bản của Giám đốc VPĐKĐĐ về việc trả hồ sơ chuyển nhượng do cho rằng đất đang có tranh chấp.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, vì văn bản giải quyết khiếu nại không đúng hình thức và thừa đất chưa phát sinh tranh chấp tại Tòa án.
29	Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Giải quyết vụ án theo hướng có lợi cho NKK. GĐT: Hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì đã áp dụng sai Nghị quyết của Quốc hội và hủy Quyết định hành chính không có căn cứ.
30	Quyết định giám đốc thẩm số 07/2018/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.	Sơ thẩm: Giải quyết vụ án. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm. GĐT: Hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì việc hủy án sơ thẩm là không cần thiết và không đúng.
31	Quyết định giám đốc thẩm số 08/2018/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.	Sơ thẩm: Giải quyết vụ án. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm. GĐT: Hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì việc hủy án sơ thẩm là không đúng.
32	Bản án số 03/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương,	Khiếu kiện các quyết định, biên bản, thông báo liên quan đến việc tạm giữ, xử phạt, trả lại tang vật (máy cày) và yêu cầu bồi thường	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Sửa một phần Bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của mỗi

	ngày 18/10/2018	thiệt hại.	bên.
33	Bản án số 56/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22/10/2018	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố về hành vi vận chuyển chất thải rắn không đến đúng điểm tập kết.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Biên bản vi phạm không đảm bảo trình tự, thủ tục (người vi phạm không ký tên); hành vi được xác định trong biên bản chưa phù hợp về căn cứ pháp luật.
34	Bản án số 29/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ngày 15/11/2018	Khiếu kiện một phần quyết định của Chủ tịch UBND về việc tịch thu xe ô tô chở thuốc lá điều nhập lậu.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Xe ô tô là tài sản chung vợ chồng đang thế chấp tại Ngân hàng, không được mua bán, trao đổi nếu không có sự đồng ý của Ngân hàng. Theo luật, phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu/người sử dụng hợp pháp là Ngân hàng.
35	Bản án số 143/2018/HC-ST	NKK buộc UBND huyện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đã bị tạm dừng do lý do có tranh chấp tại Tòa án.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, vì qua xác minh không có vụ án tranh chấp nào liên quan đến quyền sử dụng đất của NKK đang được Tòa án thụ lý.
36	Bản án số 29/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ngày 26/11/2018	Khiếu kiện quyết định xử phạt VPHC và quyết định giải quyết khiểm nại của Chủ tịch UBND cấp huyện về việc xây dựng trên đất đang tranh chấp.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: UBND phường không lập biên bản đúng mẫu, không ban hành quyết định đình chỉ thi công là sai quy định. Chủ tịch UBND huyện căn cứ không đúng để ra quyết định.

37	Bản án số 27/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.	Khởi kiện quyết định về thu hồi giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT) và quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện vì đối tượng khởi kiện (các quyết định cũ) đã không còn do đã bị thu hồi/bãi bỏ.
38	Bản án số 11/2018/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, ngày 29/11/2018	Khiếu kiện các quyết định của Chủ tịch UBND phường về đình chỉ thi công, phá dỡ, cưỡng chế công trình xây dựng trên đất rừng PAM.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: UBND phường không xác minh đúng chủ đầu tư; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sai đối tượng; không lập thủ tục xử phạt và chuyển thẩm quyền đúng quy định.
39	Bản án số 17/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ngày 30/11/2018	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về hành vi xả nước thải gây ô nhiễm môi trường.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Mức xử phạt trên 50 triệu đồng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện.
40	Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/HC- GĐT	Xem xét lại việc xác định thời hiệu khởi kiện đã hết.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Xác định hết thời hiệu khởi kiện. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì áp dụng sai Nghị quyết của Quốc hội để xác định thời hiệu, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.
41	Bản án số 25/2018/HC-ST, Tòa án nhân dân	Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Cục trưởng Cục thuế chỉ căn cứ vào ý kiến của

	tỉnh Đắk Lắk, ngày 12/7/2018	trưởng cục thuế.	Kiểm toán Nhà nước mà không xác minh, chứng minh được hành vi vi phạm pháp luật về thuế, là không có căn cứ.
42	Bản án số 28/2018/HC-ST	NKK yêu cầu hủy quyết định thu hồi GCNQSDĐ và quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK, vì lý do thu hồi đất không xác định rõ theo luật, việc xác định chủ sử dụng đất khác là không đúng, và việc giải quyết tranh chấp là vượt thẩm quyền.
43	Bản án số 24/2019/HC-PT ngày 01/03/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.	Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính liên quan đến việc cấp Giấy CNĐKDN thay đổi người đại diện theo pháp luật.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (hủy giấy CNĐKDN thay đổi lần 10). Phúc thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
44	Quyết định giám độc thẩm số 06/2019/HC- GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì chỉ dựa trên diện tích xây nhà và lời khai để bác yêu cầu là không đủ căn cứ; Quyết định của UBND tỉnh không đúng thẩm quyền.
45	Quyết định giám độc thẩm số 07/2019/HC- GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu, hủy quyết định hành chính. GĐT: Hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp

			phúc thẩm xét xử lại.
46	Bản án số 17/2019/HC-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.	Khiếu kiện hành vi hành chính của Phòng ĐKKD về việc không giải quyết thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật trong thời gian dài.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc Phòng ĐKKD cấp Giấy CNĐKDN cho công ty. Phúc thẩm: Không chấp nhận đơn kháng cáo của Phòng ĐKKD, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
47	Bản án số 164/2019/HC-ST, ngày 27/02/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về hành vi gây tiếng ồn và độ rung vượt quy chuẩn.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: UBND cấp huyện không tổng đạt hợp lệ văn bản cho người vi phạm; xử phạt Chi nhánh Công ty là chưa đúng đối tượng áp dụng.
48	Bản án số 164/2019/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ngày 27/02/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất đã được Nhà nước thu hồi.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính không có chữ ký của NKK và không có chứng kiến của hộ dân lân cận là chưa đúng thủ tục. UBND huyện chưa thực hiện thỏa thuận từ vụ án trước mà đã ra quyết định xử phạt là chưa thỏa đáng.
49	Bản án số 12/2019/HC-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.	Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình và Quyết định giải quyết khiếu nại. Vụ việc liên quan đến xây dựng trên đất thuê của thôn.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do NKK rút đơn.

50	Bản án 61/2019/HC-PT	NKK yêu cầu hủy 04 GCNQSDĐ được tách thửa từ đất là tài sản chung vợ chồng mà không có sự đồng ý của cả hai.	Sơ thẩm (xét xử lại): Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, tuyên xử hủy 04 GCNQSDĐ vì đất là tài sản chung nhưng việc chuyển nhượng, tặng cho không có sự nhất trí của cả hai vợ chồng.
51	Quyết định giám đốc thẩm số 02/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, xem xét lại việc đòi bồi thường về đất.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Bác yêu cầu đòi bồi thường. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì chưa làm rõ các tình tiết (việc nộp tiền sử dụng đất), chưa xem xét đủ điều kiện bồi thường và thiếu sót trong thu thập tài liệu.
52	Quyết định giám đốc thẩm số 03/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, xem xét lại việc bồi thường đất theo đơn giá đất ở.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì chưa thu thập đủ chứng cứ để xác định chính xác loại đất, diện tích đất bị thu hồi.
53	Quyết định giám đốc thẩm số 04/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Hủy Bảng giá đất của tỉnh. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì việc thụ lý giải quyết khi chưa xác định rõ thời hiệu là thiếu sót.
54	Bản án số 178/2019/ HC-PT	NKK khởi kiện quyết định bồi thường hỗ trợ do mức hỗ trợ quá thấp (0,4 lần) so với hộ khác (2	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết

		lần) vì lý do đất có tranh chấp.	định về phê duyệt hệ số điều chỉnh đơn giá bồi thường.
55	Bản án số 06/2019 /HC-ST	NKK yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, buộc ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK, vì UBND huyện đã áp dụng các chính sách của pháp luật đất đai năm 2003 là không đúng quy định tại thời điểm ban hành.
56	Bản án số 197/2019/HC-PT, ngày 24/04/2019	Khiếu kiện các quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện về việc xây dựng nhà xưởng không có giấy phép.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện. Lý do: Công trình xây dựng trên đất hợp pháp, không ảnh hưởng công trình lân cận. Việc cho rằng vi phạm quy hoạch, chỉ giới là không có căn cứ. Việc buộc phá dỡ toàn bộ công trình là không đúng.
57	Bản án số 688/2019/HC-PT ngày 5/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện quyết định cấp giấy phép thành lập cơ sở kinh doanh mới tại địa chỉ của hộ kinh doanh cũ đã bị xóa tên.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
58	Bản án số 156/2019/ HC-PT	NKK yêu cầu hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và buộc Chủ tịch UBND huyện giải quyết lại.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, vì Chủ tịch UBND huyện chưa làm rõ sự việc mà đã ra quyết định giải quyết khiếu nại.

59	Bản án số 264/2019/HC-PT ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện về việc cấp Giấy CNĐKDN do cho rằng hồ sơ đăng ký có sự giả mạo, vi phạm quy trình hợp HĐQT.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần khởi kiện, hủy các Giấy CNĐKDN. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
60	Bản án số 302/2019/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 22/05/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của UBND cấp huyện về hành vi lấn, chiếm đất lộ giao thông nông thôn.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Phần đất có nguồn gốc do NKK khai phá, chiếm dụng nhưng đã hết thời hiệu xử lý, phải xem xét để công nhận tính hợp pháp. Việc UBND xã cho rằng đất là lộ giao thông rồi ra quyết định xử phạt là không đúng.
61	Bản án số 213/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy GCNQSDĐ về phần xác định diện tích đất ở và trồng cây lâu năm, buộc xác định lại.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Phúc thẩm: Bác kháng cáo vì việc xác định diện tích đất ở quá thấp là không đúng quy định, gây thiệt thòi cho người dân.
62	Quyết định giám đốc thẩm số 25/2019/HC- GĐT	Xem xét lại việc xác định thời hiệu khởi kiện và việc đình chỉ vụ án.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Xác định hết thời hiệu, đình chỉ vụ án. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì việc xác định thời hiệu và căn cứ đình chỉ là không đúng.
63	Bản án số 02/2019/HC-PT,	Khiếu kiện về biện pháp ngăn chặn (bắt giữ người) và đảm bảo xử lý	Sơ thẩm: (Không nêu rõ, nhưng kết quả phúc thẩm cho thấy đã bác

	Tòa án nhân dân tỉnh B, ngày 14/6/2019	VPHC (tạm giữ phương tiện); yêu cầu tuyên bố hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại.	yêu cầu). Phúc thẩm: Đình chỉ một phần yêu cầu (về tuyên bố bắt người trái pháp luật); không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại (hủy quyết định tạm giữ, bồi thường).
64	Bản án số 05/2019/ HC-ST	NKK khởi kiện buộc VPĐKĐĐ chấm dứt hành vi tạm dừng cấp GCNQSDĐ với lý do đất đang tranh chấp.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu, tuyên bố hành vi tạm dừng là trái luật vì nguồn gốc đất là từ bán đấu giá của cơ quan có thẩm quyền, không thể tạm dừng với lý do tranh chấp.
65	Quyết định giám đốc thẩm số 17/2019/HC-GĐT	Xem xét lại việc giải quyết tranh chấp đất đai trong vụ án hành chính.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Giải quyết tranh chấp. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì giải quyết tranh chấp không đúng thẩm quyền và thụ lý vụ việc dân sự trong án hành chính là không phù hợp.
66	Quyết định giám đốc thẩm số 15/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Hủy quyết định hành chính. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì chưa thu thập, đánh giá đầy đủ tài liệu, đặc biệt là các giấy tờ của chế độ cũ.
67	Quyết định giám đốc thẩm số 16/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Xác định sai thẩm quyền giải quyết (thuộc về Tòa án). GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì việc xác định thẩm

			quyền là sai lầm và kết luận chưa đủ căn cứ vững chắc.
68	Bản án số 106/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt bồi thường và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho người khác.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của UBND huyện, vì UBND huyện không thi hành quyết định đã có hiệu lực mà tiếp tục ban hành các quyết định khác có nội dung trùng lặp.
69	Bản án số 109/2019/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 30/07/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về hành vi vận chuyển gỗ trái phép.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Vi phạm về trình tự, thủ tục xử phạt (không lập biên bản ngay, hợp thức hóa thời gian, không nêu rõ tình trạng tang vật, không tổng đạt hợp lệ văn bản); tài liệu trong hồ sơ hầu hết là bản photo, không có căn cứ.
70	Bản án số 114/2019/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ngày 31/07/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về hành vi lấn chiếm nương nước.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Cùng một hành vi mà cả UBND xã và huyện cùng ra quyết định xử phạt là vi phạm; thời hạn hủy bỏ quyết định đã quá lâu là sai; việc xác định NKK lấn chiếm đất của công ty khác là chưa đủ căn cứ.
71	Bản án số 01/2019/HC-PT	Khiếu kiện quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của

	ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.	GCNĐT do chậm tiến độ, vi phạm pháp luật đầu tư.	NKK.
72	Bản án số 02/2019/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, ngày 08/04/2019	Khiếu kiện quyết định của Chủ tịch UBND xã xử phạt về hành vi khai thác khoáng sản không xin giấy phép.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK và kiến nghị UBND xã xác minh làm rõ, nếu có vi phạm thì chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Lý do: Hiện trường đã thay đổi; việc kiến nghị của cấp sơ thẩm trong phần quyết định là khó thi hành và không đúng quy định. Tòa sơ thẩm còn có nhiều sai sót về tố tụng.
73	Bản án số 215/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp và buộc cấp lại theo đúng quy định, xác định toàn bộ là đất ở và không nộp tiền sử dụng đất.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu hủy và cấp lại, đình chỉ yêu cầu về xác định loại đất. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của NKK vì trên GCNQSDĐ có ghi nợ tiền sử dụng đất nhưng thực tế không thuộc diện phải nộp.
74	Bản án số 122/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại, buộc giải quyết lại và cho phép chỉnh lý biến động đất đai.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu của NKK vì hộ gia đình đang sử dụng đất không có tranh chấp nên được thực hiện quyền của người sử dụng đất.
75	Bản án số	NKK yêu cầu hủy các quyết định	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện.

	123/2019/HC -PT	của Chủ tịch UBND cấp huyện về giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai.	Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của NKK vì việc ban hành các quyết định chưa khách quan, toàn diện.
76	Bản án số 541/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy công văn trả lời và Quyết định giải quyết khiếu nại, buộc cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của bị đơn, vì NKK đủ điều kiện được công nhận và cấp GCNQSD đất nông nghiệp.
77	Bản án số 03/2019/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.	Khởi kiện Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định cưỡng chế đối với công trình trụ cổng, tường rào xây dựng trên đất giao thông.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
78	Bản án số 133/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy quyết định thu hồi GCNQSDĐ do Thanh tra kết luận việc cấp đổi không đúng trình tự, diện tích tăng thêm chưa được làm rõ.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình là phù hợp quy định.
79	Bản án số 569/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy văn bản của UBND cấp tỉnh về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của NKK vì văn bản vi phạm về hình thức, thẩm quyền và nội dung.
80	Bản án số 139/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy công văn từ chối cấp GCNQSDĐ và xem xét	Sơ thẩm: Bác yêu cầu hủy công văn, chấp nhận yêu cầu xem xét lại

		lại trình tự thu hồi đất, bồi thường năm 2004.	thủ tục. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì UBND huyện chưa ban hành quyết định thu hồi chính thức.
81	Bản án số 604/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy quyết định của UBND cấp huyện về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì kết quả đo vẽ của 02 cơ quan khác nhau về diện tích, UBND huyện chưa làm rõ để tính toán bồi thường chính xác.
82	Bản án số 427/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy các quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường và giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để hủy các quyết định do áp giá đất sai thời điểm và quy trình giao quyết định trái luật.
83	Bản án số 13/2019/HC -ST	NKK khởi kiện hành vi không ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo, chuyển đổi nghề và buộc UBND huyện phải ban hành.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu, buộc UBND cấp huyện phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ vì việc chưa ban hành là trái nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.
84	Bản án số 150/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hủy GCNQSDĐ và hủy quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần (hủy một phần quyết định bồi thường). Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm vì quyết định bồi thường không xem xét về nhà ở và công trình xây dựng là không đúng.

85	Quyết định giám đốc thẩm số 13/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Giải quyết vụ án. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì chưa làm rõ việc người sử dụng đất có nộp tiền hay không để xác định quyền được bồi thường về đất.
86	Bản án số 156/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy một phần quyết định về bồi thường, buộc bổ sung các khoản hỗ trợ còn thiếu.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu. Phúc thẩm: Bác kháng cáo vì việc xác định hộ gia đình NKK không thuộc diện được hỗ trợ đào tạo nghề là không đúng.
87	Bản án số 19/2019/HC -ST	NKK yêu cầu hủy quyết định giao quyền sử dụng đất và hủy GCN đã cấp cho người khác.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK vì Quyết định và GCN có sai sót, không phù hợp, và quyết định giao đất là sai thẩm quyền.
88	Bản án số 159/2019/HC-PT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.	Yêu cầu hủy các GCNĐKDN và GCNĐT do Phòng ĐKKD tự ý thay đổi sau khi công ty mẹ ở nước ngoài bị tuyên bố phá sản.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án (do NKK không có quyền khởi kiện vì đã bị tuyên bố phá sản).
89	Bản án số: 343/2019/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất, cho rằng việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của cơ quan chức năng là không chính xác, dẫn đến việc tính toán nghĩa vụ tài chính sai.	Sơ thẩm: Bác đơn khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

90	Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Xác định sai thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.
91	Quyết định giám đốc thẩm số 11/2019/HC-GĐT	V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Hủy quyết định hành chính của UBND cấp tỉnh. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vì việc hủy quyết định là chưa phù hợp và không đúng với nội dung vụ án.
92	Bản án số 14/2019/HC-ST	NKK yêu cầu hủy quyết định của UBND cấp huyện về việc thu hồi GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu của NKK vì UBND cấp huyện căn cứ vào văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật để ban hành quyết định.
93	Bản án số 234/2019/HC-PT	NKK yêu cầu buộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh thụ lý, giải quyết khiếu nại lần hai đối với thông báo không thụ lý đơn vì hết thời hiệu.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của NKK vì nội dung thông báo của Chủ tịch UBND cấp huyện không đảm bảo quyền lợi.
94	Bản án số 236/2019/HC-PT	NKK yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu du lịch biển.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, vì việc thu hồi đất trồng rừng để làm dự án du lịch cho tư nhân là không có căn cứ, xâm phạm quyền lợi của NKK.

95	Bản án số 02/2019/HC - ST, Toà Án Nhân Dân Thành Phố Vĩnh Yên Tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 27-11-2019	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã về việc không giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuyên bố hành vi không giải quyết là trái pháp luật. Buộc UBND xã phải hoàn thiện hồ sơ.
96	Quyết định giám đốc thẩm số 14/2019/HC- GĐT	Xem xét lại việc bác yêu cầu khởi kiện vì cho rằng Quyết định hành chính không ảnh hưởng trực tiếp đến NKK.	Sơ thẩm & Phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. GĐT: Hủy các bản án, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì chưa làm rõ nguồn gốc đất bị thu hồi.
97	Bản án số 02/2019/HC-ST, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, ngày 12/09/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện về 02 hành vi: (1) Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp và (2) Không thông báo khởi công xây dựng.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Nội dung quyết định không phù hợp với biên bản vi phạm; căn cứ xử phạt các hành vi vi phạm là không đúng với quy định của Luật xây dựng và các Nghị định liên quan. Buộc Chủ tịch UBND huyện phải xin lỗi công khai.
98	Bản án số 01/2019/HC-ST, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, ngày 12/09/2019	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Trưởng công an huyện về hành vi hủy hoại tài sản của người khác.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK. Lý do: Khi phát hiện vi phạm, người có thẩm quyền không lập biên bản vi phạm hành chính tại hiện trường; biên bản được lập sau đó không đầy đủ nội dung, không mời người bị thiệt hại và chính quyền địa phương ký, vi phạm quy định của Luật Xử lý

			VPHC.
99	Bản án số 229/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy thông báo kết luận của Thanh tra huyện và Quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm vì việc UBND xã tự ý bán đấu giá lô đất khi chưa làm thủ tục điều chỉnh quy hoạch là vi phạm pháp luật.
100	Bản án số 226/2019/HC -PT	NKK yêu cầu hủy GCNQSDĐ và các quyết định giải quyết khiếu nại.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm vì quy trình cấp GCNQSDĐ chưa đúng pháp luật.
101	Bản án số 11/2020/HC -PT	NKK khởi kiện UBND cấp huyện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho người khác.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc cấp GCNQSDĐ là không có căn cứ, cấp chồng lấn, cấp cho hai người sử dụng khác nhau trên cùng một thửa đất.
102	Bản án số 33/2020/HC-PT ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện yêu cầu hủy GCNĐKDN chuyển đổi từ công ty TNHH hai thành viên sang một thành viên do một thành viên không góp vốn.	Sơ thẩm: Không chấp nhận khiếu kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
103	Bản án số 19/2020/HC -ST	NKK yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại, buộc giao thêm đất tái định cư và hoàn trả	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu hủy quyết định và buộc giao thêm 01 lô đất vì việc ban hành các quyết định

		tiền áp giá đất sai.	chưa đảm bảo quyền lợi và tính công bằng trong chính sách tái định cư.
104	Bản án số 01/2020/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, ngày 29/04/2020	Khiếu kiện quyết định xử phạt của Trưởng Công an phường về hành vi dùng cây tre gỗ đánh người.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu của NKK. Phúc thẩm: Hủy bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ để xét xử lại. Lý do: Tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (không ra thông báo thụ lý bổ sung đối với quyết định mới, bỏ sót người tham gia tố tụng, không xem xét tính hợp pháp của các quyết định liên quan).
105	Bản án số 257/2020/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, giải quyết khiểm nại và cưỡng chế đối với công trình công rào xây dựng trên hẻm công cộng.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
106	Bản án số 03/2020/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, ngày 22/06/2020	Khiếu kiện quyết định tạm giữ tang vật (CPU máy tính), yêu cầu bồi thường thiệt hại và tuyên bố các hành vi hành chính khác là trái pháp luật.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ để xét xử lại. Lý do: Vi phạm nghiêm trọng tố tụng.
107	Bản án số 08/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Điện	Khiếu kiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính (tháo dỡ, cưỡng chế) đối với công trình xây dựng không phép. Tòa án nhận định có nhiều vi phạm về trình tự, thủ tục	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

	Biên.	ban hành các quyết định (lập, giao biên bản, niêm yết công khai), làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NKK.	
108	Bản án số 1086/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng (xây dựng không có giấy phép). NKK cho rằng mình bị xử phạt sai loại hành vi (phải là xây dựng tại khu đô thị).	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện, xác định việc áp dụng hình thức xử phạt của UBND là đúng.
109	Bản án số: 02/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Công ty TH khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại, cho rằng việc Chi cục Thuế xác định công ty trốn thuế đối với chiếc xe ô tô được biếu tặng là không đúng và gây thiệt hại cho công ty.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định và tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết trong một vụ án khác.
110	Bản án số: 496/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty Phú V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế do sử dụng hóa đơn của một công ty đã bỏ trốn, cho rằng công ty không có lỗi và việc xử phạt của Cục thuế là không đúng trình tự, căn cứ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt và đình chỉ giải quyết Quyết định đình chỉ khiếu nại. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
111	Bản án số 11/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Điện	Khiếu kiện các Thông báo yêu cầu tháo dỡ công trình và Quyết định giải quyết khiếu nại. Tòa án xác định Thông báo cuối cùng không hợp pháp về hình thức và nội	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Thông báo và toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại.

	Biên.	dung, do đó Quyết định giải quyết khiếu nại (giữ nguyên Thông báo này) cũng không hợp pháp.	
112	Bản án số 11/2020/HC-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.	Khiếu kiện Quyết định chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận của dự án đầu tư do không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện.
113	Bản án số 16/2020/HC-ST, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23-09-2020	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã V về việc không xác nhận đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Đình chỉ một phần và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tuyên bố hành vi không xác nhận là trái pháp luật và buộc UBND xã phải thực hiện.
114	Bản án số 1598/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND quận về việc từ chối cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình tường rào, cổng trong phạm vi lộ giới.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên bố hành vi từ chối cấp phép là trái pháp luật (vì trường hợp này đủ điều kiện cấp phép có thời hạn).
115	Bản án số: 196/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng	Bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục thuế, cho rằng thửa đất của bà có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước 15/10/1993, không có tranh chấp, nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ mà không phải nộp	Sơ thẩm: Bác đơn khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy Quyết định của Cục thuế.

		tiền sử dụng đất.	
116	Bản án số 01/2020/DS-HC, Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, ngày 30-09-2020	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã về việc không giải quyết hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc UBND xã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thông tin địa chính.
117	Bản án số 01/2020/HC-ST, Tòa Án Nhân Dân Huyện Ea Súp Tỉnh Đắk Lắk, ngày 30-09- 2020	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã về việc không xác nhận nguồn gốc đất để làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận đơn khởi kiện. Buộc UBND xã thực hiện lại quy trình xem xét, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ.
118	Bản án số: 649/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần X khởi kiện yêu cầu hủy các thông báo nộp tiền thuê đất, quyết định cưỡng chế thuế và thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do cho rằng việc tính toán tiền thuê đất của Cục thuế là không đúng với hợp đồng đã ký.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định và thông báo của Cục thuế. Phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (trương tự sơ thẩm).
119	Bản án số 671/2020/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình sửa chữa, xây dựng lại nhà bị sập mà không có giấy phép.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

120	Bản án số 1955/2020/HC-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tòa án xác định quyết định xử phạt và quyết định cưỡng chế có một phần không phù hợp với quy định pháp luật (liên quan đến phần diện tích xây dựng sai phép nhưng không phải đất lấn chiếm).	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định xử phạt và Quyết định cưỡng chế.
121	Bản án số: 02/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ	Ông Thạch Văn V khởi kiện yêu cầu hủy các thông báo nộp tiền sử dụng đất, cho rằng gia đình ông đã mua nhà thanh lý từ năm 1991 nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền sử dụng đất.	Sơ thẩm (xử lại): Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
122	Bản án số: 44/2020/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng	Công ty X khởi kiện quyết định xử phạt của Chi cục thuế, cho rằng dịch vụ thu hoạch gỗ keo rừng trồng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, không phải chịu thuế GTGT.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần các quyết định của cơ quan thuế. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.
123	Bản án số 194/2020/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12/06/2020	Khiếu kiện quyết định hành chính về việc tạm giữ tang vật (nếp tươi) và yêu cầu bồi thường.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (buộc bồi thường số nếp hao hụt). Phúc thẩm: Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ để xét xử lại. Lý do: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.
124	Bản án số: 779/2020/HC-PT	Hội đồng Xử lý nợ (thành lập để xử lý tài sản trong một vụ án hình	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy thông báo nộp thuế và

	của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	sự) bán đấu giá tài sản nhưng bị Chi cục Thuế ra thông báo thu thuế GTGT và TNDN. Hội đồng X khởi kiện vì cho rằng mình không phải là đối tượng nộp các loại thuế này.	các quyết định giải quyết khiếu nại. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Cục Thuế, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
125	Bản án số 89/2020/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, ngày 25-12-2020	Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện về việc không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại.
126	Bản án số: 131/2021/DS-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty A được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa được bàn giao đất trên thực tế, chưa ký hợp đồng thuê đất nhưng vẫn bị Chi cục thuế ra thông báo nộp tiền thuê đất. Công ty khởi kiện yêu cầu hủy các thông báo thuế.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo và kháng nghị; Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, hủy các thông báo tiền thuế.
127	Bản án số: 273/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty T khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, cho rằng công ty đã tự kê khai, bổ sung trước khi có quyết định kiểm tra của cơ quan thuế nên không bị xử phạt.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định bị kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thuế; Sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty.
128	Bản án số: 195/2021/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ	Công ty V khởi kiện yêu cầu hủy các thông báo truy thu tiền thuê đất của Cục thuế, cho rằng việc điều chỉnh đơn giá đất và truy thu cho các năm trước là trái quy định vì	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công

	Chí Minh	công ty chưa được bàn giao đất thực tế và chưa ký hợp đồng thuê đất.	ty V.
129	Bản án số 10/2021/HC-PT, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, ngày 05/03/2021	Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định tạm giữ người, gia hạn tạm giữ, xử phạt hành chính và giải quyết khiếu nại liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của NKK, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.
130	Bản án số: 461/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Chi cục Thuế xử phạt Công ty A vì cho rằng công ty đã sử dụng hóa đơn của một doanh nghiệp không còn hoạt động. Công ty A khởi kiện vì cho rằng tại thời điểm giao dịch, doanh nghiệp kia vẫn đang hoạt động.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt. Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (hủy bỏ các khoản tiền liên quan đến thuế GTGT nhưng không chấp nhận các yêu cầu khác).
131	Bản án số: 01/2021/HC-ST của Tòa án Nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất, cho rằng thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ của gia đình là năm 2004 nên phải được áp dụng đơn giá đất tại thời điểm đó, thay vì đơn giá năm 2019.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
132	Bản án số: 439/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục Thuế.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy cả hai quyết định. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thuế; Sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu hủy Quyết định 3094, chấp nhận một phần yêu cầu hủy

			Quyết định 421.
133	Bản án số: 267/2021/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng	Công ty P Việt Nam khởi kiện các Quyết định của Cục thuế về việc ấn định tỷ suất thu nhập thuần và truy thu thuế TNDN, cho rằng việc Cục thuế xác định công ty có "quan hệ liên kết" để "chuyển giá, trốn thuế" là không có cơ sở.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Kết luận thanh tra và toàn bộ Quyết định ấn định thuế. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của Cục thuế, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
134	Bản án số: 165/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.	Bà L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDD được cấp cho ông P, bà T1 (là người được đổi đất) vì cho rằng thửa đất này đang bị Chi cục THADS cấm chuyển dịch để đảm bảo thi hành án.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
135	Bản án số: 182/2021/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng	Công ty Cổ phần Thủy điện B khởi kiện Quyết định truy thu thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ lãi tiền gửi, cho rằng khoản thu nhập này phải được bù trừ với chi phí lãi vay và được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đầu tư.	Sơ thẩm: Chấp nhận đơn khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt và Quyết định cưỡng chế của Cục thuế. Phúc thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
136	Bản án số 16/2021/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.	Khởi kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Tòa án xác định việc xây dựng của NKK là trái phép và hành vi cưỡng chế của UBND là đúng quy trình, pháp luật.	Sơ thẩm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

137	Bản án số: 71/2021/HC-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng.	Ông C khởi kiện, yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện T cấp cho "Hộ bà Bùi Thị H " (vợ của người anh đã mất), cho rằng việc cấp này không đúng đối tượng và vi phạm về trình tự, thủ tục thừa kế.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy GCNQSDĐ đã cấp.
138	Bản án số 600/2021/HC-PT, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/11/2021	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND phường về việc lập Biên bản làm việc buộc tháo dỡ công trình xây dựng và hành vi cưỡng chế tháo dỡ.	Sơ thẩm: Đình chỉ một phần yêu cầu (về hành vi cưỡng chế), bác yêu cầu còn lại (về hành vi lập biên bản). Phúc thẩm: Bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.
139	Bản án số: 14/2021/HC-PT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Hà Nội	Công ty TNHH B khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, liên quan đến việc loại trừ các khoản chi phí mua hàng thanh toán bằng tiền mặt có giá trị lớn.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
140	Bản án số: 02/2021/HC-PT của Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Doanh nghiệp tư nhân B khởi kiện yêu cầu Chi cục thuế bồi thường thiệt hại (mất thu nhập, tổn thất tinh thần) do bị đóng mã số thuế và không được xuất hóa đơn trong thời gian dài sau khi bị lập biên bản vi phạm về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (buộc trả tiền lãi, tiền thuê luật sư và bồi thường mất thu nhập). Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu bồi thường thiệt hại của NKK.
141	Bản án số: 01/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Tỉnh	Bà N khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện K đã cấp cho bà U vì cho rằng đất đang có tranh chấp và thủ tục cấp	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy GCNQSDĐ do việc cấp giấy chứng nhận trong khi đất đang có tranh chấp là trái pháp

	Sóc Trăng.	không đúng quy định (ghi nhận sai người sử dụng đất trên sổ mục kê).	luật.
142	Bản án số 01/2022/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, ngày 26/01/2022	Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc xử phạt, tạm giữ và kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện do vi phạm nồng độ cồn.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.
143	Bản án số 135/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc hủy bỏ một phần giấy phép xây dựng (phần ban công), áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế tháo dỡ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện.
144	Bản án số 29/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.	Khởi kiện Quyết định cưỡng chế tháo dỡ nhà cấp 4 và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vụ việc liên quan đến tranh chấp ngõ đi chung.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
145	Bản án số: 32/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk.	Ông Q khởi kiện UBND thị xã B yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho ông D và bà H, vì cho rằng GCNQSDĐ này chồng lấn lên phần đất của ông mua từ năm 1995 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy GCNQSDĐ đã cấp sai.
146	Bản án số 177/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại	Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế và giải quyết khiếu nại liên quan đến	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của NKK, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

	thành phố Hồ Chí Minh.	công trình xây dựng không có giấy phép.	
147	Bản án số: 101/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.	Ông V khởi kiện yêu cầu hủy các GCNQSDĐ mà UBND thành phố B đã cấp cho các anh chị em mình, cho rằng việc mẹ mình tặng cho đất cho các anh chị em khi ông còn sống là trái pháp luật và xâm phạm quyền thừa kế.	Sơ thẩm: Hủy các GCNQSDĐ đã cấp. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
148	Bản án số: 103/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.	Ông T và bà Q khởi kiện UBND thành phố B, yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Q1, bà T3 (sau này chuyển nhượng cho ông H1, bà Th) vì cho rằng GCNQSDĐ này chồng lấn lên đất của mình.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo và kháng nghị. Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NKK, đồng thời công nhận một phần quyền sử dụng đất cho các bên liên quan.
149	Bản án số 239/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi của Chủ tịch UBND xã về việc không xử lý các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp của NKK.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại và buộc Chủ tịch UBND xã thực hiện cưỡng chế. Phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại nhưng cũng buộc thực hiện cưỡng chế đối với các công trình vi phạm.
150	Bản án số 340/2022/HC-PT, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ	Khiếu kiện Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (KPHQ) và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định KPHQ do hành vi chiếm đất và xây dựng	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của NKK.

	Chí Minh, ngày 13/05/2022	không phép.	
151	Bản án số: 14/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Dương.	Bà U khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện T cấp cho bà Ch và ông C, vì cho rằng đất này có nguồn gốc là của gia đình bà U (tài sản thừa kế chưa chia).	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện.
152	Bản án số: 06/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Nông.	Ông Đ khởi kiện UBND huyện Đ yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho các cá nhân khác chồng lấn lên diện tích đất của ông. Tòa án xác định có sự chồng lấn và việc cấp GCNQSDĐ là sai sót, không đúng vị trí thực tế.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp sai.
153	Bản án số: 29/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk.	Vợ chồng ông M, bà L khởi kiện vì cho rằng GCNQSDĐ cấp cho ông T, bà L (người khác) đã chồng lấn lên một phần đất của mình. Tòa án xác định việc cấp GCNQSDĐ là sai vị trí, diện tích và đối tượng sử dụng đất.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp sai.
154	Bản án số 152/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện hành vi hành chính về việc cưỡng chế phá dỡ tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại do cho rằng việc cưỡng chế là trái pháp luật.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
155	Bản án số 01/2022/HC-PT,	Khiếu kiện Thông báo tạm ngưng xây dựng của Chủ tịch UBND xã	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Thông báo và buộc

	Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06/05/2022	do có tranh chấp đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại.	UBND xã bồi thường thiệt hại. Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NKK.
156	Bản án số 21/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, ngày 13/06/2022	Khiếu kiện hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc không cấp GCNQSDĐ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc Văn phòng đăng ký đất đai phải thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ.
157	Bản án số: 222/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.	Ông H khởi kiện yêu cầu hủy các GCNQSDĐ cấp cho anh trai mình là ông B2, vì cho rằng đất này là di sản thừa kế của bố mẹ chưa chia, việc ông B2 được cấp GCNQSDĐ là không đúng quy trình và đối tượng.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
158	Bản án số: 433/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Ông Th khởi kiện UBND huyện CH yêu cầu hủy các GCNQSDĐ cấp cho những người khác, vì cho rằng đất của mình bị tranh chấp, việc cấp giấy trong khi tranh chấp chưa được giải quyết là trái luật.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
159	Bản án số: 456/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Ông Th khởi kiện yêu cầu hủy các GCNQSDĐ do UBND và Sở Tài nguyên Môi trường cấp, với lý do việc cấp giấy và đính chính sau đó là không đúng, sai sót về vị trí, đối tượng, diện tích, gây ảnh hưởng	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (hủy GCNQSDĐ cấp sai, nhưng bác các yêu cầu khác).

		quyền lợi.	
160	Bản án số 43/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ngày 23-06-2022	Khiếu kiện các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thị xã và UBND xã liên quan đến việc không cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại. Buộc UBND xã cấp GCNQSDĐ.
161	Bản án số: 41/2022/HC- ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	Bà H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ do Sở M tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông T, vì cho rằng thửa đất này là của bà H, ông T đã được cấp nhầm. Ông T cũng tự nguyện làm đơn xin trả lại GCNQSDĐ vì thừa nhận có sự nhầm lẫn.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông T do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất.
162	Bản án số: 09/2022/HC- ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Nông.	Ông Đ khởi kiện UBND huyện Đ vì đã cấp GCNQSDĐ chồng lấn lên thửa đất của ông. Trong quá trình giải quyết, Tòa án xác định việc cấp GCNQSDĐ ban đầu và các lần chuyển nhượng sau đó đều có sai sót, không đúng vị trí thực tế, gây chồng lấn.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp sai cho người đang sử dụng đất do chuyển nhượng.
163	Bản án số: 08/2022/HC- ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Nông.	Ông L và ông L1 khởi kiện UBND huyện G yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho anh K, chị T vì cho rằng đất này là do mình nhận chuyển nhượng hợp pháp. Tòa án xác định việc cấp GCNQSDĐ cho anh K, chị T là không đúng quy định.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy các GCNQSDĐ đã cấp sai.

164	Bản án số: 271/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.	Ông H khởi kiện UBND thành phố PY yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho chính ông, vì cho rằng đất của ông phải được xác định là đất ở thay vì đất trồng cây lâu năm, dẫn đến việc ông phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích là không đúng.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
165	Bản án số: 182/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.	Bà L khởi kiện UBND thành phố B yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho em trai mình là ông Q vào năm 1999, cho rằng đất là của vợ chồng bà được cấp từ năm 1983 và không hề chuyển nhượng cho ông Q.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
166	Bản án số 542/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Biên bản vi phạm về việc xây dựng cửa thoát hiểm không phù hợp với quy hoạch.	Sơ thẩm: Đình chỉ yêu cầu hủy Biên bản; Bác yêu cầu bồi thường và cải chính thông tin. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
167	Bản án số: 591/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Ông Quý khởi kiện Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cấp GCNQSDĐ cho người khác, cho rằng mình là con ruột và là người thừa kế hợp pháp duy nhất của mảnh đất, trong khi người được cấp GCNQSDĐ không có quan hệ huyết thống.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các GCNQSDĐ đã cấp. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của những người liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

168	Bản án số 13/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.	Khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến việc dựng giàn phơi lấn ra đường đi.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
169	Bản án số 751/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.	Khiếu kiện Văn bản hành chính và Quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến việc yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất bị cho là đất công (vi phạm lộ giới).	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Văn bản và Quyết định giải quyết khiếu nại. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng nghị của VKSND, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NKK.
170	Bản án số 01/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.	Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế tháo dỡ cọc sắt trên đất công và yêu cầu bồi thường thiệt hại.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
171	Bản án số 01/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân thành phố KonTum, tỉnh KonTum, ngày 23-09-2022	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND phường yêu cầu xác nhận hiện trạng sơ đồ và bản sơ họa vị trí để làm căn cứ nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện.
172	Bản án số: 119/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.	Bà Y khởi kiện yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho ông Q và bà S, vì cho rằng đất này do Hợp tác xã giao cho gia đình bà sử dụng từ năm 1980 và	Sơ thẩm: Đình chỉ một phần, bác một phần yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

		việc cấp cho người khác là sai.	
173	Bản án số 02/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, ngày 11-05-2022	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND phường về việc không đề nghị cấp GCNQSDĐ với lý do đất là nương công cộng.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện.
174	Bản án số 124/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 16-11- 2022	Khiếu kiện hành vi và quyết định hành chính của UBND thành phố về việc không giải quyết hồ sơ cấp GCNQSDĐ vì cho rằng đất thuộc quỹ đất công và đất lâm nghiệp.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hủy Văn bản trả lời của UBND và hủy một phần Quyết định xác lập quản lí đất công. Buộc UBND thành phố nhận hồ sơ và cấp GCNQSDĐ.
175	Bản án số 01/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Khiếu kiện các Thông báo và văn bản yêu cầu tự tháo dỡ công xây dựng trên đường đi chung.	Sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
176	Bản án số: 04/2022/HC- ST của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Nông.	Ông L và L1 khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện G cấp cho anh K và chị T, vì cho rằng đất này là của mình nhận chuyển nhượng bằng giấy tay nhưng chưa sang tên. Tòa án xác định việc cấp GCNQSDĐ là sai quy định.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp sai.
177	Bản án số 11/2023/HC-ST, Tòa án nhân dân	Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính của UBND thành phố về việc không giải quyết	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hủy Văn bản của UBND thành phố. Buộc UBND thành phố

	tỉnh Lâm Đồng, ngày 20-02-2023	hồ sơ cấp GCNQSDĐ do có đơn khếu nại của người khác.	thực hiện việc cấp GCNQSDĐ.
178	Bản án số 01/2023/HC-ST, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Duong, ngày 03/03/2023	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã về việc không xem xét, giải quyết đơn đề nghị hướng dẫn thủ tục cấp GCNQSDĐ cho nhà thờ họ.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuyên bố hành vi không giải quyết của UBND xã là trái pháp luật. Buộc UBND xã có trách nhiệm tiếp tục xem xét, giải quyết.
179	Bản án số 03/2023/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 05-01- 2023	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND huyện về việc không giải quyết hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ và văn bản chuyển trả hồ sơ bị cho là trái quy định, cố ý gây khó khăn.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hủy Văn bản của UBND huyện. Buộc UBND huyện thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết hồ sơ cho NKK.
180	Bản án số 03/2023/HC-PT, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ngày 05-04-2023	Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính của UBND phường về việc không hoán đổi đất, không giải quyết hồ sơ cấp GCNQSDĐ.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Phúc thẩm: Sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Hủy các văn bản, quyết định hành chính liên quan. Buộc UBND phường lập thủ tục cấp GCNQSDĐ.
181	Bản án số 326/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 15-5- 2023	Khiếu kiện Quyết định của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế TNDN, do áp dụng sai quy định về trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc Cục thuế loại trừ khoản trích lập dự phòng là đúng, vì công ty được đầu tư không bị lỗ, không đáp ứng điều kiện để được trích lập dự phòng theo quy định. Phúc thẩm: Bác kháng cáo. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm, xác định

			cơ quan thuế đã áp dụng đúng quy định pháp luật.
182	Bản án số 162/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ban hành ngày 23-5- 2023	Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk và Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án cho rằng khoản chi phí vườn cây bị tổn thất không phải là trường hợp bất khả kháng, không tương ứng với doanh thu nên không được trừ khi tính thuế TNDN. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định khoản chi phí vườn cây bị thiệt hại là chi phí hợp lệ được trừ, và quyết định xử phạt của cơ quan thuế đã vi phạm về thời hạn ban hành.
183	Bản án số 350/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 23-5- 2023	Khiếu kiện các Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của UBND huyện Long Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định NKK có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục từ trước 01/7/2004, có nguồn gốc khai phá, nên đủ điều kiện được bồi thường về đất và cấp đất tái định cư. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm rằng NKK có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định.
184	Bản án số 437/2023/HC-PT của Tòa án nhân	Khiếu kiện các văn bản của UBND thành phố B và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai về việc trả	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định NKK có quá trình sử dụng đất ổn định, liên

	dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 19-6- 2023	lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không phù hợp quy hoạch.	tục và việc người bị kiện từ chối cấp GCNQSDĐ do không phù hợp quy hoạch là không đúng luật. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện. Tòa án phúc thẩm giữ nguyên quan điểm của Tòa sơ thẩm.
185	Bản án số 233/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ban hành ngày 25/7/2023	Khiếu kiện hành vi của UBND phường H (tự ý chặt phá cây cối, nhổ trụ bê tông) và yêu cầu UBND thị xã Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu (buộc trả lại tài sản bị tịch thu trái luật), đình chỉ yêu cầu cấp GCNQSDĐ. Tòa án cho rằng NKK chưa nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đầy đủ nên không có cơ sở để buộc cấp. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định NKK có nguồn gốc khai hoang, sử dụng đất ổn định, nên buộc UBND thị xã Đ1 phải tiếp nhận và thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ.
186	Bản án số 13/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, ban hành ngày 15/8/2023	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND huyện Đ về việc không cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến đất đai theo Luật Tiếp cận thông tin.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định người bị kiện có trách nhiệm cung cấp thông tin hoặc chuyển đơn yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền, việc không thực hiện là trái luật.
187	Bản án số 274/2023/HC-PT của Tòa án nhân	Khiếu kiện Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Kon	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm cho rằng các quyết định của người bị kiện là

	dân cấp cao tại Đà Nẵng, ban hành ngày 22-8-2023	Tum do cho rằng có sự chồng lấn, cấp sai vị trí.	đúng trình tự, thủ tục. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo và kháng nghị. Tòa án phúc thẩm xác định việc cấp GCNQSDĐ ban đầu có sự chồng lấn, sai vị trí so với hợp đồng chuyển nhượng ban đầu, gây ảnh hưởng quyền lợi các bên nên cần hủy để thực hiện lại.
188	Bản án số 759/2023/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 29-8-2023	Khiếu kiện Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cho rằng việc áp dụng công thức tính mới có hồi tố là không đúng.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc UBND tỉnh áp dụng các quy định mới (hệ số nở ròi) để tính lại tiền cấp quyền khai khoáng cho giai đoạn trước đó là hồi tố bất lợi, không đúng pháp luật. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm rằng việc người bị kiện áp dụng hồi tố các quy định pháp luật mới là không đúng.
189	Bản án số 107/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, ban hành ngày 29-9-2023	Khiếu kiện Quyết định hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận về việc hoàn trả hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cho rằng không phù hợp quy hoạch.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc chuyển nhượng là hợp pháp, đất đã được cấp GCNQSDĐ, việc từ chối đăng ký biến động chỉ vì lý do quy hoạch là không có căn cứ pháp lý.
190	Bản án số 908/2023/HC-PT của Tòa án nhân	Khiếu kiện yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Tân Trụ cấp, cho	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm dựa trên kết quả giám định chữ ký trong hợp

	dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 02-10- 2023	rằng việc cấp giấy chứng nhận dựa trên hợp đồng tặng cho không hợp pháp.	đồng tặng cho là không phải của NKK. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tòa án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chồng của bà Nguyễn Thị Thu S) vào tham gia tố tụng.
191	Bản án số 33/2024/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ban hành ngày 04-03-2024	Khiếu kiện Quyết định kỷ luật buộc thôi việc và các Quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến việc sử dụng bằng cấp không hợp pháp.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc người bị kiện ban hành các quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ pháp luật.
192	Bản án số 294/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 15-4- 2024	Khiếu kiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại về thuế của Cục trưởng Cục thuế và Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần các quyết định bị kiện. Tòa án xác định Cục thuế tính toán sai tỷ giá, dẫn đến số thuế và tiền phạt không chính xác. Phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm vì xác định người bị kiện đã áp dụng đúng quy định pháp luật về thuế.
193	Bản án số 319/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ	Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện B và Chủ tịch	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định NKK có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, việc thu hồi GCNQSDĐ của người bị kiện là không có căn cứ.

	Chí Minh, ban hành ngày 22-4-2024	UBND Thành phố H.	Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm.
194	Bản án số 75/2024/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, ban hành ngày 19-6-2024	Khiếu kiện Thông báo của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai về việc hoàn trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất do không phù hợp quy hoạch.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc chuyển nhượng là hợp pháp, việc người bị kiện từ chối giải quyết hồ sơ vì lý do quy hoạch là không đúng luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người dân.
195	Bản án số 789/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 25-7-2024	Khiếu kiện Quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, do xác định sai đối tượng chịu thuế và hết thời hiệu xử phạt.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định Cục thuế đã áp dụng sai tỷ giá hối đoái và quyết định xử phạt đã hết thời hiệu. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm về việc người bị kiện xác định sai đối tượng nộp thuế và ra quyết định xử phạt khi đã hết thời hiệu là trái pháp luật.
196	Bản án số 785/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 25/7/2024	Khiếu kiện các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện Ninh Hải, cho rằng việc xác định diện tích đất ở, loại đất và chính sách tái định cư không phù hợp.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm cho rằng các quyết định của người bị kiện là đúng quy định. Phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo, sửa án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định người bị kiện áp dụng sai quy định, không đúng nguồn gốc đất,

			dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đảm bảo quyền lợi cho người dân.
197	Bản án số 114/2024/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ban hành ngày 06-8-2024	Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường và Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Núi Thành do NKK cho rằng việc xác định diện tích đất ở để bồi thường là không đúng.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định NKK có đủ điều kiện để được công nhận diện tích đất ở lớn hơn theo quy định pháp luật (5 lần hạn mức), việc người bị kiện chỉ công nhận 300m ² là trái luật.
198	Bản án số 12/2024/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, ban hành ngày 22-8-2024	Khiếu kiện Quyết định cho nghỉ thôi việc và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N, yêu cầu chi trả lương và bồi thường danh dự.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc người bị kiện cho NKK nghỉ thôi việc là phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức và quy định pháp luật hiện hành, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu.
199	Bản án số 1112/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 27-9-2024	Khiếu kiện Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện P, tỉnh An Giang.	Sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm cho rằng việc thu hồi GCNQSDĐ là đúng vì phần đất tranh chấp đã được chuyển nhượng cho trường học làm đường đi. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định việc cấp GCNQSDĐ ban đầu là có căn cứ, việc thu hồi vì cho rằng đất là đường đi công cộng là không đúng với thực tế và chứng cứ.

200	Bản án số 1179/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 31-10-2024	Khiếu kiện Quyết định hủy Thông báo thu hồi đất của UBND thành phố Phú Quốc do cho rằng đất có nguồn gốc khai khẩn, không phải đất Nhà nước quản lí.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm xác định đất có nguồn gốc khai khẩn, việc hủy thông báo thu hồi đất của người bị kiện là không có căn cứ. Phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh đầy đủ chứng cứ, làm rõ mâu thuẫn trong các biên bản xác minh nguồn gốc đất.
201	Bản án số 92/2024/HC-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng, ban hành ngày 18/11/2024	Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, hủy các văn bản của Sở TN&MT và UBND thành phố liên quan đến việc xác định lại thời hạn sử dụng đất của dự án.	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc ghi thời hạn và nguồn gốc sử dụng đất trên GCNQSDĐ là chưa đúng với quy định pháp luật tại thời điểm giao đất, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.
202	Bản án số 1285/2024/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 18-12-2024	Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh Thanh tra Sở LĐTB&XH về việc tạm đình chỉ công việc đối với người lao động.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm xác định Quyết định tạm đình chỉ công việc của người sử dụng lao động không tuân thủ đúng quy định về việc tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động. Phúc thẩm: Bác kháng cáo của người bị kiện. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm.
203	Bản án số 677/2024/HC-PT	Khiếu kiện Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm cho rằng

	của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ban hành ngày 27/12/2024	đất của UBND huyện Cẩm Xuyên do cho rằng việc cấp GCNQSDĐ có một phần diện tích đất của người khác.	việc thu hồi GCNQSDĐ là không đúng trình tự, thủ tục và không có căn cứ. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện. Tòa án phúc thẩm xác định nguồn gốc đất thuộc về người khác, việc cấp GCNQSDĐ cho NKK là không đúng, do đó quyết định thu hồi GCNQSDĐ của người bị kiện là có căn cứ.
204	Bản án số 01/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, ban hành ngày 24-01-2025	Khiếu kiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại và các quyết định, lệnh cưỡng chế về thuế của Cục Thuế tỉnh Bình Phước.	Sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định người bị kiện đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi đã hết thời hiệu và không xác định rõ hành vi vi phạm, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục.
205	Bản án số 01/2025/HC-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ban hành ngày 21-02-2025	Khiếu kiện hành vi hành chính của UBND phường H về việc xác định diện tích đất ở để tính thuế đất phi nông nghiệp.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án cho rằng việc xác định lại diện tích đất ở của UBND phường H là trái thẩm quyền, cần chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền. Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định việc xác định lại diện tích đất ở tính thuế phải dựa trên hiện trạng sử dụng đất, không chỉ dựa vào hồ sơ cũ. Kháng cáo của NKK bị bác vì không cung cấp được chứng cứ.

206	Bản án số 202/2025/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành ngày 28/02/2025	Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND quận Gò Vấp, cho rằng phương án bồi thường không đúng quy định pháp luật (chỉ hỗ trợ 40% thay vì 100% giá đất ở).	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định NKK đã sử dụng đất ổn định trước mốc quy hoạch, không phải đất lấn chiếm, nên được hưởng bồi thường 100%. Phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm. Tòa án phúc thẩm xác định phần đất tranh chấp là đất lấn chiếm, việc người bị kiện hỗ trợ 40% là có căn cứ và đúng quy định.
207	Bản án số 271/2025/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ban hành ngày 11/4/2025	Khiếu kiện hành vi thu hồi đất mà không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định giải quyết khấu nại của Chủ tịch UBND huyện Lục N1 liên quan đến dự án nâng cấp Quốc lộ 31.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định phần đất tranh chấp thuộc hành lang giao thông, việc không bồi thường là đúng pháp luật. Phúc thẩm: Bác kháng cáo. Tòa án phúc thẩm đồng ý với Tòa sơ thẩm rằng việc cấp GCNQSDD cho NKK bao gồm cả phần đất hành lang giao thông là không đúng.
208	Bản án số 38/2025/HCST của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ban hành ngày 22-5-2025	Khiếu kiện các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Q và Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất thuộc quỹ đất công ích.	Sơ thẩm: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định thửa đất khấu nại thuộc quỹ đất công ích do UBND thị trấn quản lý, không thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.
209	Bản án số 110/2025/HC-ST	Khiếu kiện các quyết định phê duyet phương án bồi thường, hỗ	Sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định

	của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, ban hành ngày 02/6/2025	trợ của UBND thành phố P do cho rằng áp dụng sai đơn giá, thiếu chính sách hỗ trợ và không bồi thường hết diện tích.	người bị kiện đã không bồi thường cho phần diện tích đất còn lại và không hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là trái luật, cần phải thực hiện bổ sung.
210	Bản án số 125/2025/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, ban hành ngày 16-6-2025	Khiếu kiện Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ tách thửa để tặng cho quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với lý do làm manh mún thửa đất.	Sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tòa án xác định việc tách thửa của NKK đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, lý do từ chối của người bị kiện là không có căn cứ.
211	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 06/02/2026 của TAND KV 12 - Hà Nội	NKK rút yêu cầu hủy QĐ hành chính; Tòa chấp nhận chia thửa kể vì đất là di sản hợp pháp.	Quyết định 1645 (đã rút) ban hành dựa trên biên bản họp gia đình giả mạo.
212	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 15/09/2025 của TAND KV 10 - Đắk Lắk	GCNQSDĐ đã cấp bị sai lệch vị trí so với thực tế sử dụng đất của người dân.	Cấp GCNQSDĐ không đúng vị trí thửa đất thực tế.
213	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 30/09/2025 của TAND Khu vực 9 - Gia Lai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cấp cho hộ khác bị chồng lấn lên diện tích đất của NKK; sai lệch về vị trí và diện tích.	Sai sót trong việc xác định vị trí, diện tích đất khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.
214	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 12/11/2025 của TAND Khu vực 15 - Lâm Đồng	NKK đã sử dụng đất ổn định từ năm 1997, đủ điều kiện để được xác nhận nguồn gốc đất theo quy định pháp luật.	Từ chối xác nhận nguồn gốc đất cho người dân dù có đủ căn cứ sử dụng ổn định.
215	Bản án số	Quyết định thu hồi đất và phương	Xác định sai nguồn gốc đất và diện

	02/2025/HC-ST ngày 30/09/2025 của TAND Khu vực 6 - Hải Phòng	án bồi thường dựa trên việc xác định sai nguồn gốc và diện tích đất thực tế của người dân.	tích đất khi lập phương án bồi thường.
216	Bản án số 01/2023/HC-ST ngày 03/3/2023 của TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Dòng họ có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ (GCNQSDĐ), cấp trên đã chuyển đơn về xã giải quyết theo thẩm quyền nhưng Chủ tịch UBND xã không giải quyết, không hướng dẫn lập hồ sơ. Lý do vụ việc phức tạp và thiếu cán bộ địa chính mà xã đưa ra là không đúng pháp luật.	Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không hướng dẫn công dân lập hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo luật định.
217	Bản án số 16/2020/HC-ST ngày 23/9/2020 của TAND huyện B, TP Hồ Chí Minh	NKK sử dụng đất ổn định, không thuộc diện bị thu hồi theo Quyết định 393/1992 (QĐ này cấp cho 13 hộ khác). Việc UBND xã từ chối xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất... vào đơn đăng ký của NKK với lý do đất thuộc QĐ 393 hoặc đất công là sai sự thật, trái pháp luật.	Áp dụng sai văn bản, sai đối tượng; từ chối xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai của công dân không có căn cứ pháp lý, gây cản trở quyền lợi hợp pháp của dân.
218	Bản án số 01/2020/DS-HC ngày 30/9/2020 của TAND thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Bản án hành chính số 06/2018 đã có hiệu lực công nhận quyền làm thủ tục cấp GCNQSDĐ của NKK. Việc UBND xã căn cứ vào sổ mục kê cũ để cho rằng đây là "đất công ích" và từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ là trái với bản án đã có hiệu lực và sai thực tế sử dụng.	Không thi hành Bản án đã có hiệu lực pháp luật; đánh giá sai nguồn gốc đất dựa trên hồ sơ địa chính có sai sót thay vì thực tế sử dụng.
219	Bản án số 01/2023/HC-ST ngày 03/3/2023 của TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Dòng họ có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ (GCNQSDĐ), cấp trên đã chuyển đơn về xã giải quyết theo thẩm quyền nhưng Chủ tịch UBND xã không giải quyết, không hướng dẫn lập hồ sơ. Lý do vụ việc phức tạp và thiếu cán bộ địa chính mà xã đưa ra là không	Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không hướng dẫn công dân lập hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ theo luật định.

		đúng pháp luật.	
220	Bản án số 16/2020/HC-ST ngày 23/9/2020 của TAND huyện B, TP Hồ Chí Minh	NKK sử dụng đất ổn định, không thuộc diện bị thu hồi theo Quyết định 393/1992 (QĐ này cấp cho 13 hộ khác). Việc UBND xã từ chối xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất... vào đơn đăng ký của NKK với lý do đất thuộc QĐ 393 hoặc đất công là sai sự thật, trái pháp luật.	Áp dụng sai văn bản, sai đối tượng; từ chối xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai của công dân không có căn cứ pháp lý, gây cản trở quyền lợi hợp pháp của dân.
221	Bản án số 01/2020/DS-HC ngày 30/9/2020 của TAND thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Bản án hành chính số 06/2018 đã có hiệu lực công nhận quyền làm thủ tục cấp GCNQSDĐ của NKK. Việc UBND xã căn cứ vào sổ mục kê cũ để cho rằng đây là "đất công ích" và từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ là trái với bản án đã có hiệu lực và sai thực tế sử dụng.	Không thi hành Bản án đã có hiệu lực pháp luật; đánh giá sai nguồn gốc đất dựa trên hồ sơ địa chính có sai sót thay vì thực tế sử dụng.
222	Bản án số 01/2022/HC-PT ngày 20/9/2022 của TAND tỉnh Lào Cai	NKK cắm cọc sắt lấn chiếm phần đất công do Phường quản lý. Việc phường ra thông báo và cưỡng chế tháo dỡ là có căn cứ, đúng thực tế vi phạm.	Có sai sót về thể thức, trình tự khi ban hành QĐ 91/QĐ-UBND (tuy nhiên Chủ tịch phường đã tự khắc phục bằng cách ban hành QĐ 148 hủy bỏ QĐ 91).
223	Bản án số 03/2019/HC-PT ngày 19/8/2019 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Đất xây dựng trụ công, tường rào nằm ngoài ranh giới được cấp Giấy chứng nhận, là đất giao thông. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế là đúng PL.	QĐ cưỡng chế số 109 ban hành chưa đúng thời hạn để gia đình tự nguyện thi hành (thời hạn 10 ngày nhưng ban hành QĐ cưỡng chế sớm hơn 1 ngày). Tòa nhắc nhở "cần rút kinh nghiệm".
224	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 29/8/2025 của TAND Khu vực 8 - Nghệ An	Quyết định xử phạt VPHC ban hành khi đã hết thời hiệu xử phạt nên trái pháp luật. Do QĐ xử phạt sai, việc Chủ tịch UBND phường ra QĐ giải quyết khiếu nại (bác khiếu nại của dân) là không có căn cứ.	- Lập biên bản và ra QĐ xử phạt VPHC khi đã hết thời hiệu. - Ban hành QĐ giải quyết khiếu nại không có căn cứ pháp luật.
225	Bản án số 02/2025/HC-ST	Cơ quan nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu sai vị	Cấp Giấy chứng nhận QSDĐ không đúng với vị trí hiện trạng và

	ngày 23/9/2025 của TAND Khu vực 10 - Đắk Lắk	trí và sai đối tượng (đất của người khác nhưng cấp cho người bán), dẫn đến việc cấp đổi/chuyển nhượng cho NKK bị sai lệch so với thực tế đang sử dụng, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của NKK.	diện tích thửa đất mà chủ sử dụng đất thực tế đang sử dụng.
226	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 17/9/2025 của TAND Khu vực 9 - Đắk Lắk	Hình thức văn bản sai (dùng Thông báo thay vì Quyết định). Trình tự thủ tục sai (không xác minh, không đối thoại). Nội dung trả lời không đúng với nội dung người dân khiếu nại (khiếu nại làm mất hồ sơ nộp thuế nhưng lại trả lời về tái định cư).	- Ban hành văn bản giải quyết khiếu nại sai hình thức. - Vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. - Trả lời sai trọng tâm nội dung khiếu kiện.
227	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 20/9/2025 của TAND Khu vực 6 - Quảng Trị	NKK có nguồn gốc đất hợp pháp, sử dụng ổn định, không có tranh chấp đang được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết. Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo Điều 138 Luật Đất đai 2024 nhưng chính quyền địa phương đùn đẩy, từ chối xác nhận hồ sơ là trái luật.	Đánh giá sai bản chất vụ việc (tự cho là có tranh chấp), thiếu trách nhiệm, đùn đẩy và kéo dài việc xác nhận hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của công dân.
228	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của TAND Khu vực 4 - Lào Cai	Gia đình NKK có đất bị lũ cuốn trôi nằm trong quy hoạch dự án. Cơ quan nhà nước đã san gạt, thi công trên đất thực tế nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ là xâm phạm quyền lợi hợp pháp của công dân. Theo Luật Đất đai mới, thẩm quyền này thuộc cấp xã.	Thu hồi đất thực tế, thi công dự án lên phần đất của người dân nhưng không ra quyết định thu hồi đất, bỏ sót đất của dân không đưa vào phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.
229	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 06/8/2025 của TAND khu vực 5 - Thanh	Hành vi Chủ tịch UBND xã ký và ghi thông tin "nhượng đất ao..." trực tiếp vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền, trái với quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật	Ký và xác nhận việc chuyển nhượng trực tiếp lên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái thẩm quyền, không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

	Hóa	Đất đai năm 1993.	
230	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 18/7/2025 của TAND khu vực 12 - Lâm Đồng	Nguồn gốc đất do gia đình NKK khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay, không tranh chấp. Việc UBND xã H xác nhận vào biên bản xét duyệt hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho rằng đây là "quỹ đất 5% do UBND xã quản lý" là không có cơ sở, không có tài liệu chứng minh.	Quản lý hồ sơ địa chính lỏng lẻo; tự ý xác nhận sai nguồn gốc đất của người dân thành đất công ích (quỹ đất 5%) do xã quản lý mà không có bất kỳ hồ sơ, căn cứ pháp lý nào chứng minh.
231	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 15/8/2025 của TAND khu vực 2 - Đồng Nai	- Phần chấp nhận (Hành vi hành chính): Đơn khiếu nại của người dân làm đúng quy định, đủ điều kiện thụ lý nhưng Chủ tịch UBND xã không thụ lý giải quyết là vi phạm khoản 1 Điều 12 và quy trình xử lý đơn theo Luật Khiếu nại 2011. - Phần không chấp nhận (Bồi thường 40 triệu): NKK yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, uy tín nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra nên không có căn cứ chấp nhận.	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại: Không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của công dân dù đơn đã đáp ứng đủ các điều kiện thụ lý theo luật định.
232	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 16/01/2026 của TAND Khu vực 7 - Đà Nẵng	Chậm trễ bố trí tái định cư là lỗi của cơ quan Nhà nước. Việc áp dụng giá đất tại thời điểm giao đất (sau nhiều năm) thay vì giá đất tại thời điểm thu hồi để tính tiền sử dụng đất là trái Luật Đất đai.	Chậm trễ bố trí tái định cư cho người dân; áp dụng sai thời điểm tính tiền sử dụng đất tái định cư.
233	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 29/01/2026 của TAND Khu vực 7 - Cà Mau	Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSDĐ sai vị trí, sai đối tượng, chồng lấn ranh giới và không đúng hiện trạng người đang sử dụng đất thực tế.	Không tiến hành đo đạc thực tế, cấp GCNQSDĐ sai vị trí, sai đối tượng, ghi nhầm giới tính.
234	Bản án số 03/2025/HC-ST ngày 25/09/2025	Hội đồng xét tái định cư cấp xã họp xét nhưng không mời người có đất bị thu hồi tham dự là vi	Vi phạm nghiêm trọng thủ tục hành chính (họp xét tái định cư nhưng không mời đương sự).

	của TAND Khu vực 2 - Đồng Nai	phạm quy trình, thủ tục, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người dân.	
235	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 28/11/2025 của TAND Khu vực 5 - Thái Nguyên	Cấp GCNQSDĐ sai mục đích sử dụng đất (từ đất vườn tạp, đất lâu năm cấp thành đất thủy sản, lâm nghiệp hoặc sai quy định).	Lập hồ sơ, xác nhận nguồn gốc và mục đích sử dụng đất sai so với thực tế.
236	Bản án số 03/2025/HC-ST ngày 29/09/2025 của TAND Khu vực 8 - Thanh Hóa	Khi thu hồi đất, việc khấu trừ trực tiếp tiền chênh lệch giá trị đất tái định cư vào phương án bồi thường là không đúng quy định của Luật Đất đai 2013 và các Nghị định hướng dẫn.	Lập và phê duyệt phương án bồi thường sai quy định về xử lý khoản tiền chênh lệch đất tái định cư.
237	Bản án số 13/2025/HC-ST ngày 26/12/2025 của TAND Khu vực 12 - TP.HCM	Việc xử phạt vi phạm hành chính (hành vi từ năm 2016 nhưng 2023 mới lập biên bản) là quá thời hiệu. Biên bản vi phạm lập sai quy định (thiếu thành phần, không cho người vi phạm ghi ý kiến).	Xử phạt quá thời hiệu; vi phạm nghiêm trọng thủ tục lập biên bản VPHC.
238	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 07/01/2026 của TAND Khu vực 5 - VL	GCNQSDĐ cấp sai đối tượng và có sự chồng lấn diện tích giữa các thửa đất do sai sót trong cập nhật hồ sơ địa chính.	Sai sót trong việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính dẫn đến cấp GCNQSDĐ sai đối tượng và diện tích.
239	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 30/01/2026 của TAND KV 11 - Lâm Đồng	Thửa đất đủ điều kiện chuyển nhượng; việc từ chối cập nhật biến động của cơ quan đăng ký là trái luật.	Từ chối giải quyết hồ sơ đăng ký biến động đất đai dù đủ điều kiện.
240	Bản án số 21/2022/HC-ST ngày 13/6/2022 của TAND TP Cần Thơ	NKK nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ dựa trên Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án (đã có hiệu lực pháp luật). Việc VPĐKĐĐ từ chối cấp sổ với lý do chờ văn bản giải thích của Tòa án dân sự là không đúng, vì Quyết	Từ chối thực hiện thủ tục hành chính không có căn cứ pháp luật; không tuân thủ Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

		định của Tòa án đang có hiệu lực bắt buộc thi hành.	
241	Bản án số 89/2020/HC-ST ngày 25/12/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch huyện giải quyết khiếu nại, từ chối cấp GCNQSDĐ vì cho rằng toàn bộ thửa đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Tuy nhiên, kết quả đo đạc thực tế của Tòa án cho thấy sau khi trừ diện tích hành lang, đất vẫn còn 88,25m ² , đủ điều kiện tách thửa và cấp GCNQSDĐ theo quy định.	Đánh giá sai hiện trạng và diện tích đất; áp dụng cứng nhắc quy hoạch mà không trừ phần diện tích hợp lệ để cấp sổ đỏ cho dân.
242	Bản án số 777/2023/HC-PT ngày 06/9/2023 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	NKK mua trúng đấu giá tài sản hợp pháp qua cơ quan Thi hành án. VPĐKĐĐ từ chối sang tên vì cho rằng đất đang "có tranh chấp" (do một bên thứ 3 đi kiện). Tòa án nhận định người mua trúng đấu giá được pháp luật Dân sự bảo vệ tuyệt đối, VPĐKĐĐ không được phép từ chối sang tên.	Hiểu sai và áp dụng sai quy định về "đất có tranh chấp" của Luật Đất đai; bỏ qua các quy định bảo vệ người mua tài sản đấu giá của Luật Dân sự và Luật Thi hành án.
243	Bản án số 11/2023/HC-ST ngày 20/02/2023 của TAND tỉnh Lâm Đồng	UBND TP từ chối cấp GCNQSDĐ cho người dân vì cho rằng đất đang có tranh chấp với 02 cá nhân khác. Tuy nhiên, UBND không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có tranh chấp thực tế (không có đơn tranh chấp trong thời gian niêm yết). Việc từ chối là không có căn cứ.	Tùy tiện từ chối hồ sơ của công dân bằng lý do "có tranh chấp" nhưng không hề có hồ sơ, chứng cứ chứng minh sự tồn tại hợp pháp của việc tranh chấp này.
244	Bản án số 43/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của TAND tỉnh Quảng Nam	Cơ quan nhà nước bác khiếu nại và từ chối cấp GCNQSDĐ với lý do đất thuộc quỹ đất công và công dân sử dụng không liên tục. Tòa án xác định NKK đã sử dụng đất ổn định để trồng cây lâu năm từ trước 2004, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Xác nhận của chính quyền địa phương trước đó là sai	Đánh giá sai nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của công dân; giải quyết khiếu nại không khách quan, trái với hiện trạng và lịch sử sử dụng đất.

		thực tế.	
245	Bản án số 124/2022/HC-ST ngày 16/11/2022 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND thành phố trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ vì cho rằng đất thuộc quỹ đất công và quy hoạch đất rừng. Tuy nhiên, người dân đã sử dụng ổn định từ năm 2000, trong khi danh mục đất công xác lập năm 2017 và quy hoạch rừng năm 2002 (sau thời điểm dân sử dụng). Đất hiện tại phù hợp quy hoạch đất ở.	Đưa đất công dân đang sử dụng hợp pháp vào quỹ đất công một cách trái luật; lấy quy hoạch ra đời sau để phủ nhận quyền lợi hợp pháp hình thành trước đó.
246	Bản án số 03/2023/HC-ST ngày 05/01/2023 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Do huyện V (Côn Đảo) không có cấp xã, Phòng TN&MT huyện phải làm thay nhiệm vụ xác minh nguồn gốc đất. Thay vì đi xác minh, huyện lại trả hồ sơ và yêu cầu người dân phải nộp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc mà theo luật, hồ sơ xin cấp lần đầu đối với đất không có giấy tờ không bắt buộc phải có.	Đùn đẩy, né tránh trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất; trả hồ sơ trái pháp luật và đòi hỏi công dân cung cấp giấy tờ ngoài quy định của bộ thủ tục hành chính.
247	Bản án số 21/2022/HC-ST ngày 13/6/2022 của TAND TP Cần Thơ	NKK nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ dựa trên Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án (đã có hiệu lực pháp luật). Việc VPĐKĐĐ từ chối cấp sổ với lý do chờ văn bản giải thích của Tòa án dân sự là không đúng, vì Quyết định của Tòa án đang có hiệu lực bắt buộc thi hành.	Từ chối thực hiện thủ tục hành chính không có căn cứ pháp luật; không tuân thủ Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.
248	Bản án số 89/2020/HC-ST ngày 25/12/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch huyện giải quyết khiếu nại, từ chối cấp GCNQSDĐ vì cho rằng toàn bộ thửa đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Tuy nhiên, kết quả đo đạc thực tế của Tòa án cho thấy sau khi trừ diện tích hành lang, đất vẫn còn 88,25m ² , đủ điều kiện tách thửa và	Đánh giá sai hiện trạng và diện tích đất; áp dụng cứng nhắc quy hoạch mà không trừ phần diện tích hợp lệ để cấp sổ đỏ cho dân.

		cấp GCNQSDĐ theo quy định.	
249	Bản án số 777/2023/HC-PT ngày 06/9/2023 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	NKK mua trúng đấu giá tài sản hợp pháp qua cơ quan Thi hành án. VPĐKĐĐ từ chối sang tên vì cho rằng đất đang "có tranh chấp" (do một bên thứ 3 đi kiện). Tòa án nhận định người mua trúng đấu giá được pháp luật Dân sự bảo vệ tuyệt đối, VPĐKĐĐ không được phép từ chối sang tên.	Hiệu sai và áp dụng sai quy định về "đất có tranh chấp" của Luật Đất đai; bỏ qua các quy định bảo vệ người mua tài sản đấu giá của Luật Dân sự và Luật Thi hành án.
250	Bản án số 11/2023/HC-ST ngày 20/02/2023 của TAND tỉnh Lâm Đồng	UBND TP từ chối cấp GCNQSDĐ cho người dân vì cho rằng đất đang có tranh chấp với 02 cá nhân khác. Tuy nhiên, UBND không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có tranh chấp thực tế (không có đơn tranh chấp trong thời gian niêm yết). Việc từ chối là không có căn cứ.	Tùy tiện từ chối hồ sơ của công dân bằng lý do "có tranh chấp" nhưng không hề có hồ sơ, chứng cứ chứng minh sự tồn tại hợp pháp của việc tranh chấp này.
251	Bản án số 43/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của TAND tỉnh Quảng Nam	Cơ quan nhà nước bác khiếu nại và từ chối cấp GCNQSDĐ với lý do đất thuộc quỹ đất công và công dân sử dụng không liên tục. Tòa án xác định NKK đã sử dụng đất ổn định để trồng cây lâu năm từ trước 2004, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Xác nhận của chính quyền địa phương trước đó là sai thực tế.	Đánh giá sai nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của công dân; giải quyết khiếu nại không khách quan, trái với hiện trạng và lịch sử sử dụng đất.
252	Bản án số 124/2022/HC-ST ngày 16/11/2022 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND thành phố trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ vì cho rằng đất thuộc quỹ đất công và quy hoạch đất rừng. Tuy nhiên, người dân đã sử dụng ổn định từ năm 2000, trong khi danh mục đất công xác lập năm 2017 và quy hoạch rừng năm 2002 (sau thời điểm dân sử dụng). Đất hiện tại phù hợp quy hoạch đất	Đưa đất công dân đang sử dụng hợp pháp vào quỹ đất công một cách trái luật; lấy quy hoạch ra đời sau để phủ nhận quyền lợi hợp pháp hình thành trước đó.

		ở.	
253	Bản án số 03/2023/HC-ST ngày 05/01/2023 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Do huyện V (Côn Đảo) không có cấp xã, Phòng TN&MT huyện phải làm thay nhiệm vụ xác minh nguồn gốc đất. Thay vì đi xác minh, huyện lại trả hồ sơ và yêu cầu người dân phải nộp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc mà theo luật, hồ sơ xin cấp lần đầu đối với đất không có giấy tờ không bắt buộc phải có.	Đùn đẩy, né tránh trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất; trả hồ sơ trái pháp luật và đòi hỏi công dân cung cấp giấy tờ ngoài quy định của bộ thủ tục hành chính.
254	Bản án số 13/2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của TAND tỉnh Hải Dương	NKK dựng giàn phơi lấn chiếm lòng đường giao thông do phường quản lý. Việc ra Quyết định xử phạt và giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật.	Giải quyết khiếu nại lần 2 bị quá thời hạn (nhưng Tòa nhận định do nguyên nhân khách quan là dịch Covid-19).
255	Bản án số 135/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của TAND TP. Hồ Chí Minh	Người dân xây dựng ban công hoàn toàn phù hợp với Giấy phép xây dựng được cấp. Việc Giấy phép sau đó bị cơ quan chức năng điều chỉnh (hủy bỏ nội dung ban công) không do lỗi của người dân.	Xác định sai lỗi của công dân (người dân không có lỗi). Ra QĐ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế không đúng sự thật khách quan.
256	Bản án số 1598/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của TAND TP. Hồ Chí Minh	NKK có QSDĐ hợp pháp, đất nằm trong quy hoạch nhưng chưa có QĐ thu hồi. Theo Luật Xây dựng, công dân đủ điều kiện được cấp GPXD có thời hạn.	Áp dụng sai pháp luật: Từ chối cấp phép xây dựng có thời hạn và có hành vi ngăn chặn người dân xây dựng tường rào trái pháp luật.
257	Bản án số 1955/2020/HC-ST ngày 18/11/2020 của TAND TP. Hồ Chí Minh	Đối với phần diện tích lấn chiếm 1,1m x 4m, trong Biên bản VPHC không ghi nhận nhưng QĐ xử phạt lại ghi vào (chỉ dựa vào báo cáo nội bộ). Việc này trái quy định pháp luật.	Ra Quyết định xử phạt và Quyết định cưỡng chế bao gồm phần diện tích vi phạm không được ghi nhận trong Biên bản vi phạm hành chính gốc.
258	Bản án số 29/2022/HC-PT ngày 14/02/2022 của TAND Cấp	Đất tranh chấp được xác định là ngõ đi chung. Việc công dân tự ý lấn chiếm xây nhà cấp 4 là sai. Huyện ra QĐ cưỡng chế đúng	Không có (Tòa sơ thẩm có sai sót về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng nhưng đã được Tòa phúc thẩm khắc phục, không phải lỗi

	cao tại Hà Nội	trình tự, thẩm quyền.	của cơ quan bị kiện).
259	Bản án số 11/2020/HC-ST ngày 24/8/2020 của TAND tỉnh Điện Biên	NKK là người mua lại nhà, không phải là người tổ chức thi công xây dựng công trình không phép (người vi phạm là chủ đất cũ). Biên bản VPHC lập với chủ cũ nhưng lại ra thông báo bắt người mới tháo dỡ.	- Xác định sai chủ thể vi phạm hành chính. - Vi phạm nghiêm trọng thủ tục (không giao Thông báo cho người bị áp dụng).
260	Bản án số 177/2022/HC-PT ngày 15/3/2022 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Các hộ lân cận xây nhà không phép lấn sang phần đất nông nghiệp của NKK. Chính quyền chưa xử lý hành vi xây dựng trái phép này là không phù hợp quy định pháp luật.	Buông lỏng quản lý, không lập thủ tục xử lý đối với công trình xây dựng trái phép (hành vi không hành động) và giải quyết khiếu nại của công dân chưa đúng.
261	Bản án số 16/2021/HC-ST ngày 09/6/2021 của TAND tỉnh Phú Yên	NKK xây dựng công trình trái phép trên đất công. Việc cơ quan nhà nước ra Quyết định và tổ chức cưỡng chế là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên không có cơ sở để bồi thường.	Không có.
262	Bản án số 542/2022/HC-PT ngày 25/7/2022 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Công dân tự ý trở cửa đi ra phần đất phía sau là đất cây xanh, khu vực công cộng, vi phạm chỉ giới xây dựng. Quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND Thành phố là đúng PL.	Không có.
263	Bản án số 02/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của TAND TP. Cần Thơ	Phiếu thu tiền mua nhà hóa giá năm 1991 không thể hiện nội dung "gắn liền với đất ở". Do đó, NKK thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định.	- Cấp sơ thẩm xác định thiếu người bị kiện (Chi cục Thuế). - Vi phạm về thời hạn và hình thức khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.
264	Bản án số 14/2021/HC-PT ngày 12/01/2021 của TAND Cấp cao tại Hà Nội	Doanh nghiệp mua hàng nhiều lần trong cùng 1 ngày từ 1 nhà cung cấp với tổng giá trị trên 20 triệu đồng nhưng thanh toán bằng tiền mặt. Theo luật Thuế GTGT và TNDN, khoản này không được	Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 vi phạm về thời hạn giải quyết.

		khấu trừ và không được tính vào chi phí hợp lý.	
265	Bản án số 131/2021/DS-PT ngày 01/02/2021 của TAND TP. Hồ Chí Minh	Công ty được phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa được bàn giao đất trên thực địa và chưa ký hợp đồng thuê đất. Theo quy định, tiền thuê đất chỉ được thu kể từ ngày có quyết định cho thuê/bàn giao đất.	Ban hành thông báo thu tiền thuê đất và phạt chậm nộp khi chưa có đủ căn cứ pháp lý (chưa giao đất, chưa ký hợp đồng).
266	Bản án số 182/2021/HC-PT ngày 14/7/2021 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	Cơ quan thuế tính thuế TNDN chỉ dựa trên lãi tiền gửi mà không bù trừ với chi phí lãi tiền vay là sai nguyên tắc. Sau khi bù trừ, phần chênh lệch thu nhập chịu thuế bằng 0 nên không có căn cứ truy thu và xử phạt.	Áp dụng sai nguyên tắc tính thuế TNDN (không bù trừ lãi tiền gửi và lãi tiền vay theo quy định).
267	Bản án số 273/2021/HC-PT ngày 26/03/2021 của TAND TP. Hồ Chí Minh	Công ty phát hiện hóa đơn đầu vào bị sót và kê khai bổ sung vào kỳ hiện tại là sai nguyên tắc (phải kê khai bổ sung vào đúng kỳ phát sinh hóa đơn đó). Việc cơ quan thuế truy thu và xử phạt là đúng pháp luật.	Quyết định giải quyết khiếu nại có sai sót trong việc xác định ngày chậm nộp (đã tự điều chỉnh).
268	Bản án số 649/2020/HC-PT ngày 21/10/2020 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Việc điều chỉnh đơn giá thuê đất thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính (trước 1/7/2014) và Cục Thuế (sau 1/7/2014) dựa trên quy định cụ thể. Cục thuế tự ý ấn định đơn giá tăng cao mà không dựa trên quyết định của cơ quan có thẩm quyền là trái luật.	Tự ý điều chỉnh đơn giá thuê đất trái thẩm quyền; không báo cáo UBND Tỉnh khi có ý kiến khác nhau về đơn giá.
269	Bản án số 02/2020/HC-PT ngày 18/8/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa	NKK tự nguyện rút yêu cầu hủy quyết định xử phạt thuế do nhận thấy cơ quan thuế làm đúng. Yêu cầu bồi thường thiệt hại chưa có chứng cứ nên Tòa tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.	Không có.

270	Bản án số 439/2021/HC-PT ngày 06/5/2021 của TAND TP. Hồ Chí Minh	Công ty sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nên việc truy thu thuế là đúng. Tuy nhiên, Quyết định giải quyết khiếu nại tính thêm tiền chậm nộp dựa trên một công văn nội bộ là sai quy định, cơ quan thuế cũng thừa nhận sai sót này.	Biên bản vi phạm hành chính ghi thiếu ngày tháng; Quyết định giải quyết khiếu nại tính sai tiền chậm nộp.
271	Bản án số 01/2021/HC-ST ngày 25/5/2021 của TAND tỉnh Nam Định	Người dân đã nộp đủ hồ sơ xin cấp sổ đỏ hợp lệ từ năm 2004. Việc chậm trễ cấp sổ là do lỗi của cơ quan nhà nước. Do đó, nghĩa vụ tài chính phải được tính theo giá đất năm 2004, không được áp giá đất năm 2019.	Áp dụng sai thời điểm tính giá đất (áp giá 2019 thay vì 2004) do nhận thông tin sai từ Văn phòng Đăng ký đất đai.
272	Bản án số 779/2020/HC-PT ngày 24/12/2020 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Giao dịch chuyển nhượng bất động sản giữa Hội đồng X và người mua đã được hai bên thỏa thuận hủy bỏ hợp pháp. Do giao dịch không còn tồn tại, căn cứ để thu thuế GTGT và TNDN cũng không còn.	Duy trì thông báo thu thuế và quyết định giải quyết khiếu nại dù giao dịch chuyển nhượng tài sản đã bị hủy bỏ.
273	Bản án số 71/2018/HC-PT ngày 28/5/2018 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	NKK sử dụng đất ổn định từ trước 15/10/1993, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch. Theo Luật Đất đai, trường hợp này được cấp sổ đỏ và không phải nộp tiền sử dụng đất.	Xác định sai nghĩa vụ tài chính (buộc nộp 40% tiền sử dụng đất trong khi luật quy định được miễn).
274	Bản án số 196/2020/HC-PT ngày 27/9/2020 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	Cơ quan thuế không chứng minh được Công ty P và Công ty PI (Anh) có "quan hệ liên kết" (kiểm soát, điều hành). Việc tự ý ấn định tỷ suất lợi nhuận để truy thu thuế chuyển giá là thiếu căn cứ pháp lý và thực tế.	Thiếu chứng cứ chứng minh quan hệ liên kết; ấn định thuế tùy tiện, không đúng quy định pháp luật.
275	Bản án số 44/2020/HC-PT ngày 26/11/2020 của TAND Cấp	Dịch vụ thu hoạch gỗ keo rừng trồng là dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. Theo Luật Thuế GTGT, dịch vụ này thuộc đối	Phân loại sai đối tượng chịu thuế (áp thuế GTGT 10% cho dịch vụ nông nghiệp được miễn thuế).

	cao tại Đà Nẵng	tượng không chịu thuế GTGT. Việc cơ quan thuế áp thuế suất 10% là sai.	
276	Bản án số 02/2021/HC-PT ngày 12/5/2021 của TAND tỉnh Vĩnh Long	Quyết định hoàn thuế nộp thừa của cơ quan thuế là đúng luật. Yêu cầu bồi thường thiệt hại của NKK dựa trên một Thông báo số 10831 có nội dung thay thế thông báo cũ làm ảnh hưởng quyền khiếu nại (nhưng không làm thay đổi bản chất việc khởi kiện vô căn cứ).	Thông báo số 10831 có nội dung thay thế thông báo cũ làm ảnh hưởng quyền khiếu nại (nhưng không làm thay đổi bản chất việc khởi kiện vô căn cứ).
277	Bản án số 195/2021/HC-PT ngày 15/4/2021 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Việc xác định và điều chỉnh đơn giá thuê đất thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính/UBND Tỉnh. Cục Thuế tự ý điều chỉnh đơn giá và truy thu tiền thuê đất khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là trái luật.	Tự ý điều chỉnh đơn giá thuê đất trái thẩm quyền; không báo cáo UBND Tỉnh khi có vướng mắc.
278	Bản án số 525/2018/HC-PT ngày 08/11/2018 của TAND Cấp cao tại Hà Nội	Bản chất giao dịch của công ty là chuyển nhượng vốn (dự án) để thành lập liên doanh. Theo quy định, chuyển nhượng vốn không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Cơ quan thuế truy thu thuế GTGT là sai.	Áp dụng sai luật thuế (thu thuế GTGT đối với chuyển nhượng vốn); Vi phạm nghiêm trọng thủ tục thanh tra (kéo dài 4 năm, không lập biên bản vi phạm).
279	Bản án số 01/2022/HC-ST ngày 18/01/2022 của TAND tỉnh Sóc Trăng	Đất đang có tranh chấp, chưa được giải quyết nhưng cơ quan nhà nước vẫn tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là trái quy định pháp luật.	Không xác minh tình trạng tranh chấp; cấp GCNQSDĐ khi không đủ điều kiện.
280	Bản án số 09/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của TAND tỉnh Đắk Nông	UBND huyện cấp GCNQSDĐ chồng lấn lên phần diện tích đất thực tế gia đình NKK đang sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Không thực hiện đúng trình tự, thủ tục đo đạc, dẫn đến sai sót cấp nhầm vị trí trên thực địa.
281	Bản án số 71/2021/HC-ST	Đất là di sản thừa kế nhưng UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho 1	Vi phạm trình tự thủ tục, không thu thập giấy tờ hợp pháp về thừa

	ngày 10/11/2021 của TAND TP. Hải Phòng	người khi chưa hỏi ý kiến các đồng thừa kế khác; đồng thời cấp khi đất đang có tranh chấp.	kế, cấp đất khi đang có tranh chấp.
282	Bản án số 32/2022/HC-ST ngày 03/6/2022 của TAND tỉnh Đắk Lắk	UBND cấp GCNQSDĐ chỉ căn cứ vào đơn xin cấp đất và xác nhận của xã mà không kiểm tra kỹ thực địa, dẫn đến cấp chồng lấn lên đất người khác.	Không kiểm tra kỹ thực địa, cấp không đúng diện tích, chồng lấn ranh giới.
283	Bản án số 433/2022/HC-PT ngày 14/6/2022 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Đất đã được giải quyết tranh chấp từ năm 1992 (xác định là đất công giao cho người khác). Việc cấp GCNQSDĐ cho người đang sử dụng là đúng pháp luật.	Không có.
284	Bản án số 06/2022/HC-ST ngày 25/5/2022 của TAND tỉnh Đắk Nông	Tương tự bản án số 09/2022/HC-ST, UBND huyện cấp GCNQSDĐ chồng lấn lên diện tích đất thực tế của NKK đang sử dụng.	Không thực hiện đúng trình tự, thủ tục đo đạc, dẫn đến sai sót cấp nhầm vị trí.
285	Bản án số 29/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của TAND tỉnh Đắk Lắk	UBND cấp GCNQSDĐ sai vị trí, sai đối tượng sử dụng đất, chồng lấn lên phần đất NKK đang quản lý, sử dụng.	Không xuống thực địa kiểm tra, đo đạc, không mời các hộ liên kề xác định ranh giới.
286	Bản án số 41/2022/HC-ST ngày 29/6/2022 của TAND tỉnh Đắk Lắk	Nguồn gốc đất do UBND huyện cấp sai trước đó (cấp nhầm vị trí). Sở TNMT dựa trên GCNQSDĐ sai này để cấp đổi do tặng cho là ảnh hưởng quyền lợi NKK.	Cấp GCNQSDĐ không đúng nguồn gốc đất và người sử dụng đất thực tế (do kế thừa sai sót từ cấp huyện).
287	Bản án số 101/2022/HC-PT ngày 26/4/2022 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	Đất là tài sản chung của bố mẹ và 10 người con. Việc mẹ tự ý tặng cho 3 người con mà không có ý kiến của các đồng thừa kế khác là trái pháp luật.	Cấp GCNQSDĐ dựa trên hợp đồng tặng cho không hợp pháp (thiếu ý kiến đồng thừa kế).
288	Bản án số 456/2022/HC-PT ngày 21/6/2022 của TAND Cấp	GCNQSDĐ của NKK được cấp sai vị trí (chồng lấn đất người khác). Việc UBND thu hồi GCNQSDĐ sai này là đúng pháp	Không có (trong các quyết định bị khiếu kiện).

	cao tại TP.HCM	luật. Các GCNQSDĐ của người liên quan là hợp pháp.	
289	Bản án số 165/2021/HC-PT ngày 07/7/2021 của TAND Cấp cao tại Hà Nội	Việc cấp GCNQSDĐ dựa trên thỏa thuận đổi nhà đất hợp pháp, ngay tình từ năm 2008, không nhằm mục đích tẩu tán tài sản thi hành án.	Không có.
290	Bản án số 1112/2024/HC-PT ngày 27/9/2024 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Đất có nguồn gốc của NKK, họ tự nguyện để lại một phần làm lối đi chung nhưng không nhận tiền đền bù. Việc cấp GCNQSDĐ trước đây là đúng. UBND huyện cho rằng đây là đất công và thu hồi GCNQSDĐ là không có cơ sở.	Xác định sai nguồn gốc đất (nhằm lẫn lối đi chung do dân tự chừa lại thành đất công); thu hồi GCNQSDĐ trái luật.
291	Bản án số 319/2024/HC-PT ngày 22/4/2024 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	NKK nhận chuyển nhượng đất từ 1986, sử dụng ổn định, đóng thuế đầy đủ, không tranh chấp. Việc UBND huyện thu hồi GCNQSDĐ với lý do đất thuộc Nhà nước quản lý là không đúng thực tế và sai quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013.	Thiếu sót trong công tác kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất trước khi cấp và thu hồi GCNQSDĐ; áp dụng sai căn cứ thu hồi.
292	Bản án số 75/2024/HC-ST ngày 19/6/2024 của TAND tỉnh Bình Thuận	NKK nhận chuyển nhượng đất hợp pháp. Việc cơ quan chức năng cho rằng chủ cũ chuyển mục đích sử dụng đất sai quy hoạch không làm ảnh hưởng đến quyền nhận chuyển nhượng của người mua ngay tình hiện tại.	Trả hồ sơ đăng ký biến động đất đai không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của người dân.
293	Bản án số 110/2025/HC-ST ngày 02/6/2025 của TAND tỉnh Bình Thuận	Diện tích 2.136m ² đất đã có quyết định thu hồi nhưng chưa được tính bồi thường, hỗ trợ là thiệt thòi cho dân. Tuy nhiên, các quyết định phê duyệt phương án bồi thường trước đó ban hành đúng quy định tại thời điểm đó nên không bị hủy.	Bỏ sót 2.136m ² đất khi lập phương án bồi thường; không thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho dân.
294	Bản án số 789/2024/HC-PT	Công ty có trách nhiệm nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy	Ban hành quyết định xử phạt quá thời hiệu luật định; tính sai tỷ giá

	ngày 25/7/2024 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	nhiên, Cục Thuế ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi đã quá thời hiệu (quá 5 năm) và áp dụng sai tỷ giá ngoại tệ để tính thuế.	ngoại tệ.
295	Bản án số 92/2024/HC-ST ngày 18/11/2024 của TAND TP. Đà Nẵng	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất, không phải thuê trả tiền một lần. Thời hạn 50 năm phải tính từ năm 2020 (khi có QĐ chủ trương đầu tư), việc Nhà nước chậm bàn giao đất không được tính vào thời hạn dự án của nhà đầu tư.	Ghi sai nguồn gốc đất trên GCNQSDĐ; tính sai thời điểm bắt đầu thời hạn 50 năm (đẩy lỗi chậm giao đất cho doanh nghiệp); giao thiếu diện tích.
296	Bản án số 33/2024/HC-ST ngày 04/3/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk	NKK sử dụng bằng THPT không hợp pháp để học Trung cấp, sau đó dùng bằng Trung cấp để được tuyển dụng công chức. Việc áp dụng kỷ luật "Buộc thôi việc" là đúng quy định tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP.	Không có sai sót.
297	Bản án số 759/2023/HC-PT ngày 29/8/2023 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	UBND tỉnh áp dụng hồi tố công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nhân thêm hệ số nở ròi) cho giai đoạn 2014-2017 dựa trên các văn bản hướng dẫn ban hành sau này là trái với nguyên tắc áp dụng pháp luật.	Áp dụng sai công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; áp dụng hồi tố văn bản pháp luật gây bất lợi cho doanh nghiệp.
298	Bản án số 202/2025/HC-PT ngày 28/02/2025 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	NKK mua nhà nước năm 1985 với diện tích 75,25m ² , sau đó lần chiếm thêm 19,65m ² đất hẻm. Việc UBND quận chỉ hỗ trợ 40% đơn giá đất ở đối với phần diện tích lần chiếm này là đúng quy định pháp luật.	Không có sai sót (Tòa phúc thẩm xác định UBND quận làm đúng).
299	Bản án số 114/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của TAND tỉnh Quảng Nam	Đất có nguồn gốc kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Việc UBND xã làm mất sổ đăng ký ruộng đất là lỗi của cơ quan nhà nước. UBND huyện không công nhận hạn mức đất ở	Không công nhận giấy tờ hợp lệ (hồ sơ 299/TTg) do lỗi lưu trữ của cấp xã; tính sai hạn mức đất ở và bồi thường sai.

		theo hồ sơ 299/TTg là làm ảnh hưởng quyền lợi của dân.	
300	Bản án số 271/2025/HC-PT ngày 11/4/2025 của TAND Cấp cao tại Hà Nội	GCNQSDĐ cấp năm 2006 cấp trùm lên cả hành lang an toàn giao thông là sai. Khi làm đường, phần đất này thuộc hành lang an toàn nên không được bồi thường về đất. Quyết định giải quyết khiếu nại của huyện là đúng.	Không có sai sót trong quyết định bị kiện (Sai sót cấp sổ năm 2006 đã được đính chính).
301	Bản án số 107/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của TAND tỉnh Bình Thuận	NKK nhận chuyển nhượng đất hợp pháp, đã có GCNQSDĐ. Cơ quan đăng ký từ chối sang tên với lý do việc chuyển mục đích sử dụng đất của chủ cũ sai quy hoạch là không đúng, vì GCNQSDĐ chưa bị thu hồi hay hủy bỏ.	Từ chối đăng ký biến động đất đai trái luật dựa trên sai sót nội bộ của cơ quan nhà nước ở giai đoạn trước.
302	Bản án số 162/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	Cây cao su chết do thổ nhượng là rủi ro khách quan trong giai đoạn đầu tư, chi phí này được trừ khi tính thuế TNDN. Hơn nữa, Cục Thuế ban hành quyết định xử phạt khi đã quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản.	Ban hành quyết định xử phạt quá thời hạn luật định; xác định sai chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
303	Bản án số 233/2023/HC-PT ngày 25/7/2023 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	Đất do cha mẹ NKK khai hoang từ 1971, sử dụng ổn định. Chính quyền cho rằng đây là đất công nhưng không có chứng cứ (hồ sơ đo đạc các năm không nhất quán). Người dân đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ.	Xác định sai nguồn gốc đất (đất khai hoang thành đất công); từ chối cấp GCNQSDĐ không có căn cứ; cấp xã tự ý nhỏ trự rào của dân.
304	Bản án số 908/2023/HC-PT ngày 02/10/2023 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng: Không đưa người chồng (đồng sở hữu tài sản chung) vào tham gia tố tụng; chưa thu thập đủ chứng cứ làm rõ tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.	(Lỗi thuộc về Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng).
305	Bản án số	Cục Thuế ra quyết định xử phạt	Vi phạm trình tự thủ tục (không

	01/2025/HC-ST ngày 24/01/2025 của TAND tỉnh Bình Phước	nhưng Biên bản thanh tra không chỉ rõ hành vi vi phạm hành chính cụ thể. Quyết định xử phạt mâu thuẫn với các Quyết định hoàn thuế đang có hiệu lực. Doanh nghiệp đã nộp lại tiền trước khi bị phạt nhưng vẫn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả toàn bộ.	lập biên bản VPHC hợp lệ); ra quyết định mâu thuẫn với quyết định hiện hành; thu hồi tiền sai thực tế.
306	Bản án số 38/2025/HC-ST ngày 22/5/2025 của TAND tỉnh Quảng Nam	UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho người khác chồng lấn lên vị trí đất mà gia đình NKK đã nhận chuyển nhượng hợp pháp và đang sử dụng ổn định. Cơ quan địa chính chỉ căn cứ trên giấy tờ mà không đo đạc thực tế.	Cấp GCNQSDĐ chồng lấn ranh giới do không kiểm tra, đo đạc thực địa; chỉ dựa vào hợp đồng chuyển nhượng có sai sót về tứ cận.
307	Bản án số 13/2023/HC-ST ngày 15/8/2023 của TAND tỉnh Bình Phước	GCNQSDĐ và các quyết định thu hồi đất là thông tin công khai, không phải bí mật đời tư. Việc UBND huyện từ chối cung cấp thông tin và đẩy trách nhiệm cho cơ quan lưu trữ là vi phạm Luật Tiếp cận thông tin.	Vi phạm Luật Tiếp cận thông tin: Từ chối cung cấp thông tin công khai không có căn cứ; hướng dẫn người dân sai quy định.
308	Bản án số 274/2023/HC-PT ngày 22/8/2023 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng	UBND thành phố cấp GCNQSDĐ dựa trên hợp đồng chuyển nhượng ghi sai tứ cận, không kiểm tra thực địa, dẫn đến việc cấp sổ đỏ cho người sau chồng lấn lên đất của người mua trước đang sử dụng ổn định.	Cấp GCNQSDĐ sai vị trí, chồng lấn đất do buông lỏng quản lý, không đo đạc thực tế mà chỉ dựa vào giấy tờ chuyển nhượng sai sót.
309	Bản án số 437/2023/HC-PT ngày 19/6/2023 của TAND Cấp cao tại TP.HCM	Người dân mua đất hợp pháp, đã có GCNQSDĐ. Cơ quan nhà nước từ chối sang tên vì phát hiện sai sót nội bộ trước đây (chuyển mục đích sai quy hoạch). Tòa nhận định khi GCNQSDĐ chưa bị thu hồi theo luật, người dân vẫn có quyền giao dịch.	Từ chối giải quyết thủ tục hành chính (sang tên đất) trái luật dựa trên sai sót của chính cơ quan nhà nước ở giai đoạn trước.
310	Bản án số	Chi cục Thuế tính tiền sử dụng đất	Không có sai sót. Việc áp dụng

	07/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của TAND Khu vực 7 - TP.HCM	dựa trên Bảng giá đất mới (Quyết định 79/2024/QĐ-UBND có hiệu lực từ 31/10/2024) là đúng pháp luật. Mặc dù người dân nộp hồ sơ ngày 30/10/2024, nhưng theo Luật Đất đai 2024, thời điểm tính tiền sử dụng đất là lúc Nhà nước ra Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Quyết định được UBND Quận ban hành ngày 12/11/2024), lúc này bảng giá đất mới đã có hiệu lực.	pháp luật và tính thuế của Chi cục Thuế được Tòa án nhận định là hoàn toàn chính xác.
311	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 18/09/2025 của TAND Khu vực 12 - Tây Ninh	Từ chối giải quyết hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ với lý do "đang rà soát, chưa có chủ trương" là trái quy định, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.	Từ chối thực hiện thủ tục hành chính cho người dân mà không có căn cứ pháp luật.
312	Bản án số 01/2025/HC-ST ngày 15/12/2025 của TAND Khu vực 13 - Lâm Đồng	Việc từ chối đăng ký biến động chuyển nhượng đất vì "không phù hợp quy hoạch" khi cơ quan nhà nước chưa có quyết định thu hồi đất là trái với Luật Đất đai.	Từ chối hồ sơ đăng ký biến động sai quy định, hạn chế quyền chuyển nhượng của dân.
313	Bản án số 01/2026/HC-ST ngày 26/01/2026 của TAND Khu vực 1 - Đà Nẵng	Người dân nhận chuyển nhượng đất hợp pháp (đã có bản án dân sự công nhận). Việc từ chối cấp GCNQSDĐ không có căn cứ, xâm phạm quyền lợi người sử dụng đất.	Hành vi từ chối cấp GCNQSDĐ là trái pháp luật, kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ.
314	Bản án số 02/2025/HC-ST ngày 17/09/2025 của TAND Khu vực 8 - TP.HCM	Tính tiền chậm nộp thuế sai thời điểm. Nguyên nhân chậm trễ hồ sơ thuộc về cơ quan nhà nước (VPĐKĐĐ chuyển hồ sơ trễ), không phải lỗi của người nộp thuế.	Đẩy lỗi chậm trễ của cơ quan Nhà nước sang cho người dân để tính tiền phạt chậm nộp thuế.
315	Bản án số 02/2025/HC-ST ngày 19/11/2025 của TAND Khu vực 2 - Đà Nẵng	Cơ quan nhà nước xác định sai vị trí đất bị thu hồi (đất ở mặt tiền đường nhưng bị xác định là đất trong hẻm/kiệt), dẫn đến việc áp giá bồi thường sai lệch, gây thiệt hại.	Khảo sát, xác định sai vị trí đất thu hồi dẫn đến áp giá bồi thường thấp hơn thực tế.

Số: 1173/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10/11/1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 24/7/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4843/QĐ-ĐHLHN ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc công nhận nghiên cứu sinh, phê duyệt đề tài luận án tiến sĩ và phân công người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu;

Theo đề nghị của Trường khoa Pháp luật Hành chính – Nhà nước và Trường phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường về đề tài: “Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính” của nghiên cứu sinh Nguyễn Thu Trang, ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính, mã số 9380102, gồm các Ông/ Bà có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường có nhiệm vụ thực hiện đúng các quy định hiện hành về đánh giá luận án tiến sĩ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo sau đại học, các đơn vị có liên quan thuộc trường và các thành viên của Hội đồng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Khoa Pháp luật Kinh tế (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.





**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP TRƯỜNG**

Của nghiên cứu sinh: Nguyễn Thu Trang

*(Kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-ĐHLHN ngày 11 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN, HỌC HÀM, HỌC VỊ	NƠI CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM TRONG HỘI ĐỒNG
1	PGS.TS Tô Văn Hòa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Chủ tịch
2	PGS.TS Đoàn Thị Tố Uyên	Trường Đại học Luật Hà Nội	Thư ký
3	GS.TS Vũ Công Giao	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phản biện 1
4	PGS.TS Đặng Minh Tuấn	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Phản biện 2
5	PGS.TS Trần Thị Diệu Oanh	Học viện Hành chính và Quản trị công	Phản biện 3
6	PGS.TS Trương Hồ Hải	Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội	Ủy viên
7	PGS.TS Phan Thị Lan Hương	Trường Đại học Luật Hà Nội	Ủy viên

(Hội đồng bao gồm 07 thành viên).

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BIÊN BẢN

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Cấp Trường)

Thực hiện Quyết định số 1173.../QĐ-ĐHLHN ngày 11.. tháng 6....năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường đã họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi 15h 30 giờ ngày 06 tháng 7 năm 2026 để đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường cho:

Nghiên cứu sinh: Nguyễn Phú Sơn..... Sinh ngày:

Tên đề tài: ..Kiến... pháp... hoạt... động... hành... chính... nhà... nước...
.....thông... qua... xét... xử... các... vụ... kiện... chính...
.....

Chuyên ngành đào tạo: Luật... Biện pháp... luật... hành... chính... Mã số: 9380102

Người hướng dẫn khoa học: 1. ...PGS.TS. Nguyễn Văn Quang

2.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

1. Các thành viên Hội đồng:

- 1) PGS.TS. Tô Văn Hoa....., Chủ tịch Hội đồng
- 2) ...GS.TS. Vũ Công Giao....., Phản biện 1
- 3) ...PGS.TS. Đặng Minh Tuấn....., Phản biện 2
- 4) ...PGS.TS. Trần Thu' Diệu Anh....., Phản biện 3 (vắng)
- 5) PGS.TS. Đoàn Thu' Bồ Uyển....., Thư ký Hội đồng
- 6) ...PGS.TS. Dương Hết Tài....., Ủy viên Hội đồng
- 7) ...PGS.TS. Phan Thu' Lan...Thư... .., Ủy viên Hội đồng

Các thành viên Hội đồng có mặt: ... /7.

2. Người hướng dẫn khoa học:

- 1) ...PGS.TS. Nguyễn Văn Quang.....
- 2)

3. Đại diện các cơ quan, ban ngành:

- 1) TS. Nguyễn Văn Hòa....., đại diện cơ sở đào tạo.

2), đại diện cơ quan công tác của NCS.

II. TIẾN TRÌNH BUỔI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG:

1. *TS. Nguyễn Văn Hòa*....., đại diện cơ sở đào tạo công bố Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.

2. *PGS.TS. TS. Văn Hoa*....., Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện tổ chức buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn và công bố chương trình làm việc.

3. *PGS.TS. Trần Thị Tô Uyên*....., Thư ký Hội đồng công bố Lí lịch khoa học, Bảng điểm thạc sĩ, Bảng điểm các học phần ở trình độ tiến sĩ, chứng chỉ ngoại ngữ của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án.

4. Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS:

Nhất trí.....
.....

5. Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu của luận án:

- Nghiên cứu sinh nêu rõ tính cấp thiết của đề tài luận án; tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài; mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể của đề tài luận án; đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của luận án; các phương pháp nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án.

- Nghiên cứu sinh cũng trình bày nội dung và những kết quả nghiên cứu chính của luận án thể hiện trong các chương của luận án như sau:

Chương 1: *Lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*

Chương 2: *Thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án HC ở Việt Nam*

Chương 3: *Khung hướng giải pháp kiểm soát hoạt động hành chính Nhà nước thông qua xét xử các vụ án HC*

Chương 4:
.....

6. Các thành viên phản biện đọc nhận xét luận án và nêu câu hỏi:

- *GS.TS. Vũ Long Giang*....., Phản biện 1 (có văn bản kèm theo)

- *PGS.TS. Đặng Minh Tuấn*....., Phản biện 2 (có văn bản kèm theo)

- *PGS.TS. Trần Thị Diệu Anh*....., Phản biện 3 (có văn bản kèm theo) (*Đã*)

7. Thư ký Hội đồng công bố Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá của các cơ quan, nhà khoa học về Tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh.

8. Các thành viên của Hội đồng là ủy viên công bố nhận xét luận án tiến sĩ và nêu câu hỏi (nếu có):

- PGS.TS. Thường Hữu Hải....., Ủy viên (có văn bản kèm theo)

- PGS.TS. Phan Thị Lan Hương..., Ủy viên (có văn bản kèm theo)

9. Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên về ưu điểm và hạn chế của luận án.

Ưu điểm:

- Luận án đã tổng quan được các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài.
- Đã luận giải được cơ sở lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhờ nước thông qua xét xử các vụ án HC
- Đánh giá được cơ bản thực tiễn kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử các vụ án hành chính
- Đề xuất được những hướng giải pháp kiểm soát hoạt động hành chính nhờ nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Hạn chế:

- Chưa có nỗ lực tổng hợp tên và nội dung số mục, tiêu mục trong các chương.
- Một số vấn đề lý luận quan trọng của luận án chưa được phân tích nêu (như đang, phòng thủ kiểm soát).
- Thực tiễn đánh giá tại chương 2 chưa thực sự phong phú lý luận từ thực tiễn sự được hết thực phụ lục.
- Giải pháp còn lẫn lộn, một số nội dung chưa được diễn đạt rõ ràng.

10. Chủ tịch Hội đồng chốt lại các yêu cầu giải trình hoặc câu hỏi dành cho NCS (nếu có).

Câu hỏi 1:

Trong xét xử vụ án HC ở Việt Nam, Tòa án nào kiểm soát hoạt động HCN đến mức độ, giới hạn nào?

Câu hỏi 2:

Theo NCS kiểm soát từ pháp đối với hoạt động HCN có tại điểm gì?

Câu hỏi 3:

Theo bối cảnh tại các quốc gia như Việt Nam, NCS đang muốn xây dựng mô hình, cách tiếp cận nào?

Câu hỏi 4:

Giải pháp nào tạo ra chuyển biến thực chất trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xử lý các vi xử hành chính?

Câu hỏi 5:

11. Nghiên cứu sinh có ý kiến giải trình hoặc trả lời các câu hỏi của hội đồng:

Ý kiến giải trình:

NCS tiếp thu toàn bộ các ý kiến góp ý của các thành viên trong Hội đồng.

Về phạm vi thời gian từ 2022 - 2025 NCS lấy điểm mới lịch sử Nghị quyết 27/NQ-TP.

Câu 5:

11. PGS.TS. Nguyễn Văn Quang, đại diện tập thể hướng dẫn khoa học của NCS phát biểu ý kiến.

12. Hội đồng thảo luận và thông qua Quyết nghị của Hội đồng.

13. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

III. CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

1. Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

2. Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng.

3. Các đại biểu phát biểu ý kiến.

4. NCS phát biểu ý kiến.

5. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ và Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị B' Uyên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Tô Văn Hòa

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ-ĐHLHN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội để đánh giá luận án tiến sĩ của NCS. Nguyễn Thu Trang, với đề tài:

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Ngành: Luật Hiến pháp - Luật HC; Mã số: 9380102

Sau khi nghe NCS Nguyễn Thu Trang trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu, nghe các Ủy viên phản biện đọc nhận xét về luận án, nghe Thư ký trình bày bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các Ủy viên Hội đồng về bản luận án cũng như ý kiến của cơ quan và nhà khoa học về bản tóm tắt luận án, sau khi nghe nghiên cứu sinh thực hiện việc bảo vệ kết quả nghiên cứu luận án, Hội đồng đã thảo luận và nhất trí quyết nghị:

1. Kết quả bỏ phiếu đánh giá của HĐ về luận án tiến sĩ

06/07 (01 vắng)

2. Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án

- Hệ hê chỉ tiêu giá trị khoa học phù hợp
- Khung lý thuyết của LA khá rõ ràng các tiếp cận lý luận về cơ bản là phù hợp, là đóng góp mới của LA
- Mỗi phần đều giải quyết và phân tích & kết luận HC và TL
- Kết luận về tỷ lệ thực hành HC thấp có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động HC là kết quả chính
- Phân tích thực tiễn khá đầy đủ và là kết quả mới của LA, phân tích và giải quyết của TA mà còn thấy hệ thống chỉ tiêu đánh giá HC

- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá kết quả! cần
hình thức và hình thức là điều mới (Chỉ là hoạt
động tổ chức mà là biên soạn hình thức quyền lực)

3. Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án

Các luận điểm và kết luận khoa học nêu trong luận án
có cơ sở khoa học, có độ tin cậy cao.

4. Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án

- Kết quả nghiên cứu của LA, đặc biệt là các luận điểm
của LA về nâng cao hiệu quả công tác xét xử các
vi phạm hình sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao,
đặc biệt trong bối cảnh xây dựng VNDR, đề cao
công tác K sát QLW hiện nay.
Các kết luận khoa học của LA ở thí nghiệm khoa học thực

5. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án

* Một số thiếu sót hình thức:
- Một số tiêu đề bài mục lục lặp
- Một số câu viết chưa chính xác
- Một số nguồn chưa trích dẫn

* Một số thiếu sót nội dung:
- Một số nội dung có sự lặp lại nhiều lần
- Giá trị nghiên cứu chưa đầy đủ và phức tạp
- Chưa có

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án

Luận án đáp ứng yêu cầu của LATS

7. Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho thư viện Quốc gia Việt Nam

- Sửa các lỗi hỷ thuật, lỗi hình thức như đã chỉ ra.
- Bổ sung tiểu mục 1.1.1 và 1.1.2 có bảng tổng lập với duy
- Mỗi câu hỏi, nghiên cứu chỉ nên có 1 giả thuyết NC.
- Làm rõ hơn giới hạn biến số của TA vs hoạt độ HCVN.
- Bổ sung, chỉnh sửa các tiểu đề mục, tiểu mục.

8. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ luật học cho NCS.

Nhất trí đề xuất công nhận mức độ và cấp bằng tiến sĩ luật học cho NCS Nguyễn Thu Trang

Nghị quyết này được toàn thể thành viên của Hội đồng nhất trí tán thành.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đoàn Thị TS Uyên

Đoàn Thị TS Uyên

Hà Nội, ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tô Văn Hòa

Tô Văn Hòa

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Tô Văn Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Tên đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính

Nghiên cứu sinh: Nguyễn Thu Trang

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính – **Mã số:** 9380102

Người nhận xét: PGS. TS. Tô Văn Hòa

Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện luận án, tôi xin đưa ra những nhận xét và đánh giá như sau:

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Luận án đã lựa chọn một chủ đề có tính cấp thiết và ý nghĩa sâu sắc cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc nghiên cứu các cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước không chỉ là một yêu cầu khoa học mà còn là một đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn quản lý nhà nước.

Quyền lực nhà nước, đặc biệt là quyền hành pháp – nhánh quyền lực trực tiếp và thường xuyên tác động đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức – luôn tiềm ẩn nguy cơ bị lạm dụng nếu không được kiểm soát hữu hiệu. Trong các phương thức kiểm soát, xét xử vụ án hành chính bởi tòa án là cơ chế kiểm soát từ bên ngoài, mang tính độc lập, khách quan và có hiệu lực pháp lý cao, thể hiện rõ nét nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thời gian qua cho thấy hoạt động xét xử vụ án hành chính vẫn còn những hạn chế nhất định: tỷ lệ bản án bị hủy, sửa còn cao; tình trạng người bị kiện không tham gia đối thoại, chậm thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật vẫn diễn ra; hiệu quả kiểm soát của tòa án đối với nền hành chính chưa tương xứng với vị trí, vai trò được kỳ vọng. Trong bối cảnh Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và đẩy mạnh cải cách tư pháp, việc luận án nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu chủ đề này là rất kịp thời, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn thiết thực.

2. Sự không trùng lặp của đề tài

Tác giả đã thể hiện sự đầu tư nghiêm túc trong việc tổng quan tình hình nghiên cứu, tham khảo một khối lượng tài liệu phong phú và đa dạng. Cách tiếp cận của luận án, đặc biệt là việc đi sâu vào phân tích các mâu thuẫn nội tại và các đặc điểm của sự tập hợp quyền lực trong cơ quan hành chính, đã tạo ra một hướng đi riêng, đảm bảo tính không trùng lặp so với các công trình đã được công bố trước đây.

3. Sự phù hợp giữa tên đề tài, nội dung và mã ngành

Tên đề tài, nội dung nghiên cứu và mã ngành đào tạo (Luật Hiến pháp và Luật Hành chính) có sự phù hợp và thống nhất cao. Các vấn đề được luận án tập trung giải quyết là những nội dung cốt lõi, phản ánh đúng bản chất và phạm vi của chuyên ngành.

4. Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp

Các phương pháp nghiên cứu được nghiên cứu sinh sử dụng trong luận án về cơ bản là phù hợp và đảm bảo độ tin cậy khoa học. Luận án đã vận dụng tốt cách tiếp cận luật học làm chủ đạo, đồng thời có sự kết hợp với cách tiếp cận liên ngành, làm phong phú thêm góc nhìn phân tích. Tuy nhiên, để tăng tính hiện đại, nghiên cứu sinh có thể nhấn mạnh hơn nữa các phương pháp phân tích, so sánh luật học một cách sâu sắc hơn.

5. Kết quả, ý nghĩa khoa học và điểm mới của luận án

Luận án đã đạt được những kết quả nghiên cứu đáng ghi nhận, có ý nghĩa khoa học và đóng góp mới:

- **Về cách tiếp cận:** Luận án có cách tiếp cận mới, đa chiều, đặc biệt trong việc phân tích các khía cạnh lý luận.
- **Về nội dung:** Công trình đã trình bày các lập luận có tính sáng tạo, được minh chứng bằng hệ thống tài liệu thực tiễn phong phú. Sau bảo vệ cấp bộ môn tác giả đã bổ sung nhiều tài liệu nghiên cứu từ thực tiễn, ví dụ các báo cáo công tác thi hành án hành chính 3 năm gần đây.
- **Về đề xuất:** Luận án đã mạnh dạn đưa ra nhiều đề xuất táo bạo, có giá trị tham khảo cao cho cả hoạt động lập pháp và thực tiễn quản lý nhà nước.

6. Những hạn chế cần hoàn thiện

Về cơ bản, sau khi bảo vệ thành công tại hội đồng đánh giá cấp cơ sở và nghiêm túc tiếp thu các ý kiến của phản biện kín, nghiên cứu sinh đã có những bước hoàn thiện đáng kể đối với luận án. Các góp ý về kết cấu, lập luận cũng

như hệ thống tài liệu minh chứng đã được chỉnh sửa, bổ sung một cách cẩn trọng, thể hiện thái độ cầu thị và tinh thần làm việc khoa học nghiêm túc của tác giả. Nhìn chung, đến thời điểm hiện tại, luận án đã đạt được mức độ hoàn chỉnh cần thiết cả về nội dung khoa học lẫn hình thức trình bày.

Tuy nhiên, để công trình có tính thời sự và sức thuyết phục cao hơn, nghiên cứu sinh nên cân nhắc cập nhật số liệu về công tác thi hành các bản án, quyết định của tòa án đối với vụ án hành chính từ đầu năm 2026 đến nay. Theo báo cáo của các cơ quan thi hành án, công tác thi hành án hành chính trong giai đoạn này đã có những chuyển biến tích cực và bước tiến lớn so với các năm trước (nghiên cứu sinh có thể tham khảo báo cáo được trình bày tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm của ngành tư pháp). Việc cập nhật kịp thời các số liệu mới sẽ giúp phần đánh giá thực trạng cũng như các đề xuất, kiến nghị của luận án bám sát hơn diễn biến của thực tiễn, qua đó nâng cao giá trị khoa học và giá trị ứng dụng của công trình.

7. Kết luận chung

Tổng thể, đây là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc, công phu, có nhiều đóng góp mới và giá trị.

Luận án **đáp ứng đầy đủ các yêu cầu** của một luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Tôi nhất trí đề tác giả bảo vệ tại hội đồng và nghiên cứu sinh cần nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện luận án theo các góp ý đã nêu để nâng cao hơn nữa chất lượng công trình.

XÁC NHẬN CHỮ KÝ

Trần Đình Phú

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2026

Người nhận xét


PGS. TS. Tô Văn Hòa

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Cấp trường)

Người nhận xét: **PGS.TS. Đoàn Thị Tố Uyên**, Thư ký hội đồng

Đề tài luận án: **Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính**

Người thực hiện: **NCS. Nguyễn Thu Trang**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: **9 38 01 02**

NỘI DUNG NHẬN XÉT

Sau khi đọc toàn văn luận án của NCS Nguyễn Thu Trang, tôi có nhận xét như sau:

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn bởi những lý do sau:

2. Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án so với các công trình khoa học, luận văn, luận án đã công bố

Luận án của NCS Nguyễn Thu Trang với đề tài: “Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính” hoàn toàn phù hợp với ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 9.38.01.02 và không trùng lặp với các luận án đã bảo vệ trước đó

3. Mức độ tổng quan các vấn đề lý luận của đề tài

NCS đã tổng quan được những công trình trong nước và nước ngoài có liên quan đến đề tài.

4. Sự phù hợp giữa tên đề tài luận án với nội dung, giữa nội dung với mã số chuyên ngành.



Nội dung nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với tên đề tài và mã số ngành Luật Hiến pháp, Luật hành chính, mã số 9380102

5. Độ tin cậy và tính hợp lý, hiện đại của phương pháp nghiên cứu

Luận án được tác giả sử dụng nhiều phương pháp trong quá trình luận giải những luận điểm như phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống, logic, lịch sử ... Theo tôi các phương pháp này được sử dụng có độ tin cậy cao và phù hợp với mục đích, đối tượng nghiên cứu.

6. Kết quả nghiên cứu mới của tác giả, ưu điểm, nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án, những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa

- Ưu điểm:

Tổng quan nghiên cứu của luận án đã phản ánh được cơ bản tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Luận án có sự cân đối và hợp lý giữa 3 chương, về cơ bản phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung của luận án.

Luận án đã xây dựng được hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành chính tương đối toàn diện, là cơ sở để đánh giá thực trạng tại chương 2.

Luận án đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ rõ được kết quả đạt được và những hạn chế, điểm nghẽn, nguyên nhân của những hạn chế của Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Nhiều thông tin thực tiễn xét xử các vụ án hành chính đã được cập nhật và thể hiện làm tăng tính thuyết phục cho các luận cứ.

Luận án đã đề xuất được các phương hướng và giải pháp kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Một số giải pháp có giá trị tham khảo dưới góc độ lập pháp. Trong đó có một số giải pháp thực sự sắc nét, có thể gợi mở cho công tác xây dựng pháp luật cũng như tổ chức thực hiện pháp luật của Việt Nam. Luận án đã phân tích và đề xuất được các giải pháp có tính thuyết phục nhằm bảo đảm Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Một số giải pháp có tính khả thi cao và sớm được triển khai trong thời gian tới. Các giải pháp được xây dựng dựa trên những phương hướng rất rõ ràng: hướng tới một nền tư pháp chuyên

nghiệp, hiện đại; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; và đặc biệt là gắn liền với bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số quốc gia

+ Hạn chế:

- Kết cấu: Một số mục và tiểu mục có sự trùng lặp tên và chưa bao quát nội dung nên tính logic và sự mạch lạc chưa đạt yêu cầu, ví dụ mục 1.2 và tiểu mục 1.1.2 đều là khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính; mục 1.2 là khái niệm kiểm soát, tiểu mục 1.2.1.khái niệm xét xử, định nghĩa kiểm soát và 1.2.3 vai trò của xét xử các vụ án hành chính trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước; tên chương 2 thực trạng kiểm soát còn mục 2.1 cơ sở pháp lý kiểm soát và mục 2.2 trùng hoàn toàn tên chương 2; tên chương 3 là phương hướng, giải pháp nhưng mục 3.1. phương hướng, yêu cầu đối với kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

- Chương 1: cần làm rõ hơn cơ sở lý luận của hoạt động kiểm soát hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Đây là nội dung cốt lõi của luận án nhưng hiện vẫn còn dàn trải và chưa xác định rõ đối tượng được kiểm soát, chủ thể thực hiện kiểm soát, phạm vi, giới hạn và cơ chế kiểm soát.

Đặc biệt, luận án cần xây dựng và luận giải rõ nội dung kiểm soát và phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính

Về phương thức kiểm soát, cần phân tích rõ các phương thức mà Tòa án thực hiện quyền kiểm soát thông qua hoạt động xét xử, bao gồm: xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính; đánh giá việc áp dụng pháp luật; hủy bỏ hoặc sửa đổi quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan hành chính thực hiện nghĩa vụ theo quy định; giải thích và thống nhất áp dụng pháp luật; thông qua lập luận trong bản án để định hướng hoạt động quản lý hành chính và góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật. mục “Nội dung và phương thức kiểm soát” cần được xác định là phần trọng tâm của chương lý luận vì đây là cơ sở trực tiếp để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.



03/09/2023

Luận án cần phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành chính, đặc biệt là trong bối cảnh chính trị - xã hội của Việt Nam, và trong giai đoạn cải cách hiện nay, từ đó làm chất liệu để đề xuất các giải pháp ở Chương 3

- Chương 2: Tên chương 2 với mục 2.1 chưa logic, Mục 2.1 có tiêu đề là Cơ sở pháp lý kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính không phù hợp vì nó mang tính lý luận nhiều hơn là tập trung vào đánh giá thực trạng.

- Chương 3: luận án cần dựa trên các số liệu này để phân tích sâu hơn tầm quan trọng của xét xử vụ án hành chính, chỉ rõ những ưu điểm của kiểm soát hoạt động hành chính thông qua cơ chế này, thay vì chỉ dừng lại ở việc mô tả đơn thuần. Luận án cần có một nhóm giải pháp riêng biệt cho việc ứng dụng công nghệ số vào quy trình kiểm soát (ví dụ: công khai bản án trực tuyến, hệ thống nộp đơn và xét xử trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc tra cứu án lệ hành chính...). Tác giả cần làm rõ các giải pháp công nghệ này sẽ thay đổi phương thức kiểm soát hoạt động hành chính như thế nào trong kỷ nguyên mới.

8. Nội dung luận án đã được công bố trên tạp chí, tuyển tập công trình hội nghị khoa học và giá trị khoa học của các công trình đã công bố.

Tác giả đã công bố nhiều công trình khoa học trong đó có 02 bài báo cáo tại hội thảo quốc gia, 02 bài tạp chí quốc tế, 03 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành đã phản ánh được phần nào kết quả nghiên cứu chính của luận án.

9. Kết luận chung

Nội dung và hình thức của luận án về đã đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ về nội dung và hình thức.

10. Ý kiến đề nghị:

Đồng ý luận án được bảo vệ tại Hội đồng cấp Trường tuy nhiên NCS cần nghiêm túc chỉnh sửa, hoàn thiện đảm bảo luận án có chất lượng hơn./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2026



Trần Danh Phú

Người nhận xét

PGS.TS. Đoàn Thị Tố Uyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên tôi là: **Vũ Công Giao**

Cơ quan công tác: Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận xét luận án tiến sĩ về “*Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam*”.

Của nghiên cứu sinh: Nguyễn Thu Trang

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và luật Hành chính

Mã số: 62.38. 10. 02

Sau khi đọc bản luận án, tôi có một số ý kiến nhận xét như sau:

1. Nhận xét về tính cấp thiết, ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài và sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung luận án và chuyên ngành đào tạo

Đề tài luận án có tính cấp thiết và có ý nghĩa cao cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trong bối cảnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thông qua cơ chế tư pháp ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, việc nghiên cứu kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính là rất cần thiết, vì gắn trực tiếp với cải cách tư pháp, cải cách hành chính, bảo đảm quyền tiếp cận công lý và nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước.

Về ý nghĩa lý luận, luận án góp phần làm rõ hơn bản chất, vai trò, nội dung và điều kiện bảo đảm của cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử hành chính. Đây là vấn đề có tính liên ngành trong khoa học pháp lý, liên quan đến lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước, quyền tư pháp, tổ tụng hành chính, trách nhiệm của nền hành chính và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Về ý nghĩa thực tiễn, đề tài cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính, nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hành chính, tăng cường hiệu lực thi hành bản án, quyết định hành chính của Tòa án và góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam.



Tên đề tài phù hợp với nội dung nghiên cứu thể hiện trong luận án. Các phần tổng quan, cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp đều xoay quanh chủ đề trung tâm là kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Với nội dung như vậy, luận án phù hợp với chuyên ngành đào tạo là luật hiến pháp và luật hành chính.

2. Nhận xét về tổng quan tình hình nghiên cứu

Phần tổng quan tình hình nghiên cứu được viết khá công phu, có cấu trúc hợp lý và bám sát chủ đề luận án. Nghiên cứu sinh đã phân nhóm các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài theo những mạch vấn đề quan trọng, bao gồm: kiểm soát quyền lực nhà nước và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước; xét xử hành chính và tổ tụng hành chính; kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính. Cách phân nhóm này cho phép nghiên cứu sinh hệ thống hóa tình hình nghiên cứu theo logic từ nền tảng lý luận chung đến vấn đề nghiên cứu cụ thể, bao quát được những vấn đề quan trọng của đề tài. Cách viết tổng quan tương đối hiện đại, không chỉ dừng lại ở việc liệt kê công trình, mà còn đánh giá kết quả và xác định những vấn đề khoa học cần tiếp tục nghiên cứu. Việc xây dựng câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu sau phần tổng quan cũng thể hiện nỗ lực định vị rõ khoảng trống nghiên cứu, qua đó tạo nền tảng cho các chương tiếp theo.

3. Nhận xét về cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án có cơ sở lý luận rõ ràng, được triển khai trên nền tảng các vấn đề lớn của khoa học pháp lý như kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, vai trò của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền, xét xử hành chính và bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Chương 1 của luận án có dung lượng đáng kể, tập trung làm rõ các khái niệm, vai trò, điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Điều này cho thấy tác giả đã chú ý xây dựng nền tảng lý luận vững chắc trước khi đi vào đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Về phương pháp nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp phù hợp với đề tài luật học, như phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, so sánh pháp luật, lịch sử pháp lý, thống kê và đánh giá thực tiễn. Việc kết hợp giữa nghiên cứu lý luận, phân tích pháp luật hiện hành và khảo sát thực tiễn xét xử, thi hành án hành chính là phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của luận án.

4. Nhận xét về nội dung nghiên cứu và tính trung thực, rõ ràng, đầy đủ trong việc trích dẫn tài liệu tham khảo

Nội dung luận án được triển khai theo kết cấu ba chương: Chương 1 tập trung làm rõ cơ sở lý luận; Chương 2 phân tích thực trạng; Chương 3 đề xuất các phương

hướng và giải pháp với những tồn tại, hạn chế. Cách kết cấu này phù hợp với yêu cầu của một luận án tiến sĩ luật học ở Việt Nam, bảo đảm logic từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện khung pháp luật về vấn đề nghiên cứu.

Xét về kết quả cụ thể, Chương 1 đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Chương này đã xây dựng được khung khái niệm, xác định vai trò của xét xử hành chính và các điều kiện, tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát. Đây là nền tảng quan trọng để tác giả triển khai các phân tích ở chương sau. Chương 2 đã phân tích cơ sở pháp lý, tình hình thực lý, giải quyết các vụ án hành chính, thực tiễn tiến hành và tham gia tố tụng hành chính, chất lượng xét xử, thi hành án hành chính, cũng như đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân. Trong chương này, nghiên cứu sinh không chỉ khảo sát vấn đề từ góc độ nội dung hệ thống văn bản pháp luật có liên quan, mà còn đánh giá vấn đề qua thực tiễn vận hành của cơ chế kiểm soát thông qua xét xử các vụ án hành chính. Ở Chương 3, nghiên cứu sinh đã đề xuất một hệ thống các quan điểm khoa học có tính khái quát lý luận cao và các nhóm giải pháp toàn diện, có hệ thống để bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính; hoàn thiện đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp; bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất; nâng cao năng lực xét xử; bảo đảm thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa của bản án, quyết định hành chính. Những luận điểm, giải pháp này có cơ sở lý luận, thực tiễn, phù hợp với những phân tích ở các chương 1 và 2, vì thế có giá trị tham khảo cao.

Về trích dẫn tài liệu tham khảo, tác giả có danh mục 181 tài liệu tham khảo trong và ngoài nước, qua đó cũng cho thấy sự công phu và tâm huyết của tác giả khi nghiên cứu đề tài. Các tài liệu tham khảo cơ bản gắn kết chặt chẽ với đề tài, có tính cập nhật, nhiều tài liệu đã được trích dẫn trực tiếp trong luận án, việc trích dẫn bảo đảm đầy đủ, thống nhất và đúng quy cách.

5. Nhận xét về đóng góp khoa học của luận án, bao gồm tính mới của luận án so với các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài

Luận án có những đóng góp khoa học đáng ghi nhận. Trước hết, luận án tiếp cận xét xử hành chính không chỉ như một hoạt động giải quyết tranh chấp hành chính, mà còn như một cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước. Cách tiếp cận này giúp mở rộng góc nhìn về vai trò của Tòa án trong kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền công dân và thúc đẩy nền hành chính tuân thủ pháp luật.

Thứ hai, luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ các khái niệm liên quan, đặc biệt là hoạt động hành chính nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, xét xử hành chính và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành

chính. Việc xây dựng các nhóm điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá cũng là điểm có giá trị về mặt lý luận.

Thứ ba, luận án có đóng góp thực tiễn thông qua việc phân tích cơ sở pháp lý, thực trạng xét xử và thi hành án hành chính ở Việt Nam. Những đánh giá về kết quả, hạn chế và nguyên nhân là cơ sở để đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

Thứ tư, hệ thống quan điểm, giải pháp của luận án có tính toàn diện, không chỉ dừng ở sửa đổi quy định pháp luật tổ tụng hành chính mà còn đề cập đến điều kiện thể chế, vị thế của Tòa án, năng lực xét xử, tranh tụng thực chất, tiếp cận công lý, thống nhất áp dụng pháp luật và thi hành án hành chính.

So với các công trình đã công bố liên quan đến chủ đề, điểm mới của luận án thể hiện ở việc đặt trọng tâm vào mối quan hệ giữa xét xử hành chính và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, từ đó xây dựng khung phân tích tương đối độc lập cho vấn đề này trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

6. Nhận xét về công bố kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu sinh đã công bố 5 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước. Các bài báo có chất lượng chuyên môn tốt, nội dung gắn với chủ đề và phản ánh một phần kết quả nghiên cứu của luận án.

7. Nhận xét về những hạn chế về nội dung, thể thức của luận án

Bên cạnh những thành công nêu trên, luận án còn một số điểm có thể tiếp tục hoàn thiện.

Thứ nhất, ở Chương 1, nội dung của một số tiểu mục có sự trùng lặp nhất định, đặc biệt giữa nội dung của tiểu mục *1.1.2. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính* và mục *1.2. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*. Nghiên cứu sinh nên rà soát lại cấu trúc Chương 1 để tránh trùng lặp, qua đó tăng cường tính logic của cấu trúc lý luận: từ hoạt động hành chính nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, xét xử hành chính, đến cơ chế kiểm soát thông qua xét xử hành chính.

Thứ hai, mục lý luận về các tiêu chí đánh giá kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính nên phân tích sâu hơn, bởi đây là vấn đề quan trọng quyết định Tòa án kiểm soát cái gì, kiểm soát đến đâu và kiểm soát theo tiêu chí nào. Luận án nên phân biệt rõ hơn giữa kiểm soát tính hợp pháp, tính hợp lý trong phạm vi luật định, kiểm soát thủ tục, kiểm soát thẩm quyền, kiểm soát căn cứ pháp lý và kiểm soát việc bảo đảm quyền của cá nhân, tổ chức.

Thứ ba, Chương 2 đã tổng hợp và phân tích một hệ thống dữ liệu thực tiễn rất phong phú gồm số liệu thống kê, báo cáo tổng kết và các bản án thực tiễn, nhưng nên tiếp tục tăng cường phân tích định lượng và định tính đối với các số liệu về thụ lý, giải quyết, tỷ lệ hủy sửa án, tỷ lệ người bị kiện tham gia phiên tòa, tỷ lệ thi hành án hành chính và các dạng vi phạm phổ biến trong hoạt động hành chính. Việc phân tích sâu và hiệu quả các số liệu này sẽ giúp các nhận định về thực trạng có tính thuyết phục cao hơn.

Thứ tư, các phụ lục về thông báo rút kinh nghiệm và bản án, quyết định trong lĩnh vực tổ tụng hành chính là nguồn tư liệu rất có giá trị. Tuy nhiên, luận án nên bảo đảm rằng các phụ lục này không chỉ được đưa vào để minh họa, mà cần được khai thác và thể hiện rõ việc vận dụng, khai thác các phụ lục trong phần phân tích thực trạng. Nghiên cứu sinh nên chỉ ra, theo cách cụ thể hoặc tổng quan, từ các bản án, quyết định đó có thể rút ra những dạng sai sót, bất cập hoặc xu hướng thực tiễn nào.

Thứ năm, những phương hướng giải pháp ở Chương 3 rất toàn diện, nhưng nên tiếp tục phân tầng giải pháp theo mức độ ưu tiên và điều kiện thực hiện. Nên phân biệt rõ giải pháp trước mắt và lâu dài; giải pháp về lập pháp, tổ chức thi hành pháp luật, năng lực của Tòa án, trách nhiệm của cơ quan hành chính và cơ chế bảo đảm thi hành án hành chính. Điều này sẽ làm tăng tính khả thi của các giải pháp đề xuất. Cũng nên cân nhắc về sự cần thiết phải có từ “yêu cầu” trong tiêu đề tiểu mục 3.1. *Phương hướng, yêu cầu đối với kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.*

Thứ sáu, về thể thức, luận án đã xác định một số giả thuyết khoa học, cơ bản là đúng hướng. Tuy nhiên, thông thường một luận án chỉ có một giả thuyết khoa học có tính khái quát toàn bộ đề tài. Cấu trúc của giả thuyết thường bắt đầu bằng việc nêu vấn đề nghiên cứu - nêu giả định về nguyên nhân cốt lõi của vấn đề, rồi nêu nhận định về những việc mà nếu làm thì có thể giải quyết vấn đề đó. Theo cách tiếp cận đó, các giả thuyết nghiên cứu sinh nêu còn thiếu tính chất của “giả thuyết khoa học” – nên cân nhắc điều chỉnh.

Cũng về thể thức, nghiên cứu sinh cần rà soát cách đánh số mục, tiểu mục, cách đặt tên một số mục để tránh trùng ý và bảo đảm thống nhất. Một số tiêu đề có thể được rút gọn để rõ hơn, tránh diễn đạt quá dài. Có tiêu đề nên cân nhắc điều chỉnh (ví dụ: 1. *Lý do lựa chọn đề tài* (nên chăng là “Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài”). Danh mục tài liệu tham khảo, trích dẫn và phụ lục cần được chuẩn hóa theo đúng quy định của cơ sở đào tạo.

8. Đánh giá chung

Nhìn tổng thể, luận án là một công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, có chất lượng chuyên môn tốt. Kết quả nghiên cứu của

luận án có đóng góp nhất định cho khoa học pháp lý, đặc biệt trong việc nhận diện vai trò của xét xử hành chính như một cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước. Các giải pháp được đề xuất có giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính, nâng cao chất lượng xét xử và tăng cường hiệu lực kiểm soát của Tòa án đối với hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam. Mặc dù còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện như đã nêu, các hạn chế này không làm ảnh hưởng đến giá trị cơ bản của luận án. Luận án đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận án tiến sĩ luật học chuyên ngành luật hiến pháp và luật hành chính. Nghiên cứu sinh có thể bảo vệ luận án ở hội đồng đánh giá cấp trường.

9. Câu hỏi cho nghiên cứu sinh

Trong luận án, nghiên cứu sinh tiếp cận việc xét xử các vụ án hành chính như là một cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước. Vậy theo nghiên cứu sinh, trong việc xét xử các vụ án hành chính, Tòa án nên kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước đến mức độ hay giới hạn nào, để vừa bảo đảm hiệu quả kiểm soát quyền lực hành chính, vừa không can thiệp bất hợp lý vào chức năng quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước?



Hà Nội, ngày 2/7/2026

Người nhận xét

GS.TS Vũ Công Giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Tên đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính

Nghiên cứu sinh: Nguyễn Thu Trang

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính – **Mã số:** 9380102

Người nhận xét: PGS. TS. Đặng Minh Tuấn, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN

Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện luận án, tôi xin đưa ra những nhận xét và đánh giá như sau:

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Đề tài luận án "*Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*" là một đề tài có tính cấp thiết, thời sự, đồng thời có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rõ nét trong bối cảnh Việt Nam đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Việc nghiên cứu cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính không chỉ gắn trực tiếp với yêu cầu bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của hoạt động công quyền, mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia và xây dựng nền hành chính phục vụ, liêm chính, hiện đại.

Bên cạnh tính cấp thiết về mặt thực tiễn, đề tài cũng đặt ra một số vấn đề có ý nghĩa học thuật đáng quan tâm. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính, pháp luật tổ tụng hành chính và xét xử các vụ án hành chính, song việc tiếp cận xét xử vụ án hành chính như một cơ chế kiểm soát quyền lực hành pháp, đồng thời xem xét hiệu quả của cơ chế này từ cả phương diện lý luận và thực tiễn, vẫn là một hướng nghiên cứu cần tiếp tục được làm rõ trong khoa học pháp lý Việt Nam. Đặc biệt, các vấn đề liên quan đến bản chất và vị trí của xét xử hành chính trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; giới hạn và mức độ can thiệp của quyền tư pháp đối với hoạt



động hành chính; mối quan hệ giữa bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động hành chính với bảo đảm hiệu quả quản trị công; cũng như việc xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm soát tư pháp đối với hành chính nhà nước vẫn đang là những vấn đề có nhiều cách tiếp cận và cần được tiếp tục nghiên cứu, phát triển.

Trên phương diện khoa học, luận án đã lựa chọn cách tiếp cận liên ngành giữa luật hiến pháp, luật hành chính, tổ tụng hành chính và lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước, qua đó góp phần bổ sung thêm cách tiếp cận nghiên cứu về xét xử hành chính không chỉ với tư cách là một hoạt động tố tụng, mà còn như một phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong Nhà nước pháp quyền. Trên phương diện thực tiễn, luận án đã gắn nghiên cứu lý luận với việc khảo sát, phân tích thực trạng pháp luật, thực tiễn xét xử và thi hành án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn gần đây, qua đó cung cấp thêm những luận cứ khoa học và thực tiễn có giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính, nâng cao hiệu quả xét xử hành chính và tăng cường kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Nhìn chung, đây là một đề tài được lựa chọn phù hợp với yêu cầu phát triển của khoa học Luật Hiến pháp và Luật Hành chính cũng như yêu cầu thực tiễn của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Sự không trùng lặp của đề tài

Qua rà soát nội dung luận án, có thể nhận thấy đề tài không trùng lặp trực tiếp với các công trình nghiên cứu đã công bố trước đây. Chủ đề kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính, pháp luật tố tụng hành chính và xét xử vụ án hành chính không phải là những vấn đề hoàn toàn mới trong khoa học pháp lý Việt Nam; tuy nhiên, luận án có hướng tiếp cận riêng khi đặt xét xử vụ án hành chính trong mối liên hệ với kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, tức là xem xét xét xử hành chính không chỉ như một cơ chế giải quyết tranh chấp hành chính, mà còn như một phương thức kiểm soát quyền lực hành pháp trong Nhà nước pháp quyền.

Tính không trùng lặp của đề tài thể hiện ở việc luận án xác định đối tượng nghiên cứu là các vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính; đồng thời giới hạn phạm vi nghiên cứu vào hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân với vai trò kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính, không đi sâu vào các phương thức kiểm soát khác như thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan dân cử hay giám sát xã hội.

Bên cạnh đó, luận án cũng thể hiện sự khác biệt nhất định ở mục tiêu xây dựng khung lý luận, xác định điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát; kết hợp với việc phân tích thực trạng pháp luật, thực tiễn xét xử và thi hành án

hành chính giai đoạn 2022–2025. Cách tiếp cận này cho thấy luận án không chỉ kế thừa các nghiên cứu về tổ tụng hành chính hoặc xét xử hành chính, mà còn cố gắng tích hợp các nội dung này trong một khung phân tích rộng hơn về kiểm soát quyền lực nhà nước.

Tuy vậy, cần nhận xét một cách thận trọng rằng tính không trùng lặp của đề tài chủ yếu nằm ở cách tiếp cận, phạm vi khảo sát, cách tổ chức vấn đề và sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, chứ không phải ở việc phát hiện một lĩnh vực nghiên cứu hoàn toàn mới. Nhìn chung, đề tài có sự độc lập tương đối, không trùng lặp về tên gọi, mục tiêu, phạm vi và cấu trúc nghiên cứu với các công trình đã được luận án tổng quan; do đó đáp ứng yêu cầu về tính không trùng lặp của một luận án tiến sĩ.

3. Sự phù hợp giữa tên đề tài, nội dung và mã ngành

Qua nghiên cứu nội dung luận án, có thể nhận thấy tên đề tài "*Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*" cơ bản phản ánh đúng đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu mà nghiên cứu sinh đã triển khai. Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua hoạt động xét xử vụ án hành chính của Tòa án nhân dân; đồng thời đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cơ chế kiểm soát này ở Việt Nam. Nhìn chung, giữa tên đề tài và nội dung nghiên cứu có sự tương thích và thống nhất tương đối chặt chẽ.

Xét về phương diện chuyên ngành, đề tài thuộc lĩnh vực nghiên cứu của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (mã số 9380102). Nội dung nghiên cứu của luận án chủ yếu tập trung vào các vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, hoạt động hành chính công và cơ chế kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính. Mặc dù luận án có sử dụng và phân tích khá nhiều quy định của pháp luật tổ tụng hành chính, song các nội dung này chủ yếu được tiếp cận như công cụ và phương thức để nghiên cứu cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, chứ không phải nghiên cứu thuần túy về kỹ thuật tổ tụng hay thủ tục tổ tụng hành chính. Vì vậy, việc xác định luận án thuộc chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính là phù hợp.

Tuy nhiên, dưới góc độ học thuật, có thể nhận thấy phạm vi nghiên cứu của đề tài có tính chất liên ngành khá rõ nét, nằm ở giao điểm giữa lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước, luật hành chính và pháp luật tổ tụng hành chính. Đây cũng là một trong những đặc điểm tạo nên giá trị của luận án, đồng thời phản ánh xu hướng nghiên cứu liên ngành ngày càng phổ biến trong khoa học pháp lý hiện đại. Nhìn chung, tên đề tài, nội dung nghiên cứu và mã số chuyên ngành có sự phù hợp và

thống nhất, đáp ứng yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

4. Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp

Qua nghiên cứu luận án, có thể nhận thấy nghiên cứu sinh đã sử dụng tương đối đa dạng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đặc thù của chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, bao gồm các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, lịch sử, so sánh luật học, thống kê, điều tra xã hội học, nghiên cứu trường hợp và phương pháp tiếp cận liên ngành. Việc lựa chọn và kết hợp các phương pháp nghiên cứu này về cơ bản phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu của luận án.

Về độ tin cậy, luận án được xây dựng trên cơ sở khai thác tương đối phong phú các nguồn tài liệu trong nước và nước ngoài, kết hợp giữa nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tiễn pháp luật, thực tiễn xét xử và thi hành án hành chính ở Việt Nam. Việc sử dụng các số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền khác đã góp phần tăng cường tính thực chứng và độ tin cậy của các nhận định, đánh giá được đưa ra trong luận án.

Về tính hiện đại, luận án đã thể hiện nỗ lực tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo hướng liên ngành và tiếp cận từ góc độ kiểm soát quyền lực nhà nước, thay vì chỉ tiếp cận thuần túy từ góc độ pháp luật tổ tụng hành chính. Việc kết hợp nghiên cứu các vấn đề lý luận về kiểm soát quyền lực, Nhà nước pháp quyền, quản trị công với nghiên cứu cơ chế xét xử hành chính đã góp phần mở rộng cách tiếp cận nghiên cứu truyền thống trong lĩnh vực luật hành chính và tổ tụng hành chính ở Việt Nam. Đồng thời, việc sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh và tham khảo kinh nghiệm quốc tế cũng góp phần nâng cao tính hiện đại và tính hội nhập của nghiên cứu.

Nhìn chung, phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án có độ tin cậy tương đối cao, phù hợp với yêu cầu của một luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, đồng thời thể hiện sự kết hợp tương đối hài hòa giữa nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực chứng và nghiên cứu so sánh. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng giá trị khoa học của luận án không chỉ được quyết định bởi việc sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu, mà quan trọng hơn là ở mức độ vận dụng hiệu quả các phương pháp đó để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu và tạo lập được những luận cứ khoa học có sức thuyết phục. Trong phương diện này, luận án nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với một công trình nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

5. Kết quả, ý nghĩa khoa học và điểm mới của luận án

Qua nghiên cứu nội dung luận án, có thể nhận thấy luận án đã đạt được một số kết quả nghiên cứu đáng ghi nhận, thể hiện nỗ lực nghiêm túc của nghiên cứu sinh trong việc tiếp cận một chủ đề có tính giao thoa giữa luật hiến pháp, luật hành chính, tổ tụng hành chính và lý luận kiểm soát quyền lực nhà nước.

Trước hết, về phương diện lý luận, luận án đã không chỉ xem xét xét xử vụ án hành chính như một hoạt động tổ tụng nhằm giải quyết tranh chấp hành chính, mà đặt hoạt động này trong một khung phân tích rộng hơn: kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua quyền tư pháp. Đây là hướng tiếp cận có ý nghĩa khoa học, bởi nó góp phần làm rõ hơn vai trò của Tòa án trong kiểm soát quyền lực hành pháp, bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời củng cố trách nhiệm giải trình của nền hành chính công. Luận án đã xác định nhiệm vụ làm rõ khái niệm, bản chất, đặc điểm, phạm vi của cơ chế kiểm soát này; đồng thời xây dựng các nhóm điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện kiểm soát.

Một kết quả đáng chú ý của luận án là đã bước đầu xây dựng được khung lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, trong đó có sự phân biệt tương đối rõ giữa hoạt động xét xử hành chính với chức năng kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử. Cách tiếp cận này giúp mở rộng nhận thức về xét xử hành chính: từ chỗ chủ yếu được nhìn nhận như một cơ chế bảo vệ quyền trong từng vụ việc cụ thể, sang chỗ được nhìn nhận như một thiết chế có khả năng tạo ra tác động rộng hơn đối với kỷ luật pháp lý, chất lượng quản trị hành chính và văn hóa tuân thủ pháp luật của cơ quan hành chính.

Về phương diện thực tiễn, luận án đã phân tích tương đối hệ thống thực trạng pháp luật và thực tiễn vận hành cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính ở Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn 2022–2025. Các nội dung được khảo sát khá cụ thể, bao gồm tình hình thụ lý, giải quyết vụ án hành chính; sự tham gia tố tụng của người bị kiện; chất lượng xét xử; tình hình thi hành án hành chính; các dạng sai sót của cơ quan hành chính được phát hiện qua xét xử; cũng như các nguyên nhân hạn chế trong thực tiễn kiểm soát. Danh mục bảng, biểu của luận án cho thấy nghiên cứu sinh đã sử dụng nhiều dữ liệu thực tiễn để hỗ trợ cho các nhận định, đánh giá.

Một điểm có giá trị của luận án là đã cố gắng kết nối giữa kiểm soát tư pháp và hiệu quả thực chất của quản trị hành chính. Luận án không dừng lại ở việc xem bản án hành chính có hủy hay không hủy quyết định hành chính, mà còn quan tâm đến vấn đề thi hành án hành chính, hiệu ứng lan tỏa của phán quyết tư pháp và khả năng tác động trở lại đối với hoạt động của cơ quan hành chính. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu nghiên cứu hiện đại về luật hành chính, trong đó hiệu quả của tài phán hành chính không chỉ được đo bằng kết quả giải quyết vụ án, mà còn bằng năng lực định hướng hành vi công quyền và nâng cao trách nhiệm của nền hành chính.

Về hệ thống giải pháp, luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp tương đối toàn diện, bao gồm: hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án trong xét xử hành chính; hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp; hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính theo hướng bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất; nâng cao năng lực, chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật; bảo đảm thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa của bản án, quyết định hành chính. Các nhóm giải pháp này bám khá sát các vấn đề lý luận và thực tiễn mà luận án đã phân tích.

Có thể khái quát điểm mới và ý nghĩa khoa học của luận án ở một số phương diện chính: một là, luận án góp phần bổ sung cách tiếp cận nghiên cứu xét xử hành chính từ góc độ kiểm soát quyền lực hành pháp; hai là, bước đầu xây dựng khung lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính; ba là, đề xuất các tiêu chí và điều kiện bảo đảm để đánh giá hiệu quả của cơ chế kiểm soát này; bốn là, cung cấp thêm dữ liệu thực tiễn cập nhật về xét xử và thi hành án hành chính ở Việt Nam; năm là, đưa ra hệ thống giải pháp có tính liên thông giữa cải cách tư pháp, cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Nhìn chung, luận án có ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhất định, thể hiện ở việc góp phần phát triển nhận thức lý luận về vai trò của Tòa án trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, đồng thời cung cấp thêm cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính, nâng cao chất lượng xét xử hành chính và tăng cường hiệu quả kiểm soát quyền lực hành chính ở Việt Nam hiện nay.

6. Những hạn chế cần hoàn thiện

Về đóng góp mới của luận án, mặc dù luận án đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc tiếp cận xét xử vụ án hành chính từ góc độ kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước và góp phần hệ thống hóa, phát triển nhận thức lý luận về vấn đề nghiên cứu, tuy nhiên mức độ mới của các kết quả nghiên cứu chưa thật sự nổi bật. Các đóng góp của luận án chủ yếu thể hiện ở việc tổng hợp, kết nối và phát triển các tri thức hiện có, hơn là xây dựng được một khung lý luận, mô hình phân tích hoặc cách tiếp cận học thuật mới mang tính độc lập. Đặc biệt, luận án chưa làm rõ một cách thuyết phục những vấn đề lý luận cốt lõi của kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính, như giới hạn, phạm vi và chuẩn mực của sự can thiệp tư pháp đối với hoạt động thực thi quyền hành pháp. Đây là những vấn đề có ý nghĩa nền tảng, cần tiếp tục được nghiên cứu và phát triển sâu hơn.

Về hình thức, cấu trúc và văn phong, luận án cơ bản đáp ứng yêu cầu của một công trình nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ. Tuy nhiên, một số nội dung còn được trình bày tương đối dài và có sự lặp lại nhất định giữa các phần, ảnh hưởng đến tính cô đọng và mạch lạc của luận án. Bên cạnh đó, văn phong khoa học ở một số đoạn còn thiên về mô tả và tổng kết thực tiễn, trong khi tính khái quát và tính học thuật trong diễn đạt chưa thật sự đồng đều.

Về tài liệu tham khảo và trích dẫn, mặc dù luận án đã sử dụng khá phong phú các nguồn tài liệu trong và ngoài nước, song mức độ khai thác các nghiên cứu quốc tế và tính đối thoại học thuật với các quan điểm nghiên cứu khác nhau còn chưa thật sự sâu, đặc biệt đối với các vấn đề lý luận đương đại về kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính và kiểm soát quyền lực hành pháp.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, mặc dù luận án đã sử dụng khá đa dạng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, nghiên cứu tình huống và tiếp cận liên ngành, song việc vận dụng các phương pháp này trong một số phần còn chưa thật sự sâu và nhất quán. Cách tiếp cận liên ngành giữa luật học, khoa học hành chính và quản trị công mới dừng ở mức gợi mở, chưa được chuyên hóa đầy đủ thành một khung phân tích xuyên suốt. Bên cạnh đó, các dữ liệu thực tiễn và vụ việc được sử dụng chủ yếu để minh họa cho nhận định, trong khi phương pháp phân tích thực chứng chưa được triển khai đủ mạnh để kiểm chứng các giả thuyết và đánh giá hiệu quả thực chất của cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành chính.

Về chương Tổng quan tình hình nghiên cứu, mặc dù nghiên cứu sinh đã khảo cứu được tương đối nhiều công trình trong và ngoài nước, song phần tổng quan vẫn còn thiên về mô tả, liệt kê tài liệu, trong khi tính phân tích, đối thoại và tranh luận học thuật chưa thực sự nổi bật. Đặc biệt, việc xác định khoảng trống nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi còn chưa được giải quyết trong khoa học pháp lý về kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành chính chưa thật sự sắc nét và thuyết phục. Bên cạnh đó, việc khai thác các nghiên cứu quốc tế đương đại về kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính còn chưa thật sự sâu.

Về phần Lời mở đầu, luận án đã trình bày tương đối đầy đủ các nội dung cơ bản như lý do lựa chọn đề tài, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu. Tuy nhiên, phần này còn khá dài, có xu hướng nhấn mạnh nhiều đến tính cấp thiết thực tiễn, trong khi việc làm rõ tính cấp thiết học thuật, khoảng trống nghiên cứu và đóng góp mới dự kiến của luận án chưa thật sự sắc nét. Một số nội dung về lý do lựa chọn đề tài, ý nghĩa khoa học và nhiệm vụ nghiên cứu còn có sự giao thoa, lặp lại nhất định, làm giảm tính cô đọng và sức thuyết phục của phần mở đầu.

Về Chương 1, mặc dù nghiên cứu sinh đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, song khung lý luận được xây dựng vẫn chủ yếu mang tính hệ thống hóa và tổng hợp các quan điểm hiện có, chưa thực sự hình thành được một mô hình phân tích độc lập và có tính khái quát cao. Đặc biệt, các vấn đề lý luận cốt lõi về giới hạn, phạm vi và chuẩn mực của kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính, cũng như mối quan hệ giữa kiểm soát tính hợp pháp, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị công, còn chưa được luận giải thật sự đầy đủ và thuyết phục.

Về Chương 2, mặc dù luận án đã khảo sát tương đối công phu thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử, thi hành án hành chính ở Việt Nam, song nội dung phân

tích vẫn còn thiên về mô tả và tổng hợp, trong khi việc lý giải các nguyên nhân mang tính thể chế và đánh giá hiệu quả thực chất của hoạt động kiểm soát thông qua xét xử chưa thật sự sâu. Bên cạnh đó, mối liên hệ giữa xét xử hành chính với kiểm soát quyền lực nhà nước, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị công còn chưa được luận giải một cách đầy đủ và có hệ thống.

Về Chương 3, mặc dù luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp tương đối toàn diện, song mối liên hệ giữa cơ sở lý luận, kết quả phân tích thực trạng và các giải pháp đề xuất chưa thật sự chặt chẽ. Một số giải pháp còn mang tính định hướng chung, trong khi các vấn đề cốt lõi như phạm vi, giới hạn và chuẩn mực của kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính chưa được luận giải và cụ thể hóa một cách đầy đủ, thuyết phục.

7. Kết luận chung

Tổng thể, đây là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nghiêm túc, công phu, thể hiện sự đầu tư đáng kể của nghiên cứu sinh trong việc nghiên cứu một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Luận án đã đạt được một số kết quả nghiên cứu có giá trị, góp phần bổ sung và phát triển nhận thức lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính, đồng thời cung cấp thêm những luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ quá trình hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Mặc dù luận án vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục được nghiên cứu sinh nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện, song các hạn chế này không làm thay đổi cơ bản giá trị khoa học và thực tiễn của công trình. Có thể khẳng định rằng, luận án đáp ứng các yêu cầu của một luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (mã số 9380102). Tôi nhất trí đề nghiên cứu sinh Nguyễn Thu Trang được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ và đề nghị nghiên cứu sinh tiếp tục tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý để hoàn thiện hơn nữa chất lượng của công trình nghiên cứu.

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2026

Người nhận xét

PGS.TS Đặng Minh Tuấn

Hà Nội, Ngày..... tháng..... năm 20.....

Xác nhận chữ ký



ThS. Nguyễn Văn Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2026

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

NCS: Nguyễn Thu Trang

Mã số: 9340403

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Người nhận xét: PGS. TS. Trần Thị Diệu Oanh – Phản biện 5

Cơ quan công tác: Học viện Hành chính và Quản trị công

Nội dung nhận xét

Sau khi nghiên cứu luận án, tóm tắt luận án, các bài viết tạp chí của tác giả liên quan đến nội dung luận án, tôi có một số nhận xét sau đây:

1. Về tính cần thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong bộ máy nhà nước, hoạt động hành chính là lĩnh vực sử dụng quyền lực nhà nước thường xuyên, trực tiếp và có tác động sâu rộng nhất đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Chính vì vậy, việc thiết lập và vận hành hiệu quả các cơ chế kiểm soát đối với hoạt động hành chính nhà nước là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước được thực hiện đúng Hiến pháp, đúng pháp luật, phòng ngừa lạm quyền, tùy tiện, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và củng cố niềm tin của xã hội vào công lý. Trong các phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, kiểm soát thông qua xét xử các vụ án hành chính có vị trí đặc thù. Đây không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan hành



Handwritten signature



chính, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính, mà còn là cơ chế kiểm soát tư pháp đối với việc thực thi quyền hành pháp. Thông qua xét xử vụ án hành chính, Tòa án xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và các đối tượng khởi kiện khác theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Do đó, hiệu quả của xét xử hành chính phản ánh mức độ hiện thực hóa nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, trách nhiệm giải trình của nền hành chính và khả năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân trước công quyền. Luận án lựa chọn đề tài “Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính” là phù hợp với chuyên ngành Luật Hiến pháp và Hành chính, có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Sự phù hợp giữa nội dung nghiên cứu với tên đề tài, ngành đào tạo, mã số; trùng lặp của đề tài; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo

Nội dung nghiên cứu của luận án về cơ bản phù hợp với tên đề tài và mã số chuyên ngành Luật Hiến pháp và Hành chính. Đề tài tập trung vào quan hệ giữa quyền tư pháp và quyền hành chính trong Nhà nước pháp quyền; làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của việc Tòa án kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Các công trình không trùng lặp với các đề tài mà tôi được biết.

3. Về phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu. Tác giả xác định phương pháp luận dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời sử dụng các tiếp cận của quản lý công và quản lý nhân sự để phân tích phát triển nguồn lãnh đạo, quản lý UBND cấp xã. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp và trích dẫn

số liệu trung thực, chính xác. Luận án không có sự trùng lặp với các công trình mà tôi được biết.

4. Về nội dung, chất lượng các bài báo, công trình khoa học của nghiên cứu sinh liên quan đến luận án

Tác giả đã có công bố khoa học liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Đây là điều kiện cần thiết và thể hiện quá trình tích lũy học thuật gắn với đề tài luận án. Các bài báo đăng trên tạp chí có uy tín và bảo đảm chất lượng.

5. Về kết cấu và nội dung cơ bản của luận án

Luận án được kết cấu gồm phần mở đầu, phần tổng quan tình hình nghiên cứu, 3 chương, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. Cấu trúc này về cơ bản phù hợp với yêu cầu của một luận án tiến sĩ luật học. Nội dung các chương được triển khai theo logic từ tổng quan nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận, phân tích thực trạng đến đề xuất phương hướng và giải pháp. Mục lục của luận án thể hiện rõ: Chương 1 về lý luận; Chương 2 về thực trạng; Chương 3 về phương hướng và giải pháp kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam.

Phần mở đầu đã nêu được tính cấp thiết của đề tài, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi, cơ sở lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án. Luận án đã đặt vấn đề kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, chuyển đổi số và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính.

Phần tổng quan tình hình nghiên cứu đã tập hợp, phân loại các công trình nghiên cứu theo các nhóm vấn đề: kiểm soát quyền lực nhà nước; xét xử hành chính và tổ tụng hành chính; kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính. Trên cơ sở đó, luận án đã xác định những vấn đề khoa học cần tiếp tục nghiên cứu. Đây là phần quan trọng để làm rõ khoảng trống nghiên cứu và chứng minh tính độc lập của đề tài.

SÂN
VIỆ
HÌNH
TRÍ CỘ
QUỐC GI

Chương 1 đã xây dựng cơ sở lý luận về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Luận án đã làm rõ khái niệm hoạt động hành chính nhà nước, khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, khái niệm xét xử hành chính, vai trò của xét xử hành chính trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước, các điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá hoạt động kiểm soát. Đây là phần có ý nghĩa nền tảng đối với toàn bộ luận án.

Chương 2 đã phân tích thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam. Luận án đã trình bày cơ sở pháp lý của xét xử hành chính; tình hình thụ lý, giải quyết vụ án hành chính; thực tiễn tham gia tố tụng của người bị kiện; chất lượng xét xử; thực tiễn thi hành án hành chính; kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Luận án có sử dụng nhiều bảng, biểu về số vụ án hành chính, tỷ lệ giải quyết, các dạng yêu cầu khởi kiện, sự tham gia tố tụng của UBND/Chủ tịch UBND, tỷ lệ hủy/sửa bản án, kết quả thi hành án hành chính và các sai sót chính của cơ quan hành chính được phát hiện qua xét xử.

Chương 3 đã đề xuất phương hướng và các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Các nhóm giải pháp tập trung vào hoàn thiện điều kiện thể chế bảo đảm tính độc lập và vị thế của Tòa án; hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, phạm vi và chuẩn mực kiểm soát tư pháp; hoàn thiện tố tụng hành chính theo hướng bảo đảm tiếp cận công lý và tranh tụng thực chất; nâng cao năng lực, chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật; bảo đảm thi hành án hành chính và hiệu ứng lan tỏa của bản án hành chính. Đây là các nhóm giải pháp phù hợp với đặc thù của luận án ngành Luật, bởi đã gắn với thể chế, quy phạm pháp luật, tổ chức tư pháp và hiệu lực của phán quyết tư pháp.

Về đóng góp mới, có thể ghi nhận luận án ở một số điểm sau: luận án đã tiếp cận xét xử vụ án hành chính như một phương thức kiểm soát quyền lực hành chính,

không chỉ như một thủ tục giải quyết tranh chấp; xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử; sử dụng dữ liệu thực tiễn giai đoạn 2022–2025 để phân tích những điểm nghẽn của cơ chế xét xử và thi hành án hành chính; đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao vị thế của Tòa án, bảo đảm tiếp cận công lý, nâng cao chất lượng xét xử và tăng hiệu lực thi hành bản án hành chính.

6. Một số vấn đề nghiên cứu sinh cần chỉnh sửa, bổ sung

Luận án không có khiếm khuyết lớn, tôi trao đổi với nghiên cứu sinh một số nội dung sau:

- Về cách tiếp cận chung, đề phù hợp với mã số chuyên ngành, các phân tích về hiệu quả quản lý, quản trị, chuyển đổi số, cải cách hành chính cần được gắn với lập luận pháp lý. Trục chính của luận án nên là: cơ sở hiến định của kiểm soát quyền lực; địa vị pháp lý của Tòa án; thẩm quyền xét xử hành chính; đối tượng, phạm vi, kiểm soát tư pháp; quyền khởi kiện và tiếp cận công lý; nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ; hiệu lực của bản án; trách nhiệm thi hành án hành chính; chế tài đối với việc không thi hành bản án.

- Phần mở đầu cần làm rõ thêm khoảng trống nghiên cứu. Hiện nay luận án đã nêu được tính cấp thiết, nhưng cần diễn đạt rõ hơn khoảng trống riêng của luận án so với các công trình đã có. Khoảng trống không chỉ là “chưa có công trình nghiên cứu tổng thể”, mà nên được xác định cụ thể hơn: thiếu một khung lý luận về kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính trong điều kiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thiếu hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát thông qua xét xử vụ án hành chính; thiếu nghiên cứu thực chứng gắn giữa chất lượng xét xử, sự tham gia tố tụng của cơ quan hành chính và hiệu lực thi hành án hành chính.

Cần rà soát mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, theo tôi thời gian vận hành phương thức kiểm soát này ở Việt Nam giai đoạn 2022-2025 là chưa phù hợp trong luận án, thiếu căn cứ để luận giải tại sao lại chọn phạm vi thời gian này, nhiệm vụ



ngiên cứu ở mục Hai là, không chỉ đánh giá pháp luật và thực tiễn xét xử vụ án hành chính mà cần phải đánh giá thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính, làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

- Chương 1 cần làm sâu hơn một số khái niệm pháp lý trung tâm. Luận án cần phân biệt rõ “kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước”, “kiểm soát quyền hành pháp”, “kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính”, “xét xử hành chính” và “tài phán hành chính”. Nếu không phân biệt rõ, luận án có thể bị lẫn giữa kiểm soát hành chính nói chung với kiểm soát bằng con đường tư pháp. Đặc biệt, cần làm rõ nội hàm “hoạt động hành chính nhà nước” trong phạm vi bị kiểm soát bởi Tòa án: Tòa án kiểm soát mọi hoạt động hành chính hay chỉ kiểm soát những quyết định, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo Luật Tổ tụng hành chính.

Tại trang 50, mục 1.1.1.3 Hoạt động hành chính trong bối cảnh chính trị - kinh tế- xã hội ở Việt Nam cần bổ sung thêm sự chuyển đổi tư duy chuyển từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển, kiểm soát dựa trên dữ liệu, kiểm soát bằng pháp luật, hậu kiểm và trách nhiệm giải trình.

- Chương 1 Trong xét xử hành chính, Tòa án thường kiểm soát tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, nhưng vấn đề đặt ra là mức độ kiểm soát đến đâu: kiểm soát thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý, căn cứ thực tế, mục đích ban hành, tính hợp lý, tính tương xứng hay chỉ dừng ở tính hợp pháp hình thức. Nghiên cứu sinh nên phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa nguyên tắc hợp pháp, nguyên tắc tương xứng, quyền tự quyết hành chính và giới hạn can thiệp của Tòa án.

- Chương 2, Đánh giá chung về kết quả và hạn chế, tác giả đã bám sát các tiêu chí ở chương lý luận, đây là nội dung rất có giá trị và đáng ghi nhận trong luận án. Luận án đã sử dụng nhiều bảng, biểu về tình hình thụ lý, giải quyết, chất lượng xét xử và thi hành án hành chính. Tuy nhiên, cần thống nhất rõ nguồn số liệu, cách thu thập, phạm vi thống kê, phương pháp xử lý và giới hạn của dữ liệu. Đối với các vụ

án, bản án, thông báo rút kinh nghiệm, cần phân tích theo nhóm sai phạm pháp lý cụ thể: sai thẩm quyền, sai trình tự thủ tục, sai căn cứ pháp luật, sai về chứng cứ, sai về xác định người tham gia tố tụng, sai về áp dụng thời hiệu, sai về thi hành bản án. Cách phân nhóm này sẽ làm nổi bật hơn bản chất pháp lý của các hạn chế.

Số liệu cần phải có sự thống nhất khi phân tích các nội dung bám sát phạm vi nghiên cứu. Cần nhắc phạm vi nghiên cứu dài hơn phù hợp với tầm luận án, căn cứ mốc thời gian sửa đổi Luật Tố tụng Hành chính. Bên cạnh đó, có số liệu từ năm 2022 đến năm 2025, có số liệu chỉ có năm 2024, 2025 (trang 109), kết quả thi hành án hành chính chỉ từ năm 2023, 2024, 2025 (trang 115).

- Cần phân biệt rõ hạn chế của cơ quan hành chính và hạn chế của Tòa án. Một số nội dung trong Chương 2 đang có xu hướng đặt chung các hạn chế của cơ quan hành chính, người bị kiện, Tòa án và cơ chế thi hành án vào cùng một mạch phân tích. Để bảo đảm tính khoa học, nên tách rõ: hạn chế từ phía cơ quan hành chính bị kiện; hạn chế từ phía Tòa án trong xét xử; hạn chế từ phía pháp luật tố tụng hành chính; hạn chế trong thi hành án hành chính; hạn chế từ văn hóa pháp lý và trách nhiệm giải trình công vụ. Tách như vậy sẽ giúp phân nguyên nhân và giải pháp ở Chương 3 tương ứng, logic hơn.

- Luận án cần rà soát một số nhận định có tính khái quát mạnh. Các cụm từ như “vô vàn thách thức”, “đáng báo động”, “ngịch lý thắng kiện trên giấy”, “lách luật”, “cơ chế mất hiệu lực cưỡng chế thực sự” có tính gợi mở, nhưng trong luận án tiến sĩ luật học cần sử dụng thận trọng, đi kèm bằng chứng pháp lý và số liệu cụ thể. Nên chuyển hóa các nhận định này thành ngôn ngữ khoa học pháp lý, ví dụ: “hiệu lực thực tế của bản án hành chính chưa được bảo đảm đầy đủ”, “cơ chế thi hành án hành chính còn phụ thuộc nhiều vào sự tự nguyện của cơ quan phải thi hành”, “chế tài đối với việc không thi hành bản án hành chính chưa đủ sức răn đe”.

- Chương 3, các giải pháp có giá trị và khả thi, đặc biệt có đề xuất, tham mưu chính sách đối với Đảng để ban hành Nghị quyết.- Giải pháp về “luật sư công” cần

được luận giải kỹ hơn. Cập nhật thêm Nghị quyết số 24/2026/NĐ-CP về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công ngày 24/4/2026 của Quốc Hội.

- Giải pháp về chuyển đổi số trong tổ tụng hành chính cần gắn chặt hơn với quyền tiếp cận công lý. Luận án nên phân tích rõ số hóa thủ tục tố tụng không chỉ nhằm giảm chi phí, rút ngắn thời gian, mà còn giúp người dân tiếp cận Tòa án thuận lợi hơn, theo dõi tiến độ giải quyết vụ án, nộp tài liệu chứng cứ trực tuyến, công khai bản án, khai thác dữ liệu án lệ và nâng cao tính minh bạch của xét xử hành chính.

- Cần rà soát lỗi chính tả, lỗi kỹ thuật và sự thống nhất thuật ngữ.

7. Kết luận

Luận án là công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, lựa chọn vấn đề đúng hướng, có tính thời sự, phù hợp với chuyên ngành Luật Hiến pháp và Hành chính. Nghiên cứu sinh đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng cơ sở lý luận, phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử vụ án hành chính, nhận diện những hạn chế trong kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp tương đối toàn diện. Tôi đồng ý cho nghiên cứu sinh bảo vệ cấp Trường.

Người nhận xét

CHỨNG THỰC CHỮ KÝ

CỦA: B. Kiên. Thái. Diên. Danh.

HIỆN ĐANG CÔNG TÁC TẠI HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

Ngày 23 tháng 7 năm 2026

TL. GIÁM ĐỐC

QUẢN LÝ VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Phong Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Về đề tài: *Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Hành chính

Mã số: 9380102

Của học viên: Nguyễn Thu Trang

Người nhận xét: PGS.TS. Trương Hồ Hải

Sau khi đọc bản luận án của học viên tôi có nhận xét như sau:

1. Đề tài luận án phù hợp với mã số chuyên ngành.

Đề tài luận án "*Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*" phù hợp với chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính (mã số 9380102). Đây là vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt là quyền hành pháp, ngày càng được đặt ra cấp thiết.

Đề tài lựa chọn nghiên cứu cơ chế kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính của Tòa án là phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học pháp lý hiện đại. Hoạt động xét xử không chỉ có chức năng giải quyết tranh chấp hành chính mà còn là phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước bằng quyền tư pháp, góp phần bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động quản lý hành chính, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và nâng cao trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước.

Đây là hướng nghiên cứu có phạm vi rõ ràng, gắn với những vấn đề cốt lõi của Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính, đồng thời có giá trị tham khảo đối với quá trình hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án, pháp luật tổ tụng hành chính và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam. Vì vậy,

đề tài đáp ứng yêu cầu về tính phù hợp đối với chuyên ngành đào tạo và có ý nghĩa khoa học, thực tiễn.

2. Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình khoa học, luận án đã công bố, tính trung thực rõ ràng và đầy đủ trích dẫn tài liệu tham khảo.

Đề tài của luận án “Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính” không trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã công bố gần đây mà tôi được biết. Luận án có trích dẫn tài liệu tham khảo và các số liệu, bảo đảm tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ. Tuy nhiên, cần xem xét rà soát và trích dẫn nguồn với những luận án gần với tên đề tài.

3. Kết quả nghiên cứu có đóng góp gì mới cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy của những kết quả đó:

Thứ nhất, nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Tác giả đã đánh những công trình có liên quan đến đề tài. Từ cơ sở nghiên cứu toàn diện các công trình khoa học đã khảo sát, tác giả phân tích làm rõ được những khoảng trống, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án. Tác giả cũng đã xây dựng giả thuyết nghiên cứu và đặt ra các câu hỏi nghiên cứu nhằm triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Thứ hai, Luận án đã khái quát hóa được các vấn đề lý luận về Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính làm cơ sở để triển khai đánh giá thực ở chương 2 luận án và đề xuất các giải pháp tại chương 3 luận án.

Thứ ba, luận án đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ rõ được kết quả đạt được và những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế của Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính.

Thứ tư, luận án đã phân tích và đề xuất được các giải pháp có tính thuyết phục nhằm bảo đảm Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử

các vụ án hành chính. Một số giải pháp có tính khả thi cao và sớm được triển khai trong thời gian tới.

4. Tác giả có công trình đã công bố phản ánh kết quả chủ yếu của luận án, liên quan đến đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Cần kiểm tra lại so với điều kiện, yêu cầu theo quy định.

5. Nghiên cứu sinh phải nghiêm túc chỉnh sửa, bổ sung kỹ các nội dung sau và giải trình bảo lưu những nội dung không chỉnh sửa:

5.2.1. Về hình thức:

- Thống nhất sử dụng thuật ngữ.
- Cần rà soát thật kỹ lại lỗi chính tả, lỗi in ấn, số liệu, ví dụ và trích dẫn nguồn.
- Xem xét bổ sung các số liệu trong các bảng biểu đến 2025 và các vụ án hành chính có thể cập nhật đến 2026.

5.2.2. Về Nội dung:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nghiên cứu sinh cần tiếp tục rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện một số nội dung trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, cần rà soát kỹ với các luận án đã bảo vệ trong thời gian gần đây có tên gọi hoặc hướng nghiên cứu tương tự để khẳng định rõ tính mới, tính độc lập của đề tài. Không chỉ đối chiếu về tên đề tài mà cần so sánh về cách tiếp cận, nội dung nghiên cứu, kết quả đạt được và những đóng góp khoa học nhằm chứng minh khoảng trống nghiên cứu mà luận án giải quyết.

Thứ hai, cần cập nhật thêm các công trình nghiên cứu có giá trị trong và ngoài nước, đặc biệt là các nghiên cứu chuyên sâu về kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền hành pháp bằng cơ chế tư pháp, tư pháp hành chính và xét xử hành chính. Một số tài liệu đã sử dụng tương đối cũ, chưa phản ánh đầy đủ sự phát triển của lý luận và pháp luật hiện nay.

Thứ ba, cần làm rõ hơn cơ sở lý luận của hoạt động kiểm soát hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính. Đây là nội dung cốt lõi của luận án nhưng hiện vẫn còn dàn trải và chưa xác định rõ đối tượng được kiểm soát, chủ thể thực hiện kiểm soát, phạm vi, giới hạn và cơ chế kiểm soát.

Đặc biệt, luận án cần xây dựng và luận giải rõ nội dung kiểm soát và phương thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính.

Về nội dung kiểm soát, cần xác định rõ Tòa án kiểm soát những yếu tố nào của hoạt động hành chính, như: tính hợp hiến, tính hợp pháp của quyết định hành chính và hành vi hành chính; việc thực hiện đúng thẩm quyền; căn cứ pháp lý; trình tự, thủ tục ban hành; việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân; việc thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; việc sử dụng quyền tùy nghi hành chính; việc thực hiện các nghĩa vụ của cơ quan hành chính theo quy định của pháp luật.

Về phương thức kiểm soát, cần phân tích rõ các phương thức mà Tòa án thực hiện quyền kiểm soát thông qua hoạt động xét xử, bao gồm: xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính; đánh giá việc áp dụng pháp luật; hủy bỏ hoặc sửa đổi quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan hành chính thực hiện nghĩa vụ theo quy định; giải thích và thống nhất áp dụng pháp luật; thông qua lập luận trong bản án để định hướng hoạt động quản lý hành chính và góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật. Đồng thời, cần làm rõ mối quan hệ giữa nội dung kiểm soát và phương thức kiểm soát, qua đó hình thành khung lý luận hoàn chỉnh làm cơ sở đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Trong đó, mục “Nội dung và phương thức kiểm soát” cần được xác định là phần trọng tâm của chương lý luận vì đây là cơ sở trực tiếp để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Thứ tư, phần thực trạng cần được phân tích sâu hơn theo từng nội dung và phương thức kiểm soát đã xác định ở chương lý luận thay vì chủ yếu mô tả pháp luật và số liệu thống kê. Cần đánh giá cụ thể mức độ kiểm soát của Tòa án đối với từng nhóm hoạt động hành chính; phân tích những hạn chế mang tính hệ thống như tỷ lệ án bị hủy, sửa; việc thi hành bản án hành chính; tỷ lệ người dân khởi kiện cơ quan hành chính; sự khác biệt giữa các cấp xét xử và giữa các địa phương; đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của từng hạn chế.

Thứ năm, phần giải pháp cần được cụ thể hóa hơn, gắn trực tiếp với những hạn chế đã được phân tích. Mỗi giải pháp cần xác định rõ nội dung, cơ sở khoa học, chủ thể thực hiện, cơ chế phối hợp, điều kiện bảo đảm và lộ trình triển khai. Đối với các giải pháp hoàn thiện pháp luật cần chỉ rõ điều, khoản, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung; đối với các giải pháp tổ chức thực hiện cần phân tích rõ tính khả thi và các điều kiện bảo đảm thực hiện trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Kết luận:

Nghiên cứu sinh chỉnh sửa, bổ sung kỹ theo kết luận của hội đồng, giải trình bảo lưu những nội dung không chỉnh sửa.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

XÁC NHẬN CHỮ KÝ



NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS,TS Trương Hồ Hải

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI XÁC NHẬN

Chữ ký bên là của

Đồng chí: *Trương Hồ Hải*

Chức vụ: *Ủy viên chuyên trách UBTP*

Số: *26*

Hà Nội, ngày *16* tháng *7* năm *2026*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

1. Nghiên cứu sinh: Nguyễn Thu Trang

2. Tên đề tài: Kiểm soát hoạt động hành chính Nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính

Chuyên ngành: Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính

Mã số chuyên ngành: 9380102

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Văn Quang

3. Người nhận xét: PGS.TS. Phan Thị Lan Hương; Trường Đại học Luật Hà Nội

4. Nhận xét chung về đề tài

4.1 Hình thức

+ Đề tài bao gồm 04 chương, có cơ cấu hợp lý.

+ Bố cục các chương, tiểu mục hợp lý, bám sát mục đích nghiên cứu của đề tài.

4.2 Nội dung

a) Về đề tài của luận án:

Đề tài “*Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính*” hoàn toàn phù hợp với chuyên ngành Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính.

b) Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính cấp thiết của đề tài:

Đề tài nghiên cứu kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành hành có ý nghĩa khoa học và đáp ứng yêu cầu về tính cấp thiết trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay. Không chỉ riêng đối với Việt Nam, kiểm soát quyền hành pháp thông qua cơ chế xét xử là một trong những nội dung mà các quốc gia trên thế giới đều quan tâm, đặc biệt trong quá trình hội nhập và đẩy mạnh các hoạt động thương mại quốc tế. Tính cấp thiết của đề tài được thể hiện rõ nét qua bối cảnh chính trị - pháp lý và thực tiễn quản lý nhà nước hiện nay tại Việt Nam, cụ thể:

- Về mặt lý luận và bối cảnh thể chế: Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó việc kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung và kiểm soát hoạt động hành chính nói riêng là một yêu cầu cốt lõi. Cơ chế kiểm soát mang tính tư pháp thông qua hoạt động xét xử các vụ án hành chính của Tòa án là một phương thức đặc biệt quan trọng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân trước các quyết định, hành vi hành chính trái pháp luật. Trong giai đoạn hiện nay, sự chuyển dịch mạnh mẽ của nền kinh tế - xã hội đã kéo theo sự gia tăng áp lực lên hệ thống tài phán hành chính, thể hiện qua số lượng và quy mô phức tạp của các tranh chấp hành chính. Các đối tượng bị khởi kiện ngày càng mở rộng, bao phủ hầu khắp các phương thức quản lý hành chính nhà nước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tính chất gay gắt nhất vẫn là các khiếu kiện liên quan đến quản lý đất đai (như thu hồi, đền bù, tái định cư, cấp quyền sử dụng đất hoặc phê duyệt phương án giải phóng mặt bằng phục vụ hạ tầng kỹ thuật); tiếp theo là các xung đột trong lĩnh vực xây dựng, tài chính - thuế, hải quan, cùng sự xuất hiện mới của các vụ việc xử phạt vi phạm về khai thác tài nguyên và lấn chiếm mặt bằng. Hệ quả tất yếu này bắt nguồn từ việc các địa phương đồng loạt thúc đẩy các dự án quy hoạch đô thị, khu công nghiệp và hạ tầng trọng điểm, tác động trực tiếp đến lợi ích cốt lõi của người dân. Thực tế này là minh chứng rõ nét nhất cho tính cấp thiết của đề tài, đòi hỏi phải có một nghiên cứu chuyên sâu nhằm đánh giá và nâng cao năng lực kiểm soát của Tòa án đối với các quyết định, hành vi hành chính, bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển và quyền lợi hợp pháp của công dân.
- Về mặt thực tiễn pháp lý: Mặc dù Luật Tổ tụng hành chính đã qua nhiều giai đoạn phát triển và sửa đổi, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính tại Việt Nam vẫn đối mặt với không ít rào cản. Việc thụ lý, giải quyết, chất lượng xét xử cũng như công tác thi hành án hành chính trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế và tồn tại cần được làm rõ nguyên nhân.
- Sự phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chiến lược chuyển đổi số quốc gia đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi phải hiện đại hóa cách thức kiểm soát, nâng cao năng lực xét xử của hệ thống Tòa án. Do đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cả về lý luận lẫn thực trạng để đưa ra các giải

pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính qua con đường xét xử là hết sức cấp thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao.

c) Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình đã công bố trong và ngoài nước

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về hoạt động xét xử vụ án hành chính, về kiểm soát quyền lực của cơ quan tư pháp ở cả góc độ lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, luận án không đi vào lối mòn nghiên cứu thủ tục tố tụng đơn thuần. Như thể hiện tại Mục 1.2 và 1.3, tác giả đã chọn góc độ tiếp cận mang tính bao quát hơn: Xác định xét xử hành chính là một phương thức, một công cụ hữu hiệu để kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

Luận án đã xây dựng một Hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính qua xét xử (Mục 1.3.3). Đây là một đóng góp mới về mặt khoa học. Do đó, cách tiếp cận này thể hiện được nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện về kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia, không bị trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã được công bố.

d) Tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo

Luận án có danh mục tài liệu tham khảo đầy đủ, rõ ràng. Các nội dung trích dẫn hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của Luận án Tiến sĩ luật học.

e) Về mức độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu

Luận án đã sử dụng thành công các phương pháp nghiên cứu như phân tích, tổng hợp, so sánh luật, phương pháp mô tả và phân tích, phương pháp nghiên cứu định lượng sử dụng tập trung ở Chương 2 thông qua khai thác các số liệu thứ cấp; phương pháp nghiên cứu tình huống và phân tích án lệ. Các phương pháp này được sử dụng một cách hợp lý, linh hoạt và phù hợp với nội dung nghiên cứu của luận án.

Về giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu đã được luận án đặt ra và làm sáng tỏ trong các nội dung của luận án, đảm bảo được tính logic, phù hợp với các phương pháp nghiên cứu đã được vận dụng.

g) Về kết quả nghiên cứu đã đạt được, ý nghĩa KH, giá trị và độ tin cậy.

Luận án đã đạt được một số kết quả nghiên cứu, có ý nghĩa khoa học và có căn cứ, lập luận có cơ sở, cụ thể là:

- Về kết quả nghiên cứu: Luận án đã giải quyết một cách hệ thống và đồng bộ các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, đạt được các kết quả cụ thể, đó là: Làm rõ bản chất, vai trò và cơ chế tác động của việc xét xử hành chính với tư cách là phương thức kiểm soát quyền lực, kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước hiệu quả; Thiết lập hệ thống các điều kiện bảo đảm và các tiêu chí cụ thể để định lượng, định tính hiệu quả hoạt động kiểm soát này; Phân tích thực tiễn thụ lý, giải quyết, chất lượng xét xử và thi hành án hành chính tại Việt Nam; chỉ rõ các điểm nghẽn và nguyên nhân cốt lõi; Đề xuất giải pháp đồng bộ từ hoàn thiện thể chế độc lập của Tòa án, sửa đổi luật tố tụng, đến nâng cao năng lực đội ngũ gắn liền với bối cảnh chuyển đổi số.
- Về ý nghĩa khoa học: Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm phong phú thêm lý luận về kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung và kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính nói riêng trong mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.
- Luận án là tài liệu có giá trị khoa học cao, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu về Luật Tố tụng hành chính và Luật Hành chính tại các cơ sở đào tạo luật lớn. Các nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý và pháp luật tố tụng tại Chương 3 có giá trị tham khảo trực tiếp cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung Luật Tố tụng hành chính và các văn bản liên quan. Nhóm giải pháp về hiện đại hóa cách thức kiểm soát, nâng cao năng lực xét xử... trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia có tính ứng dụng cao, gắn liền với lộ trình xây dựng Nền tư pháp số và Tòa án điện tử mà hệ thống Tòa án đang quyết liệt triển khai.

4.3 Ưu điểm và nhược điểm của Luận án

a) Ưu điểm:

- Luận án đã được nghiên cứu và xây dựng khung lý luận toàn diện và có chiều sâu (Chương 1). Luận án không chỉ định nghĩa đơn thuần mà đã bóc tách rõ ràng các khái niệm nền tảng như khái niệm hoạt động hành chính nhà nước, kiểm soát hoạt động hành chính, đến việc kiểm soát thông qua xét xử vụ án hành chính.

- Luận án đã xây dựng được một hệ thống các nhóm điều kiện bảo đảm và đặc biệt là Hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát. Đây là nền tảng lý luận quan trọng giúp việc đánh giá thực trạng ở chương sau không bị cảm tính mà mang tính định lượng, định tính khoa học.
- Về nghiên cứu thực trạng ở Chương 2 được đảm bảo tính logic thông qua việc đi từ cơ sở pháp lý (quy định pháp luật hiện hành về thụ lý, giải quyết) cho đến thực tiễn vận hành. Luận án đã từ phân tích thực tiễn theo chu trình tố tụng đầy đủ: từ khâu thụ lý, giải quyết, vai trò tham gia của các bên, chất lượng xét xử, thi hành bản án hành chính. Thông qua đó chỉ ra các tồn tại, hạn chế và phân tích sâu sắc nguyên nhân của những hạn chế đó, tạo tiền đề vững chắc cho việc đề xuất giải pháp ở Chương 3.
- Hệ thống giải pháp đồng bộ, có tính khả thi (Chương 3): Các giải pháp được xây dựng dựa trên những phương hướng rất rõ ràng: hướng tới một nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; và đặc biệt là gắn liền với bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số quốc gia. Hệ thống các giải pháp bao gồm: hoàn thiện thể chế bảo đảm tính độc lập của Tòa án; hoàn thiện cơ sở pháp lý về đối tượng, tiêu chí kiểm soát; hoàn thiện pháp luật tố tụng theo hướng tăng cường tiếp cận công lý; nâng cao năng lực đội ngũ; và bảo đảm hiệu lực thi hành án.
- Nguồn tài liệu minh chứng phong phú, thực tế: đây là ưu điểm lớn về mặt thực tiễn của luận án là việc xây dựng được hai phụ lục rất giá trị: Phụ lục 1 tổng hợp thông báo rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát nhân dân, và Phụ lục 2 tổng hợp các bản án, quyết định hành chính thực tế. Điều này chứng tỏ nghiên cứu của nghiên cứu sinh bám sát vào thực tiễn áp dụng pháp luật.

b) Một số hạn chế:

- Thứ nhất, Chương 1 của luận án sẽ toàn diện hơn nếu phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát hoạt động hành chính thông qua xét xử vụ án hành chính, đặc biệt là trong bối cảnh chính trị - xã hội của Việt Nam, và trong giai đoạn cải cách hiện nay, từ đó làm chất liệu để đề xuất các giải pháp ở Chương 3.

- Thứ hai, về sự logic giữa tên Chương và tên tiểu mục. Nội dung Chương 2 bàn về thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính nhưng tên Mục 2.1 có tiêu đề là Cơ sở pháp lý kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử vụ án hành chính không phù hợp vì nó mang tính lý luận nhiều hơn là tập trung vào đánh giá thực trạng, ví dụ như Thực trạng quy định của pháp luật về xét xử vụ án hành chính, theo đó tác giả phân tích về quy định về thẩm quyền, về thủ tục, về thi hành án.... Việc đặt tiêu đề “Cơ sở pháp lý” làm cho Chương 2 bị mang tính nửa lý luận, nửa thực tiễn.
- Thứ ba, mặc dù Luận án đã có những phân tích, đánh giá thực trạng xét xử vụ án hành chính thông qua các kết quả báo cáo của các cơ quan như về tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án hành chính; các dạng yêu cầu khởi kiện điển hình (Bảng 2.3); hay bảng 2.8 về các sai sót chính của cơ quan hành chính được phát hiện thông qua xét xử vụ án hành chính. Tuy nhiên, luận án cần dựa trên các số liệu này để phân tích sâu hơn tầm quan trọng của xét xử vụ án hành chính, chỉ rõ những ưu điểm của kiểm soát hoạt động hành chính thông qua cơ chế này, thay vì chỉ dừng lại ở việc mô tả đơn thuần.
- Thứ tư, về giải pháp: Luận án cần có một nhóm giải pháp riêng biệt cho việc ứng dụng công nghệ số vào quy trình kiểm soát (ví dụ: công khai bản án trực tuyến, hệ thống nộp đơn và xét xử trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc tra cứu án lệ hành chính...). Tác giả cần làm rõ các giải pháp công nghệ này sẽ thay đổi phương thức kiểm soát hoạt động hành chính như thế nào trong kỷ nguyên mới.

5. Kết luận

Kết luận chung: Luận án đáp ứng yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ luật học, và đủ điều kiện để được công nhận học vị Tiến sĩ luật học.

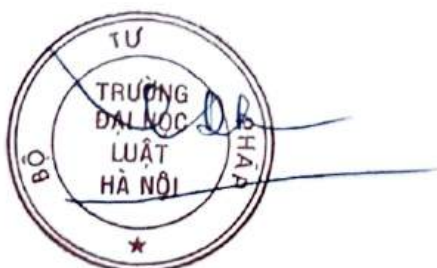
Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2026

Người nhận xét



PGS.TS Phan Thị Lan Hương

6



Phạm Thị Vân Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA LUẬN ÁN TIẾN SĨ THEO NGHỊ QUYẾT VÀ
NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

- Kính gửi:**
- Hiệu trưởng Trường đại học Luật Hà Nội;
 - Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học;
 - Trưởng Khoa Pháp luật hành chính nhà nước;
 - Các thành viên trong hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường;
 - Người hướng dẫn khoa học.

Họ và tên NCS: Nguyễn Thu Trang

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính **Mã số:** 9380102

Đề tài luận án: “Kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính”

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Văn Quang

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, nghiên cứu sinh giải trình các điểm sửa chữa, bổ sung của luận án tiến sĩ như sau:

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
1	Sửa tên mục đầu tiên của phần Mở đầu từ "1. Lý do lựa chọn đề tài" thành "1. Sự cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài" để	Đã đổi tên tiêu đề mục 1 tại Phần Mở đầu (trang 1) và cập nhật trong Mục lục (trang 5). Giữ nguyên cấu trúc lập luận tại các trang 1-4 nhưng bổ sung thêm 1-2 đoạn

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
	đúng chuẩn văn phong luận án Tiến sĩ	văn làm rõ khoảng trống nghiên cứu về mặt khoa học.
2	Sửa tên Chương 2 và mục 2.1 để bao quát thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử, đồng thời tránh nhầm lẫn lý luận vì cụm từ "Cơ sở pháp lý" thuộc Chương 2 dễ bị lẫn sang phần lý luận của Chương 1	Đồng ý sửa. Tiến hành đổi tên Chương 2 (trang 92) thành: “CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM”. Đổi tên mục 2.1 (trang 92) thành: “2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính” (bỏ từ “Cơ sở pháp lý”).
3	Cấu trúc lại Chương 1 để loại bỏ sự trùng lặp tiêu đề và nội dung giữa tiểu mục 1.1.1, 1.1.2 và mục 1.2; đưa các nội dung cốt lõi (chủ thể, đối tượng, phạm vi, giới hạn, nội dung, phương thức kiểm soát) thành các tiểu mục lớn, độc lập thay vì để chìm trong phần “Đặc điểm”	Đã cấu trúc lại mục 1.2 như sau: 1.2.1. Khái niệm kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính 1.2.2. Đặc điểm của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính 1.2.3. Vai trò của kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính
4	Cơ cấu lại trực phân tích thực trạng Chương 2 (mục 2.2) bám sát theo các trực lý luận đã xác định ở Chương 1 (chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức	Đã tiếp thu. Giữ nguyên cấu trúc các bảng thống kê và số liệu thực tế ở mục 2.2 (trang 104-117), nhưng bổ sung các đoạn văn dẫn dắt ở đầu mỗi tiểu mục để ánh xạ quy trình tổ tụng sang trực lý luận:

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
	kiểm soát) thay vì mô tả theo quy trình tổ tụng hành chính thuần túy	- Mục 2.2.1 (Thụ lý, giải quyết) gắn với Thực trạng Đối tượng và phạm vi kiểm soát thực tế. - Mục 2.2.2 (Tham gia tố tụng) gắn với Thực trạng Nghĩa vụ giải trình của cơ quan hành chính. - Mục 2.2.3 (Chất lượng xét xử) gắn với Thực trạng Nội dung và phương thức kiểm soát (phát hiện sai sót). - Mục 2.2.4 (Thi hành án) gắn với Thực trạng Hiệu lực thực tế của phán quyết kiểm soát.
5	Cân nhắc điều chỉnh tiêu đề mục 3.1: Lược bỏ cụm từ “Yêu cầu” và sử dụng thuật ngữ “Quan điểm” hoặc “Phương hướng” vì “Yêu cầu” đòi hỏi tính cụ thể cao, không phù hợp làm tiêu đề khái quát định hướng	Đã tiếp thu. Đổi tên tiêu đề mục 3.1 (trang 143) thành: “3.1. Quan điểm và phương hướng nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử các vụ án hành chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”. Chuyển nội dung “Yêu cầu” lồng ghép vào nội dung phân tích của các phương hướng cụ thể.
6	Viết gọn lại các “Giả thuyết khoa học” của luận án, tập trung vào một giả thuyết trung tâm mang tính kiểm chứng thực chứng thay vì phân chia thành quá nhiều giả thuyết nhỏ dễ bị trùng lặp với câu hỏi nghiên cứu.	Đồng ý sửa. Tại Phần Mở đầu (trang 38), gộp 4 giả thuyết phụ (từ Giả thuyết 1 đến Giả thuyết 4 tại Mục 1.5.2) thành một Giả thuyết nghiên cứu trung tâm duy nhất: “Mặc dù cơ chế kiểm soát thông qua xét xử đã được thiết lập tương đối đầy đủ về mặt pháp lý, nhưng hiệu quả thực tế chưa cao do sự thiếu đồng bộ ở các điều kiện bảo đảm tính độc lập thực chất của Tòa án

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
		và hiệu lực thi hành bản án hành chính. Để tạo bước đột phá, cần một hệ thống giải pháp thể chế đồng bộ nhằm tăng cường vị thế độc lập của Tòa án nhân dân khu vực và thiết lập cơ chế cưỡng chế thi hành án hành chính hiệu quả.”
7	Rà soát triệt để lỗi chính tả, lỗi in ấn, lỗi trích dẫn nguồn chưa thực sự chuẩn xác và đảm bảo tính thống nhất trong việc định dạng số liệu, trích dẫn tài liệu tham khảo	Đã tiếp thu. Đã kiểm tra và sửa đổi các lỗi gõ phím, lỗi căn lề, lỗi font chữ trong toàn văn luận án. Đồng bộ hóa định dạng các bảng số liệu, kiểm tra tính nhất quán của số liệu thống kê giữa các chương. Rà soát và chuẩn hóa danh mục tài liệu tham khảo theo đúng quy chế.
8	Bổ sung và làm nổi bật tính cấp thiết về mặt khoa học (những khoảng trống lý luận, những tranh luận học thuật cần giải quyết) bên cạnh việc phân tích tính cấp thiết về mặt thực tiễn	Đã tiếp thu. Tại Phần Mở đầu, viết bổ sung khoảng 150 từ vào cuối tiểu mục “Sự cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài” (trang 3-4), chỉ rõ 3 khoảng trống lý luận lớn mà các công trình đi trước chưa giải quyết: (i) thiếu một khung lý thuyết tích hợp về kiểm soát tư pháp đối với hoạt động hành chính trong bối cảnh Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; (ii) thiếu hệ tiêu chí thực chứng để đánh giá mức độ kiểm soát thực chất; (iii) chưa có công trình nào đánh giá toàn diện tác động của mô hình TAND khu vực (vận hành từ 01/7/2025) đối với hiệu quả kiểm soát hành chính.

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
9	Luận giải rõ ràng hơn về căn cứ khoa học của việc lựa chọn mốc thời gian nghiên cứu (giai đoạn 2022-2025); đồng thời điều chỉnh nhiệm vụ nghiên cứu tại phần mở đầu tập trung vào “đánh giá thực trạng kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước thông qua xét xử” chứ không chỉ dừng lại ở việc mô tả pháp luật tổ tụng hành chính và thực tiễn xét xử hành chính thuần túy.	Đã tiếp thu. Tại Phần Mở đầu (trang 5, mục 3.2 Phạm vi nghiên cứu về thời gian), đã bổ sung 1 đoạn văn làm rõ: Giai đoạn 2022-2025 được chọn vì đây là mốc thời gian mang tính bước ngoặt thể chế lớn: (i) Ban chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW (năm 2022) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền; (ii) Quốc hội thông qua Luật Tổ chức TAND năm 2024 và chính thức vận hành mô hình TAND khu vực ba cấp từ ngày 01/7/2025. Do đó, việc nghiên cứu số liệu trong giai đoạn này giúp đánh giá chính xác nhất tác động của các cải cách thể chế mới nhất đối với hiệu quả kiểm soát hành chính.
10	Tích hợp và khai thác triệt để nguồn tư liệu quý giá từ các thông báo rút kinh nghiệm về bản án, quyết định trong các cơ quan tổ tụng hành chính (hiện đang để ở phần Phụ lục) vào trực tiếp nội dung phân tích thực trạng của Chương 2 để tránh lãng phí dữ liệu và làm rõ bản chất pháp lý của các hạn chế.	Đã tiếp thu. Đã tích hợp nội dung của Phụ lục 1 (Tổng hợp thông báo rút kinh nghiệm của VKS) trực tiếp vào mục 2.2.3 (Thực trạng chất lượng xét xử) và Bảng 2.6: Phân tích rõ các sai sót mang tính hệ thống của Tòa án (Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục do bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đánh giá chứng cứ phiến diện trong án đất đai) dựa trên các Thông báo rút kinh nghiệm cụ thể (như Thông báo số 25/TB-VKS-HC năm 2025 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng). Điều này giúp Chương 2 trở nên sâu sắc và thực chứng hơn.

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
		- Kiến nghị sửa đổi Điều 60 Luật Tố tụng hành chính 2015: Mở rộng phạm vi ủy quyền tham gia tố tụng của người bị kiện cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn hoặc luật sư công, thay vì chỉ giới hạn ở cấp phó. - Kiến nghị bổ sung vào Luật TTHC quy định về “Nguyên tắc suy đoán bất lợi”: Nếu người bị kiện không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn quy định, Tòa án có quyền công nhận các tình tiết có lợi cho người khởi kiện.
14	Cập nhật các định hướng chính sách và thể chế mới trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là giải pháp về cơ chế luật sư công đại diện cho cơ quan hành chính nhà nước tham gia tố tụng theo tinh thần thí điểm của Quốc hội	Đã tiếp thu. Cập nhật Kết luận số 23-KL/TW ngày 07/4/2026 của Bộ Chính trị về Đề án “Nghiên cứu xây dựng chế định luật sư công trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và Nghị quyết Nghị quyết số: 24/2026/QH16 của Quốc hội thí điểm thực hiện chế định luật sư công để đề xuất lộ trình cho phép cơ quan hành chính nhà nước ủy quyền cho Luật sư công đại diện tham gia tố tụng hành chính, giúp chuyên nghiệp hóa hoạt động tranh tụng và giảm tải cho lãnh đạo UBND.
15	Bổ sung nhóm giải pháp ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong tố tụng hành chính (như công khai bản án trực	Đã tiếp thu. Đã bổ sung nội dung vào tiêu mục 3.2.3.4 “Nhóm giải pháp đẩy mạnh số hóa thủ tục tố tụng hành chính”: Đề xuất xây dựng Tòa án điện tử trong xét xử

ST T	Ý kiến góp ý của Hội đồng	Giải trình chỉnh sửa
	tuyển, nộp đơn và xét xử trực tuyến, ứng dụng AI tra cứu án lệ...).	hành chính (nộp đơn trực tuyến, tổng đạt văn bản điện tử, xét xử trực tuyến, và ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu án lệ).
16	Chuyển hóa các nhận định mang tính khái quát mạnh, cảm tính hoặc thiên về mô tả thực tế thông thường (“vô vàn thách thức”, “đáng báo động”, “nghịch lý thắng kiện trên giấy”, “lách luật”, “cơ chế mất hiệu lực cưỡng chế thực sự”...) sang ngôn ngữ khoa học pháp lý chuẩn mực, khách quan.	Đã tiếp thu. Đã tiến hành rà soát toàn văn luận án và thay thế các từ ngữ mang tính cảm tính bằng thuật ngữ pháp lý chuẩn mực: - “vô vàn thách thức” -> “đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc mang tính hệ thống”. - “đáng báo động” -> “thực trạng cần được nghiêm túc chấn chỉnh”. - “nghịch lý thắng kiện trên giấy” -> “hiệu lực thực tế của bản án hành chính chưa được bảo đảm đầy đủ”. - “lách luật” -> “sử dụng các kẽ hở pháp lý để trì hoãn thực thi nghĩa vụ”. - “mất hiệu lực cưỡng chế thực sự” -> “cơ chế thi hành án hành chính còn thiếu tính cưỡng chế độc lập”.
17	Đồng bộ hóa các thuật ngữ pháp lý viết tắt và danh mục từ viết tắt đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ luận án.	Đã tiếp thu. Đã đối chiếu danh mục từ viết tắt ở trang 3 với toàn bộ văn bản luận án để đảm bảo không có từ viết tắt nào xuất hiện trong nội dung mà chưa được định nghĩa, và ngược lại. Đảm bảo các thuật ngữ chuyên ngành (như VBQPPL, VAHC, TTHC, THAHC) được sử dụng nhất quán.

Với tinh thần cầu thị, nghiên cứu sinh đã nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa và chỉnh lý luận án theo nghị quyết và nhận xét của các thành viên trong Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

**XÁC NHẬN
CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Quang

NGƯỜI LÀM ĐƠN



NCS. Nguyễn Thu Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG/HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Tô Văn Hòa

GIẤY BIÊN NHẬN LUẬN ÁN

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM ĐÃ NHẬN CỦA TÁC GIẢ:

NGUYỄN THU TRANG

Một luận án nhan đề:

**KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÔNG QUA XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Học vị: **Tiến sĩ**

Chuyên ngành:

Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã ngành: **9.38.01.02**

Luận án kèm theo:

- Bản tóm tắt luận án.
- Bản điện tử: Gồm nội dung luận án và tóm tắt luận án

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI NHẬN

Nguyễn Thị Hà Vy



Nguyễn Xuân Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Họ và tên:*Nguyễn Thu Trang*.....

Lớp/Đơn vị: ...*NCS.28.B*..... Mã số NCS ...*NCS2820206*.....

Lần cấp: ...*1*.....

Xác nhận của thư viện:

- Không nợ sách tại Thư viện
- Đã nộp Luận án, file mềm toàn văn và tóm tắt luận án

Ngày 31 tháng 7 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA THƯ VIỆN

Nguyễn Thị Huệ